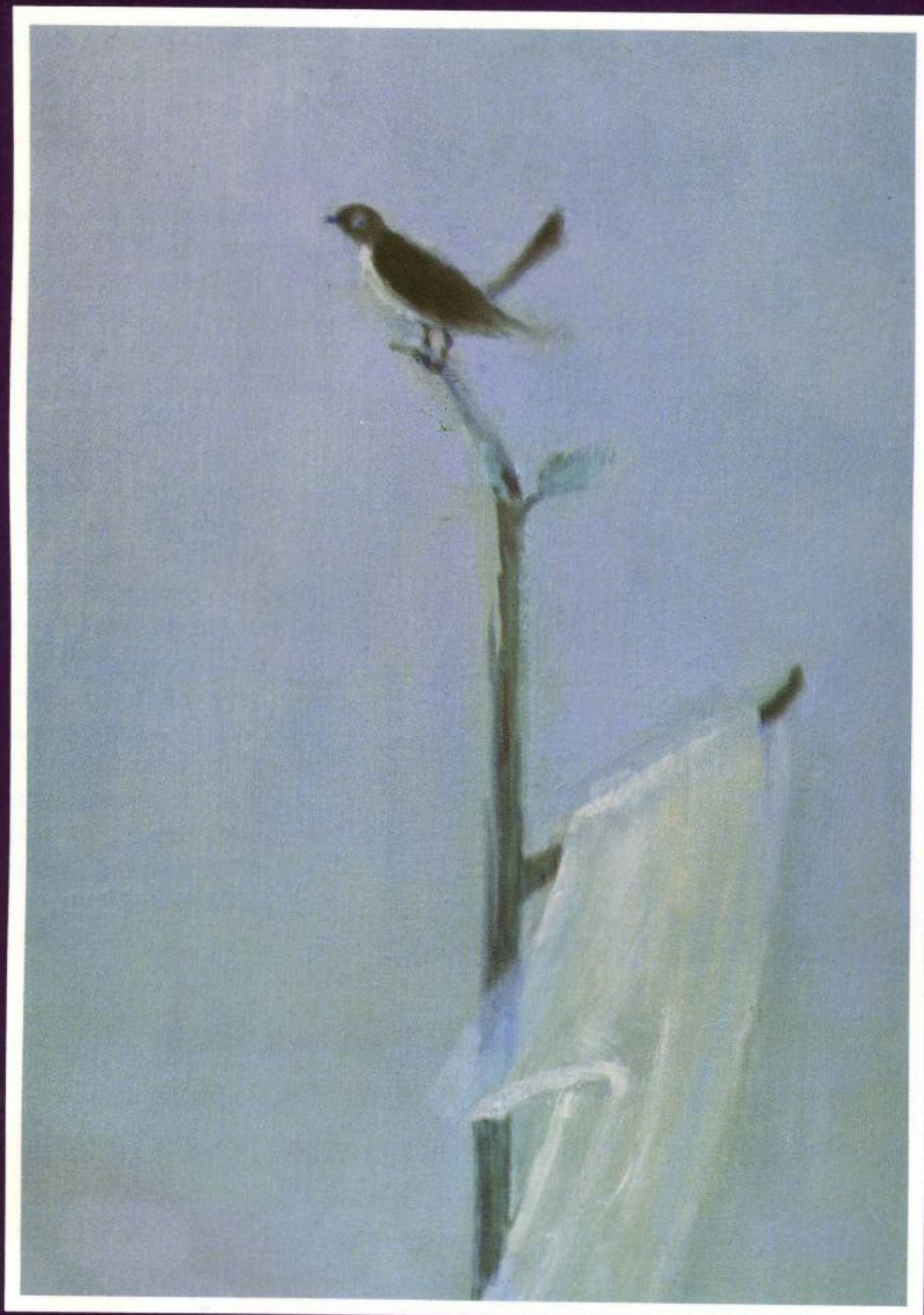
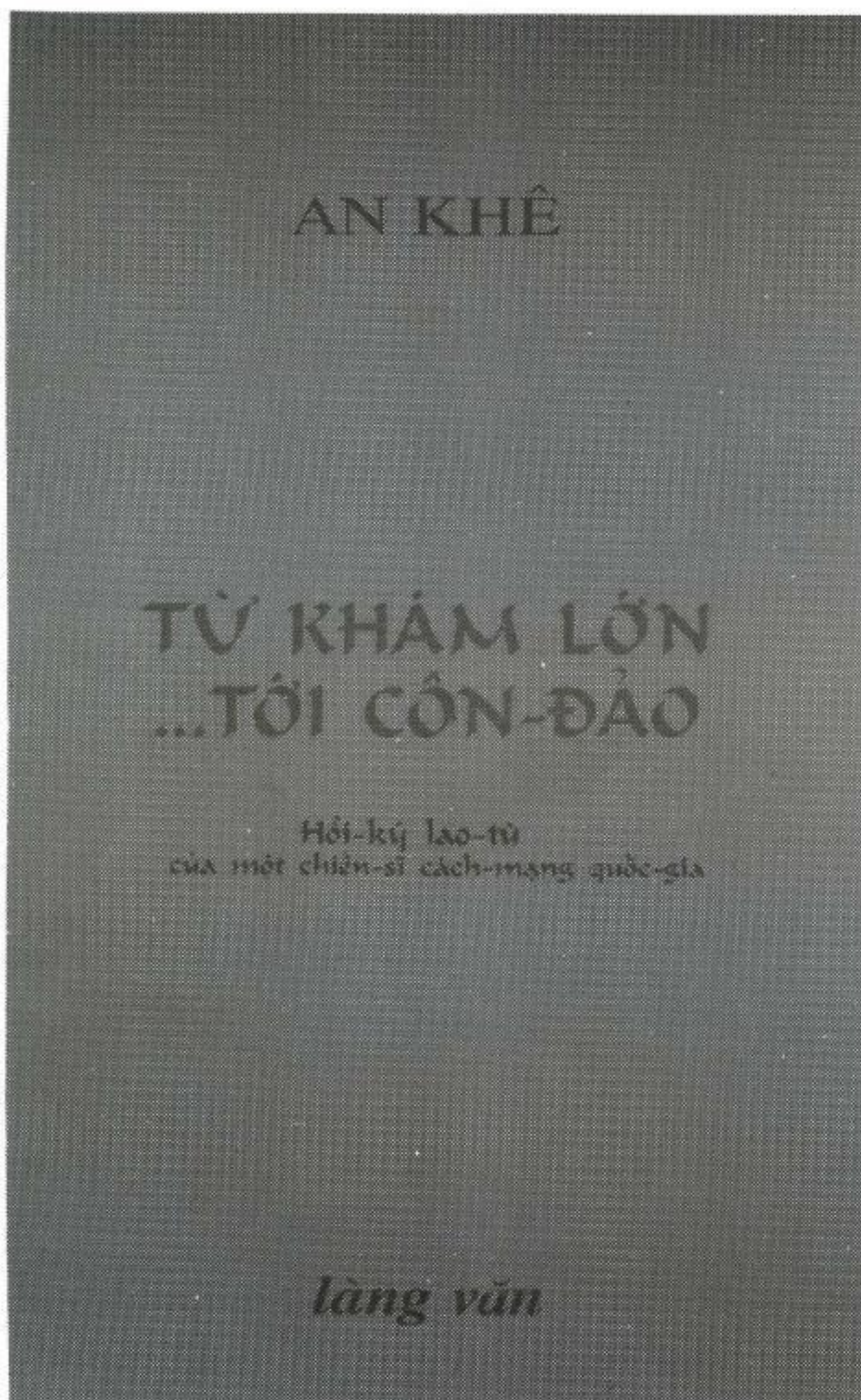


làng văn

106
Tháng 6, 93



Làng Văn hân-hạnh giới-thiệu
Tập hồi-ký lao-tù của chiến-sĩ quốc-gia
An Khê Nguyễn Bính Thịnh



...Người kể chuyện không dụng ý đề-cao hay đổ lỗi cho một cá-nhân nào. Ông chỉ trình-bày sự-kiện qua cái nhìn đôn-hậu của một người từng trải, giàu lý-tưởng...

(Nguyễn Hữu Nghĩa)

...Khám Lớn Sài-gòn, khám Chí-hòa, mấy nhà giam ở cảnh-sát, công-an cho tới Côn-nôn, Bà-rá, Lao-bảo, Hỏa Lò Hà-nội, v.v. trải qua mấy đời đều y khuôn, không một chút cải-thiện. Càng tệ nhất là các trại học-tập cải-tạo sau này...

(Trần Hữu Quyền)

...Vậy phải chăng tác-giả, nhà văn An Khê, đã chủ-tâm nhắc đến một quá-khứ sâu-thẳm mà biết bao chiến-sĩ quốc-gia đã hy-sinh mạng sống cho đất nước yêu-dấu... Và để thiết-tha nhắc-nhở những nhà chính-trị miền Nam lưu-vong đang mơ-đờ giấc mộng phục-quốc trong hoàn-cảnh ít chông gai, ít hiểm-nghèo hơn lớp người ngày trước... Kỳ vọng rằng, nhờ vậy, họ sẽ sớm làm được một chút gì xứng-đáng chăng?

(Mạc Kinh)

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI

Sách dày 224 trang, giá 11 mỹ-kim (15 gia-kim cả thuế)

XIN HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH VIỆT-NAM TRONG VÙNG HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

Làng Văn

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

làng văn

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada

Tel: (416) 607-8010 / Fax: (416) 607-8011

Published 12 times a year

Publications Class Mail Reg. No: 8040

ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume 10 - No 106 - June 1993

Năm thứ mười - số 106 - 15 tháng 6, 1993

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn thế-giới.....	2
Tin Việt-nam.....	5
Ngoài ngõ.....	9
Tin trong làng.....	8
Hội-thảo Mạc-tư-khoa, Sơn Tùng.....	13
Tin tị-nạn.....	16
Dự mạn thuyền rồng, Trần Văn Tích.....	19
Thơ Ngô Nguyên Dũng.....	21
Thơ Trần Tú Uyên.....	23
Nét bình-thản trong thơ Nguyễn Khuyến, Lê Phụng.....	24
Thơ Nguyễn Hải Hà.....	26
Thơ Kha Huyền.....	29
Đôi nét đan thanh về hài-cú, Vi An.....	30
Đôi điều về tiếng Việt, Hồng Huy.....	34
Thơ Đông Vũ.....	36
Thơ Hồ Ông.....	38
Nhân đọc "Bút-khảo về Ấn" của Lê Văn Lân, Võ Phiến.....	39
Mạn-dâm với Ngô Du Trung, Đào Huy Đán.....	42
Nhật-ký, Ngô Du Trung.....	45
Thơ Nguyễn Sĩ Long.....	47
Thơ Trần Ngân Tiêu.....	48
Cơn đau rức-rỡ, Hồ Ông.....	49
Thơ Cung Vũ.....	51
Thơ Thế Dũng.....	56
Người hành-khất mù, Trương Mỹ Văn.....	57
Thơ Hà Huyền Chi.....	58
Xóm măng:	
Hình-ảnh mẹ Teresa, Vy Sao.....	59
Thơ Trần Thị Thêu.....	60
Ô chữ con khỉ, Phan Khương Thái.....	61
Xóm cũ:	
Trường tôi, Nguyễn Thi.....	62
Hội An, Trung Nhân.....	64
Thơ Hoàng Chính.....	64
Thừa đất khô cằn, Nguyễn Văn Thông.....	66
Thơ Nguyễn Tư.....	69
Hoài mộ Nguyễn Hải Hàm, An Khê.....	71
Thơ Thanh Hữu Huyền.....	72
Thơ Gã Tư Mã.....	77
Quay trong cơn lốc, Nguyễn Ngọc Ngạn.....	81
Thơ Vạn Giã.....	84
Thơ Lâm Hảo Khôi.....	87
Thơ Văn Nương.....	89
Ngọc sáng trong hoa sen, Nguyễn Phong.....	90
Xếp Al Capone, Lê Xuân Nhị.....	95
Thơ Nguyễn Bá-Dĩnh.....	96
Thơ T.T. Mây Trên Ngàn.....	99
Thơ Phạm Quang Ngọc.....	100
Thơ Tô Giang.....	103
Thơ B.H.T.....	104
Thơ Nguyễn Hữu Nhật.....	107
Độc-giã thác-mác.....	109
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	113
Đầu làng cuối xóm, Mõ (Làng Văn).....	117
Góc thơ chùa: Nam Chi Thượng Nhân, Trung Nhân, Hoài Nam.....	118

Tranh bìa: sơn dầu của Thái Tuấn

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà - Bút Chi - Cao Tiêu - Đan Quế
Đào Huy Đán - Hà Huyền Chi - Hoàng Chính
Hoàng Du Thụy - Kiên Trung - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Ngô Nguyên Dũng
Nguyễn Phong - Nguyễn Bá Dĩnh
Nguyễn Đức Bạt Ngàn - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Văn Ngọc
Phạm Quang Ngọc - Phạm Thăng - Tự Tĩnh
Thái Văn Kiêm - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
Tuệ Nga - Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Tích
ViVi Võ Hùng Kiệt

Cộng-tác:

Cao Xuân Lý - Cao Xuân Tứ - Diệu Tàn
Dương Kim - Đặng Thị Quế Phượn
Đào Trường Phúc - Đoàn Tam - Đỗ Khánh Hoan
Huỳnh Liễu Ngạn - Hồ Ông - Hoài Châu
Kha Huyền - Kinh Tân - Lê Thụy Vi - Ngô Du Trung
Nguyễn Đức Lập - Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Quốc Trụ - Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Văn Thông - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Việt - Nguyễn Tư
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Hữu Nhật
Phạm Hoàng Hộ - Quỳ Hương - Phan Thịnh
Phùng Nhân - Sơn Tùng - Thủy Trang - Thủy Sơn
Trần Mộng Tú - Trần Quang Hải
Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ - Văn Nương
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-hoạ:

Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh:

Babui Nguyễn Tấn Phú - Hiếu Đệ - Nguyễn Khai
Nguyễn Đông - Nguyễn Thị Hợp - Phạm Thế Trung
Thái Tuấn - Hồ Đắc Vũ (Vệt) - ViVi Võ Hùng Kiệt
Vũ Thái Hòa

Góp ảnh:

Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà	Hoa-kỳ:
Anh: Hoài Châu	Lê Xuân Phương (Dallas)
Đức: Ngô Việt Dũng	Trương Sỹ Lương (Houston)
Hòa-lan: Hồ Thị Chiến	Võ Thắng Tiết (Nam Cali.)
Na-uy: Dương Kim	Nguyễn Hùng (Bắc Cali.)
Nhật: Đỗ Thông Minh	Linh Phương (Florida)
Úc: Phạm Quang Ngọc	Nguyễn Huy Phước (N.J.)

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-dại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 40 quan; Úc: 10\$; Na-uy: 40 krone;
Nhật: 800 yen; Các nước khác: 5 mỹ-kim

Giá báo dài hạn, thẻ-lệ mua báo
và giá biểu quảng-cáo:
trang 119

tin văn

. Kiên Trung phụ-trách



BẦU CỬ TẠI CAO-MIÊN

Đúng 18 tháng sau ngày các phe phái ở Cao-miên ký kết với nhau thoả hiệp hoà bình tại Paris, từ lúc 8 giờ sáng ngày 23.5, khởi từ vận-động-trường Olympic tại Nam-vang và hàng trăm phòng phiếu trên toàn quốc, 4 triệu 700 ngàn cử-tri Cao-miên đã đi bầu 120 đại-biểu quốc-hội. Vụ bầu-cử diễn ra trong tầm giám sát của Liên-hiệp-quốc và sự đe dọa thường-trực của Khờ-me đỏ. Cuộc bầu-cử kéo dài cho tới chiều thứ sáu 29.5 mới chấm dứt để kiểm phiếu. Kết-quả sơ-khởi dự-trù sẽ công-bố trong ngày 30.5 sau đó. Quốc-hội sẽ soạn-thảo, ban-hành Hiến-pháp, và sau đó thành-lập chính-quyền.

Cộng-đồng thế-giới đã thấy rõ từ trước, vụ bầu cử sẽ không diễn ra xuôi chèo mát mái để đem lại hoà bình cho quốc gia triền miên trong chiến tranh và máu lửa này.

Tháng trước, phe Khmer Đỏ đã thôi giả vờ hợp-tác, rút khỏi mọi hoạt động của Thượng Hội Đồng Quốc Gia, bắt đầu tàn-sát người Việt, tấn công vào nhân viên LHQ, tịch-thu thẻ cử tri của dân chúng trong vùng họ kiểm soát. Tin tình báo cho biết Khmer Đỏ đã tái trang bị vũ khí, tăng cường quân số và đang tiến về các vùng đông dân. Hoa Kỳ đã gửi đến tăng cường cho nhân viên LHQ tại Cao-miên áo giáp, mũ sắt và dụng cụ cứu thương. Úc-dại-lợi đưa thêm trực thăng chiến đấu và tăng 100 quân, Mã-lai-á cam kết sẽ yểm trợ bằng không lực cho lực lượng LHQ.

Tất cả 10.000 quân-nhân bảo-vệ hoà-bình của LHQ đã được rải mỏng ra bảo-vệ các phòng phiếu, mở đầu vòng đua chót của 20 chính-đảng

Cao-miên. Người ta dự-đoán rằng đảng Nhân-dân (Cộng-sản) của Hun Sen và Mặt Trận Quốc-gia Thống-nhất vì Độc-lập, Trung-lập, Hoà-bình và Hợp-tác của Cao-miên (FUNCINPEC) sẽ dẫn đầu số phiếu.

Trong cuộc vận động bầu cử, đảng Nhân-dân Cao-miên do Việt cộng giật giây điều-khiển đã dùng mọi thủ đoạn để giành phần thắng. Từ tháng 10 năm ngoái đến nay, họ đã sát hại hơn 50 chính trị gia đối lập thuộc các phe khác, dẹp các cuộc biểu tình chống đối và công khai đe-dọa cử tri.

Trong khi đó, đảng đối lập chính, phe của hoàng thân Norodom Ranariddh, con trai Shihanouk, dùng chiêu bài liên hiệp, mong kiếm phiếu mọi phe, cả Khmer Đỏ lẫn CSVN. Tuy-nhiên, cử-tri Cao-miên tỏ ra mất lòng tin vào sự đi dây vụng-về này. Dân Miên chưa quên nổi những gì Khmer Đỏ đã làm trên đất Chùa Tháp, và vụ Hà-nội xâm-lăng Cao-miên. Ranariddh lại vừa chính-thức sang thăm CSVN để mật-đàm với Trung-ương đảng Hà-nội, tìm một sự thoả-hiệp. Hà-nội mặt ngoài tiếp-rước Ranariddh linh-đỉnh, nhưng bên trong chưa chắc đã ra lệnh cho đàn em Hun Sen ngưng chống-phá cánh Sihanouk.

Phe Khờ-me đỏ ráo-riết khủng-bố cử-tri, tấn-công và sát-hại cả lính của đàn anh Trung Cộng!

Ngày 22.3, một trung-đội đặc-công Khờ-me đỏ đã bất thần tấn-công đồn cảnh-sát tỉnh Skon, cách Nam-vang 60 cây số về phía đông bắc. Trong vụ tấn-công này, một viên đạn phóng-lựu của Khờ-me đỏ đã nổ tung cư-xá của Đại-đội Công-

binh Trung Cộng, sát-hại hai quân-nhân Bắc-kinh, gây thương-tích cho 4 quân-nhân khác.

Ngoài đồn Skon, Khờ-me đỏ còn tấn-công đồn Kratie ở phía bắc, giết chết một cảnh-sát-viên của Hun Sen và gây thương-tích cho hai người khác.

Đồng-thời, Khờ-me đỏ còn ném lựu-đạn vào dạ tiệc của Mặt Trận Quốc-gia Thống-nhất vì Độc-lập, Trung-lập, Hoà-bình và Hợp-tác của Cao-miên (FUNCINPEC) tổ-chức cùng ngày tại tỉnh Kratie.

Chưa hết, Khờ-me đỏ còn bắn hỏa-tiến vào xe lửa hành-khách tại vùng biên-giới phía nam tỉnh Kampot, giết 3 và gây thương-tích cho 3 người khác.

Cho tới ngày 22.5, đã có tới 17 quân-nhân thuộc lực-lượng bảo-vệ hoà-bình của LHQ bị giết. Rối loạn quân sự và chính trị tiếp-tục diễn ra trong và sau cuộc tuyển cử và chẳng mấy ai lạc quan về việc văn hồi hoà bình tại Cao-miên. (kt và nhn)

ĐAN MẠCH CHẤP NHẬN THỎA HIỆP CỘNG-ĐỒNG ÂU-CHÂU

Ngày 18.5, cuộc trưng cầu dân ý tại Đan-mạch đã có kết quả. Phe ủng hộ thoả ước Maastrich nhằm thành lập cộng đồng Âu châu, đã thắng với tỉ lệ 56.8% tổng số phiếu. Trong cuộc trưng cầu dân ý trước, tổ chức hồi tháng 6, dân Đan-mạch đã trả lời không thuận, bản thoả hiệp sau đó đã được sửa chữa, dành cho Đan-mạch một số ngoại lệ, như không phải chấp nhận hệ thống tiền tệ chung và một quốc tịch chung cho toàn Âu châu.

Vì thoả ước cần phải được sự chấp thuận của toàn thể 12 quốc gia châu Âu mới có hiệu lực, sau phiếu thuận của Đan-mạch, trách nhiệm về hợp nhất Âu châu nay được đổ lên Anh-quốc, nước duy nhất chưa thông quá.

Đây là một vấn đề nhức đầu của Thủ tướng Anh John Major. Tin tức mới nhất cho biết Hạ viện Anh đã thông quá dự luật về thoả hiệp.

Thỏa hiệp mang tên thị trấn Maastrich ở Hoà-lan là nơi các nước họp nhau năm 1991. Các quốc gia Âu châu sợ nước Đức sau khi thống nhất sẽ trở thành một thực thể quân sự và kinh tế không kiềm chế được, đã nhóm họp tìm một biện pháp tích cực tránh mối nguy này và đã vẽ ra một Âu châu không biên giới, có cùng một chính sách ngoại giao và một hệ thống quốc phòng. Tuy nhiên, hiện nay Đan-mạch đã chỉ chấp nhận khi được miễn trừ một vài điểm căn bản, Anh quốc đang chần chừ và mối lo chính của cả Âu châu giờ đây lại là vấn đề kinh tế suy sụp.(kt)

TỔNG THỐNG YELTSIN TRIỆU TẬP HỘI NGHỊ SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP NGA

Ngày 5 tháng 6, lãnh tụ của 88 tiểu cộng hoà và vùng tự trị trong Liên bang Nga sẽ họp hội nghị bàn về sửa đổi hiến pháp Nga tại Mạc-tư-khoa.

Quyết định triệu tập đại hội đã được Tổng thống Nga Boris Yeltsin đưa ra sau thắng lợi của ông trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 25.4.93. Tổng thống Nga tuyên-bố ông sẵn sàng đối diện với các đối thủ khi được nhân dân ủng hộ. Dự thảo hiến pháp mới do Yeltsin đưa ra để bàn thảo dựa trên hệ thống cai trị kiểu Pháp, theo đó, tổng thống có quyền giải tán quốc hội và kiểm soát chính phủ.

Việc triệu tập đại hội gặp sự chống đối của Chủ tịch quốc hội Nga Ruslan Khasbulatov, đối thủ chính của Yeltsin, nhưng được nhiều nhân vật trong phe đối lập hoan nghênh.(kt)

ĐẾN LƯỢT UKRAINE KHỦNG HOẢNG CHÍNH TRỊ

Mười sáu tháng sau ngày ly khai Liên bang Xô Viết để trở thành một quốc gia độc lập, Ukraine, nước lớn hàng thứ nhì sau Cộng hòa Nga đang có nguy cơ lâm vào một cuộc khủng hoảng chính trị. Nguyên nhân của

cuộc khủng hoảng, cũng giống như tại Liên bang Nga, là lực lượng cộng-sản bảo thủ không chấp nhận các biện pháp cải cách kinh tế.

Ông Leonid Kuchma, Thủ tướng Ukraine, người chủ trương cải cách, đã từ chức ngày 20 tháng 5 sau khi bị phe bảo thủ chỉ trích các biện pháp đổi mới kinh tế và sau khi Tổng thống Ukraine đưa ra một dự thảo sửa đổi hiến pháp. Theo dự thảo, Ukraine sẽ có thêm một phó Tổng thống, Tổng thống sẽ trực tiếp điều hành công việc quốc gia và chức vụ Thủ tướng sẽ bị bãi bỏ.

Quốc hội Ukraine đã bỏ phiếu yêu cầu ông Kuchma ở lại chức vụ.

Thủ tướng Kuchma từ khi lên nhậm chức hồi tháng 10 năm ngoái đã áp dụng nhiều biện pháp triệt để để xoá bỏ hệ thống kinh tế cộng sản ngự trị bảy thập kỷ tại Ukraine. Ông áp dụng chương trình tư-nhân-hoá các cơ sở kinh tế, thôi nắm độc-quyền kỹ nghệ quốc doanh và các nông trường tập thể... Ông đã thành công trong việc làm giảm lạm phát nhưng ngược lại, đã bất lực trong việc nâng mức sản xuất. (kt)

BOSNIA: LẠI NGỪNG BẮN VÀ VI PHẠM NGỪNG BẮN

Cuộc chiến tranh loạn đả giữa ba phe: người Hồi giáo - người gốc Serb ở xứ Bosnia - người gốc xứ Croatia tại Nam-tư cũ đã bước vào tháng thứ 13. Quốc tế đã áp dụng gần như mọi biện pháp để đem lại hoà bình, hay tối thiểu là tạm ngưng được các cuộc bắn giết lẫn nhau trong khu vực này, nhưng hầu như không có một thỏa hiệp ngưng bắn nào không bị vi phạm chỉ vài giờ ngay sau khi ký kết. Trung tuần tháng 5.93, Hoa kỳ đã hăm dọa sẽ dùng không quân để oanh kích các cứ điểm của phe người gốc Serb nhưng đề nghị của Hoa Kỳ không được nhiều nước ủng hộ và Tổng thống Mỹ Bill Clinton cũng không dám đơn phương quyết định. Biện pháp phong toả kinh tế không đem lại kết quả, ngược lại, việc cấm chuyên chở vũ khí cho Bosnia đã trói tay người Hồi giáo và làm cho họ

càng lúc càng mất thêm đất và hao tổn thêm sinh mạng. Cuộc trưng cầu dân ý tại Serbia, nơi ủng hộ và yểm trợ cho người gốc Serb ở Bosnia, đã phủ nhận kế hoạch hoà bình của Đặc sứ Liên Hiệp Quốc Vance Owen, theo đó Bosnia sẽ được chia làm 10 tổng theo sự phân bố chủng tộc.

Hiện nay, người Serb đã làm chủ hơn 70 phần trăm lãnh thổ Bosnia và một phần ba lãnh thổ Croatia. Thủ lãnh người gốc Serb ở Bosnia, ông Radovan Karadzic, tuyên bố là sẽ đòi hỏi chia Bosnia thành ba khu vực theo chủng tộc. Nếu đòi hỏi này không có kết quả, phe Serb sẽ thành lập một cộng hoà Serbia độc lập.

Ngày 19 tháng 5, hai phe Hồi giáo và người gốc Serb lại ký kết ngưng bắn. Lần này, phe Serb tuyên bố trước là sẽ ngưng mọi hành động quân sự, nhưng chỉ một ngày sau, hai bên lại tố cáo nhau là đã tấn công trước. (kt)

NAM PHI: THẢO LUẬN VỀ QUYỀN TỰ QUYẾT CỦA CÁC NHÓM THIỂU SỐ

Các cuộc thương thảo giữa 26 nhóm và đảng chính trị ở Nam Phi đã thỏa thuận sẽ thảo luận vấn đề quyền tự quyết của các nhóm thiểu số ở Nam Phi. Tổ chức ANC của người da đen trước đây vẫn đòi hỏi hệ thống chính trị tập quyền đa số, đã chấp nhận rằng việc phân quyền theo từng vùng sẽ có thể giúp đẩy mạnh tiến trình dân chủ của quốc gia Nam Phi sau chế độ kỳ thị chủng tộc.

Từ sau tang lễ lãnh tụ cộng-sản da đen Chris Hani (tháng 4.93) đến nay, các cuộc bạo động tại Nam Phi đã giảm đi đáng kể. Tuy nhiên, lực lượng an ninh Nam Phi đang phải đương đầu với một cuộc xuống đường của 50.000 học sinh da đen ở Johannesburg, đấu tranh đòi hủy bỏ lệ phí đóng trong các kỳ thi. Học sinh da đen đã bãi khóa từ nhiều tuần nay.

Ngày 22.5, một vụ bạo-loạn khác diễn ra tại Johannesburg giữa cư-dân tại cư-xá Zulu và những

người ủng hộ Quốc hội Nam Phi. Có tất cả 16 người da đen và 2 người da trắng thiệt mạng; người bị thương lên đến hàng trăm.

Nhắc lại, trong quan hệ quốc tế, Ngoại trưởng Gia-nã-đại, bà Barbara McDougall đã kêu gọi thế giới chấm dứt phong tỏa kinh tế Nam Phi ngay khi nước này công bố lịch tuyển cử. Gia-nã-đại cũng hứa hẹn sẽ viện trợ để phục hồi kinh tế Nam Phi. Trước đây, chính Gia-nã-đại là quốc gia cương quyết nhất trong việc duy trì cấm vận Nam Phi.(kt)

SINH VIÊN ĐẠI HÀN KỶ NIỆM CUỘC NỔI DẬY KWANGJU 1980

Từ trung tuần tháng 5, sinh viên Nam Hàn đã kỷ niệm cuộc nổi dậy đòi dân chủ tại Kwangju năm 1980 bằng việc biểu tình đòi chính phủ trừng trị hai cựu tổng thống chịu trách nhiệm về các vụ đàn áp trong thời gian đó.

Cảnh sát chống bạo động đã đụng độ dữ dội với khoảng 4000 sinh viên biểu tình xuất phát từ đại học Yonsei ở phía nam Hán thành. Có hàng chục sinh viên bị thương. Trước đó, hàng ngàn sinh viên đã tấn công đồn cảnh sát Kwangju.

Sinh viên buộc các cựu Tổng thống Toàn Đầu Hoán và Lỗ Tài Vũ phải chịu tội vì đã ra lệnh đàn áp cuộc nổi dậy đòi dân chủ ngày 18.5.1980 tại Kwangju, làm chết khoảng 200 người và bị thương khoảng hai ngàn người.

Ngày 22.5, lại thêm 1.000 sinh viên biểu-tình bạo-động tại Hán-thành, phản-đối Hoa-kỳ gây áp-lực chính-trị và kinh-tế tại Bắc-hàn và đồng-thời can-thiệp vào các vấn-đề nội-bộ của Nam-hàn. (kt)

CÔ GIÁO DŨNG CẨM ĐƯỢC THƯỞNG BẮC Đẩu BỘI TINH

Trong suốt bốn mươi sáu giờ đồng hồ căng thẳng tột độ vì bị bắt làm con tin, một cô giáo Pháp đã bình tĩnh, vui-vẻ giữ cho các học

sinh mẫu giáo của mình chơi, xem phim, ca hát, ăn uống, làm vệ sinh và đi ngủ bên cạnh một kẻ khủng bố sẵn sàng làm nổ tung cả trường học bằng cốt mìn.

Cô giáo Lawrence Dreyfus đã được Thủ tướng Pháp Eduard Balladur quyết định trao tặng Bắc đẩu Bội tinh, huy chương danh dự nhất nước Pháp dành cho thường dân, để khen tặng lòng quả cảm và lương tâm chức nghiệp của cô.

Nguyên ngày 14.5, Eric Schmitt, người Pháp sinh tại Algerie, đột nhập vào trường Commandant Chracot trong khu phố Neuilly-sur-Seine ở ngoại ô Paris, uy hiếp cô giáo Dreyfus và yêu cầu người gác trường gọi cho cảnh sát.

Trong túi xách của Schmitt chứa đầy thuốc nổ. Hắn cho biết sẽ làm nổ tung trường học và số trẻ trong lớp nếu đòi hỏi của hắn không được thỏa đáp.

Mọi lực lượng an ninh, kể cả Cảnh sát đặc biệt gồm những thiện xạ chuyên bắn tỉa của Paris bao vây khu vực.

Schmitt đòi phải trao cho hắn 100 triệu quan Pháp bằng tiền quan, Đức Mã và vàng. Schmitt đã chuẩn bị cuộc tổng tiền quái dị này thật kỹ lưỡng. Yêu sách của hắn bao gồm cả việc đòi cảnh sát phải công bố rằng hắn "đã bị giết và hồ sơ vụ án được xếp lại" vài giờ sau khi hắn đã thoát thân.

Các cuộc thương thuyết giữa nhà chức trách, gồm cả bộ trưởng Ngân sách và Thị trưởng Neuilly, với Schmitt có kết quả sơ-khởi là 15 trẻ em được thả trước.

Sang ngày thứ hai, cô giáo Dreyfus vừa phải giữ cho các học sinh còn lại trong lớp lẫn tên khủng bố được bình tĩnh. Cuộc thương thuyết kéo dài, cảnh sát đã giao cho Schmitt nửa số tiền hắn đòi hỏi và một chiếc xe Renault nhưng họ không chấp nhận việc hắn đòi mang theo một số trẻ làm bia che lúc hắn thoát đi.

Khi mọi cố gắng thương thuyết bế tắc, cảnh sát đặc biệt được lệnh rình tấn công nhân lúc tên khủng bố

ngủ gật. Vào lúc 7 giờ sáng thứ bảy 15.5, cảnh-sát đã bắn hai phát vào đầu Schmitt, giải thoát các con tin. (kt)

MÁY BAY RÓT, 132 NGƯỜI THIỆT MẠNG

Ngày 19.5, một phi cơ Boeing 727 của hãng hàng không SAM (Columbia) đã đâm vào một sườn núi cao khoảng 3.700 mét thuộc rặng Andes, gần Medellin, Columbia. Toán cấp cứu cho biết tất cả phi hành đoàn bảy người và 125 hành khách, hầu hết là người Columbia và Panama, đều thiệt mạng.

Hai ngày sau đó, một phi cơ 727 khác cũng của hãng hàng không SAM đã may mắn thoát khỏi tai nạn thứ hai tại phi trường El Dorado (Bogota) khi tranh nhau đáp xuống cùng một phi đạo.

CHÁY XƯỞNG ĐỒ CHƠI Ở THÁI LAN, 209 NGƯỜI CHẾT

Một tai nạn lao động thảm-khốc đã xảy ra tại Thái lan ngày 13.5, làm thiệt mạng 209 công nhân, hầu hết là phụ-nữ trẻ tuổi.

Xưởng làm đồ chơi nhồi bông của công ty Kader Industrial Co., Thái lan đã phát cháy lúc 4 giờ 10 phút. Ngọn lửa bùng lên từ phòng đóng gói ở tầng chính trong lúc tất cả các cửa ra vào bị khoá chặt chỉ chừa một lối ra duy nhất, nơi đó các nhân viên bảo vệ nhà máy đang chuẩn bị lục soát hơn bốn ngàn công-nhân ra về để ngừa trộm cắp.

Hàng trăm công nhân tìm đủ mọi cách để thoát khỏi xưởng thợ cao bốn tầng làm cầu thang đổ sụp xuống, đè chết tại chỗ 189 người, số còn lại chết ngạt hoặc chết cháy.

Công ty Kader có cổ phần của Thái, Đài loan và Hương-cảng. Công nhân làm việc ở đây hưởng mức lương thấp và trong điều kiện an toàn tệ hại. Xưởng thợ đã nhiều lần xảy ra hỏa hoạn và tai nạn bí hiểm, không được cải-thiện an-ninh.(kt)



tin việt-nam

Dương Thượng Ngã phụ-trách

MAI DÂM: NGÀNH CÔNG NGHIỆP MỚI CỦA CSVN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

Ai cũng biết công cuộc đổi mới kinh tế của CSVN đặt trọng tâm trong các hoạt động khai thác đến kiệt quệ và bán sạch mọi tài nguyên của đất nước, trong đó có cả phẩm giá và thân xác con người. Trong những năm gần đây, ngành kinh doanh thân xác phụ nữ đã được phát triển mạnh để phục vụ cho ngoại kiều, cán bộ có tiền, có quyền và giới làm ăn chụp giựt ăn chơi hưởng lạc.

Tại Hà nội, Sài gòn và các thành phố lớn, mại dâm là một hiện tượng phổ biến. Chính quyền VC cho phép báo chí kêu gào báo động um sùm nhưng thực ra làm ngơ để "công nghiệp" mại dâm và các hoạt động liên quan phát triển tràn lan.

Nghề vũ nữ, trước đây bị VC kết án là truy lạc, nay chỉ riêng tại Sài gòn đã có một đội quân đông đến nhiều ngàn, làm việc trong các "đơn vị quốc doanh". Có hơn 60% trong số đó, theo chính tài liệu của VC xác nhận, thường xuyên bán dâm.

Sự có mặt của ngoại kiều, sự có tiền của cán bộ và những người có cơ hội làm giàu dễ dàng còn đưa tới việc

khai thác cả trẻ em vào kỹ nghệ mua bán dâm. Cơ quan UNESCO của Liên Hiệp Quốc gần đây đã lên tiếng báo động tình trạng dã man này tại VN. Có người mua tất có người bán, người mua càng ngày càng kén chọn, số trẻ em bị đưa đẩy vào "dịch vụ mại dâm" ngày một tăng lên.

Chính bà Dương Quỳnh Hoa, cựu bộ trưởng Y tế trong chính phủ VC trước đây nay chỉ còn là trưởng khoa một bệnh viện tại Sài gòn, đã phải rên xiết rằng chưa bao giờ thấy việc khai thác trẻ em thô bạo như hiện nay. Những em gái tuổi từ 10, 11 bị bán cho những thương gia Á châu phá trình "lấy hên" đổi lấy vài trăm mỹ kim mà sau đó còn bị các tổ chức dẫn mối cướp gần hết.

Người ta dự đoán VN sẽ dẫn tiến lên bằng và có thể sẽ qua mặt Thái lan trong kỹ nghệ sex.

Mức độ gia tăng của nghề mại dâm kéo theo sự phát triển của các bệnh "xã hội". Hầu hết các người có dính dáng đến mại dâm đều mắc bệnh phong tình, hoa liễu, cả các trẻ em.

Hiểm họa bệnh AIDS (ở VN quan gọi là bệnh SIDA theo tiếng Pháp) cũng tăng dần theo đà phát triển của ngành công nghiệp này. Con số chính thức về người mắc bệnh AIDS ở VN hiện không chính xác vì các phương tiện thử nghiệm hầu như không có, tuy nhiên, trong

tháng 5.93 Ủy ban Quốc gia Phòng chống SIDA của VC đã thú nhận rằng có hai người Việt chết vì SIDA và 10 người khác đang được điều trị tại Chợ Quán.

Việt cộng thường rêu rao nhân nghĩa "con người là vốn quý của xã hội", với đà tiêu xài kiểu này, chúng sẽ làm xã hội "cụt vốn" mau như chính trị và kinh tế đã phá sản.

VC TOA RẬP VỚI CÁC CÔNG TY NGOẠI QUỐC BÓC LỘT CÔNG NHÂN

Hồi năm ngoái, VC đã âm thầm cho phép các công ty ngoại quốc hoạt động trong nước trả lương tối thiểu cho công nhân VN ở mức 35 mỹ-kim một tháng (trước đây qui định là 50 đô la). Tuy nhiên, một số công ty ngoại quốc có thể đã trả thấp hơn con số này, nhằm mục-dịch bóc lột người lao động đến xương tủy.

Ngoài việc chấp nhận mức lương rẻ mạt, công nhân làm việc với các hãng ngoại quốc (hầu hết là các công ty Đài loan, Đại hàn) còn phải chịu đựng sự đối xử tàn tệ của chủ nhân, chấp nhận những điều kiện làm việc tồi tệ, thiếu an toàn. Sự kiện xưởng sản xuất cháy làm chết hàng trăm công nhân ở Thái lan vừa qua không sớm thì muộn cũng sẽ xảy ra ở VN. Tuy thế, những chỗ làm này hiện vẫn còn là những công việc dành cho những người may mắn, phải chạy chọt, đút lót mới kiếm được. Hiện nay, tỉ lệ thất nghiệp tại VN đã lên đến trên 33%.

Báo Phát triển kinh tế của VC ghi nhận ngoài khu vực kỹ nghệ, hiện có 38 cơ quan ngoại giao và 285 văn phòng đại diện thường trú của các cơ quan kinh tế ngoại quốc, sử dụng khoảng 200 người Việt. Số lao động này hưởng mức lương thoát nhìn có vẻ khá hơn của công nhân sản xuất, nhưng thực ra, họ bị chính nhà nước lột đến gần phân nửa lương cho các khoản bảo hiểm xã hội(?), thuế thu nhập tính theo lũy tiến, và một khoản đóng góp quái dị gọi là "điều tiết bổ sung" qui định là 30% số còn lại. (kt)

CHUYỆN NHÀ, ĐẤT

Sự gia tăng mức độ hiện diện của con buôn tư bản, trong đó có cả một số Việt kiều, tại VN đã làm cho cơn sốt nhà đất trong nước lên tới cao độ trong những tháng vừa qua. Mọi người đua nhau bán nhà, mua nhà, nhảy vào dịch vụ kinh doanh địa ốc để kiếm lời. Cả những người chưa nghĩ hay chưa đến lúc bán nhà cũng lo thu góp sửa nhà để cho nhà của mình có giá khi cần bán. Giá nhà tại Sài Gòn, Hà Nội vọt lên tới mức độ kinh hoàng, nhiều căn nhà được ra giá - có cái đã bán được, cao hơn cả nhà ở những đô thị lớn ở Hoa Kỳ, xấp xỉ bằng ở Tokyo, nơi giá nhà đất cao nhất thế giới. Tại các tỉnh, giá ...đất ruộng cũng tăng theo.

Dịch vụ béo bở này đã làm giàu nhanh cho một số người trong nước, cả một số Việt kiều hải ngoại nhanh chân về tham gia làm ăn. Một số chậm chân đã khựng lại khi chính quyền VC tung ra một sắc thuế đặc biệt đánh trên "thặng dư giá trị" của việc mua bán nhà và nhấp nhóm ban hành luật Đất đai sửa đổi. Dĩ nhiên chúng chỉ đưa ra các luật này sau khi thành phần cán bộ đảng viên chủ chốt đã ăn no, lời khảm. Thuế "thặng dư giá trị" cho phép nhà nước chém tới từ 30 đến 60% số lãi phát sinh giữa hai lần mua bán. Luật Nhà đất sửa đổi thì tái xác nhận "đất đai thuộc quyền sở hữu của toàn dân và do nhà nước quản lý". Điều này có nghĩa là khi mua nhà ở VN, người chủ chỉ làm chủ có cái nhà và rất có thể phải trả thêm tiền "thuê đất" của diện tích đất trên đó cái nhà hiện hữu cho ...toàn dân, nghĩa là cho nhà nước, sau khi đã trả một cái giá trên trời dưới biển để mua nhà.(kt)

THẨM-PHÁN ĂN HỐI-LỘ

Theo tin báo *Lao-dộng*, cán-bộ Trần Minh Tri, thẩm-phán tòa án quận III thành Hồ đã bị tạm giam hôm 13.4 về tội đưa hối-lộ, nhận hối-lộ và môi-giới hối-lộ. Ngoài Trần Minh Tri còn có một số cán-bộ liên-

can cũng bị tạm giữ, gồm Lê Văn Luận (hội-thẩm) và Võ Tấn Quốc, người đưa của hối-lộ.

Nội-vụ như sau: Võ Tấn Quốc ký văn-tự bán nhà Nguyễn Văn Hiền, giá 250 lượng vàng, đặc cọc trước 50 lượng. Gặp lúc giá nhà tăng vọt, Quốc nuốt lời, không bán nữa. Ông Hiền nộp đơn kiện trước tòa án nhân-dân. Quốc hối-lộ cho "thẩm-phán nhân-dân" Trần Minh Tri 20 lượng vàng, với điều-kiện tòa xử hấn thắng. Hai mươi lượng vàng làm lệch thêm cán cân công-lý vốn đã thiên-lệch. Quốc thắng kiện, tòa lượng vàng, nhưng ông Hiền nhờ vả thân-nhân làm lớn trong ngành công-an, điều-tra ngọn ngành và khám-phá ra vụ hối-lộ...

May cho ông Hiền, đã lăm vàng, lại có thể-lực. Nếu là "nhân-dân" thực-sự thì có mà kiện...củ khoai! (nhn)

BUÔN LẬU CÓ ĐẢNG TỊCH

Theo báo VC *Tiền-phong*, ngày 26.1, Cảnh-sát kinh-tế phối-hợp ban Quản-lý thị-trường trung-ương và Bộ-đội biên-phòng Hải-phòng đã bắt được tàu hàng Geneco-01 chở đầy

hàng lậu, gồm máy truyền hình, xe đạp, xe gắn máy, máy-móc "điện-tử dân-dụng" và một số "hàng tiêu-dùng cao-cấp" trị giá tổng cộng trên 1 tỉ đồng tiền Hồ.

Kiểm-soát lại giấy-tờ, tàu Geneco-01 không hề có tên trong sổ bộ nhà nước VC. Thuyền-trưởng Nguyễn Văn Chương khai mua tàu này của Nhật-bản với giá 400.000 mỹ-kim, nhưng không xuất-trình được giấy tờ mua tàu do Nhật cấp.

Điều-tra thêm, cảnh-sát VC khám-phá thêm, thuyền trưởng Nguyễn Văn Chương vốn là cán-bộ cao-cấp, cựu thuyền trưởng tàu Hoa Sen Đỏ của nhà nước. Thuyền phó Nguyễn Đình Nam nguyên ở tàu Siprodex 08. Cả hai đều là cán-bộ có đảng tịch, từng dính-dấp tới nhiều vụ buôn lậu trên biển và đang được tại ngoại hầu tra để ...buôn lậu tiếp. (nhn)

BIỂN THỦ 8 TỈ BẠC TRONG MỘT NĂM

Tuần-báo VC *Pháp-luật* loan tin, cán-bộ Trần Thị Ven, trưởng trạm chế-biến nông-phẩm xuất-khẩu huyện Xuyên-mộc, tỉnh Đồng-nai, đã bị bắt về tội biển thủ 8 tỉ đồng tiền Hồ (gần



- Ngài có cần nghiệm thu loại hài cốt này không?

80 triệu mỹ-kim) sau một năm nhậm chức.

Vừa nắm quyền thủ-trưởng, Vẹn sa-thải toàn-thể cán-bộ dưới quyền, đưa chồng, con, cháu, thân-nhân, bè bạn vào ban quản-lý cơ-quan.

Lợi-dụng tầm giao-dịch rộng lớn của cơ-quan, Vẹn mua chịu hàng-hóa của tất cả các cơ-quan mậu-dịch lớn nhỏ, từ phường 17 quận Gò-vấp tới các xí-nghiệp liên-doanh, cửa hàng, quỹ tín-dụng, cơ-quan chế-biến nông-phẩm của hậu-cần Công-an Tiền-giang,... Tất cả có tới 22 đơn-vị kinh-doanh của nhà nước và 17 cơ-sở cá-thể bị Trần Thị Vẹn lường gạt, nâng tổng số tiền tham-nhũng lên tới 8,55 tỉ đồng tiền Hồ (gần 80 triệu mỹ-kim).

Trần Thị Vẹn đã xỏ khám và lãnh 20 năm tù.

Người ta thắc-mắc, nếu cán-bộ Trần Thị Vẹn biết ăn đều chia đủ và chùi mép khéo như hàng ngàn cán-bộ kinh-tế cao-cấp khác trong guồng máy kinh-doanh của nhà nước VC thì dân nghèo còn tiếp-tục bị rút-riêng cho tới bao giờ? (nhn)

HÀNG GIẢ TRẦN NGẬP VN

Theo *US News and World Report*, tại Việt-nam hiện nay có tới 3% tổng-số hàng giả trên thị-trường thế-giới, từ đồng hồ Rolex, Longiness Cartier tới truyền-hình màu, cảm-thạch, kim cương,...

Ngoài hàng giả, các công-ty ngoại-quốc và hàng ngàn "Việt-kiểu" đã nhập nội đủ loại máy-móc phế-thải từ thời đệ nhị thế-chiến, máy vi-tính, thiết-bị kỹ-nghệ lỗi-thời, phụ-tùng xe hơi, hàng da, thuốc tây cho tới thực-phẩm quá hạn.

Theo báo *Công-an Thành-phố HCM*, có công-ty đã nhập-cảng hàng triệu mét vải *jean* mục theo giá hàng thượng hạng. Một công-ty khác mua một chiếc tàu hàng cũ trị giá 1 triệu mỹ-kim, với giá 1 triệu rưỡi. Bộ Quốc-phòng mua máy bay tân-trang theo giá máy bay mới. Tất nhiên là cán-bộ mua hàng và cán-bộ kiểm hàng kiểm chác rất khá trong các vụ mua bán vô tội vạ bằng tiền của nhà

nước.

Chưa hết, báo *Tuần tin-tức* số ra ngày 17.4 đưa tin, từ cuối tháng 12.92 cho tới giữa tháng 1.93, đã có tới 106 kiện hàng nặng tổng cộng 3,9 tấn xâm-nhập hải-cảng Vũng-tàu. Các kiện hàng này gồm toàn phụ-tùng đồng hồ không nhãn hiệu, không ghi tên nước sản-xuất, đựng trong các thùng các-tông, ngoài in hình trái cam và hàng chữ "orange".

Ngày 20 và 22.1, hải-quan (quan-thuế) Vũng-tàu phát-giác thêm 2 tấn linh-kiện (bộ-phận) đồng hồ, lần này do Xí-nghiệp chế-biến cung-ứng hàng xuất-khẩu Bà-ri-a, Vũng-tàu đứng tên nhập-cảng. Các kiện hàng này gồm 13.000 bộ đồng hồ có giấy phép và 3.000 bộ không giấy phép, gồm dây nhựa, dây mạ, đế nhựa, vỏ, mặt số, v.v. Tất cả các lô hàng này đều không có máy và không có hiệu. (nhn)

LỐC VÀ MƯA ĐÁ

Ngày 13.3, một cơn lốc mạnh kéo theo mưa đá đã rơi xuống 12 xã trong huyện Đoan-hùng, Vĩnh-phú suốt 30 phút khiến 14 người bị thương và 455 căn nhà bị sập, 22 trụ-sở xã, trường học và trạm y-tế cùng 16 nhà máy bị tốc mái, 80 mẫu hoa màu hư hại nặng.

Ngày 24.4, một cơn lốc mạnh kèm theo mưa đá đã gây thiệt-hại cho hai huyện Như-xuân và Thường-xuân ở miền núi tỉnh Thanh-hóa, sát-hại 1 người và gây thương-tích cho 6 người khác, 142 căn nhà bị tốc mái, làm sập 18 phòng học và làm hư 420 mẫu lúa.

Ngày 25.4, một cơn lốc khác kèm mưa đá đã tàn phá ba xã Sơn-thủy, Bảo-yên và La-phù thuộc huyện Tam-thanh, tỉnh Vĩnh-phú.

Trận mưa đá kèm theo lốc thứ ba đã tàn-phá Thừa-thiên hôm 28.4. Tốc-độ gió lên tới cấp 11 kèm theo những hạt mưa đá to bằng trái chanh đã sát-hại 5 người, gây thương-tích cho 227 người, trong đó có 23 trường-hợp trầm-trọng.

Tại phường Vĩ-Dạ, thêm 3 người chết vì đắm đồ. Có 2.678 ngôi nhà

bị tốc mái và sụp-đổ. Hơn 1.000 cây to gãy gục; 56 nhà máy, nhà kho bị phá hủy; nhà máy điện ngưng hoạt-động, nhiều trục giao-thông bị tắc nghẽn.

Tại chợ Đông-ba, 80% các lều trại, gian hàng hư-hại hoàn-toàn.

Ở các xã Thủy-an, Thủy-dương, hàng trăm ngôi nhà bị phá hỏng.

Tại phường Xuân-phú, cánh đồng lúa sắp gặt bị tàn-phá hoàn-toàn.

Trường quân-sự địa-phương có 4 doanh trại bị tốc mái. Tiểu-đoàn thiết-giáp có hai trại bị sập. Tiểu-đoàn pháo có một trại sụp-đổ; có 12 bộ-đội bị thương trong cơn lốc. (nhn)

VC LIÊN-HOAN KỶ-NIỆM "CHIẾN-THẮNG 30 THÁNG 4"

Theo tin báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 3.5.1993, trong khi hội Hữu-nghị Việt-nam Cuba tổ-chức mừng "chiến-thắng 30 tháng 4" tại thủ-đô Havana thì Học-viện Thơ Mỹ và Hội Châu Á tổ-chức đêm "*Thơ Việt-nam, thực-thể văn-hóa*" hôm 28.4 tại trụ-sở Hội Châu Á ở thành-phố Nữu-ước.

Vẫn theo tin của tờ *Quân-đội nhân-dân*, mở đầu đêm thơ, ông "Giôn Ba-la-ban" tác-giả của 9 tác-phẩm thơ và văn xuôi và là người đã được Học-viện Thơ Mỹ trao giải thưởng cho tuyển tập thơ "*Sau cuộc chiến-tranh của chúng ta*," đã đọc một số bài thơ và ca-dao Việt-nam. Sau đó dịch gia Nguyễn Ngọc Bích giới-thiệu tập thơ "*Hàng nghìn năm thơ Việt-nam*" do ông và một số người khác dịch và "biên-tập" sang tiếng Anh.

Được biết, ông Bích hiện là Chủ-tịch Trung tâm Văn Bút VN Miền Đông Hoa-kỳ, và trước đây từng đi gặp Thứ trưởng VC Trần Quang Cơ. (ts)

ĐÀO MẢ VUA HÙNG

Báo *Sài-gòn giải-phóng* ngày 24.4 tiết-lộ, lăng vua Hùng ở gần đền Thượng đã bị kẻ gian lén đào từ phía sau xuyên sâu vào giữa mộ. Từ bên trên, kẻ gian lại đập vỡ một phần mộ

và đào một lỗ lớn thông xuống lỗ đường hầm từ phía sau.

Bài báo viết, có nhiều tiếng đồn cho rằng kẻ gian đã lấy được một vật gì đó trong mộ từ thời Tự Đức yểm lại. Nhiều người biết đích-xác, vụ đào trộm cổ vật này xảy ra vào đêm mùng 10 tháng chạp năm Nhâm Thân (tức khoảng tháng 11.92).

Theo bài báo, nhà cầm quyền địa-phương chỉ cho điều-tra sơ-sài rồi lấp các lỗ lại, coi như việc đã qua, không xét tới nữa.

Điều đáng nói là nạn trộm cổ-vật trong nước càng ngày càng trầm-trọng. Trong thời-gian mộ vua Hùng bị đào phá, chùa Thầy ở Hà-tây mất pho tượng bồ-tát ngàn tay, ngàn mắt. (nhn)

NẠN NGHIỆN-NGẬP TẠI THÀNH HỒ

Theo con số do công-an CSVN đưa ra, hiện nay tại thành Hồ có khoảng 100.000 người nghiện hút. Trung-bình mỗi ngày dân làng bẹp “đốt” từ 3 đến 5 tạ thuốc phiện.

Thành-phần nghiện-ngập phần lớn là dân nghèo, nhiều người có tiền án. Thuốc phiện trồng ở cao-nguyên miền Bắc, chuyển vào Nam tiêu-thụ.

Thành-phần buôn lậu và cung-cấp thuốc phiện là cán-bộ đảng, điển-hình là trường-hợp Nguyễn Đức Tùng tại Đại-học Y-dược Hà-nội, dính-dáng tới 114 kí thuốc phiện. Tùng móc ngoặc với nhân-viên lái máy bay mang thuốc phiện từ Bắc vào Nam. Vụ thứ hai là Nguyễn Văn Tuynh ở Gia-lâm, thuê phi-công bộ-đội chở vào Nam với giá 1,5 triệu đồng tiền Hồ mỗi kí.

Trên đường tàu, các nhóm buôn lậu thuê người già, trẻ em hoặc phụ-nữ giả có bầu, mang lậu vào Nam.

Điểm đáng nói là trong khi hô-hào chống nghiện-ngập, nhà nước CSVN lại chính-thức cấp giấy phép trồng thuốc phiện cho nhiều cơ-quan chuyên canh ở miền Bắc. (nhn)

MỎ DẦU ĐẠI HÙNG

Ngày 15.4, CSVN đã ký hợp-

đồng khai-thác dầu mỏ Đại Hùng với các công-ty DHP Petroleum (Úc), Petronas Carigali (Mã-lai), Total (Pháp) và Sumimoto (Nhật).

Mỏ Đại Hùng nằm trên thềm lục-địa đông-nam Việt-nam, trước đây đã giao cho Liên-sô, qua công-ty Vietsovpetro. (nhn)

HÀ-NỘI ĐƯA TƯỚNG (VC) TRẦN VĂN QUANG RA ĐÔI CHỐI

Trước đây, tờ *Nữu-ước thời báo* đã trưng ra một tài-liệu mật lấy được tại Nga nói về tù-binh Mỹ tại Việt-nam. Tài-liệu này là bản báo-cáo mật của tướng VC Trần Văn Quang trình lên Trung-ương đảng, đưa con số tù binh cao hơn con số do VC chính-thức công-bố.

Hà-nội đã chống-chế yếu-ớt, cho rằng tài-liệu của *Nữu-ước thời-báo* có tính-cách bịa-đặt với ác ý. Ngày 19.4, Hà-nội đã sai Thượng-tướng (VC) Trần Văn Quang tới nhà khách bộ Quốc-phòng ở Hà-nội, yết-kiến Đại-tướng Mỹ G. Vessy để thề sống thề chết là y không hề viết bản báo-cáo nói trên.

Tướng Quang cãi rằng trong thời-gian từ 1965 tới 1973 y làm Tư-lệnh Quân-khu 4 và Tư-lệnh Mặt trận B4 (Bình Trị Thiên) chứ không hề làm Tư-lệnh điều-khiển tù-binh Mỹ, và không hề viết báo-cáo tù-binh nào ký tên “Trần Văn Quang” cả.

Tướng Mỹ Vessy tỏ ra tin vào lời nói của tướng VC hơn là tài-liệu lấy được ở nước Nga. (nhn)



trong làng

RA MẮT “MIỀN ĐẤT HỨA” CỦA TRÀ LŨ

Trung-tâm Văn Bút VN/Ontario đã tổ-chức ra mắt *Miền đất hứa*, tác-phẩm thứ ba của Trà Lũ Trần Trung Lương hôm 16.5 tại nhà hàng South Vietnam, 444 Spadina Ave., Toronto.

Buổi sinh-hoạt còn có phần nói chuyện thời-sự và văn-hóa của hai đại đức Nguyễn Đạt và Tâm Hòa.; cùng sự góp mặt trên diễn đàn của dịch gia Tự Tĩnh Nguyễn Nhật Tân, nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, thi-sĩ Song Hường, giọng ngâm Xuân Kỳ, cùng các khuôn mặt văn-nghệ vùng Toronto. (dtn)

NHÀ VĂN AN KHÊ VÀ “TỪ KHÁM LỚN TỚI CÔN-ĐẢO”

Nhà văn An Khê Nguyễn Bính Thịnh đã giao cho Làng Văn trình làng cuốn “*Từ Khám Lớn tới Côn-đảo*” của ông.

Đây là tập hồi-ký lao-tù của một chiến-sĩ quốc-gia kháng Pháp, bị giam hãm trong tù-ngục của thực-dân. Trong tù, ngoài sự tranh sống với tử thần, các chiến-sĩ quốc-gia lại phải đối đầu với mặt trận mới, âm-

thầm nhưng khốc-liệt: mặt trận Quốc Cộng. Tuy là bạn đồng tù, nhưng "cặp rân" cộng-sản luôn luôn giữ đủ mọi thủ-đoạn để tận diệt những người quốc-gia và những người không đảng phái.

Nỗi khổ một cổ hai tròng này đã được tác-giả kể lại với giọng văn đậm-đạm, chùng-mực và chân-thật, y như bản tính hiền-hòa của ông.

Tác-giả An Khê còn là một tiểu-



Nhà văn An Khê Nguyễn Bình Thịnh

thuyết-gia kỳ-cựu trong làng văn, làng báo. Trước 1975, ông đã trình làng gần 250 tác-phẩm văn xuôi, hầu hết là truyện dài, nhiều truyện đã được soạn thành tuồng cải-lương (*Hai chuyến xe hoa*, *Bơ-vơ*) và phim (*Người vợ hai lần cuối*).

Hân-hạnh giới-thiệu với quý độc-giả, một tập sách quý, chứa đầy kinh-nghiệm cuộc đời và kinh-nghiệm đấu tranh.

Mời quý vị tìm xem. Giá sách: 11 mỹ-kim (15 gia-kim), liên-lạc: Làng Văn. (nhn)

SÁCH MỚI TRONG THÁNG

Ngoài các cuốn *Miền đất hứa* (Trà Lũ), *Từ Khám Lớn tới Côn-đảo* (An Khê), trong tháng 6.93, cơ-sở Làng Văn đã in xong các cuốn:

- *Vĩnh biệt tình em*, tập truyện

ngắn của Bùi Tĩnh, một cây bút trẻ, viết rất tếu, rất thực, hiện sinh sống ở Bỉ. Tác-giả đã có bài trên *Làng Văn* và một số tạp-chí khác tại hải-ngoại, được độc-giả ưa-chuộng vì lối hành văn giản-dị, chân-thực và hoạt-kê, mang lại cho người đọc những phút giải-trí hoàn-toàn thoải-mái.

Vĩnh-biệt tình em giá 10 mỹ-kim (13,50 gia-kim).

- *Đôi lá khô*, tập truyện ngắn của nhà văn kiêm nhà giáo Nguyễn Tư. tác-giả hiện sinh sống tại Úc. Ông là một nhà văn trần-trở trước cuộc đời. tác-phẩm của ông chứa-đựng nỗi ưu-tư của con người nhỏ bé – và đôi khi – bất-lực, trước thời-thế, nhân-sinh.

Giá sách 10 mỹ-kim (13,50 gia-kim).

- *Trước bến Văn Lâu*, tập truyện ngắn của một nhà văn trẻ ở Dallas, Texas: Việt Phương.

Việt Phương là một người viết gắn chặt với tinh-thần hoài-niệm cố-đô và cố hương. Anh làm thơ (thi-tập *Trên những ngậm-ngùi*) và viết văn. Tác-phẩm của anh hằn sâu dấu vết chiến-tranh, áp-bức, khủng-bố, tù-dày, nhưng chất-chứa hi-vọng vào tình người và lý-tưởng. Truyện của Việt Phương có tính nhân-bản và hướng thượng, đề-cao đất nước và con người.

Trước bến Văn Lâu giá 10 mỹ-kim (13,50 gia-kim).

- Cuối tháng 6, *Làng Văn* sẽ trình làng cuốn *Bút-khảo về Ấn* của Lê Văn Lân, một y-sĩ học-giả chuyên viết bút khảo, rất có duyên.

Bút-khảo Lê Văn Lân có thể coi như là những "mảnh vụn văn-hóa" vỡ ra từ một chiếc bình ngọc. Tác-giả sưu-tập, ngắm-nghía, phân loại rồi trân-trọng xếp vào từng ô, từng học, trình-bày một cách duyên-dáng, hào-hứng.

Quý bạn đã tiếp-xúc với những đoạn bài, những đề-tài lý-thú của ông Lê trên *Làng Văn*, nên tìm mua toàn bộ các tập bút-khảo của ông, như *Bút-khảo về Ấn* (đang in), *Bút-khảo về Nói*, *Bút-khảo về Chơi*, *Bút-khảo về Thơ*, *Bút-khảo về Hàn Mặc Tử*, về tranh và bút-thiếp dân-gian, v.v. (sẽ in)

ngoài ngõ



HỘI BẠN VÀ TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CHẾ ĐỘ CSVN PHẢN ĐỐI NHÓM "THÔNG LUẬN"

Ngày 17 tháng 4, Ủy ban Thích Huyền Quang (Pháp), đã mời một số đoàn thể VN đấu tranh tại Pháp đến chùa Khánh Anh (Paris) để dự một buổi họp nhằm thống nhất hành động đối với vụ án Đoàn Viết Hoạt.

Trong buổi họp, sau một số yêu cầu của đại diện nhóm Thông luận, đại diện Hội Bạn và Tù Nhân Chính Trị Chế Độ CSVN (APPOCOVI) đã bỏ ra về.

Sau đó Hội đã gửi văn thư cho Ủy ban Thích Huyền Quang, xác nhận APPCOVI "luôn luôn nhiệt tình và thành tâm hỗ trợ mọi hành động đấu tranh cho tự do, nhân quyền dưới màu cờ Quốc gia Việt Nam", đồng-thời đưa ra sự việc sau:

"Rất tiếc thiện chí và tinh thần hỗ trợ của chúng tôi (APPOCOVI) dành cho mục tiêu cao quý do quý Ủy ban kêu gọi đã bị lạm dụng khi đại diện của tổ chức "Thông Luận" (ông Nguyễn Gia Kiểng) yêu cầu vào lúc 22 giờ 35 (nguyên văn lời ông Kiểng):

"Chúng ta không nên trưng bày cờ (cờ VNCH) trong lúc biểu tình, vì có thể có đồng bào miền Bắc cùng tham dự..." với lý do được ông Kiểng nêu thêm (nguyên văn) rằng:

- "Tôi nói thật với các anh, anh Đoàn Viết Hoạt và anh em đấu tranh ở trong nước cũng không chấp nhận lá cờ đó".

Lời yêu cầu và giải thích ngắn gọn nhưng rất "khúc chiết" ấy đã làm đảo ngược mọi ý nghĩ tốt đẹp của chúng tôi đối với mục đích cao cả của phiên họp."

Văn thư nhận định: "dữ kiện xảy ra trong buổi họp tại chùa Khánh Anh mang nặng tính chất ý thức hệ đối nghịch mà tất cả quý vị đã chứng kiến" và yêu cầu Ủy ban Thích Huyền Quang "làm sáng tỏ vấn đề để tránh sự lợi dụng đáng tiếc trong công cuộc đấu tranh cho chính nghĩa".

Tòa soạn chưa nhận được bản sao thư trả lời (nếu có) của Ủy ban Thích Huyền Quang. (kt)

TIẾNG CHUÔNG THỨ HAI VỀ VỤ TÂN ĐẠI VIỆT

Trước đây, *Làng Văn* đã loan các bản tin xuất-phát từ văn-phòng ông Lê Tấn Trọng (Liên-minh Dân-chủ VN), nói về vụ tiếm quyền của ông Nguyễn Tôn Hoàn khi triệu-tập trái nội-quy Đại-hội đảng Tân Đại Việt.

Tòa-soạn mới đây lại nhận được một bản tuyên-cáo "làm tại California, ngày 15 tháng 3", ký tên Trần Trọng Nghĩa, Tổng bí thư ban Chấp hành Trung ương đảng Tân Đại Việt, công bố việc Đại hội đồng Ủy viên Trung ương đảng Tân Đại Việt quyết định khai trừ vĩnh viễn đảng viên Lê Tấn Trọng, bí danh Dũng Chinh.

Lý do khai trừ gồm 5 điểm, tập trung vào những hoạt động gần đây của ông Trọng quanh vụ đưa Liên-minh Dân-chủ vào các hoạt-động ủng-hộ Phong trào Thống-nhất Dân-tộc và Xây-dựng Dân-chủ (chủ-trương đối-lập trong chính-thể cộng-sản) trong nước.

Ngoài ra, bản tuyên-cáo còn nêu một số lý do về mặt đạo đức, tác phong kỷ luật và các hoạt động trước năm 75 của ông Trọng.

Trong khi ông Trọng bị ông Tổng Bí-thư Tân Đại Việt "khai-trừ" thì lại được ông Quyền Chủ-tịch Tân

Đại Việt bênh-vực.

Ngày 26 tháng 4, ông Nguyễn Văn Tại, bí danh Nguyễn Quang Thanh, với danh nghĩa Phó Chủ-tịch Quyền Chủ-tịch ban Lãnh đạo Trung ương đảng Tân Đại Việt đã phổ biến văn thư chính thức trình bày một số chi tiết mà ông gọi là "những sự thật về những khó khăn đã và đang xảy ra cho Tân Đại Việt", phân tích tình hình của đảng TĐV trước và sau khi giáo sư Nguyễn Ngọc Huy qua đời, sự hợp nhất theo ông Tại "giả mạo" của Đại Việt với Tân Đại Việt thành "Đại Việt Quốc Dân Đảng Thống Nhất".

Theo ông Tại, điểm quan trọng nhất là phiên họp ngày 27.3 để khai trừ ông Trọng được triệu-tập không hợp-cách.

Với tư cách Quyền Chủ tịch Tân Đại Việt, ông Tại dựa trên đảng quy, hiến chương và các quyết định của đảng, xác nhận nhiệm-vụ Tổng Thư Ký hiện nay của ông Lê Tấn Trọng và cho biết đã nhận được sự đồng tình của khu ủy và liên khu ủy Tân Đại Việt khắp nơi trên thế giới về việc này.

Ngày 25.7.93, Liên Minh Dân Chủ VN sẽ họp Đại hội Thế giới kỳ II tại Toronto, địa-phương trú-sở của *Làng Văn*. Chúng tôi sẽ tiếp-xúc các đại biểu của Liên-minh để tìm hiểu thêm vấn đề và trình bày cùng bạn đọc. (kt)

BIỆT BỘ NGUYỄN NGỌC HUY LÊN TIẾNG

Trong tháng qua, báo-chí hải-ngoại nhận được một bản thông cáo ghi địa-chỉ "Liên-minh Dân-chủ VN, Biệt bộ Nguyễn Ngọc Huy" ở Maryland, Hoa-kỳ, số điện-thư (301) 469-7821, nhưng gửi từ Ontario, Gia-nã-đại, nội-dung chỉ-trích "những người cầm đầu Liên-minh Dân-chủ VN hiện nay dùng thủ-đoạn" loại được-sĩ Thái Tường (Pháp) khỏi nhiệm-vụ phối-trí-viên để dễ bề ủng-hò Phong-trào Thống-nhất Dân-tộc và Xây-dựng Dân-chủ với chủ-trương hòa-giải, hòa-hợp và liên-hiệp với CSVN.

Tòa-soạn *Làng Văn* đã dò theo

số điện-thư để tìm hiểu nguồn tin nhưng đầu dây bên kia không ai trả lời, máy điện-thư cũng không chạy.

Làng Văn dè-dặt đối với Phong-trào của ông Nguyễn Đình Huy trong nước; nhưng mong rằng mọi thành-phần trong Liên-minh Dân-chủ nên ngồi lại mổ xẻ, giải-quyết vấn-đề hơn là tranh-luận bằng thư, và mượn báo-chí làm chiến-trường. (hkh)

HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC DÂN CHỦ VN TẠI HOA KỲ

Trong dịp kỷ niệm ngày quốc hận 30.4, Mặt trận Dân-tộc Dân-chủ Việt-nam (8 tổ-chức) tại Hoa kỳ đã có nhiều hoạt động tích cực trong công tác ngoại vận.

Ngày 30.4.93, gần 100 đại diện của cộng đồng VN đã tiếp xúc với Ủy ban Ngoại giao Thượng Nghị viện Hoa Kỳ. Đại diện người Việt trong dịp này đã thỉnh cầu HK coi việc tôn trọng nhân quyền, thả các tù nhân chính trị, chấm dứt đàn áp tôn giáo, trả tài sản cho các giáo hội ở VN là điều kiện tiên quyết để xét chấm dứt cấm vận và bang giao. Ủy ban Ngoại Giao của Thượng-viện Hoa Kỳ thông báo chính thức là sẽ không có thay đổi gì lớn trong chính sách của Hoa Kỳ đối với CSVN và sẽ đưa các đề nghị của cộng đồng VN vào nghị trình.

Qua tiếp xúc với ông Kent Wielerman, Phụ tá đặc biệt của Tổng thống Clinton về hội viên Hội đồng An ninh Quốc gia HK trong buổi tiếp xúc cùng này, các đại diện cộng đồng đã trình một kháng thư về vấn đề vi phạm nhân quyền và đàn áp tôn giáo tại VN.

Ông Wielerman dịp này đã xác nhận là Hoa kỳ ghi nhận rằng hiện nay Hà nội vẫn tiếp tục bùng bít sự thật, vi phạm nhân quyền và TT Clinton vẫn chưa có ý kiến gì về việc bãi bỏ cấm vận.

Cùng ngày, ông Lê Tấn Trọng đã cầm đầu một phái đoàn của Mặt trận Dân-tộc Dân-chủ Việt-nam trao một kháng thư cho ông Tổng Thư Ký LHQ tại Nữ Ước, yêu cầu LHQ mở

cuộc điều tra công khai về các vi phạm nhân quyền ở VN và đòi hỏi Hà nội trả tự do ngay cho các tù nhân chính trị. Bà E.S. Robins, phụ tá Tổng Thư-ký LHQ đã tiếp phái-đoàn và cam kết sẽ can thiệp về việc này.

Cuộc vận động các nghị sĩ, dân biểu Hoa kỳ để chính phủ HK tài trợ cho đài phát thanh Á châu tự do cũng đã có kết quả khả quan. Theo Giáo sư Nguyễn Thanh Trang, trưởng ban vận động thành lập đài phát thanh Á Châu Tự Do, chính phủ Clinton đã chấp thuận đề nghị của Quốc hội dành 30 triệu mỹ kim để thành lập đài này, thay vì gia tăng ngân khoản cho đài VOA.

Các cuộc vận động kể trên đã cho thấy những chuyển hướng rõ rệt và tích cực trong phương pháp đấu tranh của khối người Việt tị nạn tại Hoa kỳ.(kt)

ĐẠI HỘI NGƯỜI VIỆT TỰ DO TRUNG TÂY HOA KỲ

Bảy trăm người Việt thuộc nhiều đoàn thể quốc gia tại Hoa kỳ đã họp mặt trong Đại Hội Người Việt Tự Do Trung Tây II HK tại St. Louis, tiểu bang Missouri, ngày 24.4.93. Đây cũng là dịp kỷ niệm đệ nhất chu niên Đại hội Thế giới Hội đồng Việt Nam Tự Do.

Cùng tham dự trong đại hội còn có các đại biểu các hội đoàn từ khắp nơi tại Hoa kỳ.

Tiến sĩ Lê Phước Sang, chủ tịch trung ương Hội Đồng VN Tự Do trong phát biểu tại đại hội đã nhấn mạnh đến nhu cầu của tập thể các hội đoàn và tổ chức quốc gia hải ngoại là tái lập lại niềm tin, thực hiện những chương trình công tác và hành động tương xứng với mục tiêu quang phục quê hương, tránh những hoạt động cục bộ địa phương và phiến diện.

Dịp này, Hội Đồng VN Tự Do (ông Thái Bá Tri là Chủ tịch) và Ủy ban Nhân Quyền và Tự Do Tín Ngưỡng miền Trung Tây II (Ông Dương Văn Dung làm Chủ tịch) đã ra mắt.

Tham dự đại hội còn có Thượng

tọa Thích Giác Lượng, chủ tịch danh dự HĐVNNTD, kiêm Chủ tịch Ủy ban trung ương Xã hội, Từ thiện và Cứu trợ HĐVNNTD, đại diện chính quyền và các dân biểu nghị sĩ tiểu bang Missouri cùng quâi-kiệt Trần Văn Trạch (từ Pháp) và nghệ-sĩ Hùng Cường (từ California) về dự. (kt)

THI SĨ XUÂN TƯỚC NHẬN PHẦN THƯỞNG ƯU HẠNG CỦA THE NATIONAL LIBRARY OF POETRY

Nhà xuất bản The National Library of Poetry (Hoa kỳ) đã trao Editor's Choice Award năm 1993 cho thi sĩ Xuân Tước. Bài thơ "Don't Say Anything" của Xuân Tước đã được chọn vào số 3% của 5845 bài thơ dự cuộc thi thơ do tổ chức nói trên tổ chức và được chọn đăng trong tuyển tập thi ca "Wind in the Night Sky" ấn hành năm 1993.

Đây không phải là lần đầu Thi sĩ Xuân Tước nhận được danh dự về thi ca. Gần đây nhất, năm 1992, ông đã được Tổ chức Thi Ca Thế giới trao giải ưu hạng cho bài thơ *Paradise*, chọn đăng trong tuyển tập *Tiếng Thơ Hoa Kỳ (Poetic Voice of America)*. (kt)

GÂY QUỸ YẾM TRỢ ĐÀI PHÁT THANH TIẾNG NÓI TỰ DO MẠC TƯ KHOA

Ngày 11 tháng 6, Ủy ban Yểm trợ Đài TNTD Mạc tư khoa (Radio Irina) Toronto sẽ tổ chức bữa ăn gây quỹ tại nhà hàng House of Noodles (457 Dundas St. W., Toronto, Canada).

Hiện diện trong bữa ăn sẽ có bà Irina Zisman, giám đốc đài từ Mạc-tư-khoa sang dự. Bà Irina sẽ trình bày mục đích và hoạt động của đài và tiếp xúc với khách tham dự.

UBYT Đài TNTD Mạc-tư-khoa tại Toronto (do ông Trần Sáu làm chủ tịch) đã nỗ lực vận động cho công việc yểm trợ đài từ nhiều tháng nay. Ngày 9.5, trong buổi sinh hoạt hàng tháng của Hội Cao Niên VN Toronto, các cụ cao niên và thân hữu cũng đã quyên được 230 gia kim cho

đài TNTD.(kt)

NGÀY QUÂN-LỰC 19.6 TẠI OTTAWA, GIA-NÃ-ĐẠI

Hội Chiến-sĩ VN Tự-do vùng thủ-đô Gia-nã-đại tổ-chức lễ kỷ-niệm Ngày quân-lực 19.6 vào chiều Thứ Bảy, 19.6 tại hội-trường Glebe Collegiate Institute, góc Carling và Bronson, Ottawa, gồm có tiếp-tân (tiệc mặn) và văn-nghệ (với Nguyệt Ánh, Chế Linh, Như Hoa, Hồng Nhung, Lan Hương và ban nhạc Melomen). (dtn)

VÕ SƯ VÕ TẤN KHOẺ BIỂU-TÌNH CHỐNG CSVN

Võ-sư đệ ngũ đẳng huyền-đại Thái-cực-đạo đã tham-gia cuộc biểu-tình chống CSVN do Cộng-đồng VN Liên-bang Úc-châu tổ-chức hôm 30.4 trước sứ-quán VC tại Canberra.

Ông Lộc sang Úc với tư-cách du-khách. Khi đi biểu-tình chống cộng, ông biết trước sẽ phải trả một giá rất đắt khi hết hạn chiếu-khán, trở lại Việt-nam. Ông tuyên-bố với thông-tin-viên *Làng Văn* tại Úc: "Tôi là một cựu chiến-sĩ VNCH, 19 năm qua, cứ đến ngày 30.4, tôi lại phải



Võ-sư Võ Tấn Khoẻ

nuốt ngược sự phẫn-uất, đắng-cay vào lòng, nay mới có dịp bộc-lộ.”

Ông nhấn mạnh: “Thật đáng hổ-thẹn nếu cứ so-đo, nhút-nhát trước hành-động dân thân, hi-sinh vì đại-nghĩa của bao nhiêu chiến-sĩ khác như Võ Đại Tôn, Lý Tống...”

Trong cuộc tiếp-xúc với báo-chí Việt-nam, võ-sư Võ Tấn Khoẻ cho biết, số võ-sư Thái-cực-đạo còn kẹt lại trong nước rất nhiều. Hàng lục-đăng có các võ-sư Nguyễn Long Vân, Nguyễn Mười Nho, Khúc Văn Bón. Cấp tứ-đăng và ngũ-đăng có các võ-sư Đào Hữu Thế, Trương Văn Hai, Lê Văn Ba, Nguyễn Quốc Tâm, Nguyễn Hùng Sơn,... hầu hết các võ-sư này đều khước-từ, không hợp-tác với cộng-sản.

Ông nói rõ, CSVN tuy mời hợp-tác, tổ-chức các lớp võ-thuật, nhưng khi thi đấu giữa Sài-gòn và Hà-nội, nhà cầm quyền luôn luôn chỉ-thị các võ-sinh miền Nam phải để cho võ-sinh miền Bắc đánh thắng để chứng-tỏ con người xã-hội chủ-nghĩa luôn luôn ưu-việt về mọi mặt.

Ngay cả khi mang võ-sinh ra nước ngoài dự tranh, CSVN vẫn chọn đấu-thủ theo tiêu-chuẩn “hồng hơn chuyên”, lý-lịch “tốt” hơn là có khả-năng và thực-tài.

Võ-sư Võ Tấn Khoẻ đã khóc ròng khi hát quốc-ca VNCH trong cuộc biểu-tình. Ông tỏ ra phẫn-khởi khi thấy các chính-khách cấp bộ-trưởng đối-lập của Úc cùng sát cánh đấu-tranh cho tự-do dân-chủ tại Việt-nam. Ông xác-định: “CSVN phải chọn-lựa một trong hai con đường, phải thực-thi dân-chủ, tự-do, nhân-quyền theo yêu-cầu của thế-giới, hay là bị tiêu-diệt.” (hò)

LỄ PHẬT-ĐẢN TẠI GIA-NÃ-ĐẠI

Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất tại Canada tổ-chức chương-trình Đại lễ Phật-đản lần thứ 2537 vào lúc 11 giờ sáng 29.5 tại hội-trường Port Credit Arena, số 40 đường Stave Bank, Mississauga, Ontario.

Trước đó một ngày, Giáo-hội tổ-

chức buổi nói chuyện cho Hoà-thượng Thích Hộ Giác, Chủ-tịch Hội-đồng điều-hành Giáo-hội Phật-giáo VN Thống-nhất Hải-ngoại tại Hoa-kỳ. Chủ-đề buổi nói chuyện là *Tường-trình công-cuộc vận-động bảo-vệ tự do tín-ngưỡng và nhân-quyền tại VN của Giáo-hội.*

Buổi nói chuyện khai-diễn lúc 19 giờ ngày 28.5 tại Bloor Collegiate Institute, số 1149 Bloor St. West, Toronto. (dtn)

HỘI Y-NHA-DƯỢC SĨ VN TẠI ĐỨC-QUỐC GIÚP-ĐỖ ĐỒNG-BÀO TỊ-NẠN

Hội Y-Nha-Dược sĩ Việt-nam tại Đức đã xin các cơ-sở bào-chế dược-phẩm cung-cấp một số thuốc trị bệnh thông-thường và trụ-sinh nhằm giúp-đỡ đồng-bào tại các trại tị-nạn ở Á-châu.

Trước đây, Hội cũng đã chuyển đến Linh-mục Lê Văn Thắng ở Hương-cảng 2.000 đức-mã để mua sữa và thức ăn bổ-dưỡng giúp các sản-phụ.

Năm nay, Hội quyền được gần 200 kí dược-phẩm, trị giá 43.251 đức-mã. Hội chuyển 40 kí thuốc men cho Linh-mục Nguyễn Đức Hậu ở trại tị-nạn Panat Nikhom. Số thuốc còn lại sẽ chuyển tới quý vị lãnh-đạo tinh-thần các tôn-giáo tại các trại để giúp-đỡ người tị-nạn. Tuy-nhiên, trong hoàn-cảnh hiện tại, việc cứu-giúp này không đơn-giản, khi chính-quyền các nước và ngay chính Phủ Cao-ủy Tị-nạn LHQ đang nhấn tâm hạ-độc-thủ, gây khó-khăn cho người tị-nạn để gián-tiếp cưỡng-bách họ phải “tự nguyện” trở lại với CSVN. (tvt)

Đọc, viết và cổ-động
làng văn
tờ báo của bạn

Khoảng mười tổ chức chính trị, tôn giáo, hội đoàn của người Việt hải ngoại đã có mặt tại cuộc hội thảo về đề tài *Việt Nam và nhân quyền* tại Mạc Tư Khoa từ ngày 21 đến 23.4.93, do đài phát thanh Tiếng Nói Tự Do và Hiệp hội Nga vì Dân Chủ và Nhân Quyền tổ chức.

Các phái đoàn đã có một diễn đàn quốc tế tốt để ăn nói và để trở về ở các địa phương, tin tức hình ảnh về cuộc hội thảo này đã xuất hiện trên những tờ báo trong cộng đồng người Việt, mang nhiều sắc thái khác nhau, tùy theo cách nhìn của từng phe nhóm, tùy óc tưởng tượng và tùy lăng kính chính trị của những ký giả nằm nhà. Những bài báo này, tuy là cơ hội để từng cá nhân hay phe nhóm tâng bốc lẫn nhau hoặc tự đề cao, đã làm chìm mất đi nhiều sự thật của một chuyến đi, và không lôi cuốn được sự chú ý của người đọc.

Tôi có cái “không may mắn”, mà tôi gọi là may mắn, là kẻ duy nhất tới Mạc Tư Khoa mà không nằm trong phe nhóm nào, không nhân danh tổ chức nào. Tôi đến đó vì muốn tìm hiểu về đài phát thanh Tiếng Nói Tự Do, về tâm tình đời sống người Nga và người Việt tại thành trì đổ nát của chủ nghĩa vô sản quốc tế, và muốn nhìn xem cuộc hội thảo này có gì khác với những cuộc hội thảo trước! Và, tôi nghĩ đó chính là những điều cộng đồng người Việt hải ngoại đang muốn biết, và cần được biết một cách trung thực.

Cái giống và cái khác

Cái giống, về phía người Việt, tại cuộc hội thảo này là có nhiều phe nhóm với những khuôn mặt quen thuộc và tên tuổi nhiều người biết. Cũng đã xảy ra vài đụng chạm trong hậu trường vì đầu óc phe nhóm, tự tôn. Tuy nhiên, bên cạnh những cái “giống” đáng buồn mang triệu chứng một căn bệnh lâu năm của người Quốc gia, đã có những cái “khác” mới lạ, đáng mừng. Cuộc hội thảo này là một cơ hội, và là một trải nghiệm, cho thấy các phe nhóm

Hội-Thảo Mạc-Tư-Khoa

Qua Cái Nhìn Của

Một Người Không Phe Nhóm

Sơn Tùng

người Việt Quốc gia lưu vong có thể thực sự ngồi lại với nhau để tranh đấu cho một mục tiêu chung.

Thực vậy. Do người tổ chức và đứng ra mời là người Nga, không phải là một trong những phe phái của ta, nên cuộc hội thảo đã quy tụ được nhiều tổ chức người Việt lưu vong trước đây vẫn "ky" nhau. Tới Mạc Tư Khoa, họ đã được ban tổ chức sắp xếp ở chung với nhau tại một khách sạn, ăn chung bàn, đi chung xe với nhau. Và trên đất lạ, nhất là trước sự đe dọa khủng bố của toà đại sứ Hà Nội, các phái đoàn đã tự động "siết chặt hàng ngũ" bảo vệ lẫn nhau. Tại cuộc hội thảo, qua những bài phát biểu, đã không thấy có dị biệt nào giữa các phe nhóm, trong việc nhận diện kẻ thù và mục tiêu đấu tranh, tuy có vài khác nhau về phương thức đạt mục tiêu.

Một cái khác nổi bật của cuộc hội thảo này là tính chất quốc tế của nó, và có lẽ là cuộc hội thảo đầu tiên được tổ chức tại Mạc Tư Khoa, hang ổ cũ của cộng sản quốc tế, để những người lưu vong tị nạn cộng sản họp nhau lên án cộng sản. Còn nơi nào trên mặt đất này có ý nghĩa hơn, và ngạo nghễ hơn, để "tố cộng"?

Người Nga và cuộc hội thảo

Cuộc hội thảo về Việt Nam và vì Việt Nam, nhưng do sáng kiến của những người nga dân chủ, yêu tự do, đang hoạt động trong đài Tiếng Nói Tự Do ở Mạc Tư Khoa và Hiệp hội Nga vì Dân chủ và Nhân quyền

vừa được thành lập không lâu, với nhvãn Mark Kabakov làm chủ tịch, và bà Irina Zisman, giám đốc đài Tiếng Nói Tự Do, đồng chủ tịch. Hai vị này cũng là hai người đóng vai chủ động trong cuộc hội thảo.

Tại sao có cuộc hội thảo này, và tại sao lại được tổ chức tại Mạc Tư Khoa vào giữa lúc sân khấu chính trị nước Nga đang sôi sục trước ngày trưng cầu dân ý 25 tháng 4? Theo ban tổ chức, cuộc hội thảo này là diễn đàn để các đoàn thể dân chủ, người Nga và người Việt, biểu dương lực lượng, chống lại áp lực của tàn dư cộng sản tại Nga muốn đóng cửa đài Tiếng Nói Tự Do, và để đài có thể làm một chương trình đặc biệt về những hoạt động cho nhân quyền tại Việt Nam phát thanh về nước vào dịp 30.4.93. Tình hình chính trị sôi động tại nước Nga vào lúc có cuộc hội thảo là biến chuyển bất ngờ, ngoài dự đoán của ban tổ chức. Đây có lẽ là lý do giải thích sự vắng mặt của một số người tại cuộc hội thảo, dù trước đó đã ghi tên làm thủ tục tham dự.

Không khí chính trị nóng bỏng tại Nga đã khiến tin tức về cuộc hội thảo không chiếm được những chỗ quan trọng hơn trên báo chí và nhiều thời lượng hơn trên đài truyền thanh truyền hình Nga, nhưng chính tình hình bất lợi này đã làm nổi bật tấm lòng của những người Nga dân chủ đối với Việt Nam. Mặc dù vận mệnh nước Nga đang trong cơn thử thách lớn, và tương lai của những người Nga chống cộng cũng đang bị đe dọa nặng, họ đã chăm lo cho cuộc hội

thảo rất chu đáo với một thái độ bình tĩnh rất đáng khâm phục. Các nhà văn, nhà báo, trí thức Nga đã luôn luôn có mặt tại những buổi họp, đọc những bài tham luận sâu sắc ủng hộ cuộc tranh đấu vì dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam. Nhiều cuộc tiếp xúc riêng đây tình bằng hữu và cảm thông cũng đã diễn ra, làm nhịp cầu cho những liên lạc tốt đẹp sau này.

Sự thành công của cuộc hội thảo đã khiến cho tờ báo cộng sản Pravda không thể làm ngơ, viết bài chống đối, mà một nhà trí thức tại Mạc Tư Khoa gọi là "tiếng chó sủa trắng".

Hoà hợp hoà giải không có đất đứng

Những bài tham luận, phát biểu của các tham dự viên, dù là người Việt hay không phải người Việt, cũng đều nặng nề lên án cộng sản Việt Nam với những chính sách chà đạp nhân quyền thô bạo, đàn áp tư tưởng, phỉ báng tôn giáo, tước đoạt những quyền tự do căn bản của người dân. Sự cáo chung của chế độ chuyên chính ấy là điều kiện tiên quyết để đem lại tự do dân chủ, tự do tôn giáo, và phục hồi nhân quyền cho Việt Nam.

Diễn giả duy nhất đã nêu ý kiến "hoà giải giữa các tư tưởng đối nghịch" là ông Khalila Macco, người gốc Ethiopia, chủ tịch hội Puskin quốc tế. Ý kiến của ông ta đã lập tức gặp phản ứng mạnh của các diễn giả khác, trong đó có phái đoàn Phật giáo đã cho biết về kinh nghiệm ê chề của Phật giáo Việt Nam trong nỗ lực hoà giải với cộng sản trong quá khứ. Một nhân chứng khác là nhà báo Sait Kasum cũng đã lên diễn đàn nói về kinh nghiệm hoà hợp hoà giải với cộng sản tại quê hương ông ta, Cộng hoà Tadjikistan. Hàng chục ngàn người đã bị tàn sát kể từ khi cộng sản nắm lại chính quyền do thắng cuộc bầu cử cách đây vài tháng, vì dân chúng bất mãn với đời sống khó khăn sau khi Tadjikistan tách khỏi Liên bang Xô viết và thiết lập chế độ dân chủ, hoà hợp hoà giải

với cộng sản. Chính Sait Kasum đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc và mới trốn được tới Mạc Tư Khoa trước đó vài ngày, nét hãi hùng còn nguyên trên gương mặt.

Ý niệm về một sự “hoà giải dân tộc” cũng đã được nói đến trong bài tham luận của nhóm Nhân Văn, một tập hợp thanh niên sinh viên Việt Nam tại Mạc Tư Khoa. Thật ra đây là một ý niệm có tính cách lý tưởng mà không một người Việt Nam nào chống đối, trừ những người cộng sản. Bằng cớ là nhóm Nhân Văn chỉ gửi bài tham luận tới mà không dám cử đại diện để lên tiếng trước hội nghị. Họ sợ hãi bạo lực đang bao trùm lên họ từ cái sứ quán Hà Nội tại Mạc Tư Khoa. Ban tổ chức đã nhờ cô Hoàng Dung, một xướng ngôn viên của đài Tiếng Nói Tự Do, lên đọc bài tham luận này. Chính cô Hoàng Dung cũng đã nếm mùi bạo lực của toà đại sứ cộng sản Việt Nam trước đó vài ngày, và cô đã dứt khoát ly khai với cái chế độ đã gửi cô sang Nga học bốn năm về trước. Sau khi khám phá ra Hoàng Dung cộng tác với đài Tiếng Nói Tự Do, sứ quán Hà Nội đã gọi cô tới uy hiếp tinh thần, dọa nạt trực xuất, bắt giam cả 7 nhà báo (5 Nga, 2 Mỹ) đi theo cô, sau ba tiếng đồng hồ mới trả tự do cho họ.

Toà đại sứ CSVN tại Mạc Tư Khoa cũng đã bày tỏ lập trường về “hoà hợp hoà giải” bằng cách cố phá cuộc hội thảo, kể cả đe dọa an ninh cá nhân và hăm đặt bom tại hội trường khiến cơ quan an ninh địa phương phải đem chó cảnh sát tới đánh hơi chất nổ.

Có lẽ nên nhắc ở đây câu nói của nhà văn Mark Kabakov, chủ tịch Hiệp hội Nga vì Dân chủ và Nhân quyền, tại cuộc hội thảo, sau khi nghe một diễn giả nói rằng nhân dân Việt Nam có quyền dùng mọi phương cách để lật đổ chế độ CSVN: “Lời phát biểu của ông làm tôi nhớ tới một câu trong thánh kinh của người Do Thái: Đối với một con rắn độc thì người ta chỉ có cách là đánh chết nó

mà thôi”.

Đài phát thanh Tiếng Nói Tự Do

Cuộc hội thảo về Nhân quyền và Tự do cho Việt Nam tại Mạc Tư Khoa là một thành tích không nhỏ của Hiệp hội Nga vì Dân chủ và Nhân quyền vừa thành lập được vài tháng, và của đài Tiếng Nói Tự Do sau gần một năm hoạt động, do bà Irina Zisman sáng lập và làm giám đốc.

Bà Irina Zisman chính là người đã khai mở “mặt trận miền đông”, đánh vào tập đoàn thống trị ngoan cố của CSVN, và cuộc hội thảo vừa qua là một trong những trận đánh sẽ còn tiếp diễn. Cuộc hội thảo này, ngoài mục tiêu chính của nó là hướng về Việt Nam, mặt khác cũng đã khai mở thêm những cảm thông giữa đài phát thanh Tiếng Nói Tự Do và cộng đồng người Việt hải ngoại đã có những xu hướng e ngại dè dặt lúc đầu, bởi nhiều lý do, trong đó có liên hệ của đài này với tổ chức Phục Hưng mà chủ trương không được nhiều người chấp nhận.

Tổ-chức Phục Hưng, thật ra chỉ

là một trong những tập-thể đã tiếp giúp cho đài trong lúc ban đầu vì sự ngẫu-nhiên mà thôi. Cho đến nay, Tổ-chức Phục Hưng vẫn còn tiếp-tục giúp đỡ đài, nhưng Ủy ban Yểm trợ do tổ chức này lập ra vào tháng 10.92 tại Hoa kỳ đã gặp nhiều trục trặc trong quan hệ với đài. Theo tin chưa chính thức thì quan hệ ấy đã gãy đổ. Dấu hiệu rõ nhất là Ủy ban Yểm trợ đã không có mặt tại cuộc hội thảo.

Trong thời gian hội thảo, các phái đoàn đã được hướng dẫn tới thăm đài, tìm hiểu hoạt động của đài, và đã bày tỏ sự ủng hộ cho đài cả về tinh thần lẫn vật chất.

Ủng hộ hay không ủng hộ đài, những người Việt lưu vong còn tha thiết đến vận mệnh đất nước Việt Nam có lẽ nên cứu xét vấn đề một cách cẩn trọng, nghiêm túc và thực tế, vì sau khi đài Tiếng Nói Tự Do hoạt động được gần một năm, và sau cuộc hội thảo vừa qua tại Mạc Tư Khoa, nhiều dữ kiện cần để đi đến một kết luận đã không còn là những điều “bí mật” nữa!



Tại trụ-sở Hội Nhà Văn Nga (từ trái sang phải: nhà văn Sơn Tùng, nhà văn Mark Kabakov, dân-biểu Gia-nã-đại Mac Harb và nhà văn Rady Fish)

TUYÊN CÁO MẠC TƯ KHOA VỀ NHÂN QUYỀN, TỰ DO TÔN GIÁO VÀ DÂN CHỦ CHO VIỆT NAM

Chúng tôi, Hiệp hội Nga vì Dân chủ và Nhân quyền, cùng với đại diện của các tổ chức chính trị, tôn giáo và nhân sĩ Việt Nam tại hải ngoại tham dự cuộc “Hội thảo về Nhân quyền và Tự do Dân chủ cho Việt Nam”, tổ chức tại Mạc Tư Khoa từ ngày 21.4 đến 23.4.93.

Mặc dù dưới áp lực nặng nề của toà đại sứ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Mạc Tư Khoa, mặc dù có hăm dọa đặt bom và uy hiếp an ninh cá nhân, chúng tôi đã tiến hành và kết thúc cuộc Hội Thảo đúng như chương trình đã định.

Chúng tôi long trọng tuyên cáo:

1. Mạnh mẽ tố giác trước công luận thế giới những hành động vi phạm nhân quyền của chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, đàn áp tự do tư tưởng, triệt hạ tôn giáo, phỉ báng tín ngưỡng, bắt bớ tù đầy các vị tu sĩ, trí thức, chà đạp lên những điều khoản căn bản trong hiến pháp do chính họ ban bố.

2. Nhận định rằng sự vi phạm nhân quyền trầm trọng của chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là nguồn gốc gây ra những khổ đau cho nhân dân Việt Nam, trong đó có hàng ngàn tù nhân chính trị, các nhà tu hành, và hàng trăm ngàn người bỏ nước ra đi đang sống lay lắt những ngày đen tối tại các trại tị nạn ở các nước lân bang.

3. Khẳng định rằng mọi người Việt Nam, dù ở trong nước hay sống ở ngoài nước, có quyền và có bốn phận thiêng liêng để tranh đấu đòi lại quyền sống và các quyền tự do dân chủ.

Do tuyên cáo trên đây, chúng tôi:

1. Đòi hỏi chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam chấm dứt ngay các chính sách độc tài, độc đoán; đình chỉ lập tức những hành động đàn áp tư tưởng, triệt hạ tôn giáo; trả tự do ngay cho các tù nhân chính trị và tu sĩ các tôn giáo; hủy bỏ những bản án bất công. Đó là cách duy nhất chấm dứt hận thù, chấm dứt nghèo đói và đồng thời chấm dứt thảm kịch người tị nạn bỏ nước ra đi kéo dài đã 18 năm nay.

2. thỉnh cầu Liên Hiệp Quốc và các chính phủ dân chủ trên thế giới, các tổ chức nhân quyền quốc tế... can thiệp và gây áp lực lên chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam để các đòi hỏi trên đây được cứu xét và đáp ứng nghiêm chỉnh.

3. Khẩn thiết kêu gọi mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước hãy can đảm và tích cực góp phần đấu tranh đòi lại quyền làm người, quyền tự do tư tưởng và tự do tín ngưỡng, hầu có thể đưa đất nước vào trào lưu dân chủ hoá trên thế giới ngày nay.

Làm tại Mạc Tư Khoa
ngày 23.4.1993

TÁC-GIẢ “MÙA BIỂN ĐỘNG” GẶP BÃO LỚN TẠI SAN JOSE

Buổi hội-luận văn-nghe do hội-quán Việt-nam (Liên Hội Bắc Cali) tổ-chức đã dậy sóng sau khi nhà văn Nguyễn Mộng Giác, tác-giả *Mùa biển động*, thuyết-trình đề-tài “*Hoàn cảnh và tâm-tình của những người cầm bút tại hải-ngoại*”, hôm 22.5 vừa qua tại San Jose.

Bài nói chuyện của ông Giác được các báo tại san Jose tường-thuật là “buồn ngủ”. Tuy-nhiên, bước sang phần thảo-luận, 200 cử-tọa trong hội-trường đã làm dậy sóng khi đứng dậy chất-vấn cả thuyết-trình-viên lẫn ban tổ-chức.

Trước đó, ban tổ-chức đã cẩn-thận “bố-trí” thời-gian, để tham-luận đoàn hỏi điều-hợp-đoàn, rồi điều-hợp-đoàn hỏi tham-luận-đoàn cho hết giờ, ngăn khéo không cho cử-tọa phát-biểu. Nhiều người khó chịu bỏ ra về, nhưng nhiều người khác đã la ó phản-đối, yêu-cầu cho đồng-bào được hỏi.

Cực chẳng đã, điều-hợp-đoàn phải cho cử-tọa phát-biểu.

Ông Bùi Đức Lạc lên máy vi-âm đầu-tiên, than-phiên rằng ông Giác đã cố-tình xúc-phạm danh-dự chiến-sĩ quân-lực VNCH khi viết sai sự thật, dựng nên hình-ảnh người lính nhảy dù quần áo tả-tơi, đầu tóc bù-xù, cầm chai bia đi nghiêng ngả trên đường phố, v.v.

Cả hội-trường vỗ tay rất lớn và rất lâu khiến nhà văn Nguyễn Mộng Giác lúng-túng xin lỗi anh em binh-chủng Nhảy dù, nói rằng trong khi viết không tránh khỏi sơ-xuất.

Nhà văn Hoàng Khởi Phong (gốc Quân Cảnh) đỡ lời ông Giác, nói rằng cần có tự-do sáng-tác. Cử-tọa phản-đối: tự-do sáng-tác không có nghĩa là tự-do bôi-bác, tự-do bóp méo sự thật.

Nhà văn Diệu Tân phát-biểu kế tiếp, nói rằng ông Vũ Văn Lộc dùng Liên Hội Người Việt Bắc Cali, tổ-chức “hội-luận văn-nghe” mà không

hề tham-khảo ý-kiến các anh em văn-nghệ thuộc khuynh-hướng đấu-tranh như Văn Bút Bắc Cali, Hội Văn-nghệ-sĩ VN Tự-do, Hội Phát-triển Văn-học nghệ-thuật, v.v.

Cử-tọa võ tay rất lâu. Đến phiên ông Vũ Văn Lộc xin lỗi anh em văn-nghệ-sĩ Bắc Cali, về việc không tham-khảo ý-kiến.

Tiếp theo, ông Phạm Cường đặt vấn-đề với họa-sĩ Khánh Trường, chủ báo *Hợp-lưu*, người chuyên viết truyện khiêu-dâm, từng tả cảnh người lính VNCH hiếp dâm em gái bạn đồng ngũ của mình vừa tử-trận ngay trong đám tang anh ta. Cử-tọa võ tay ủng-hộ ông Phạm Cường và nhiều người xam mặt đứng lên tìm Khánh Trường, nhưng anh ta đã mau chân lên ra khỏi hội-trường đi mất, mặc cho điều-hợp-đoàn gọi tên mời lên phát-biểu.

Tiếp theo, nhà văn Nguyễn Thiều Nhân, chủ-bút tuần-báo *Đại dân-tộc* lên diễn-đàn yêu-cầu ông Vũ Văn Lộc cho biết "*có chấp-nhận giao-lưu văn-hóa, hòa-hợp hòa-giải với VC không?*" (cử-tọa võ tay). Ông Lộc trả lời, ông không chấp-nhận giao-lưu, hòa-giải với CS, và buổi hội-luận này ông tổ-chức với tư-cách cá-nhân (mặc dù lấy hội-quán của Liên Hội).

Tiếp theo, một cựu tù-nhân HO cụt hai chân và mất gần trọn bàn tay, phát-biểu rằng: "*Người cầm bút nên viết sự thật.*" Ông nhấn mạnh rằng, ngày nào còn chế-độ CS, ngày đó dân-tộc còn đau-khổ (cử-tọa võ tay).

Tiếp theo, cụ Nguyễn Mạnh Hùng lên máy vi-âm kêu-gọi người cầm bút (ý chỉ nhóm Nguyễn Mộng Giác) nên tôn-trọng sự thật, viết lên sự thật, và cùng mọi người đấu-tranh cho tự-do dân-chủ tại Việt-nam. Ông nhấn mạnh: "*Trước tình-hình khó-khăn và nguy-cơ suy-sụp của CSVN, chúng tung cán-bộ tìm cách len-lỏi vào hàng ngũ cộng-đồng tị-nạn VN để phá-hoại. Chúng ta cần vạch mặt chỉ tên bọn đón gió trở cờ, bọn chủ-trương giao-lưu văn-hóa một chiều, bọn hòa-hợp hòa-giải, liên-hiệp vô điều-kiện* (ý chỉ nhóm Nguyễn Văn Thiệu) và *đập tan mọi âm-mưu của*

chúng." (cử-tọa võ tay rất lâu)

Để kết-thúc buổi hội-luận, nhà văn Bùi Vĩnh Phúc trong tham-luận-đoàn đúc-kết: "*người viết cần có tự-do, nhưng nên ý-thức trách-nhiệm khi cầm bút, hòa nhịp với dân-tộc, phản-ảnh thực-trạng và nguyện-vọng của đồng-bào.*"

Nhìn chung, buổi hội-luận cốt đòi tự-do (kể cả tự-do phi-báng và

bóp méo) cho các nhà văn cánh tả, đã biến thành diễn-đàn để đồng-bào có dịp bày-tỏ ý-chí và xác-định lập-trường. Đồng-bào Bắc Cali đang chờ đợi một bài trả lời chua-chát của các báo *Văn-học, Hợp-lưu*, lên án cộng-đồng Bắc Cali là "thiếu văn-hóa" y như đã gièm-pha cộng-đồng Montréal khi đồng-bào tại đây đóng cửa vào mặt các "nhà văn" giao-lưu hồi tháng 6 năm ngoái. (ts)

tin tị-nạn

. Kiên Trung phụ-trách

KINH NGHIỆM TRANH ĐẤU CHO TỊ NẠN VIỆT NAM



Như *Làng Văn* đã đưa tin, số bộ nhân Việt Nam tại trại Dong Rek, từ lâu nay bị bỏ quên và bị chính quyền Thái-lan và Cao ủy LHQ phủ nhận quyền tị nạn, buộc phải qua thanh lọc dù họ đến Thái Lan trước ngày mốc điểm (*cut-off day*, 14.3.89), nay đã được tái công nhận quyền tị nạn.

Tin mới nhất từ Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển cho biết gần một ngàn bộ nhân đã được chuyển sang trại Phanat Nikhom đầu tháng Tư vừa qua. Hiện số đồng bào này đã được Cao-ủy tị-nạn cho lập hồ sơ với các phái đoàn đệ tam quốc gia để được cứu xét cho đi định cư.

Trước đây, lý do để Cao-ủy tị-nạn và chính phủ Thái buộc bộ nhân tại Dong Rek phải qua thanh lọc, như trong văn thư của bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ trả lời Hội Trao Đổi Văn Hoá Việt Mỹ Colorado của thi sĩ Xuân Tước, là vì "họ từ chối không chịu chuyển trại."

Đây là kết quả đáng mừng của mọi nỗ lực qui mô và nhịp nhàng của trên 100 hội đoàn người Việt ở khắp nơi trên thế giới. Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển đúc kết những kinh nghiệm của cuộc tranh đấu như sau:

1. Biết khai thác triệt để yếu tố thiên thời: cuộc vận động được đẩy mạnh vào đúng lúc LHQ đóng cửa các trại dọc biên giới Thái-Miên để đưa những người tị nạn Khmer về nước. Trại Dong Rek, vì nằm lẫn trong khu của người tị nạn Khmer, cũng phải đóng cửa. Như vậy, quốc tế bắt buộc phải quyết định số phận của những người Việt tại đây chứ không thể làm ngơ như họ đã làm trong bốn năm qua.

2. Biết vận động và tạo áp lực với các chính phủ các nước bằng nhiều hình thức và tận dụng khai thác các thời điểm thuận lợi:

- Nhiều hội đoàn tại Hoa Kỳ đã khai thác thời gian chuyển tiếp từ chính phủ Bush sang chính phủ Clinton đồng thời vận động được nhiều hội đoàn có thế lực của Hoa Kỳ và các nhân vật có uy tín và quan hệ trong chính giới. Nhờ các biện pháp phối hợp này, bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã thay đổi chủ trương phải trả quyền tị nạn cho các bộ nhân VN tại Dong Rek đồng thời thương thảo với các quốc gia khác về việc định cư họ.

- Các hội đoàn ở Gia-nã-đại vận động nhau tình nguyện bảo trợ hẳn một số đồng bào nhằm áp lực để chính phủ phải hỗ trợ cho nỗ lực nhân đạo của chính công dân Gia-nã-đại.

- Tại Pháp, nhiều hội đoàn người Việt đã lên tiếng yêu cầu chính phủ cho hẳn một số chiếu khán để làm gương cho các quốc gia khác. Hành động của Pháp có tác động đẩy mạnh quốc tế đến quyết định có lợi cho người tị nạn.

- Ở Úc, quốc gia vẫn chống đối bộ-nhân từ trước đến nay, nhân dịp tổng tuyển cử, cộng đồng Việt nỗ lực vận động để chính phủ Úc không cản trở việc công nhận quyền tị nạn của bộ nhân. Tại đây người Việt được sự tiếp tay của tổ chức hội luật gia người Úc đã rất sốt sắng vận động với bộ Ngoại Giao Úc. Kết quả là đầu tháng 3.93, chính phủ Úc cho biết họ không phản đối quyết định của quốc tế.

- Khắp Âu châu, các hội đoàn Việt kêu gọi chính phủ nước họ cư trú ủng hộ cho giải pháp trả quyền tị nạn cho bộ nhân đến trước ngày mốc điểm đã được chính Hoa Kỳ và Pháp chấp nhận.

3. Giữ được sự hợp tác của Cao Ủy Tị Nạn: cộng đồng Việt quốc tế trong cuộc tranh đấu đã duy trì được một áp lực vừa phải đối với Cao-ủy tị-nạn, do đó, tranh thủ được sự hợp tác rất cần thiết của cơ quan quốc tế này. Chính vì không có sự hợp tác của họ vào năm 89 mà các bộ nhân đã bị bỏ quên suốt bốn năm qua.

Theo UBCNVB, người Việt hải ngoại cần tiếp tục công cuộc đấu tranh cho thuyền nhân ở khắp các trại tị nạn Đông Nam Á, đặc biệt là đấu tranh chống lại chính sách của Cao-ủy tị-nạn bóp nghẹt đời sống thuyền nhân để ép buộc hồi hương.(kt)

THẮNG LỢI CỦA CUỘC TUYỆT THỰC TẠI SUNGEI BESI, MÃ LAI

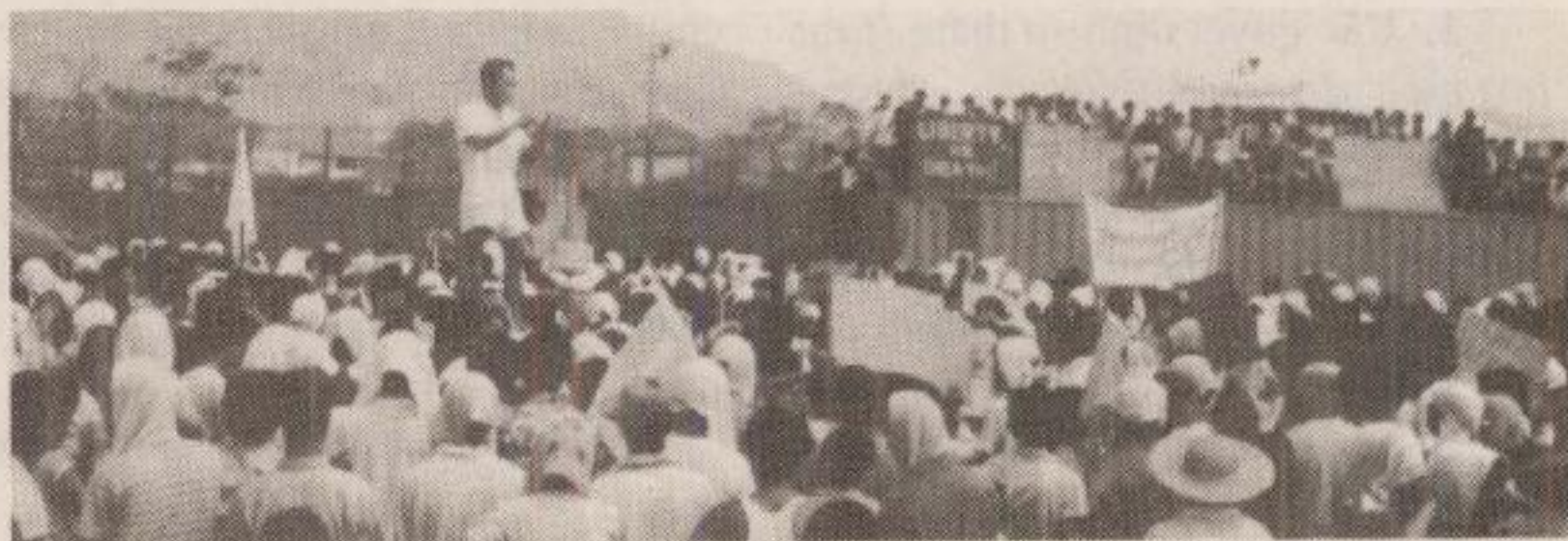
Cuối tháng 4 .1993, thuyền nhân VN tại trại tị nạn Sungei Besi, Mã-lai, đã giành được một thắng lợi quan

trọng sau 17 ngày đêm thực hiện cuộc biểu tình tuyệt thực.

Thư của đại diện Cộng Đồng Người Việt Tị Nạn Cộng Sản VN trại Sungei Besi gửi toà soạn *Làng Văn*, đề ngày 25.4 báo tin mừng có đoạn viết: "Thật là vĩ đại và tuyệt vời, vì nó chưa từng xảy ra trong lịch sử Mã lai, chưa từng kéo dài, qui mô toàn trại đông đảo đến như thế ở trại

tị nạn trên thế giới. Lần đầu tiên một quốc gia tạm dung, một tổ chức lớn của Liên Hiệp Quốc - Phủ Cao Ủy Tị Nạn, phải chịu nhượng bộ thuyền nhân VN."

Cùng với thư nói trên, đại diện thuyền nhân đã gửi cho *Làng Văn* bản sao của Thông cáo chung (Joint Statement) ký ngày 23.4.93. Bản Thông cáo có chữ ký của Thiếu



Đấu-tranh tại Whitehead, đòi quyền làm người, quyền tị-nạn



sinh-hoạt tại trại tù Cape Collinson (với ký-giả Nguyễn Hữu Nghĩa)



Mổ bụng tự-tử tại Mã-lai

tướng Phó Tổng Giám-đốc Lực lượng Đặc-nhiệm Mã-lai (National Task Force, đặc trách các trại tị nạn, vẫn thường được gọi là Task Force), ông Sten A Bronee, Cao Ủy trưởng phụ trách Malaysia và Brunei và 11 đại diện thuyền nhân.

Thông cáo chung bao gồm những thoả thuận giữa đại diện thuyền nhân, Task Force của trại và Cao-ủy tị-nạn (Làng Văn tóm tắt):

1. Các quyết định sơ thẩm (*first instance decisions*) về các trường hợp (thanh lọc) sẽ được công bố trước ngày 30.6.93 và để có thể có đủ thời gian nộp đơn kháng-cáo, xem xét các khiếu tố, các quyết định đợt hai (phúc thẩm - *second instance decisions*) sẽ công bố vào khoảng 30.11.93.

2. Nói lòng hay hủy bỏ hẳn một số qui định khắt khe nhằm thắt chặt đời sống của thuyền nhân đã áp dụng trong những tháng gần đây,:

- Việc cấm đun nấu bị hủy bỏ, thay vào đó, trại sẽ tổ chức và cho phép thuyền nhân nấu nướng tại một số nơi qui định,

- Cho phép thuyền nhân tổ chức các lớp Anh văn với điều kiện phải trình cho chính quyền trại chi tiết về số lớp, số học viên, chương trình học. Thuyền nhân được phép sử dụng các phương tiện của Trung Tâm Self-Learning Centre. Thuyền nhân cũng được phép theo học các lớp dạy nghề và các lớp tiếng Pháp,

- Thuyền nhân được phép làm các công việc được trả lương trong trại.

3. Ghi nhận cuộc tranh đấu của thuyền nhân đã cho thấy một số thủ tục thanh lọc đã không chính xác và bất bình thường, đại diện thuyền nhân có thể đưa các trường hợp này lên các cấp cao hơn.

4. Task Force sẽ chuyển đệ lên các cấp cao hơn một số trường hợp thanh lọc đã bị bác nhưng có yếu tố nhân đạo đặc biệt cần cứu xét thêm và người bị bác đã xin định cư ở Mã-lai.

5. Mọi bên sẽ cùng hợp tác để thời gian tạm trú của thuyền nhân

trong trại Sungei Besi được thu ngắn lại.(kt)

TUYẾT THỰC, TỰ SÁT TẬP THỂ Ở HƯƠNG-CẢNG CHỐNG CHUYỂN TRẠI

Ngày 10 tháng 5, ba thuyền nhân VN đã mổ bụng bằng dao lam trước mặt Cao Ủy trưởng Robert Van Leewen để phản đối quyết định chuyển người tị nạn từ phân trại 1 và 2 của trại giam trại Whitehead đi nơi khác. Chính quyền Hương-cảng trước đó đã ra lệnh dọn hai phân trại này vì cho rằng đây là nơi phát xuất những cuộc đấu tranh của người tị nạn.

Những người tự mổ bụng là các anh:

- Lê Văn Đoàn (số tù - Prison ID-#770530),

- Nguyễn Đình Huân (#70302) và

- Nguyễn Thế Việt (#77013).

Ngày 9 tháng 5, cũng để chống lại biện pháp chuyển trại, tị nạn phân trại 3 đã khởi xướng biểu tình và tuyệt thực. Cơ quan CSD của trại đã lập tức đàn áp ngay và bắt mang đi 6 thuyền nhân là những người cầm đầu cuộc đấu tranh tại phân trại 3. Người tị nạn đã phản ứng mạnh mẽ bằng cách giải thể các cơ cấu điều hành trại từ trước đến nay và bầu lên

Ủy ban Điều hợp để lãnh đạo cuộc tranh đấu.

Số đồng bào tham gia tuyệt thực tại các trại đã lên đến hàng trăm, trong số đó có ba mươi người tự nguyện thành lập đội cảm tử sẵn sàng tự hủy hoại thân thể nếu cảnh sát dùng biện pháp mạnh để cưỡng bức chuyển trại. Ba thuyền nhân mổ bụng vừa kể thuộc đội cảm tử.

Lập trường của chính quyền Hương-cảng là cương quyết buộc thuyền nhân phải chuyển trại, người tị nạn thì nhận định rằng việc chuyển trại là chủ trương chia để trị của nhà cầm quyền, muốn phân họ thành những nhóm nhỏ để dễ tạo áp lực buộc hồi hương.

Tị nạn VN tại Hương-cảng kêu gọi cộng đồng hải ngoại giúp phổ biến rộng rãi các tin tức về thảm kịch đang diễn ra tại trại Whitehead đến mọi người và phản kháng bằng thư gửi đến Cao Ủy trưởng tại Hương-cảng và điều phối viên vấn đề tị nạn của Hương-cảng.

Địa chỉ Cao Ủy trưởng Tị-nạn LHT tại Hương-cảng:

Mr. Robert Van Leewen:
P. O. Box 73887, Kowloon
Central Post Office
Kowloon, Hongkong.
Fax: 011-85-770-5504

GÓP TEM GỬI BÁO CHO ĐỒNG-BÀO TỊ-NẠN (độc-giả, thân-nhân góp tem, tòa-soạn tặng báo)

- ☐ Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 15 mỹ-kim (18 gia-kim)
- ☐ Tiền tem để gửi một năm báo máy bay (10 ngày tới): 37 mỹ-kim (46 gia-kim)
- ☐ Xin vui lòng ghi đầy-đủ tên họ, số cá-nhân và địa-chỉ người nhận. Lưu ý: không thể gửi báo trực-tiếp tới các trại có ghi chữ "detention" hoặc "prison" ở Hương-cảng, trại Sikiew ở Thái-lan, trại Sungei Besi tại Mã-lai, và trại Pusan ở Đại-hàn. Ngoài ra, báo gửi sang các trại Galang (Nam-dương), Panat Nikhom (Thái-lan) rất dễ mất.
- ☐ Nếu quý vị không có thân-nhân tại các trại, tòa soạn sẽ chọn giùm người nhận và thông-báo trên báo.

Dựa Mạn Thuyền Rồng

Trần Văn Tích

Ngày xưa ở nước ta các thiếu nữ có nhiều cơ may lấy chồng vua. Thứ nhất, vì nhà vua rất ham lấy vợ. Thứ hai, vì nhà vua tiếp xúc với dân gian thoải mái và thường xuyên, ít nhất cũng từ thời Lê sơ trở về trước: vua Lý Thánh Tông gặp Ý Lan nơi vườn dâu, vua Lê Thánh Tông bình thơ với sư nữ nơi địa điểm sau này là Vọng Tiên lâu, vua Trần Anh Tông đi bộ ra cửa cung và gặp Đoàn Nhữ Hài, v.v... Thứ ba, vì các quan thân cận nhà vua thường mong con gái được tiến cung: vua Gia Long từng than thở với các triều thần người Pháp về tình trạng này; vua Lê Thánh Tông từng bãi chức Tiến sĩ Phạm Phổ, Thái tử Thị giảng, vì nịnh hót một huy nhân trong đám nữ quan để bà ta đem con gái mình tiến nạp vào cung. Nhưng cũng có tình huống đối nghịch: năm Canh Tuất 1130, có lệnh tuyển chọn con gái nhà quan vào hầu trong cung và con gái nhà quan không được lấy chồng trước khi được tuyển chọn. Bà Đoàn thị Điểm cũng từng được tiến cung nhưng bà cương quyết từ chối. Và thứ tư, vì chuyện cổ tích hay các tác giả truyện Nôm khuyết danh thường ưa thích cho các nhân vật nữ kết duyên cùng đấng cửu trùng. Cho nên cái Tấm đã trở thành hoàng hậu, Phạm Tải thay

thế cho Trang Vương, Châu Tuấn làm vua hai nước, Lý công được truyền ngôi, Thạch Sanh cũng vậy; do đó Ngọc Hoa, Thoại Khanh và nhị vị công chúa đều làm mẫu nghi thiên hạ. Ngay Kiều Nguyệt Nga cũng được quần chúng triu mến đưa lên ngôi đệ nhất phu nhân bằng cách thêm vào đoạn cuối truyện *Lục Vân Tiên* những tình tiết mà cụ Đồ Chiểu không hề sáng tạo:

*Nguyệt Nga trình tiết muôn nghìn
Sắc phong chính hậu chường quyền
tam cung.*

hoặc:

*Nguyệt Nga tiết chói rõ ràng
Sắc phong chánh hậu vì nàng trung
trinh.*

Truyện Nôm nói sắc phong chánh

hậu vì có thể có... phó hậu. Càng lùi xa về dĩ vãng, số phó hậu càng nhiều. Khởi đầu là nhà Đinh. Đinh Tiên Hoàng lập năm hoàng hậu, với những tước vị nhiều khi nghe khá lạ tai: vị thứ nhất gọi là Đan gia, vị thứ hai là Trinh minh, vị thứ ba là Kiều quốc, vị thứ tư là Cô quốc, vị thứ năm là Ca ông. Lê Đại Hành cũng bắt chước, lập Dương Vân Nga, một trong năm vợ Đinh Tiên Hoàng làm hoàng hậu số một, cùng bốn hoàng hậu khác. Lý Thái Tổ còn hăng hái hơn: năm mới lên ngôi lập sáu hoàng hậu, năm thứ bảy lập thêm ba hoàng hậu, trước sau cả thấy chín hoàng hậu. Vua Quang Trung cũng có hai hoàng hậu: Chính cung hoàng hậu, lấy từ thuở hàn vi, người Qui Nhơn



họ Phạm, về với Nguyễn Huệ lúc mới mười sáu xuân xanh, năm 1789 được phong hoàng hậu cùng với Bắc cung hoàng hậu Ngọc Hân công chúa.

Triều thần thuở bấy giờ chắc bận rộn vất vả lắm vì một lần sách phong một hoàng hậu là các quan lo lắng phục dịch phờ người. Chỉ một chuyện ra tuyên cáo lập hoàng hậu - bản tuyên cáo đó gọi là *sách* - đã đủ thấy bao nhiêu điển lệ phức tạp. Trước hết, người ta bày một cái ngai có che màn gọi là *ngự tọa* của hoàng hậu trong một căn điện. Ngày làm lễ ban sách, dựng tàn vàng lên, cử nhã nhạc tưng bừng, rước vua đội mũ xung thiên, mặc áo hoàng bào, lưng đeo đai ngọc ra điện Vạn Thọ ngự trên ngai vàng trong khi bá quan châu chực đầy đủ. Đạo sách được cung thỉnh, có tàn vàng che. Theo lệnh hoàng đế, chức quan Tuyên chế tuyên đọc: "Nay sách phong cho chính cung chức... họ... làm hoàng hậu, sai các quan làm lễ mang sách đến". Rồi nhà vua về cung mình. Bản kim sách sau đó được đặt lên hương án, được quan Tư lễ phụng mệnh rước vào cung dâng hoàng hậu. Hoàng hậu nhận sách, nâng lên ngang trán rồi giao lại cho cung nhân, đoạn lễ tạ Thái thượng hoàng (bố vua), tạ Hoàng thái hậu (mẹ vua), tạ Hoàng thượng (vua). Cứ mỗi "khâu" là mỗi lần các quan chia nhau bái lạy, thường là năm lạy ba vái, trong khi trống, chiêng, sênh, phách, nhã nhạc tấu nhạc vang lừng.

Nên lưu ý rằng ban sách phong tặng tước vị hoàng hậu không phải là tổ chức lễ cưới vợ chính cho nhà vua mà chỉ là nghi thức ban hành quyết định "nâng cấp", vinh thăng cho người vợ chính của nhà vua lên chức hoàng hậu. Bởi lẽ không phải vợ nào của vua cũng là hoàng hậu cả. Chẳng hạn năm Ất Hợi 1035, tháng bảy, mùa thu, triều đình làm lễ sách lập bà Thiên Cảm hoàng hậu, bà này là người vợ lẽ yêu quý của vua Lý Thái Tông, không rõ họ gì. Hoặc như Ý Lan lúc mới nhập cung chỉ được vua Lý Thánh Tông phong chức Phu nhân, đến khi có mang được lên chức

Thần phi, lại gọi là Nguyên phi; khi con trai bà là Thái tử Kiên Đức lên ngôi, bà được tôn lên hàng Hoàng thái phi. Lẽ ra bà phải có vinh dự mang chức Hoàng thái hậu, nhưng vì tuy bà là mẹ đẻ song vua Lý Nhân Tông (tức Thái tử Kiên Đức) còn có mẹ đích họ Dương nên bà họ Dương này được phong Hoàng thái hậu. Đặng Thị Huệ thoát tiên chỉ là một nữ tì trong phủ chúa, hầu hạ bà Tiệp dư Trần Thị Vịnh. Khi được chúa Trịnh Sâm yêu, nâng lên ngay chức Tu dung và sau khi sinh hạ Trịnh Cán thì được lập làm Tuyên phi. Nhà Nguyễn không có vua nào nạp hoàng hậu, đó là tuân theo di huấn của vua Gia Long: không lập hoàng hậu, không cử tể tướng, không lấy trạng nguyên. Chỉ riêng vua Bảo Đại làm cách mạng gia đình, công cử cô Marie Thérèse Nguyễn Hữu Hào làm Nam Phương hoàng hậu mà nhà vua tự dịch sang tiếng Pháp là *Parfum du Sud*, như vậy chữ *phương* ở đây, trong Hán tự, phải viết có *thảo* đầu.

Trong chế độ phong kiến, hoàng hậu là người đứng đầu tam cung lục viện, cai quản các bà vợ lẽ, nàng hầu, thê, thiếp, phi, tần, phu nhân, thê nữ, cung nữ, ngự nữ. Chúng ta có thể căn cứ vào bộ *Khâm định Đại nam Hội điển Sự lệ* để xem hệ thống cấp bậc những bà vợ vua.

Đó là một hệ thống hết sức phức tạp, gọi là *cung giai*. Cung giai gồm sáu cấp: *tam phi* (Quý phi, Minh phi, Kính phi); *tam tu* (Tu nghi, Tu dung, Tu viên); *cửu tần* (Quý tần, Hiền tần, Trang tần, Đức tần, Thục tần, Huệ tần, Lệ tần, An tần, Hoà tần); *tam chiêu* (Chiêu nghi, Chiêu dung, Chiêu viên); *tam sung* (Sung nghi, Sung dung, Sung viên); *lục chức* (Tiệp dư, Dung hoa, Nghi nhân, Tài nhân, Linh nhân, Lương nhân).

Năm Bính Thân 1836, vua Minh Mệnh thấy hệ thống này rườm rà quá nên đã tình giảm còn chín bậc. Trên hết là Hoàng quý phi (nhà Nguyễn vốn không lập hoàng hậu). Rồi bậc thứ nhất: Quý phi, Hiền phi, Thần phi; bậc thứ hai: Đức phi, Thục phi, Huệ phi; bậc thứ ba: Quý tần, Hiền tần, Trang tần; bậc thứ tư: Đức tần,

Thục tần, Huệ tần; bậc thứ năm: Lệ tần, An tần, Hoà tần. Bậc thứ sáu là Tiệp dư, bậc thứ bảy là Quý nhân, bậc thứ tám là Mỹ nhân và bậc thứ chín là Tài nhân. Các danh xưng này có thể thay đổi theo triều đại và/hoặc sử liệu. Ví dụ đời Lê, *lục chức* có Tiệp dư, Dung hoa, Tuyên vinh, Tài nhân, Lương nhân, Nữ nhân. Như thế nếu xét trường hợp bà Chúa Chè thì đang là đây tớ bà Tiệp dư họ Trần, được chúa sủng ái, cô thị nữ họ Đặng lên ngay chức Tu dung, nghĩa là cao hơn chủ cũ của mình sáu bậc và khi sinh con trai thì trở thành nữ nhân vật số một trong nội phủ (một số chức tước bên phủ chúa hơi khác với chức tước bên cung vua, cho nên Tuyên phi trong thực tế là tương đương với Quý phi). Tùng Thiện vương Miên Thẩm là con bà Thục tần Nguyễn Khắc Thị Bửu, Tuy Lý vương Miên Trinh là con bà Tiệp dư họ Lê người Văn Trinh, Thừa Thiên. Như thế chức của mẹ Tuy Lý vương thấp hơn chức bà thân mẫu Tùng Thiện vương.

Theo cung giai, các bà làm vợ lâu thì cũng lên chức dần dần, giống như làm quan vậy. Chẳng hạn bà mẹ Hoàng tử Miên Trinh năm 1814 được tuyển vào cung lúc mười lăm tuổi, sung chức cung nhân hầu hạ vua Gia Long. Khi vua Minh Mệnh lên ngôi năm 1820, bà được thăng chức Tài nhân; năm 1824 được tấn phong chức Mỹ nhân; năm 1836, sắc phong chức Tiệp dư là chức cao nhất mà bà được phong tặng. Ngược lại, khi bản thân hay gia đình phạm lỗi thì bị giáng chức hay phế bỏ. Đời Lê, Nguyên phi Ngọc Dao là con gái Đại tư đồ Lê Sát, sau khi Lê Sát phải tội cũng bị truất phế; Huệ phi Nhật Lệ bị giáng xuống cấp Tu dung vì cha là Lê Ngân can án; Thần phi Dương thị bị phế vì ghen tuông, v.v...

Có một chi tiết liên quan đến văn học đáng đan cử: trong cung giai triều Nguyễn, không có chức nào là chức Bằng phi; đây cũng là một luận cứ trong nhiều luận cứ khác, đáng để ý nhằm đóng góp vào chủ trương phản bác truyền thuyết cho rằng bài thơ Nôm có hai câu quen thuộc

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng

Xếp tàn y lại để dành hơi
là của vua Tự Đức*.

Số vợ của mỗi ông vua nhiều khi rất lớn: vua Tự Đức tuy không con và chỉ có hai cung - vì thế đêm kinh thành thất thủ, *tam cung* đã chạy ra Quảng Trị, *tam cung* gồm mẹ vua và hai bà vợ chính thức của vua - nhưng tổng số vợ của vua là một trăm lẻ ba bà; nhà vua thăng hà năm 1883, đến đầu thế kỷ này vẫn *lưu* bốn mươi bảy bà còn sống coi sóc lăng tẩm.

Các bà vợ vua đều có lương, không tính theo tháng mà tính từng năm. Bạc phi mỗi năm được cấp 1000 quan tiền, 300 phương gạo, 60 tấm lụa, 48 bộ quần áo. Bạc thấp nhất mỗi năm hưởng 180 quan tiền, 280 phương gạo, 12 tấm lụa. Đáng lưu ý là quan giai, cũng như cung giai, có chín bậc. Chánh nhất phẩm, chức quan cao cấp nhất, mỗi năm lãnh 400 quan tiền, 300 phương gạo; tòng cửu phẩm là bạc thấp nhất, mỗi năm chỉ được 18 quan tiền, 18 phương gạo. Người lính quân dịch mỗi tháng lãnh 1 quan tiền, 1 phương gạo. Lương thợ mỏ tay nghề bậc nhất mỗi tháng chỉ có 3 quan tiền và 1 phương gạo. Người mới đỗ cử nhân nhậm chức hành tẩu ở các bộ mỗi tháng được chuẩn cấp 2 quan tiền và 2 phương gạo.

Chẳng những có gạo, có tiền, có vải vóc, quần áo, các bà còn có rất nhiều ruộng. Theo văn bia Sùng thiện Diên linh dựng năm 1121, Thái hậu Phù thánh Linh nhân đã cúng một khu ruộng ở xứ Mạn, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng gồm 72 mẫu liền nhau vào cửa tam bảo. Năm 1312, Hoàng thái hậu Bảo Từ cúng cho các sư ba trăm mẫu ruộng làm thường trú tam bảo. Năm 1315, triều đình lấy 30 mẫu ruộng của người cung nữ cũ là Phạm thị để cúng đường, v.v...

Các bà còn có chế độ trang phục riêng, không những cho tập thể mình mà còn cho từng chức phận: mặc áo màu vàng, đầu đội khăn hoàng hậu, chân đi hài cườm, đồ đạc chạm trổ hay trang trí hình chim phượng. Dân gian không được dùng lạm. Ngay đến vòng khiêng của chính cung

đôi khi sâu tới rồi đi

đôi khi lòng nặng như dầu chấm
tường đã yên chân vẫn còn đi
vẫn chương thì tứ hoang mang lạnh
càng lớn dần một mối hoài nghi.

đôi khi giấu lệ trong túi mắt
thấy đời là một dầu chấm than
giọt sáng lạc vào đêm mê hoặc
chữ hoá thành những đốm sao hoang

đôi khi cười cợt như mưa vỡ
mất với còn một nghĩa cô đơn
mùa quên lãng mọc lên nỗi nhớ
tới rồi đi hai lẽ thiệt hơn.

đôi khi trống rỗng như vay mượn
hồn đại dương trong mảnh ốc sâu
trong tóc rối nghìn đường vô hướng
cắm vào tim một mũi hoắm sâu.

đôi khi ngờ nghệch như câu hỏi
buồn và vui có phải như nhau?
tâm chợt mọc chênh vênh gò mối
cớ vì sao cổ buốt cây đau?

ngô nguyên dũng

cũng khác võng phi, tần. Tên húy của các bà đương nhiên thuộc kho từ vựng *tôn tự quốc huy* mà cả nước đương thời phải kiêng; nếu địa phương, vật dụng, cá nhân rui trùng danh xưng danh tính thì phải đổi tránh. Một trong các dịch giả *Chinh Phụ ngâm* nguyên tên là Phan Công Huệ, vì trùng tên với Tuyên phi họ Đặng nên đổi thành Phan Huy Ích. Thiệu Trị nguyên niên 1841, toàn quốc có một tỉnh mới là Thanh Hoá; đồng thời người dân Lục tỉnh cũng bắt đầu phát âm *Huê* kiêu, *huê* dạng, v.v. vì kiêng tên sinh mẫu hoàng đế mới đăng quang, bà Hồ Thị Hoa, người gốc Gia Định.

Nguồn gốc xuất thân của các bà rất dị biệt. Họ nếu không phải dòng giới lá ngọc cành vàng thì cũng là những tiểu thư con cái nhà quan lớn, hoặc nữa là những hạt mưa sa vào châu gác tía lâu son như cung nga,

thể nữ gốc thường dân. Ngô Quyền lập con gái tướng quân Dương Diên Nghệ làm hoàng hậu. Một trong năm hoàng hậu của Đinh Tiên Hoàng là vợ cũ của Ngô Nhật Khánh, một trong mười hai sứ quân. Con gái Phạm Ngũ Lão được tuyển làm Thứ phi của vua Trần Anh Tông. Có người mang máu huyết quý phái: con gái mẹ già chúa Trịnh Sâm là Tiên Dung được gả cho Thái tử Lê Duy Vĩ để khi Duy Vĩ lên ngôi cô này sẽ trở thành hoàng hậu (nhưng Duy Vĩ chết dưới tay Trịnh Sâm và Tiên Dung cuối cùng cũng không được làm hoàng hậu). Dương thị Ngọc Hoan được kén vào làm cung tần của Trịnh Sâm là nhờ người chị ruột, mẹ thứ Trịnh Sâm, tiến cử. Không thiếu người đã sống thiên tình sử của cái Tắm: Đặng Thị Huệ đã là dân bách tính, lại xuất thân từ con đòi nhà người. Vua Lý Thái Tông trong một



dịp hành quân được một phụ nữ đem con gái dâng tiến, nhà vua nhận làm cung phi. Bà Võ thái phi, vợ Trịnh Cương, mẹ Trịnh Giang và Trịnh Doanh, là con một người ăn trộm và một bà thợ cấy. Mẹ vua Lê Uy Mục, vợ vua Lê Hiến Tông, Hoàng thái hậu Nguyễn thị lúc bé mồ côi và nghèo đói đến nỗi phải tự bán mình và khi người mua bà phạm tội thì bà bị tịch thu làm nô tì trong cung, do đó có dịp gặp ông chồng làm vua. Có một bà hoàng hậu là tiên giáng trần: Âu Cơ.

Vợ vua có khi chăm lo việc nước. Bà Dương Văn Nga đã chủ động truyền ngôi cao của nhà Đinh sang cho Lê Hoàn. Vua Lý Nhân Tông khi lên ngôi mới có bảy tuổi, bà đích mẫu là Hoàng thái hậu họ Dương buông màn cùng tham dự chính sự, nhưng chính vì vậy mà bà sẽ rước lấy thảm họa diệt thân. Bà Ý Lan giữ việc nội trị trong khi vua thân chinh đánh Chiêm Thành, tạo được một bầu không khí phấn khởi, vui vẻ trong dân gian. Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ lần thứ nhất, Linh từ Quốc mẫu, vợ Trần Thủ Độ, đã đứng ra quán xuyến việc lánh nạn cho các cung tần mỹ nữ cùng vợ con các tướng rút khỏi kinh đô Thăng Long theo dòng sông Hồng. Thời đại Hùng Vương có bà phi còn là chỉ huy cao cấp của quân đội: bà phi thứ tư của Hùng Nghi vương, có biệt hiệu là Tiên Nương, từng thống suất thủy quân dùng kế nghi binh đánh giặc Hồ Tôn. Bà Từ Dũ Phạm thị Hằng mẹ vua Tự Đức, tuy không trực tiếp tham chính, nhưng đã có ảnh hưởng rất lớn vào cung cách suy nghĩ và hành động của vua con: bà đã khiển trách Dục Tông hoàng đế khi nhà vua đối xử bất công với đại thần Phạm Phú Thứ, bà đã suýt đánh đòn nhà vua khi ham đi săn về trễ một dịp lễ lớn trong cung; những lời giáo huấn của bà được vua con ghi lại thành tập *Từ huấn lục*, v.v..

Thông thường thì các bà sống lẫn lộn trong môi trường đài các chật hẹp, làm những công việc phong lưu quý phái. Buổi sáng ngủ dậy lo trang điểm. Trang điểm xong rồi thì chẳng

hạn cho chim ăn, những loài chim quý mà các bà nuôi để giải trí. Rồi tưới những luống hoa hay chậu cảnh. Tỉ mỉ lấy bút lông chấm nước rửa từng lá lan, hết chồi này qua chồi khác. Có bà dạy con học chữ nho, có bà lại cấp sách theo học những bậc nữ lưu được tuyển dụng riêng để lo giảng dạy các bà. Đội ngũ cung nữ đời Lý lao động tích cực, dệt gấm vóc thay thế cho hàng may mặc trước đó phải nhập của nhà Tống. Bên Tàu, đời nhà Chu, có một bà Thiên trung Thái hoàng hậu chuyên lo việc thối xôi, nếu cần cứ theo lời Ngô Thì Sĩ phê bình trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú. Phải chăng thuở bấy giờ, thối xôi là một nghi thức lễ tiết quan trọng? Nhưng với truyện cổ tích thì hoàng hậu vẫn biết dệt vải, giặt giũ (*Tám Cám*) và sở dĩ như thế là vì hoàng hậu là hiện thân của sự tuyệt đối về hạnh và dung, trong khi nhà vua là tuyệt đỉnh của thiện và mỹ, theo thế giới quan của người bình dân Việt Nam.

Vua tự xưng là *trẫm* và gọi các bà vợ theo cung giai, chẳng hạn "*Phi* nghĩ thế nào về..." Cũng có khi gọi là *khanh*, *ái khanh*. Đối với con, nhà vua xưng hô như mọi người cha nòi Việt, nghĩa là gọi bằng *con*. Tuy nhiên, thái tử, hoàng tử nói với vua thì khiêm xưng là *chúng tôi* và mở đầu bằng *tâu*. Ví dụ thay vì nói "con học" thì hoàng tử nói với vua cha: "*Tâu, chúng tôi học*". Cũng như con cái, các bà vợ xưng hô với ông chồng chỉ tôn bằng *chúng tôi* và cũng gọi là *hoàng thượng*. Nhà vua có khi xưng hô với vợ bằng đại danh từ *ta*. Nhiều hoàng tử triều Nguyễn gọi bà sinh mẫu là *ả*.

Không phải chính cung, ngự nữ nào về nhà chồng hay chung chăn gối cũng được sự đón tiếp nồng nhiệt của đấng quân vương và chuyện Trần Thủ Độ bắt ép Trần Cảnh lấy chị dâu đang có mang làm vợ chính chẳng phải là trường hợp duy nhất trong sử nước nhà. Chẳng hạn con gái Trịnh Tráng là Trịnh thị Ngọc Hạnh trước lấy Lê Trự đã sinh được bốn con, nhưng sau Trịnh Tráng lại bắt về gả cho vua Lê Thần Tông lập

làm hoàng hậu! Cùng tình huống tương tự có cung phi mỹ nữ được tắm rửa ơn mưa móc do sai sót của kẻ lại thuộc: nội thần Chu Xuân Hoán đã đưa nhầm bà Thái phi Dương thị Ngọc Hoan đến cho chúa Trịnh Sâm khiến nhà chúa không bằng lòng, bắt đắc dĩ phải qua đêm với bà phi này mà kết quả sẽ là Trịnh Tông, do đó, khi chưa tượng hình nơi bào cung, Tông đã không được bố yêu; cái mầm truất phế đã nảy ra từ thuở tình trùng chưa gặp noãn, cho nên khi Trịnh Tông sinh, Tĩnh Đô vương mới không chịu nhận chúc mừng.

Ghen tuông thì cũng người ta thường tình. Nhưng khi cả trăm bà cùng có một ông chồng thì sự ghen tuông không thể thường tình được nữa. Sử chép nhiều trường hợp các bà ghen nhau dữ dội, nhưng chỉ chép vắn tắt. Bà Tiệp dư Ngô thị Ngọc Dao, sinh mẫu vua Lê Thánh Tông, nếu không được Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ cứu giúp thì đã không thoát khỏi cái chết vì máu ghen của bà Hoàng thái hậu Nguyễn Thị Anh, Thần phi của vua Lê Thái Tông, mẹ đẻ vua Lê Nhân Tông. Thần phi Dương thị, mẹ Nghi Dân, tính cả ghen đến nỗi bị hạ xuống hàng Chiêu nghi, rồi bị giáng tiếp xuống làm Thứ phụ và con trai bà cũng bị giáng xuống làm Lạng Sơn vương; Nghi Dân sẽ làm loạn. Bà Lê thị Ý Lan thấy một mình Dương thái hậu tham gia chính sự nên bất bình, xúi con ruột là vua Lý Nhân Tông giam cầm bà họ Dương ở cung Thượng Dương rồi bắt ép phải tự vận. Rồi ra Ý Lan sẽ rất hối hận nên qui y với đạo hiệu Linh Cảm phu nhân và cung cấp nhiều tiền bạc, tế điền cho nhà chùa. Đã sử chép chi tiết hơn về tâm trạng hoạn thư trong thâm cung và chi tiết hơn cả là trường hợp Thái phi Dương thị Ngọc Hoan đối xử với Tuyên phi Đặng Thị Huệ khi bà Chúa Chè sa cơ thất thế. Theo *Hoàng Lê nhất thống chí*: "Thái phi liền sai người bắt Tuyên phi đến trước mặt mình kể tội, rồi buộc Tuyên phi phải lạy tạ. Tuyên phi không chịu lạy. Thái phi bèn sai hai thị nữ đứng kèm hai bên, níu tóc

Tuyên phi rập đầu xuống đất. Nhưng Tuyên phi vẫn nhất định không chịu lay mà cũng chẳng nói nửa lời. Thái phi giận quá, đánh đập một hồi, nhỏ nước bọt vào đầu vào mặt, rồi đem giam vào nhà Hộ tăng ở vườn sau. Tại đây, Tuyên phi bị làm tình làm tội cực kỳ khổ sở”.

Để ăn chả thì hậu ăn nem. Nhiều bà hoàng hậu tư thông với cận thần, thống tướng. Tám gương đầu tiên trong sử nước nhà chắc thuộc về bà Cù thị, vợ Minh vương Anh Tề nhà Triệu, đã tư thông với An quốc Thiếu Quý trước khi về nhà chồng, lại tiếp tục lẳng nhăng với người cũ khi Thiếu Quý được nhà Hán bổ làm sứ giả sang Giao Châu. Khi Đinh Toàn lên ngôi, mới có sáu tuổi, Thái hậu Dương Văn Nga là mẹ phải lòng Lê Hoàn rồi cùng nhau tư thông. Lê Hoàn cậy được thái hậu cưng yêu, không kiêng sợ gì cả. Hoàng hậu của Lý Huệ Tông, mẹ đẻ vua nữ Lý Chiêu Hoàng, chị họ Trần Thủ Độ, tư thông với Trần Thủ Độ và bàn mưu lập chiếu để vua nhà Lý truyền ngôi cho nhà Trần. Quận Huy Hoàng Đình Bảo đã vào rờ chính cung Đặng Thị Huệ, theo lời một câu hát đầu đường xó chợ thời Lê Trịnh. Nhưng cũng có bà tiết liệt trung trinh, chẳng hạn Hoàng phi Nguyễn thị Kim, vợ vua Lê Chiêu Thống mà việc tuân tiết theo chồng đã được các tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí* dành nhiều dòng trang trọng với tình cảm ngậm ngùi để miêu tả tường thuật, lại còn chép nguyên cả bài *Tiểu cung tuân tiết hành* dài cả trăm câu để khen ngợi.

Nhưng nếu có người tuân tiết thì cũng có người bị tuân táng. Đây là một lễ tiết cổ đại, theo tập tục đem đồ vật hoặc người sống mà chôn theo kẻ chết. Thái hậu Dương thị vợ vua Lý Thánh Tông bị bắt ép tuân táng để tống táng ở lăng vua. Khi Lý Nhân Tông thăng hà, ngày Ất Dậu, tháng mười, năm Bính Ngọ 1126, một số cung nữ phải lên giàn thiêu tuân táng ở Na Ngạn.

Thỉnh thoảng có những đợt phóng thích cung nữ, coi như một hành động tự khiển trách răn đe của nhà

vua. Ví dụ đời Lê Nhân Tông năm Đinh Mão 1447 có lệnh buông thả một số người đẹp khỏi vòng vây cung khuyết.

Khi thái hậu hay hoàng hậu chết thì cũng gọi là *băng* và thường được chôn chung lăng với vua chồng. Hình mẫu tượng trưng của vương quyền là rồng còn tượng trưng cho hoàng hậu là phượng. Trong nghệ thuật thẩm mỹ cổ truyền, rồng và phượng là hai đề tài được dùng như một cặp đối xứng: hoàng đế - hoàng hậu, rồng - phượng, dương - âm. Vì thế tất cả mặt trước bia lăng mộ các vua nhà Lê đều sử dụng đề tài rồng, ngược lại trên những bia về hoàng hậu nhà Lê, họa tiết dùng trang trí là phượng.

Nhìn chung, có vẻ như những phần số từng dựa mạn thuyền rồng tuy sống trong giàu sang sung túc nhưng kiến thức lịch duyệt thì lại ít ỏi nghèo nàn. Có thể một số bà cũng có học, thậm chí có bà giỏi văn thơ như Lê Ngọc Hân, nhưng điều kiện

xã hội không cho các bà phát triển tài năng, phô trương vốn chữ. Nếu họ có quyền hành thì thông thường là nhờ sự che chở, thiên ái của người đàn ông. Đọc sử liệu giữa các hàng chữ, thấy có bà về dung nhan hân kém phần hương sắc và son trẻ; về đức hạnh, hân đa sự, nhiều việc, thích bánh chưng ra góc. Nhưng dẫu sao, ở thời đại nào và trong hoàn cảnh nào thì nơi cung vua phủ chúa chúng ta cũng có những phụ nữ đài các cao sang, sắc sảo quyến rũ, nhiều khi dịu dàng, thông minh; có người thủy chung, trinh liệt. □

Chú thích:

* Theo Trần Danh An (?-1794) trong *Nam phong giải trào* thì bài thơ này được sáng tác vừa bằng chữ Hán vừa bằng chữ Nôm trong khuôn khổ hoạt thi xã ở Bắc Ninh qui tụ Nguyễn Gia Thiều, Trần Danh An, v.v..

em khác gì mây trắng.... cũng trôi

*Ta muốn bài thơ đừng dứt đoạn
đừng làm em khóc, lệ ta rơi!
ta năm mươi tuổi, em bao nhiêu?
mà một trăm năm, một tiếng cười!*

*Ôi chỗ ta về sao nghĩa địa
đâu thời sân rạ bóng trăng soi!
em ngồi dệt lụa, ta thơ thần
một khúc ca dao bỗng ngậm ngùi!*

*Tổ quốc cứ đầy đôi mắt ướt
máu đào xương trắng của ai phơi?
rừng Nam núi Bắc thôi đừng nhắc
cuồng rốn chum nhau đã rã rời...*

*Có những bài thơ làm trọn vẹn
vẫn tìm không thấy một câu vui!
hồn ta hệt hăng hoài như gió
em khác gì mây trắng... cũng trôi!*

trần tú uyên



Nét Bình-Thản

Trong Thơ

Vua Trần Minh Tôn và Nguyễn Khuyển

Lê Phụng

LTG: Một bài thơ cổ hay, không những chỉ ghi lại tâm-tình riêng tư của tác-giả, mà còn phản-ảnh tiềm-thức con người cùng thời, hay xa hơn nữa, phản-ảnh con người vô thời vô chung. Như vậy, tìm hiểu thơ chữ nho của ông cha, không những cần so-sánh với thơ của các thi gia Trung-quốc mà còn cần phải đặt bài thơ vào nếp sống đời xưa. Muốn vậy, chắc chẳng có cách nào hơn là dùng chuyện cổ-tích, ca-dao để soi sáng bài thơ. Đó là cách người viết bài này muốn cùng bạn đọc tìm hiểu nét bình-thản trong thơ Trần Minh Tôn và Nguyễn Khuyển...

Sách Truyện cổ nước Nam có truyện Hai vợ chồng con chiến chiến và ông sư. Truyện kể như sau:

"Xưa có hai vợ chồng con chiến chiến làm tổ ở bên tai một ông sư. Được ít lâu, chiến chiến cái đẻ ra một chiến chiến con.

"Một hôm, chiến chiến cái bay đi

kiếm ăn, chẳng may gặp phải buổi trời mưa, nên đi suốt cả ngày mà không kiếm được miếng gì cả. Lúc trở về, qua hồ sen, chiến chiến ngỡ trong hao sen có miếng ăn, bay vào, thì bấy giờ trời đã tối, hoa sen cúp lại, chiến chiến không sao ra được, phải nường náu ở trong hoa.

"Đêm hôm ấy, chiến chiến ở trong tổ có một mình. Có con cào cào nó vào ấp con. Rồi cào cào chân dài, vô ý thế nào dè gãy mất chân chiến chiến con.

"Sáng ra, hoa sen nở, chiến chiến cái mới bay về.

"Chiến chiến đực vừa giận vừa ghen, quát tháo ầm lên mắng rằng:

"- Con kia! Đêm qua mày đi ăn nằm với ai mà mày không về, để ở nhà cào cào nó vào nó làm gãy mất chân con! ...

"Chiến chiến cái nghe nói, vội chạy ra cửa tổ om sòm chửi cào cào rằng:

"- Mày làm thế nào cho chân con bà lành lại thì làm! Nếu mày để cho chồng bà đánh mắng bà thì mày không yên được với bà! ...

"Cào cào bay lại đậu bên cái



rằng:

"- Mày nấu cơm không lành canh không ngọt cho chồng mày ăn, thì nó đánh mày, chứ việc gì đến tao!

"Rồi hai con cùng hăng lên, cãi nhau đánh nhau tán loạn, làm ông sư, tức mình bỏ cái tổ chiến chiến ở trên tai xuống mà phá đi.

"Rồi vì thế mà ông ông sư tu không đắc đạo, không thành Phật được." (1)

Chiến chiến trong truyện này, theo lời chú của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, người sưu-tập truyện cổ, là loại chuồn chuồn nhỏ cánh màu vàng. Ông Sư là vai chính trong truyện chỉ xuất hiện trong dòng đầu và dòng cuối câu truyện. Đáng khác, toàn thể câu truyện là hình ảnh và cái

mỏng manh của hai chữ “bình thân”. Nhà sư bình thân để cho vợ chồng chiến chiến làm tổ bên tai. Nhưng vì nghiệp nhà sư còn nặng, nên có một ngày mưa, nên chiến chiến cái phải tá túc qua đêm trong bông sen, nên có cào cào vào ấp chiến chiến con, làm gãy chân chiến chiến con, nên gây ra cảnh lời chiến chiến lẫn tiếng cào cào, khiến cho niềm “bình thân” của nhà sư vụt tan biến, khiến nhà sư phá tổ chiến chiến, khiến nhà sư không thành Phật được.

Đó là hình ảnh chữ “bình thân” trong truyện cổ nước ta. Đi tìm ra hình ảnh chữ “bình thân” trong thơ cổ là điều người dịch thơ muốn làm cùng bạn đọc.

Kojiro Yoshikawa, thầy giáo môn Văn học Trung quốc tại trường Đại học Kyoto, viết cuốn *Giới thiệu thơ đời Tống* (*An Introduction To Sung Poetry*) (2) vạch rõ những điểm khác biệt giữa thơ đời Đường và thơ đời Tống. Một trong những điểm khác biệt rõ rệt nhất là điểm thơ đời Tống bằng bạc nét “bình thân” mà thơ đời Đường ít có.

Yoshikawa ví thơ Đường như một ly rượu mạnh, thơ Tống như một chén trà thơm. Thơ Đường sôi bỏng cô đọng thu gọn trọng một thị trường hạn hẹp. Thơ Tống thanh thản, dịu mát trải rộng quanh một quan điểm. Thí dụ tiêu biểu cho cái khác biệt này theo Yoshida là bài *Hàn thực vũ* của Tô Đông Pha, phiên âm như sau:

HÀN THỰC VŨ (3)

Tự ngã lai Hoàng Châu,
Đĩ quá tam Hàn thực,
Niên niên dục tích xuân,
Xuân khứ bất dung tích.
Kim niên hựu khổ vũ,
Mãn nguyệt thu tiêu sắt,
Ngọa văn hải đường hoa,
Né ổ yến chi tuyết.
Ám trung thâm phục khứ
Dạ bán chấm hựu lực.
Hà thùi bệnh thiếu mạc,
Bệnh khởi đầu dĩ bạch.

dịch là:

MƯA TẾT HÀN-THỰC

Kể từ bữa tới Hoàng Châu,

Ba tết hàn thực theo nhau qua rồi,
Tiết xuân năm tháng bồi hồi,
Xuân đi tiếc nuối xuân rồi cũng đi.
Năm nay mưa gió trái thì,
Mưa dài suốt tháng như kỳ mưa
ngâu.

Hải đường than văn nghẹn ngào,
Phấn hương băng tuyết mà sao vấy
bùn.

Núp trong bóng tối chập chùng,
Sức đâu đưa đẩy hải hùng đẩy đưa.
Thương cho ai mái đầu tơ,
Ốm no nhảm dậy bạc phơ mất rồi.

Tết hàn thực nhằm ngày mùng ba tháng ba âm lịch, gần trùng với ngày xuân phân. Ngày đó là ngày giỗ Giới Chi Thôi, một cao sĩ đời Xuân Thu, theo Tấn Văn Công cùng đi lánh nạn.

Khi Tấn Văn Công về lại nước làm vua, không nhớ tới ông. Ông bèn bỏ vào núi ở ẩn. Sau Tấn Văn Công hay chuyện đó cho mời ông, ông không ra. Vua ban lệnh đốt núi để ông phải ra. Ông ôm cây chịu chết cháy không đổi ý. Ngày lễ hàn thực mọi nhà không nhóm lửa. Người mình gọi lễ này là lễ bánh trôi bánh chay. Tục ăn lễ hàn thực cùng lễ đoan ngo du nhập tập tục nước ta dưới đời vua Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ bảy, 1232 (4).

Tô Đông Pha hay Tô Thức là người viết bài *Tiền Xích bích phú*, mà Nguyễn Công Trứ gọi là Tô Tử trong bài hát nói quen thuộc *Vịnh Tiền Xích bích* và gọi là Thầy Tô trong bài *Vịnh Hậu Xích bích* (5).

Trong sử văn học Trung quốc, Tô Thức là một trong số “bát đại gia” (tám nhà văn thơ lớn). Ông sinh năm 1036 hay 1037, mất năm 1101, tên chữ là Tử Chiêm. Hồi nhỏ cha ông đi du học xa, ông học với mẹ. Tô Thức là một nhân vật tiêu biểu cho nếp học tam giáo, khiến người đời sau coi ông là người phức tạp, nhiều mâu thuẫn. Trái lại vì vậy mà đầu gặp cảnh làm quan thăng trầm vất vả, thơ văn ông vẫn luôn luôn siêu thoát, bình thản.

Ông đậu tiến sĩ á-nguyên năm 21 tuổi, nhưng đến năm hết tang mẹ mới ra làm quan, lên cao xuống thấp nhiều lần. Cũng bởi ông đứng vào

phe thủ cựu của Tư Mã Quang chống lại những cải cách mạnh của Vương An Thạch. Tuy nhiên sử Trung quốc còn ghi nhiều công nghiệp của ông trong việc di dân, khơi sông, đắp đê, nuôi binh trong dân v.v... Ông viết ra hơn 4000 bài thơ, 300 bài từ, rất nhiều áng văn xuôi, gom thành bộ *Đông Pha văn tập* gồm 60 quyển, bộ *Đông Pha thi tập* gồm 25 quyển, và bộ *Đông Pha từ* gồm một quyển (6).

Theo Yoshikawa, Tô Thức làm bài thơ này vào mùa xuân năm 1082, khi ông bị biếm ra Hoàng Châu, vì tội chê bai tân pháp của Vương An Thạch. Tại đây ông cùng các ông lão quê, ngao du sơn thủy, cất nhà ở sườn núi phía Đông, lấy hiệu là *Đông Pha Cư Sĩ*, do đó thành tên *Tô Đông Pha*.

Bài thơ trên có thể hiểu là lời Tô Thức than văn cảnh ông bị biếm đi xa, đã ngoài hai năm. Cảnh trời mưa cả tháng xuân có thể là lời ông tả việc triều chính nhà Tống lúc đó. Cảnh hải đường băng tuyết bị vấy bùn là cảnh ngộ của riêng ông bị những sức lực ngấm ngấm đẩy đưa, tượng trưng cho phe đối lập, khiến ông như một người bệnh phải nằm liệt giường, e tới khi bệnh hết thì già mất rồi.

Nhưng theo Yoshikawa, câu thứ mười trong bài thơ nhắc người đọc thơ nhớ tới lời sách *Trang Tử*, chương *Đại Tông Sư*, và Nguyễn Duy Cần dịch như sau (7):

“Kìa như giấu thuyền vào trong khe, giấu trái núi vào trong chằm sâu, cho thế là vững chắc rồi ư. Nhưng tới nửa đêm kẻ có sức lực vác nó mà chạy, chỉ riêng kẻ ngu muội mới không biết thế.”

Cũng trong đêm tối, khi con người ngủ say, cùng với thời khắc trôi qua, thân xác con người không ngừng đi vào cõi hư mòn. Sức sống của thân xác là của quý của con người, dầu cất giấu, dầu trau dồi nhưng thời gian, như một sức mạnh vô hình vẫn tới cướp đi. Tô Đông Pha, mượn chuyện *Trang Tử*, nói tới điểm trên đây, qua hình ảnh một người khi lên giường bệnh lúc tóc còn xanh, năm lần tháng lữa, khỏi bệnh tỉnh dậy thấy tóc đã bạc phơ.

Thoạt nhìn, qua cả hai cách hiểu

như trên, bài thơ dường giống như những bài thơ quanh đề tài về con người gặp cảnh khó khăn hay con người tiếc thời gian qua, rất thường gặp trong thơ đời Đường. Điểm mới lạ của Tô Đông Pha là nét “bình thần” giải tỏ trong hai câu ba và bốn, khéo lồng vào lời sách của Trang Tử. Nói tới triết học chính là điểm mới lạ của thơ đời Tống, so với thơ đời Đường. Thay thế cái say mê trong thơ Đường bằng cái bình thần là điểm khác biệt thứ hai của thơ Tống so với thơ Đường.

Hai điểm khác biệt giữa thơ Đường và thơ Tống trên đây, trong thơ chữ nho của người mình, thường không rõ rệt. Trái lại cái say mê cùng cái bình thần nhuần nhuyễn là một trong cùng bài thơ, với những ý thơ mang màu sắc triết học cao siêu lồng trong lời thơ bình dị.

Ngoài truyện cổ tích trích dẫn trên đây, tạm lấy hai thí dụ chứng đo điều này. Đó là bài *Giới am ngâm* (khúc ngâm am mọn) của vua Trần Minh Tông và bài *Thanh giang tự tị thủ* (tránh nắng ở chùa Thanh giang) của Nguyễn Khuyến.

Bài *Giới am ngâm* phiên âm như sau:

GIỚI AM NGÂM (8)

Giới am bán gian khả dung tất,

*Ngọt ngọt dằng dằng tự độ nhật.
Bách điều bất lai xuân trú nhàn,
Tiêu nhiên tứ bích chân vô vật.*

*Vật nhược vô trần bích bất lập,
Mê lư giới tử tông hà nhập.
Thùy nhân thư phá giới am trung,
Thất lộ tiện sử thiên ma khắp.*

*Cơ lai bão khiết phạm nhất bát,
Thanh thủy mãn bình khả tiêu khát.
Đăng sàng chấm thượng trác ngo miên,
Chính thị cá trung chân khoái hoạt.*

*Kinh dã bất khan Phật bất nghĩ,
Y nhân hà vi kim tiết quý.
Khách lai vấn cập bản lai nhân,
Nhận khán y tiền hoàn bất thị.*

*Hưu hưu ngoại mịch khổ thi công,
Phát phát tị khổng cổ kim đồng.
Giới am tất cánh vô kỳ vật,
Chỉ ma mi hoành tị trực ông.*

dịch là:

KHÚC NGÂM AM MỌN
*Nửa am cỏ đủ trú chân,
Lâng lâng quanh quẽ độ thân qua ngày.
Vắng chim xuân nhàn thêm hay,
Tiêu điều bốn vách cảnh ngoài thấy không.
Bụi không dựng vách uống công,*

*Lều mê thân mọn bụi hồng há ngăn?
Ai nhìn phá vỡ lòng am,
Ma La lạc lối than van khắp trời.
Cơm ăn một bát no rồi,
Nước trong khát uống đầy vơi một bầu.
Giấc trưa chõng trúc gối cao,
Sống trong cảnh ấy hỏi đâu cho bằng.
Phật chẳng tưởng kinh chẳng màng,
Mắt đau chẳng chữa bột vàng chẳng mua.
Khách xa về thăm người xưa,
Rằng xưa sánh với bây giờ là hai.
Bận lòng chi cái mẽ ngoài,
Pháp phòng cánh mũi ai ai chẳng vầy.
Vật kỳ đâu ở hang đây,
Mây ngang mũi dọc trước rày một ta.*

Bài thơ bảy chữ này là bài đọc nhất theo thể thơ cổ trong số thơ của vua Trần Minh Tông còn lưu truyền tới nay. Theo sách *Việt âm thi tập*, Chu An phê bài này bằng bốn chữ: “cao sái siêu thoát”, nghĩa là cao siêu thanh thoát; Lý Tử Tấn người được uỷ nhiệm sưu tầm thơ chép vào *Việt âm thi tập* cũng phê là “tuy thoát sái diệc Phật gia ngữ, phi đế vương chi ngữ” nghĩa là tuy cao siêu thanh thoát, lại toàn là lời lẽ nhà Phật, không còn là lời lẽ bậc đế vương.

Vua Trần Minh Tông là con thứ tư của vua Trần Anh Tông, sinh năm Canh Tý (1300) mất năm Đinh Dậu (1357). Thuở nhỏ, vua Anh Tông sợ ông khó nuôi, nên đem gửi ông cho hoàng thân Trần Nhật Duật dạy dỗ. Ngài lên ngôi vua năm 15 tuổi. Giữ ngôi vua 15 năm rồi làm thượng hoàng trong 28 năm. Dưới triều vua Trần Minh Tông, có việc nhà vua kêu gọi các vương hầu trả lại ruộng đất lấn chiếm cho dân. Việc này khác với các đời trước: đất nước thường coi là của riêng để vương hầu ngồi hưởng (9). Vua Trần Minh Tông không xuất gia như các vua trước, ông dặn dò các hoàng hậu cũng đừng đi tu.

Về văn thơ, có Minh Tông thi tập, mặc dầu khi gần mất, vua đã sai đốt hết thơ của ngài. Cuốn *Minh Tông thi tập* nay cũng đã mất, chỉ còn

giữa nhớ và quên

*Sớm hôm nay mùa chưa vào thu
San Francisco đã mặc áo sương mù
Người bỏ đi rồi, con phố nhỏ
Ngẩn ngơ dài ánh mắt ngó hoang vu.*

*Ta như phố, quá một lần ngơ ngẩn
Trên cầu Golden Gate đứng phân vân
Ốc lăng đăng giữa hai vùng giới tuyến
Nhớ và quên, quên nhớ phù trầm.*

*Sóng vẫn hát tình ca dẫu biển
Những mảnh đời bọt nước ly tan
Mai một người về qua lối cũ
Thâm tâm còn đượm chút hương tàn?*

nguyễn hải hà



21 bài chép trong *Toàn Việt thi lục*.

Nét bình thần rõ rệt trong suốt bài thơ, nhưng đồng thời lồng trong nhiều ý nghĩ sâu sắc về Thiền học. Câu thứ bảy: *Thùy nhân thư phá giới am* trung dịch là: Ai nhìn vỡ đá lòng am, làm người đọc nhớ tới truyện Sơ Tổ Đạt Ma, còn có hiệu là Bích Quán Bà La Môn, nghĩa là vị sư ngồi nhìn vào vách, và giáo lý của Đạt Ma còn gọi là Đại Thừa Bích Quán, nghĩa là phép nhìn vách của Đại Thừa Giáo. Chính bài học Bích Quán đưa Đạt Ma lên ngôi Tổ Sư Thiền Đông Độ. Chữ Bích Quán trong bộ Pháp Chánh Truyền của Phật Thích Ca chú nghĩa là cảnh giới của tâm không chút bụi nhơ (10).

Vua Trần Minh Tông, trong câu kế tiếp dùng thuật ngữ nhà Phật: "*ma la*", dịch âm sang tiếng Trung hoa thành "*thiên ma*", chỉ vị thiên chủ cõi trời thứ sáu, cõi trời cao xa nhất của dục giới. *Ma La* cũng là chữ dùng chỉ loại ma trên cõi thiên vương, thường dùng sức biến hoá ngăn trở các bậc tu hành trên đường đắc đạo. Nét bình thần còn rõ hơn nữa trong sáu câu: từ câu 9 tới câu 14. Bốn câu đầu nói lên điều nhà vua đã thu nhỏ mọi nhu cầu thường ngày. Nhưng hai câu này nhắc người đọc thơ nhớ tới chuyện Thiền sư Huệ Hải.

Truyện chép trong sách *Nhập đạo yếu môn luận* như sau:

"Có người hỏi:

- *Hoà Thượng tu hành dụng công như thế nào?*

Sư đáp:

- *Đói thì ăn, mệt thì ngủ.*

- *Như thế có khác gì thế tục ?*

- *Có khác là vậy: người đời ăn mà chẳng khứng ăn, trong khi ăn còn vọng cầu trăm thứ, ngủ mà chẳng khứng ngủ, trong giấc ngủ còn toan tính ngàn điều. Chỗ chẳng giống nhau là vậy."* (11).

Câu thứ 14, cho hay nhà vua không cả dùng thuốc chữa mắt quá đắt.

Câu thứ 15 có ba chữ: "*bản lai nhân*". Ba chữ này nhắc người đọc tới bốn chữ "*bản lai diện mục*" trong câu của Lục Tổ thiền tông, Huệ Năng, hỏi thầy Huệ Minh khi thầy

Huệ Minh đuổi theo tổ Huệ Năng để giành y bát, mà Ngũ Tổ đã trao cho Lục Tổ. Trọn vẹn câu đó như sau:

"*Đừng nghĩ lành, đừng nghĩ dữ. Ngay lúc này đưa ta xem cái bản lai diện mục của ông trước khi cha mẹ sinh ra ông."*

Cái "*bản lai diện mục* trước khi cha mẹ sinh" chính là cái mặt có từ vô thi tới vô chung. Đó là câu mở dòng Thiền vô tận (12).

Bốn câu cuối vua Trần Minh Tông bình thần cho hay là đừng nhọc công xét cái bề ngoài; bề ngoài thì ai còn sống còn thở cũng như ai, trong am mọn không có chi lạ, chỉ có nhà vua, mày ngang mũi dọc như mọi người. Nhưng phải chăng, cái con người mày ngang mũi dọc đó là "*bản lai nhân*", là con người "*vô thi vô chung*" mà vua Trần Minh Tông đã nhìn ra ?

Đó là thí dụ thứ nhất cho thấy những ý thơ siêu thoát lồng trong nét bình thần. Người dịch thơ xin đưa ra thí dụ thứ hai: đó là bài thơ năm chữ sau đây của Nguyễn Khuyến.

THANH GIANG TỰ TỊ THỨ (13)

*Bất đáo Thanh Giang Tự,
Chí kim cơ nhị niên,
Hạ nhật khổ phiền nhiệt,
Phù tượng lai tham thiền.*

*Hạc tỉnh thủy dòng úng,
Tân từng chỉ cập kiên.
Tiêu tức hữu như thị,
Phủ ngưỡng đồ mang nhiên.*

*Tự tăng kiến ngô chí,
Thập quả la ngô tiền.
Vị biện sắc không giới,
Đãn cầu nhân thế liên.*

*Hà xứ tiểu phong dẫn,
Ngạch thủ chuyên sàng miên.
Nhất chung khẩu tàn mộng,
Qui lai minh nguyệt thiên.
dịch là:*

TRÁNH NẮNG BÊN CHÙA THANH GIANG

Từ hai năm mấy đến giờ,

Chưa về lạy Phật bên chùa Thanh Giang.

*Ngày hè nóng nực như rang,
Nhớ chùa chống gậy lần sang thăm chùa.*

*Giếng nông nước cạn bùn khô,
Thông non cháy nắng ngọn vừa ngang vai.
Vơi đầy cơ tạo vờn xoay,
Ngước lên nhìn xuống ai hay lẽ trời.*

*Sư già thấy lão sang chơi,
Gọi đem mâm quả ra mời hân hoan.
Sắc không huyền diệu chẳng bàn,
Đoái thương nhân thế muôn vờn cạy trông.*

*Gió đâu đến giải cơn nóng,
Vắt tay lên trán tựa song ngủ vùi.
Chuông ngân mộng tỉnh thánh thời,
Quay về trăng sáng đầy trời thênh thang.*

Hình ảnh thơ trong bài thơ năm chữ của Nguyễn Khuyến, với cái nóng nấu nung ngày hè, với niềm thơ thới khi lên chùa, làm người đọc thơ nhớ tới bài thơ năm chữ của Vương Duy, một nhà thơ lớn thời Đường, cũng dệt quanh hai hình ảnh thơ: một ngày hạn hán và mong ước được về cửa Không, như của Nguyễn Khuyến. Bài đó phiên âm như sau:

KHỔ NHIỆT (14)

*Xích nhật mãn thiên địa,
Hoả vân thành sơn nhạc.
Thảo mộc tận tiêu quyển,
Xuyên trạch giai kiệt hạc.
Khinh hoàn giác y trọng,
Mật thụ khổ âm bạc.
Hoàn tích bất khả cận,
Hi khách tái tam trạc.*

*Tư xuất vũ trụ ngoại,
Khoáng nhiên tại liêu khuếch.
Trường phong vạn lý lai,
Giang hải đăng phiên trạc.
Khước cổ thân vi hoạn,
Thủy tri tâm vị giác.
Hốt nhập Cam Lộ Môn,
Uyển nhiên thanh cảnh lạc.*

dịch là:

KHỔ VÌ NÓNG

Vùng hồng nung nấu đất trời,
Đỉnh non mây lửa ngừng trôi lững lờ.
Nơi nơi cây cỏ cháy khô,
Lạch đằm cạn nước thấy trơ đáy bùn.
Lương the áo nặng như cùm,
Bóng râm hừng hực dưới lùm cây cao.

Chiếu ngồi nóng chẳng ngồi lâu,
Mồ hôi nhỏ giọt thấm lau ròng ròng.

Thoát nơi đây những ước mong,
Tới vùng khoáng đãng thỏa lòng
bồng bay.

Gió từ vạn dặm hây hây,
Buồn phiền biển rộng sông dài tiêu tan.

Có thân có khổ há than,
Rõ là chữ giác chưa an trọn niềm.
Nẻo Cam Lộ Môn vội tìm,
Chút vui thanh cảnh y nhiên họa thành.

Bài *Khổ Nhiệt* trên đây là một trong những bài thơ của Vương Duy được phiên dịch nhiều nhất sang tiếng Anh tiếng Pháp (15). Bài đó còn được coi là bài tiêu biểu cho dòng thơ thiền của Vương Duy.

Theo Martha L. Wagner, bài *Khổ nhiệt* chia thành hai đoạn rõ rệt. Tám câu đầu mô tả cảnh hạn hán. Bài thơ đọc lên như một bài phú: bắt đầu tả cái nóng nung nấu từ ngoài xa, trong bốn câu đầu; rồi thu hẹp dần tới cái nóng người thơ cảm thấy trên thân thể. Đoạn thứ hai gần với thể thơ thiền, mở rộng niềm mong ước của tác giả, thoát ra ngoài cõi trần, trút xả những nghiệp chướng, tìm về cửa không để thấy niềm an lạc (16).

Ba chữ *Cam lộ môn*, trong câu thứ mười lăm, theo tự điển Phật học, là pháp Phật Như lai, thường coi như cửa vào Niết bàn.

Tony Barnstone và Willis Barnstone viết về bài *Khổ nhiệt* trên đây như sau:

“Phần thứ nhất bài thơ trình bày những hình ảnh của cảnh khổ trong kiếp sống thực; đoạn thứ hai trình

bày những ý niệm trừu tượng của đạo Phật và đạo Lão: như vũ trụ, vô cùng vô cực, giác ngộ ...

Đoạn thứ nhất của bài thơ nhắc tới bài “*The Fire Sermon*” trong tập *The Waste Land* của nhà thơ Eliot, thế giới này là địa ngục hành hạ thân xác con người (17). Trong đoạn thơ này Vương Duy chỉ còn cách ước mong được giải thoát. Nhưng giải thoát cách nào? Con người bị tù hãm trong chính thân xác của mình để chịu cảnh nấu nướng của cái nóng ...

Cả Vương Duy và Eliot, đều bị ràng buộc nung nấu trong thế giới này bằng lửa mê. Eliot cầu Chúa cứu mình. Vương Duy tìm về Cửa Cam lộ, tức cửa Không để giải thoát (18).”

Trở lại bài *Thanh giang tự tị thứ* của Nguyễn Khuyến, người đọc thơ vẫn thấy cùng một hình ảnh cái nóng nực nung nấu của mùa hạn hán. Nhưng bài thơ của Nguyễn Khuyến làm trong chính cửa chùa, thay vì những đam mê bốc cháy là cái bình thân. Cái bình thân này tương tự như cái bình thân của vua Trần Minh Tông, trong bài *Giới am ngâm*. Vua Trần Minh Tông viết: “*Kinh dã bát khán Phật bát nghĩ*” dịch là: *Phật chẳng tưởng kinh chẳng màng*; và Nguyễn Khuyến viết: “*Vị biện không sắc giới*” dịch là: *Sắc không huyền diệu chẳng bàn*.

Nhưng rồi Nguyễn Khuyến trút được ngay lúc đó cái nóng thiêu đốt, Nguyễn Khuyến hưởng ngay lúc đó làn gió mát. Nguyễn Khuyến ngủ say sưa nơi nhà khách trong chùa cho tới lúc chuông thu không ngân mới tỉnh dậy thanh thoi ra về. Cái nóng nấu nung lúc đó cũng tàn.

So với Vương Duy: “*Tư xuất vũ trụ ngoại*” dịch là: *Thoát nơi đây những ước mong*; Nguyễn Khuyến viết: “*Đãn cầu nhân thế liên*” dịch là: *Đoái thương nhân thế muôn vàn cây trồng*.

Đó là nét bình thân, đó là điểm khác nhau giữa Vương Duy và Nguyễn Khuyến. Phải chăng vì vậy Nguyễn Khuyến như sớm trút được cái khổ vì nóng nhẹ nhàng hơn Vương Duy ? Hay tại bởi cái nghiệp của Nguyễn Khuyến nhẹ hơn cái nghiệp của

Vương Duy ? Người đọc thơ nhớ lại một đoạn sách *Truyền đăng lục*, chép lời Thiền Tổ Đạt Ma (19). Sách rằng: “*Người đời mãi đắm mê, việc gì cũng tham trước, thế gọi là cầu. Bậc trí ngộ lẽ chân, chuyển ngược thế tục, nên an tâm trụ ở vô vi, thân hình tùy nghi mà vận chuyển. Muôn vật đều là không, có gì vui mà cầu được. Hễ có công đức thì liền có hắc ám đuổi theo. Ở lâu trong ba cõi khác nào như trong nhà lửa. Có thân có khổ, được gì mà vui? Thông suốt được vậy ắt buông hết sự vật, dứt tưởng chẳng cầu.*”

Kinh nói: “*Còn cầu còn khổ. Hết cầu mới được vui.*”

Xét biết không cầu mới thực là đạo hạnh, nên gọi là hạnh không cầu mong.”

Câu hỏi khác là bởi đâu Vua Trần Minh Tông cũng như Nguyễn Khuyến tìm được niềm bình thân này ? Liệu quá nhàm chán, nếu hiểu rằng niềm bình thân này có cùng cội rễ với niềm bình thân của Thăng Bờm, trong bài ca dao quen thuộc sau đây (20) ?

Thăng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim.
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi.
Phú ông xin đổi nắm xôi Bờm cười.

Bằng như thế, hẳn rõ là có mối ràng buộc giữa thơ chữ nho và ca dao, thơ dân dã vậy. □

Tài-liệu tham-khảo:

1) Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện Cổ Nước Nam*, Đại Nam tái bản, tập II, tr. 145.

(2) Kojiro Yoshikawa, *An Introduction to Sung Poetry*, translated by Burton Weston, Harvard University Press, Cambridge Massachusetts, 1967, pp. 32-38.

(3) Trần Nhĩ Đông tuyển chú, *Tổ Đông Pha Thi Tuyển*, Đại Quang xuất bản, Hồng Kông 1981, tr. 173.

(4) Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* tập II, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà nội, tr. 16.

(5) *Thơ Văn Nguyễn Công Trứ*, Trương Chính giới thiệu, NXB Văn Học, TP/HCM, 1983 tr. 150-151.

(6) Nguyễn Hiến Lê, *Cổ Văn Trung Quốc*, Sài gòn 1965, tr.358-360. (Sách tái bản tại Hoa Kỳ, không đề tên nhà xuất-bản).

(7) Nguyễn Duy Cẩn, *Trang Tử Nam Hoa Kinh*, Cơ sở Xuất Bản Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ, năm (?) tr. 357.

(8) Lê Quý Đôn, *Toàn Việt Thi Lục*, bản chép tay, Quyển II.

(9) Ngô Sĩ Liên, sdd, tr.

(10) Daisetz teitaro Suzuki, *Thiền Luận*, tập thượng, Trúc Thiên dịch, Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ, tr. 292.

(11) Daisetz Teitaro Suzuki, sdd, 426.

(12) Daisetz teitaro Suzuki, sdd, tr. 330-331.

(13) *Thơ Văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn Học Hà nội 1979, tr. 400.

(14) *Vương Duy Thi Tuyển*, Truyền Đông Hoa tuyển chú, Đại Quang Xuất bản, Hương Cảng 1976, tr. 22.

(15) Tiêu biểu cho các bản dịch bài *Khổ Nhiệt*:

A. Tiếng Pháp:

Patrick Carrée, *Les Saisons Bleues*, Editions Phébus, Paris 1989. p. 75.

B. Tiếng Anh:

1. Martha L. Wagner, Wang Wei, Columbia University, Tayne Publishers, Boston 1981. p. 130.

2. Tony Barnstone & Willis Barnstone, *Laughing Lost in The Mountains*, by Poems of Wang Wei, University Press of New England, Hanover, New Hapshire 1991, p. lii/ introduction.

(16) Masrtha L. Wagner, sdd (15, B-1)

(17) T.S. Eliot, *Collected Poems* 1909-1962, Faber and Faber, London - Boston 1963. p. 61-80.

(18) Tony Barstone & Willis Barstone sdd (15, B-2).

(19) Datsetz Teitaro Suzuki, sdd. (10), tr. 287.

(20) Nguyễn Văn Ngọc, *Tục Ngữ Phong Giao*, quyển 2, Sống Mới xuất bản 1979. tr. 198.

bây giờ đã muộn

Rồi mây cũng chết

Như những luật đời vay trả, trả vay
Con chim khờ lắm lỡ một đường bay
Về để chết trên quê ta, khốn khổ
Còn nhớ không chuyển hải trình
đông bão

Đêm kinh hoàng đầy cướp biển Thái Lan

Chắc mây quên muôn vạn
những hồn oan

Đã dẫn dắt, đưa thuyền mây đến bến.

Ngày mai rồi cũng đến

Ôi những ngày mai mòn mỏi
của quê ta

Mây đã về với rục rã xa hoa

Với tiền bạc để đi tìm lạc thú

Bây giờ trong giấc ngủ

Còn nhớ không những ước mộng ngày xưa

Những chiều công trường lạnh buốt,
những chiều mưa

Ta thường nói về những ngày tủi nhục

"Sau đêm đen rồi cũng có lúc

Ánh dương quang trở lại với đất trời

Sau những ngày mưa gió tới bờ

Rồi mặt trời sẽ lên

Ôi có phải chăng

Mặt trời sẽ lên trên quê hương ta
tan nát"

Rồi mây ra đi

Chuyến hải trình khao khát

Những chân trời, những mộng đẹp
tự do

Mười năm qua, có ai học được
chữ ngờ

Mây về lại và đi tìm lạc thú

Đêm nay ngủ với cô mười lăm

Ngày mai với cô mười bảy

Tao viết đến đây nghe trong hồn
rướm máu

Trí nhớ lạc về vùng ký ức xa xăm

Ngày bọn mình đi họ mới lên bảy
lên năm

Lé lắt xó chợ đầu đường xin ăn
đói khát

Ôi những em thơ chịu nhiều mất mát

Cha mẹ đi tù, anh chị lạc

muôn phương

Các em lớn lên trong cái bánh vẽ
thiên đường

Với từng phút từng giờ tủi nhục

Mây đi rồi về có nhiều lúc

Giữa đám đông kể lại chuyện

trắng hoa

Toàn những điều hèn hạ xấu xa



Lớn tiếng nói như chưa bao giờ
được nói

Tao biết mà

Con ngựa hoang sắp quay về
đường cũ

Chỉ nửa năm sau tiền ăn chơi tạm đủ

Mây vội vã lên đường, lảo lếu

khoe khoang

Như một ông hoàng

bước xuống máy bay,

Chỉ vài đồng thời,

đêm nay em mười mấy.

Tao viết đến đâu

nghe lòng đau đến đấy

Cơn giận bùng bùng,

cây bút lạnh ở bàn tay

Nên lá thư nhỏ chiều nay

Một tờ giấy nhàu, báo tin mây bị bắt

Thôi cũng chẳng lấy gì làm cay đắng

Mỗi một cuộc đời đều trả giá,

như nhau

Mây đã mua lấy bao nhiêu đêm vui

Trên những dòng nước mắt thấm sâu

Nên viên đạn, như đã cho và nhận

Tao chẳng biết mình buồn hay giận

Buồn ai đây và giận ai đây?

Nếu chuyến hải trình ngày xưa

lúc bão tố dâng đầy

Mây được chết

cho một lần ước nguyện

Thì cho dù có ra đi vĩnh viễn

Linh hồn mây cũng đến được tự do

Ôi tự do,

nhân loại biết đến tự bao giờ!

kha huyền

Đôi Nét Đan Thanh về Hài Cú

Vi An



Nói đến hài cú, người ta thường nghĩ ngay đến một thể thơ đặc biệt của dân tộc Phù Tang, có mùa hay chữ chỉ mùa, gồm 3 dòng 17 âm tiết sắp xếp theo thứ tự 5-7-5. Rồi với cái hiểu sơ sài đó, ở Mỹ, ở Tây, ở ta có một số người làm thơ Hài cú hoặc mở trường dạy sáng tác Hài cú, rập khuôn bằng cách đếm syllable (Mỹ), đếm âm tiết, hoặc tệ hơn: đếm đủ 17 từ xong là đóng ngay dấu Hài cú Nhật Bản vào. Khổ nỗi, tiếng Nhật đa âm, lại dùng nguyên âm ngắn hơi và khô. Trong thực tế, tính theo lối phát âm Nhật, sự sai biệt sẽ như sau: Bill Clinton (Mỹ) - Bi-ru Ko-rin-ton (5 âm Nhật)
Việt quốc (VN) - Bi-et-to Ku-ok-ku (6 âm Nhật)

Người Nhật gọi âm của họ là

Onji (âm tự). Ngay như tiếng Sò, nghe na ná như sô của Việt Nam, đơn giản vậy mà bị tính là 2 Onji (Sò: So-o).

Lấy một bài Hài cú kiểu mẫu Nhật chuyển qua lời Việt theo lối trên, ta có:

Furu ike ya (5)

Kawazu tobi Komu (7)

Mizu no Oto (5)

(Thơ của Bashô, đọc u, e, o thêm dấu ư, ê, ô là ra tiếng Nhật)

Hồ nước xa xưa đó (8)

Một chú ếch nhảy tồm vô hồ (11)

Động vang lên tiếng nước (8)

Đếm thì đủ 17 tiếng nhưng không ổn, 3 câu thơ Việt đã biến thành 27 Onji vì nước: nu-uk-ku (3 onji); xưa: su-a (2); một: mot-to (2); ếch: et-chi (2), v.v.. chưa kể những tiếng đọc hơi

nặng như hồ: fo-o (2 onji).

Học giả H.G. Henderson cũng từng nêu ra vấn đề onji tương tự trong *Haiku in English*. R.H. Blyth dẫn chứng một bài thơ tiếng Anh:

In a potato

*Those groans whose force prayer
change nought*

Can never occur

và bảo: “Đây là dạng 5-7-5 nhưng cảnh sắc, âm tự chẳng có mùi vị gì là Hài cú 5-7-5 của Nhật cả”. Bởi lẽ này, giáo sư W.J. Higginson, một nhà nghiên cứu có uy tín về Hài cú, đã khuyên người Mỹ nên làm thơ Hài cú Mỹ trong khoảng mười, mười hai syllable là vừa.

Để tránh tình trạng rắc rối ấy, đồng thời dựa theo âm tiết riêng của tiếng Việt, tất cả những bài dịch Hài cú lời Việt dưới đây sẽ được làm theo thể tự do, bất phân onji. Thêm nữa, tuy người Nhật hay đặt câu ngược, nhưng trừ một, hai bài cần đảo lộn để tỏ rõ nghĩa, người viết cố dịch theo thứ tự của họ để tiện ích cho đọc giả khi cần đối chiếu.

Lịch sử hài cú

Hài cú hay Bài cú (Nhật ngữ: Haiku 俳句) có nguồn gốc từ một thể thơ Nhật cổ thế kỷ 6. Từ thế kỷ 10 đến 16, nó được biết dưới dạng thơ Haikai no Renga (Liên ca Bài hài). Dạng này có phần mở đầu gọi là Hokku (Phát cú). Bài hay hài trong trường hợp này có nghĩa là ngâm, hát được, có vần điệu. Liên ca gồm hai loại: Chôka (trường ca) có từ 3 câu 12 âm tự (onji) trở lên; Tanka (đoản ca) chỉ có 2 câu 12 âm tự mà thôi.

Từ phần dạo đầu Hokku, người ta ngắt câu ra thành hệ thống 5-7-5-7-7, lấy 3 dòng 5-7-5 riêng biệt ra, Hài cú được thành hình, cô đọng, ngắn, gọn.

Nhưng phải đợi đến thế kỷ 17, cách sáng tác thơ bằng 3 dòng ấy mới được cổ súy mạnh nhờ công lao của trường phái Bashô và chưa được đặt tên Hài cú. Sang thế kỷ 19, thi hào Masaoka Shiki chính thức gọi thể này là Hài cú, danh từ Hài cú đi vào tự điển Nhật kể từ đó.

Để rõ hơn, ta thử ngắt câu trong

một bài Đoàn ca của đại sư thi sĩ Saigyô Tây Hành (1118-1190):

Tô hi to mo (5)

Omoitae taru (7)

Yamazato no (5)

Sabishisa naku ba (7)

Sumiu Kara nashi (7)

Bỏ hai câu trong ngoặc, ta có thể 5-7-5:

*Khách phương xa cũng ngừng tư lự
Chuyện sơn thôn. Cô liêu nếu vắng
thiếu*

đời khó có niềm vui

Lại còn một thể loại 5-7-5 thiếu “nghiêm chỉnh” nữa xuất hiện vào thế kỷ 18, mang danh người đã khai sinh ra nó: thi sĩ Senryû Xuyên Liễu (1718-1790). Ở Nhật từng có tranh cãi về một số bài thơ ngắn không biết nên xếp vào Hai cú hay Xuyên liễu, mặc dù thơ Xuyên liễu hình thức phóng túng, bình dân, ít nói đến thiên nhiên hơn:

Hari bako no

Sagasu to nyô bo

Ton de deru

Cái hộp kim chỉ

Khi hẳn đương tìm thì bà xã

lặn mất tiêu

Ngày nay, thơ Hai cú 17 onji giữ đúng niêm luật cơ bản được gọi là Hai cú cổ truyền nhằm phân biệt với thơ Hai cú hiện đại hay Hai cú tự do. Còn Liên cú (Renku) là do nhiều người cùng xướng họa, dài khoảng 36, 50 hoặc 100 đoạn được nối thành chuỗi với nhau bằng hai câu 7 âm tự: 5-7-5-7-7-5-7-5-7-7-5-7-5... Chữ dừng để ngắt ở cuối một câu là thiết từ (kireji) như: *ya, kana...* (và, nhưng, quá...)

Vài luật cơ bản

1/ Luật 5-7-5 = 17 onji: được phép du di ở câu giữa, thừa hay thiếu một âm tự, đôi khi thi sĩ cũng phá lệ, nhưng hiếm. Chính Bashô có làm một bài Hai cú 5-9-5 = 19 onji.

2/ Luật tinh tuyền, thống nhất: Bashô giải thích: “Hai cú được sáng tác nhằm ghi lại cảm xúc cao tột trước một sự kiện nào đó xảy ra trong thiên nhiên, trong đời sống. Bởi vậy, không được phép pha tạp, nó phải tinh tuyền như một khối vàng ròng”.

3/ Luật hiện tại: diễn tả sự kiện, tâm trạng trong lúc “bây giờ đây”

4/ Luật “ở đâu, cái gì, lúc nào” tức không gian, sự kiện, thời gian. Luật này bao gồm danh từ chỉ mùa kigo (quí ngữ), do luật này mà Hai cú gắn bó với thiên nhiên bốn mùa.

Cũng như mọi dân tộc có nền văn minh nông nghiệp khác ở Á châu, dân Nhật ngày xưa rất yêu thiên nhiên. Không yêu sao được vì giải đất Phù Tang tam đảo tuy bé nhỏ nhưng thiên nhiên đã hội tụ về đây rất huê dạng: biển cả, núi đồi, sông, hồ, ghềnh, thác đủ mặt; thuộc ôn đới nên có đủ bốn mùa xuân, hạ, thu, đông rõ rệt; cộng thêm... động đất, núi lửa, bão tố là những biến động của trời đất thường xuyên nhắc nhở sự hiện diện của thiên nhiên, vì thế họ vô cùng chú trọng đến mùa màng thời tiết. Khi còn sinh tiền, giáo sư Oshawa, tổ sư môn thực dưỡng Nhật Bản, đã căn dặn môn đệ khi làm hay dạy sáng tác Hai cú không được quên yếu tố mùa. Hai cú rất hợp với nhi đồng nhờ tâm hồn các em như tờ giấy trắng, dễ cảm xúc trước thiên nhiên.

Một bài thơ đăng trên tạp chí *Hai cú Japan Air Lines* 1991 do em Lucinda Isaac, lớp 6 trường tiểu học Nicole Canford, Canada được đánh giá xuất sắc, nhưng nó rập khuôn Hai cú cổ truyền Nhật:

Like a fresh spring breeze

The children on bicycles

Ride along the street

Sau đây là một bài Hai cú của Bashô, làm kiểu mẫu cho các luật trên:

Kono michi ya (5)

Yuku hito nashi ni (7)

Aki no kure (5)

Con đường này (không gian)

Không một người lữ khách (sự kiện)

giữa chiều thu (mùa, thời gian)

Luật tinh tuyền thống nhất: cô liêu, không có gì ngoài sự cô liêu.

Luật hiện tại: sự kiện, tâm trạng cô liêu xảy ra ngay lúc này, trên con đường chiều thu.

Vần điệu

Lối gieo vần trong thơ Hai cú

khó nắm bắt vì thiếu nhất quán. Không giống như thơ 5 chữ Việt nam vần gieo ở cuối câu, Hai cú gieo vần có vẻ tự do, tùy tiện:

Asacha nomu

Sô shizu kanari

Kiku no hana

Buổi sáng uống trà

Sư ta tĩnh lặng

Khóm cúc nở đầy hoa

Te o uteba

Kodama ni aruku

Natsu no Tsuki

Khi ta vỗ đôi tay

Trong tiếng vang, trời tỏa sáng

Mảnh trăng hề.

(thơ Bashô)

Lạc vào thể thơ Hai cú tự do, tìm vần còn gay hơn nữa vì lắm lúc bài thơ chỉ vồn vện có... 1 câu:

Kusa aoi aoi ushi wasari

Cỏ xanh xanh đàn bò băng qua
Tất nhiên ta có thể không nhận thấy cái hay của bài thơ nhưng người Nhật cảm được cái âm điệu như đứa con quen nghe mẹ ngâm, hát từ thuở lọt lòng.

Tứ đại Hai cú thi hào

* Trong số bốn nhà thơ hai cú lớn của Nhật, Matsu O Bashô (Tùng Vĩ Ba Tiêu, 1644-1694) là người được ca tụng nhất. Là một nghệ sĩ lãng du, ông đi bộ từ nam chí bắc xứ hoa anh đào. Ông bỏ gần hết cuộc đời và sinh lực vào cuộc lữ hành, chỉ chịu ngừng gót giang hồ, đóng đô ở Edo (Tokyo ngày nay) ba năm trước khi xuôi tay nhắm mắt. Là một thiền giả, thơ ông nhuốm vị thiền, đắm tinh thần thanh tịch (sabi). Ông ngưỡng mộ các nhà thơ tiền bối Trung Hoa Thôi Hộ, Lý Bạch và thi sĩ Tây Hành cùng xứ sở. Sự nghiệp thơ Hai cú ông để lại là một niềm tự hào của dân Nhật, một đóng góp lớn cho thi đàn nhân loại nói chung.

Bài thơ Bashô làm năm 1662 ở tuổi 18 đã sớm có nét suy tư về lẽ vô thường:

Haru ya koshi

Toshi ya yukiken

Kotsu go mori

Có phải mùa xuân đến

Hay năm theo năm trôi đi?

Sau tất niên một buổi
1676, lang bạt qua thôn xóm dưới
chân núi Phú Sĩ mùa hạ:

*Fuji no kaze ya
Ogi ni nosete
Edo miyage
Làn gió Phú Sĩ sơn
Đậu trên cây quạt
Quà lưu niệm của Edo*

1680:

*Kumo nanto
Neo nani to naku
Aki no kaze
Nhện ơi nhện ơi
Giăng sần gì
Trong gió thu*

Bashô học thiền với Quốc sư
Butchô (Phật Đỉnh). Một hôm Quốc
sư đến thăm ông và hỏi:

- Lúc này con ra sao?

Bashô đáp:

- Sau cơn mưa vừa qua, rong rêu
xanh hơn trước.

Butchô:

- Trước khi rêu xanh thì Phật
pháp là gì?

Bashô:

- Con ếch nhảy vào hồ, tiếng
nước động.

Đoạn thiền văn trên đánh dấu
một chân trời thanh tịch nơi Bashô,
lai láng tuôn trào trong thơ ông suốt
thời gian 1686-1691, thời gian ông
sáng tác hăng nhất:

*Furu ike ya
Kawazu to bi koma
Mizu no oto
Hồ nước xưa,
Con ếch nhảy vắng đưa
Tiếng nước.*

Con ếch là hình ảnh rất gần gũi
trong dân gian Nhật, đã có không
biết bao nhiêu bài thơ, bức họa có
bóng dáng ếch.

*Sabi shisa ya
I wa ni shimi komu
Semi no koe
Cô liêu thanh tịch quá
Bên bờ tường đá
Tiếng ve sầu*

Đến giai đoạn cuối đời 1692-
1694, thơ ông có giọng của một
người đã chán ngấy cõi đời ô trọc.
Cuộc sống thực tế khi trở về Edo
khiến tay nghệ sĩ lãng tử phải tiếp

cận với phàm nhân tục tử, phần thì
gia đình đã qua đời hết, chỉ còn lại
mình ông:

*Toshi doshi ya
Saru ni kisetaru
Saru no men
Năm rồi năm trôi đi
Khỉ vẫn hoàn
cốt khỉ*

*Asagao ya
Kore mo mata waga
Tomo narazu
Đóa triều dương đẹp
Giờ đây đã khép
Chẳng làm bạn cùng tôi
Ông đóng cửa không tiếp khách
nhưng vẫn bị quấy rầy:*

*Mono ieba
Kuchibiru samushi
Aki no kaze
Nếu phải mở miệng ra
Bờ môi khô buốt giá
bởi gió thu*

Tuy nhiên, tình thương tha nhân
vẫn ngự trị tim ông, đêm trước ngày
lìa đời:

*Aki fukaki
Tonari wa nani o
Suru hito zo
Đã vào thu lâu rồi
Bác hàng xóm cạnh nhà
Không hiểu làm gì để sống?*

* Buson (Vu Thôn, 1716-1784):
thơ ông có nét đạo đức, triết lý.

*Hashi nakute
Hikuren to suru
Haru no mizu
Vì chẳng có cầu
Dương quang vẫn hắt tỏa chiếu
Trên mặt nước mùa xuân*

*Nasu bito no
Yane ni kieyuku
Yosamu kana
Gã trộm đạo
Lẩn mất sau những mái nhà
Đêm lạnh giá*

* Kobayashi Issa (Nhất Trà,
1762-1826): Thuở bé ông sống ở
miền quê với mẹ ghẻ hà khắc, phải
lang thang kiếm sống nơi thành thị
từ buổi thiếu niên. Thơ ông gần gũi
với thiên nhiên, có nét hiện thực:

*Aki no yoya
Tabi no otoko no*

*Hari shigoto
Đêm thu
Tên lãng du
Xỏ kim khâu vá
Asa tsuyu no
Asagao uruya
Ara otoko
Trong sương mai
Đạo bán hoa bím bím
Một gã nghèo hèn*

* Masaoka Shiki (Tứ Kỉ, 1867-
1902): Nhà thơ giao thời giữa Hai cú
cổ truyền và Hai cú hiện đại, là
người đặt tên Hai cú cho thể thơ.
Môn đệ của ông rất đông và là những
thi sĩ tiền phong của Hai cú mới.

*Nashi saku ya
Ikusa no ato no
Kuzure ie
Những cành lê điểm hoa
Chiến chinh tàn tạ,
Người người trở lại nhà*

Tới đây, ta có dịp so sánh thi tài
giữa ba nhà thơ về chủ đề chiến tranh
trận mạc, về nỗi phù du của kiếp
người.

Bashô:
*Natsu gusa ya
Tsuwa mono domo ga
Yume no ato
Cỏ mọc xanh giữa hạ
Ôi, đoàn hùng binh giờ đã
như giấc mộng: tàn, xa*

Itô Shôu, một nhà thơ nổi tiếng
cùng thời Shiki, viết về trận chiến
"Cánh đồng đầm máu Sekigahara"
xảy ra năm 1600:

*Kono shita ni
Eiyû no hone ya
Nokoru yuki
Dưới cánh đồng này
Năm xương anh hùng năm ấy
Tuyết phủ đầy*

Bashô để lại khoảng 1000 bài
Hai cú, so với Buson 2000 bài và
Issa, "nặng ký" nhất: 20.000 bài.

Hai cú hiện đại, Hai cú tự do

Những nhà thơ Hai cú đầu thế kỷ
20, xuất bản sách báo, lập hội thơ,
lớn tiếng cổ võ quan niệm sáng tác
Hai cú mới (hệt như phong trào Thơ
Mới ở Việt Nam). Họ cho rằng Hai
cú cổ truyền gò bó niêm luật quá.
Chẳng những luật âm tự onji họ phá

cách đã đành, một số thi sĩ hiện đại không chịu dùng quí ngữ chỉ mùa trong thơ nữa. Họ lý luận: chữ chỉ mùa không chính xác, bị đổi thay tùy theo từng địa phương, tỉ như anh đào mãi khai ở cố đô Kyoto tháng hai, ba trong khi ở Đông Kinh nở vào tháng tư, năm và càng lên phía bắc càng nở chậm nữa. Vả lại, theo nếp sống văn minh kỹ nghệ, tại các đô thị lớn, con người sinh hoạt, làm việc ở trong nhà, trong phòng. Cuộc sống bận rộn không có thì giờ, điều kiện để tiếp xúc với thiên nhiên như xưa, vậy nên thay vào đó bằng những điều thích nghi khác. Họ còn nhấn mạnh rằng, khi đọc thơ, chính người đọc phải cộng tác với nhà thơ bằng cách tự tạo ra một cái không gian, chứ không phải cứ ỷ ra, thụ động chờ cho thi sĩ dọn sẵn cỗ bàn. Nói gọn lại, họ chủ trương “làm cách mạng” thơ Hải cú cho kịp bước tiến của trào lưu hiện đại.

Các thi sĩ tiêu biểu cho khuynh hướng này có:

* Santōka (chết năm 1940): rất nghệ sĩ. Lấy vợ sớm, bỏ chèn kinh doanh làm ăn rồi dùng một cái, vất bỏ hết để thành một “hành khát đại hiệp”, lang bạt xin ăn:

Ishi ni tonbo
Mahiru no yume miru
Chuồn chuồn đậu trên đá
Ngắm xem giấc mộng ngày

* Hosai (chết năm 1926) cũng là một thi sĩ đã vứt rảo mọi thứ, kể cả bằng cấp Đại học Luật Hoàng gia Tokyo để đi hát rong hành khát, chịu đói nghèo và bệnh hoạn:

Sekioshite mo
Hitori
Khi ho mình cũng chỉ,
có một mình

Cũng bệnh ho hen nhưng trào phúng để tự an ủi là thi sĩ Bōsha:

Shō ten no
Ryū no gotoku ni
Seku toki ni
Khi tôi ho
Trông như con rồng uốn mình
Bay lên trời

* Takaō (chết năm 1963), nữ thi sĩ Hải cú hiện đại:

Kiri no naka

Higurashi naku o

Ake to suru

Trong sương mai

Tiếng ve sầu than vãn

Hừng ánh dương quang

* Sei Sen Sui (chết năm 1976) với

Hải cú tình ca:

Ama no gawa mo

Koku natta koto

Yūte wakareru

Giải ngân hà cũng đau

Cơn đau buồn da diết,

Lúc đôi ta nói lời ly biệt.

* Kaneko Tōka (1919-?) thơ nhân bản, khai phóng xã hội:

Hone no sake

Ainu no boshi ni

Shigeri noki

Con cá thu

Đối với mẹ con người Ainu

Như cây xanh đầy lá

(Người Ainu là dân tộc thiểu số cực bắc nước Nhật)

Một bài Hải cú có khi được trình bày rất điệu đà, thời thượng:

Sanmya ku no

Hida ni

Ki

Ki

Su-

mi

Umo-

re

ru

mimi-

ra

Tạm dịch:

Trên từng nếp núi,

Tiếng dội

nghe

vang

vọng

ngập

đôi tai

(Shige Nobu 1923-1983)

Tuy vậy, cách trình bày này cũng không được coi là mới mẻ vì ngay từ đầu thế kỷ 19, Issa đã xếp thơ như vậy:

Ko ga haeba

Tobi

haeba

Tobu

ie mo Issa

Con bướm trong vườn

Thẳng cu rón rén

bay,

rón rén

bay

Nhất Trà ở nhà cũng rúa

(cũng bắt bướm)

Chùm thơ Hải cú bốn mùa của Cung Vũ đăng trên *Làng Văn* số 77 thuộc thể Hải cú hiện đại này, như bài Xuân:

E ấp nụ

Mềm nhu nhú

Xuân về

Thi sĩ Cung Vũ yêu thiên nhiên, trong thơ chàng, nhìn đâu cũng thấy kigo (quí ngữ).

Dĩ nhiên, một bài Hải cú Việt Nam không thể ngâm theo lối Nhật được. Trong khi người Việt ngâm ư ử do sử dụng nguyên âm, thì cách ngâm hát thơ Hải cú của người Nhật nghe hơi giống tiếng ê a đọc kinh trong chùa. Nếu lời thơ Việt ít dấu, nguyên âm nhiều thì khá giống:

Furū ikē ya - Ta ru em đêm qua.

Đại thi hào Bashō đã nhận định: “Biết giao cảm với thiên nhiên là hình thái cao nhất của văn minh văn hoá loài người”. Giáo sư Oshawa cũng đã giải thích một cách khéo léo cho thắc mắc tại sao thơ Hải cú lại có mùa: “Tại sao à? Thì bạn cứ tự hỏi mình vì sao trái đất lại có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông!” Ý ông muốn nói, chuyện Hải cú có quí ngữ chỉ mùa tự nhiên như chuyện trái đất quay chung quanh mặt trời, người yêu thơ Hải cú phải quây quần quanh bà mẹ thiên nhiên. Cuộc sống văn minh kỹ thuật hiện đại đã khiến đa số người bỏ xó, xa lánh và coi thiên nhiên như một kẻ xa lạ không dính dáng chi đến mình. Thật lạ lùng và bất thường khi con người, vốn được nuôi dưỡng bởi thiên nhiên, nay dứt tình bà mẹ.

Hải cú tự do có cái hay cũng như cái dở. Nếu buông thả quá đà, nó sẽ chỉ còn là một loại thơ mới chứ không phải là Hải cú nữa như một số nhà phê bình Nhật nhận xét.

Nếu đồng ý với nhận định của Bashō, thì khi trả lời được câu hỏi mà hiện nay nhiều người đang nêu ra: “Hải cú đi về đâu?” tức là đã trả lời được thắc mắc tương lai văn minh, văn hoá nhân loại sẽ đi về đâu rồi vậy! □



Đôi điều về tiếng Việt

Hồng Huy

Tự mâu thuẫn

Chúng tôi xin dành riêng bài này để nhận xét về cách dùng chữ của Cộng Sản Việt Nam.

Đã từ lâu, và hiện nay cũng vậy, CSVN tuyên bố chủ trương “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. Trong lá thư đề ngày 7.3.1987, gởi cho viện Ngôn Ngữ Học (CSVN), thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tán dương quyển *Từ Điển Tiếng Việt* do viện này xuất bản năm 1988 như sau: “Nó (tức quyển từ điển ấy) có tác dụng thiết thực đối với việc chuẩn hoá và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. Lá thư được in ở trang đầu cuốn từ điển.

Nhưng một chủ trương, một chính sách, không thể chỉ vì có cái tên gọi đẹp mà trở thành đúng. Vậy, ta hãy xét xem CSVN đã “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” như thế nào.

Tránh dùng từ gốc Hán

CSVN cố ý tránh dùng một số từ gốc Hán, đã được Việt Nam Cộng Hoà đưa vào sử dụng từ lâu, đã trở thành thông dụng và dễ hiểu ở khắp

mọi miền, kể cả miền Bắc.

Họ thay những từ đó bằng những từ của họ. *Trực thăng* thành *máy bay lên thẳng*, *thủy quân lục chiến* thành *lính thủy đánh bộ*, *hàng không mẫu hạm* thành *tàu sân bay*, *nữ quân nhân* thành *lính gái*...

Xét về mặt lý thuyết, thay một từ gốc Hán bằng một từ thuần Việt, để cho ai nấy đều hiểu, là một việc làm đúng. Nhưng ở đây, vấn đề không phải là lý thuyết. Các từ ấy đã được mọi người sử dụng lâu rồi, ai cũng hiểu đúng và dùng đúng, tại sao lại phải thay? Miễn cưỡng thay đi, tất không che dấu được óc kỳ thị: tiếng của đối phương nên phải tránh. Vì nếu nói rằng thay để cho dễ hiểu, thì còn biết bao nhiêu từ phải thay, tại sao không thay? Tại sao không đổi *chủ tịch* ra *chủ chiếu*, *quảng trường* ra *chỗ rộng*, *bộ trưởng* ra *dầu bộ*?

Trong những năm gần đây, có lẽ chính họ cũng nhận ra sự gượng ép, nên trên báo chí, phát thanh và truyền hình của họ, những từ *lính gái*, *bộ đội gái* không thấy xuất hiện nữa, và từ *trực thăng* thỉnh thoảng có được dùng.

Nhưng họ đã tự mâu thuẫn khi đưa ra một số từ gốc Hán khó và không cần thiết.

Họ không nói:	mà nói:
<i>bộ phận rời</i>	<i>linh kiện</i>
<i>kèo cột</i>	<i>cấu kiện</i>
<i>giải ngũ</i>	<i>phục viên</i>
<i>qui mô nhỏ</i>	<i>vi mô</i>
<i>qui mô lớn</i>	<i>vĩ mô</i>
<i>làm chắc thêm</i>	<i>gia cố</i>
<i>ở lại lớp</i>	<i>lưu ban</i>
<i>dạy thêm</i>	<i>phụ đạo</i>
<i>soạn bài giảng</i>	<i>lập giáo án.</i>

Nhân đây chúng tôi xin kể một câu chuyện vui có thật, liên hệ đến hai từ *lưu ban* và *phụ đạo* nói trên. Từ *lưu ban* không khó, nhưng từ *phụ đạo* hơi khó. *Lưu* là *ở lại*, *ban* là *bậc*, nghĩa chung là *ở lại một cấp học nào đó*. *Phụ* là *giúp đỡ*, *đạo* là *dạy*, là *chỉ vẽ*, nghĩa chung là *chỉ vẽ giúp* cho học sinh hiểu bài. Hiểu theo kiểu phân tích như vậy, thì chỉ những người biết chữ Hán mới nắm được. CSVN hay dùng từ khó và rắc rối, nên rất thường xảy ra những trường hợp nghịch lý là cán bộ trong ngành lại không nắm vững từ chuyên dụng của ngành mình.

Khoảng 1987-1988, một hôm chúng tôi đến ăn kị tại nhà một người bà con ở quận Bình Thạnh.

Trong bữa kỳ, có mặt mấy sĩ quan và viên chức chế độ cũ, và đặc biệt có cả viên giám đốc sở giáo dục một tỉnh ngoài Bắc. Cũng như chúng tôi, tất cả thực khách đều là bà con của ông chủ nhà, hoặc bên ông hoặc bên bà.

Đang ăn, ngọn đèn ống soi sáng cho bữa tiệc tự nhiên chớp chớp rồi không chịu sáng nữa, chủ nhà phải mở rộng tất cả các cửa ra, để lấy ánh sáng trời. Một thực khách tóc đã bạc gần hết nói:

- Đèn néon khi đã có tuổi cứ hay bị cái tật này.

Viên giám đốc giáo dục nói:

- Chúng tôi gọi là đèn ống hoặc đèn huỳnh quang để cho dễ hiểu và trong sáng.

Giọng y có vẻ lên lớp. Người kia tức mình phản công ngay:

- Tôi xin nhận là tôi nói tiếng Tây, mà ông thì nói tiếng Việt. Nhưng tôi có chuyện này muốn thưa với ông. Tôi có thằng con trai 13 tuổi, đang học lớp 9. Mới hôm qua đây, nó nói cho tôi biết là nó phải đi học lớp phụ đạo buổi chiều, nếu không thì phải lưu ban. Ông là cán bộ cao cấp trong ngành giáo dục, vậy xin ông giảng cho tôi hiểu phụ đạo là gì và lưu ban là gì.

Viên giám đốc đáp ngay:

- Lưu ban là học kém, không lên lớp được. Phụ đạo là trường hợp một học sinh quá yếu về một môn nào đó, phải học thêm giờ môn đó.

Người kia nói:

- Bây giờ thì tôi hiểu rồi, xin cảm ơn ông. Nhưng xin ông vui lòng cho biết đích xác nghĩa chữ phụ đạo là gì.

Viên giám đốc bắt đầu lúng túng. Y nói:

- Phụ đạo... phụ đạo nghĩa là cái đạo làm cha. Làm thầy cũng như làm cha... học sinh kém thì phải dạy thêm... Nhà nước ta có mẫu giáo và có cả phụ đạo nữa...

Người kia cười ha hả:

- Ông giám đốc hay chữ lắm! Vậy tiện giấy mực đây, xin ông giám đốc viết giùm tôi hai chữ phụ đạo để tôi học.

Viên giám đốc thú nhận là không biết viết chữ Hán. Chủ nhà nhận thấy

không khí hơi căng thẳng, vội kiếm cách chuyển đề tài. Về sau, tôi được biết người kia là một trung tá mới từ trại cải tạo về, và ông ta rất giỏi chữ Hán, đã chép tặng chủ nhà một bản *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn.

Thích dùng từ lạ

Điển hình cho cái sở thích này là các từ *lô-gíc*, *mô-típ* và *chất xám*.

Lô-gíc: Đây là từ phiên âm từ chữ *logic* của tiếng Anh và *logique* của tiếng Pháp. Nhưng cứ theo cách dùng hiện nay của Việt Nam thì từ này chỉ có nghĩa là *hợp với luận lý*, là *tất nhiên phải như thế*, chứ không được dùng theo những nghĩa khác của từ gốc.

Thật ra, khi muốn đề cập những ý trên, người Tàu cũng dùng chữ *logic* phiên âm chứ không dịch. Họ phiên chữ ấy thành 邏輯, đọc theo giọng Quan Thoại thì gần đúng chữ *logic*, nhưng đọc theo âm Hán Việt thì là *la tập*.

Nhưng không phải lúc nào người Tàu cũng có lý trong việc đưa ngoại ngữ vào tiếng nói của họ. Chắc nhiều người còn nhớ vào khoảng giữa thập niên 1920, giới văn học nước ta đã ngán ngời khi thấy xuất hiện trên sách báo Trung Hoa một từ ngữ thật dài 煙土非理順 (yên sĩ phi lý thuận), và đã có người tưởng năm chữ ấy có ý nói rằng những ông hút thuốc phiện hay nói tầm bậy. Về sau mới vỡ lẽ là người Tàu đã dùng nhóm chữ ấy để phiên âm chữ *inspiration* mà họ cho rằng không thể nào dịch được. Về sau cũng chính họ nhận ra là không cần phải phiên âm, và đã dùng các từ cảm hứng (lãnh vực sáng tác), linh cảm (lãnh vực tôn giáo)... để nói lên ý của chữ *inspiration*.

Vậy, ngày nay, một lúc nào đó, để nói lên ý chữ *logic*, người Tàu sẽ bỏ chữ phiên âm *la-tập* đi, mà dùng một từ của chính họ, cũng chưa biết chừng.

Theo chúng tôi, để nói lên ý *logic*, người Việt có thể nói: *đương nhiên* hoặc *tất phải như thế*.

Thí dụ: Cán bộ Cộng sản nói:

"Đồng bị rầy nâu, mà bà con nông dân không được cung cấp đủ thuốc diệt rầy, thì thu hoạch kém là rất *lô-gíc*". Với câu ấy, ta đổi chữ *lô-gíc* ra chữ *đương nhiên*, ý của lời nói vẫn không khác.

Cán bộ CS nói: "Sự ngu dốt cộng với óc tư lợi của giám đốc đã đưa công ty đến chỗ phá sản, đó là cái *lô-gíc* của vấn đề". Với câu này, ta có thể thay *lô-gíc* bằng *lẽ tất nhiên*.

Mô-típ: Từ này phiên âm từ chữ *motif* của tiếng Pháp và tiếng Anh. Nguyên tiếng Anh cũng mượn chữ này của tiếng Pháp. Trong tiếng Pháp, chữ này có nghĩa rộng hơn.

Pháp, *motif*: cớ, luận cứ (toà án), chủ đề (bài văn, cuốn sách), nét chính (họa), nhạc tố (nhạc).

Anh, *motif*: chủ ý, nét chính (trong tác phẩm văn chương, nghệ thuật).

Người Tàu dịch chữ *motif* của tiếng Anh ra 主旨 (chủ chỉ: ý chính), 題目 (đề mục) và 命意 (mệnh ý: ý ngầm). Tóm lại, người Tàu chỉ dùng ý chữ *motif* trong văn chương và nghệ thuật, và họ dùng chữ của họ chứ không phiên âm.

Riêng ở Việt Nam gần đây, chữ *motif* được dùng thay từ *chủ đề* hoặc chữ *mẫu*.

Thí dụ:

- Quyển tiểu thuyết ấy được viết theo *mô-típ* con người nghĩa hiệp trừ gian khử bạo.

- Chúng ta xây dựng xã chúng ta theo *mô-típ* một vùng ven đô.

Ở đây, câu thứ hai đã tách khỏi nghĩa của chữ *mô-típ*.

Thật ra, chữ *motif* mà người Tàu và người Việt muốn mượn dùng, có ý nghĩa hơi khó, chỉ người chuyên môn hoặc có trình độ khá, mới hiểu rõ. Nhưng gần đây ở Việt Nam, chữ *mô-típ* được dùng tràn lan, và có nhiều người hiểu chữ ấy là *mô hình*, là *mẫu*.

Đây cũng là trường hợp của từ *lãng mạn* bị hiểu lầm thành *buông thả* (để nói về một cô gái), và từ *trữ tình* bị dùng lầm theo nghĩa *chứa đựng toàn chuyện tình ái*.

Theo chúng tôi, lỗi không phải ở người hiểu lầm, mà ở người đưa ra

dùng thiếu thận trọng, hoặc chỉ vì cố chấp, hoặc ưa dùng chữ lạ, mà không chịu chọn chữ dịch ra.

Nói cho công bằng, không phải chỉ gần đây mới có hiện tượng này. Khoảng đầu thập niên 1940, trong giới sử học Việt Nam, đã có sự tranh luận về việc nên dùng từ *vật tổ* hay chữ *totem* để chỉ con vật làm biểu tượng cho nòi giống (như chim Lạc đối với tộc Việt). Và hồi ấy, đã có vị cứ khẳng khẳng là phải dùng chữ *tô-tem* (phiên âm) thì mới nói đúng ý được.

Chất xám: Chữ này dịch từ chữ *grey matter* trong tiếng Anh. Tiếng Pháp gọi là *matière grise*. Cụ thể, các chữ này chỉ lớp tô màu xám ở vỏ tiểu não và đại não. Về nghĩa bóng, tiếng Anh và tiếng Pháp cũng có dùng hai chữ ấy để chỉ trí tuệ, sự thông minh, nhưng chỉ dùng một cách hạn chế.

Ở Việt Nam, gần đây chữ *chất xám* cũng được dùng đúng theo nghĩa nói trên, nhưng điều đáng nói là chữ ấy đã được dùng một cách quá lạm, chỉ vì nó mới.

Thí dụ: Nhìn nhận hiện tượng thành phần trí thức bỏ nước ra đi, một cán bộ cao cấp nói: “*Chất xám* của Việt Nam đã chảy gần hết ra nước ngoài”. Câu ấy, về nội dung thì thành thực, về cách dùng chữ thì sinh động, có thể nói là một câu hay.

Nhưng trong hệ thống cộng sản, một khi cấp trên đã nói theo kiểu nào, thì cấp dưới sẽ nói theo kiểu ấy. Để khen ngợi một kỹ sư từ tỉnh về tận xã, chỉ vẽ cho nông dân cách diệt rầy nâu, chủ tịch xã nói: “Lần này, xã ta hoàn thành tốt công việc bảo vệ mùa màng là cũng nhờ đồng chí kỹ sư đã bỏ ra nhiều *chất xám*”.

Chữ *chất xám* là con dao phay, không nên dùng chém ruồi bừa bãi như vậy.

Cùng trong chiều hướng thích dùng từ mới, chữ lạ, CSVN đã thay chữ *bệnh xá* bằng chữ *trạm xá*, và *Liên Hiệp Quốc* bằng *Liên Hợp Quốc*.

Trạm xá: Lý do thay thật khó hiểu. Xưa nay, một cơ sở chữa bệnh lớn thì gọi là bệnh viện, một cơ sở y tế nhỏ thì gọi là bệnh xá, hay trạm

y tế. Nhưng CSVN nhất định không chịu như vậy, và đã đưa ra chữ *trạm xá*. Họ quên một điều: hai chữ *trạm* 站 và *xá* 舍 đều có nghĩa là *nơi chốn*, là *nhà*, chứ không có nghĩa nào là *đau bệnh*, là *y tế* hết.

Liên Hợp Quốc: Nếu kể lúc xuất hiện, thì từ này mới hơn cả. Từ khoảng 1987-1988 trở về trước, báo chí, truyền thanh, truyền hình của họ vẫn viết và đọc là *Liên Hiệp Quốc*. Sau đó mới sửa chữ *Hiệp* ra chữ *Hợp*.

Họ có lý trong việc thay đổi này không? Họ có lý đấy, các bạn. Vì trong nhóm chữ *Liên Hiệp Quốc*, chữ *Hiệp* phải viết là 合, chứ không phải là 協. Mà theo các từ điển Hán Việt thông dụng ở Việt Nam (như của Đào Duy Anh, Thiều Chửu), chữ trước đọc là *Hợp*, chữ sau đọc là *Hiệp*. Và người Tàu cũng đọc hai chữ ấy khác nhau. Nhưng đối với người Việt, hai chữ ấy có thể đọc lẫn lộn, chỉ khi nào viết thành chữ Hán mới phải phân biệt.

Đây có lẽ là một lúc nào đó trong khoảng thời gian nói trên, một cán bộ cao cấp tra từ điển, thấy cách đọc chữ 合 bèn giật mình, ra lệnh đổi. Làm việc thay đổi này, cũng giống như

một chiếc áo mặc đã bao nhiêu năm, đột nhiên nghĩ rằng nó may không đúng mặt phải của thứ lụa, đem tháo ra may lộn lại. Hồi còn ở Sài Gòn, chúng tôi đã nhiều lần nhận thấy các xương ngôn viên của đài truyền hình thành phố ngập ngừng trước chữ *Liên Hợp Quốc*. Họ đã quá quen với cách đọc cũ, đã ổn định.

Trong khi quá kỹ, kỹ đến mức không cần thiết, đối với từ *Liên Hiệp Quốc* như vừa nói, thì họ lại quá cầu thả trong trường hợp sau đây:

CSVN đặt tên một bộ luật của họ là *Luật Đất đai*.

Đai là một tiếng đệm, không có nghĩa, sao lại được dùng đặt tên cho một đạo luật, là một trường hợp cần phải thật nghiêm chỉnh?

Và một điều lạ nữa, cả cái quốc hội của họ gồm mấy trăm người, cả guồng máy nhân sự của họ gồm mấy trăm ngàn người, sao không một ai lên tiếng về cái tên đó? Không ai dám lên tiếng, hay tất cả đều mệt mỏi, muốn buông xuôi.

Những từ để tuyên truyền

Điển hình cho lãnh vực này là hai từ *nhân dân* và *phục vụ*.

phía sau

Phía sau tôi, bóng tối
Chập chờn những hồn ma
Chốn thiên đường lạc lối
Ma cũng kiếp không nhà!

Phía sau tôi, địa ngục
Không còn đất dung thân
Những kiếp đời tui nhục
Nhìn thế sự thăng trầm.

Phía sau tôi, quá khứ
Đau đớn hơn căn phần
Mộng bị đời bức tử
Không một lời trời trăn.

Phía sau tôi, quê hương
Trầm luân những đoạn đường
Người đi và kẻ ở
Cùng thở hơi bi thương.

đông vũ



Nhân dân: Cần nói ngay, đây không phải là sáng kiến của CSVN. Họ chỉ rập khuôn theo cách dùng của Trung Cộng.

Để ám thị dân, để cho dân tưởng rằng những cái ấy là của dân, dân phải ra sức bảo vệ, tổ chức; cơ quan nào của cộng sản cũng có chữ *nhân dân* đi kèm: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân,....

Dụng ý tuyên truyền thật rõ ràng. Nhưng ngày nay, tác dụng không còn nữa. Và, hình như cũng đã nhận ra sự vô ích và kệch cỡm của chữ nhân dân ấy nên gần đây, chính quốc hội của CSVN cũng có đề nghị bỏ chữ ấy trong một số tên cơ quan.

Ngày nay, không còn ai ngây thơ tin nhãn hiệu là thực chất. Nhãn hiệu càng đẹp thì càng khả nghi. Cốm Vòng, bánh cuốn Thanh Trì, phở Tàu Bay, bánh bao Cả Cầu,... có tiếng đấy. Nhưng trải qua bao vật đổi sao dời, người ta phải nếm thử đã. Nếm thử một lần là đủ biết, hướng chỉ dân Việt Nam đã gần nửa thế kỷ phải chui qua chui lại dưới bảng hiệu có chữ nhân dân ấy.

Vào những thời bình trị ngày xưa, dưới triều đại các vua thương dân như con, dân ta đã thực sự được ấm no, sung sướng. Thời ấy, tên các cơ quan công quyền không cần cầu viện đến những mị từ.

Mặt khác, CSVN tránh dùng chữ *dân chúng*. Có lẽ họ nghĩ rằng gọi dân là dân chúng, là không coi trọng dân. Họ quả là những nhà *cách mạng duy danh*, chỉ cốt tên gọi cho đẹp thôi, thực chất không đáng kể.

Phục vụ: Động từ này trước kia được dùng theo hai cách.

* Tự động từ: Ông ấy phục vụ ở sư đoàn X.

* Tha động từ: Võ Tấn Đường đã hết lòng phục vụ ông Tô Hiến Thành, nhưng vẫn không được ông tiến cử với vua.

Nhưng các cán bộ CS đã dùng chữ *phục vụ* theo những kiểu rất lạ.

Những quán ăn bên cạnh các ga xe lửa, cái nào cũng mang bảng hiệu: *Cửa hàng phục vụ ăn uống ga*.

Trên đường Calmette, gần chợ Dân Sinh Sài Gòn, có một cửa hàng quốc doanh mang bảng hiệu: *Cửa hàng phục vụ nước chấm*.

Trong khoảng mấy năm gần đây,

cứ vào khoảng giữa tháng chạp ta, khắp thành phố Sài Gòn, đâu đâu cũng thấy những gian hàng bán bánh mứt, mang bảng hiệu: *Cửa hàng phục vụ Tết*.

Dùng tràn lan từ *phục vụ* như vậy là chỉ cốt khoa trương tinh thần bất vụ lợi. Họ muốn làm cho khách hàng tin rằng họ chỉ muốn phục vụ chứ không cần kiếm lời. Nhưng không biết khách hàng của họ có tin hay không.

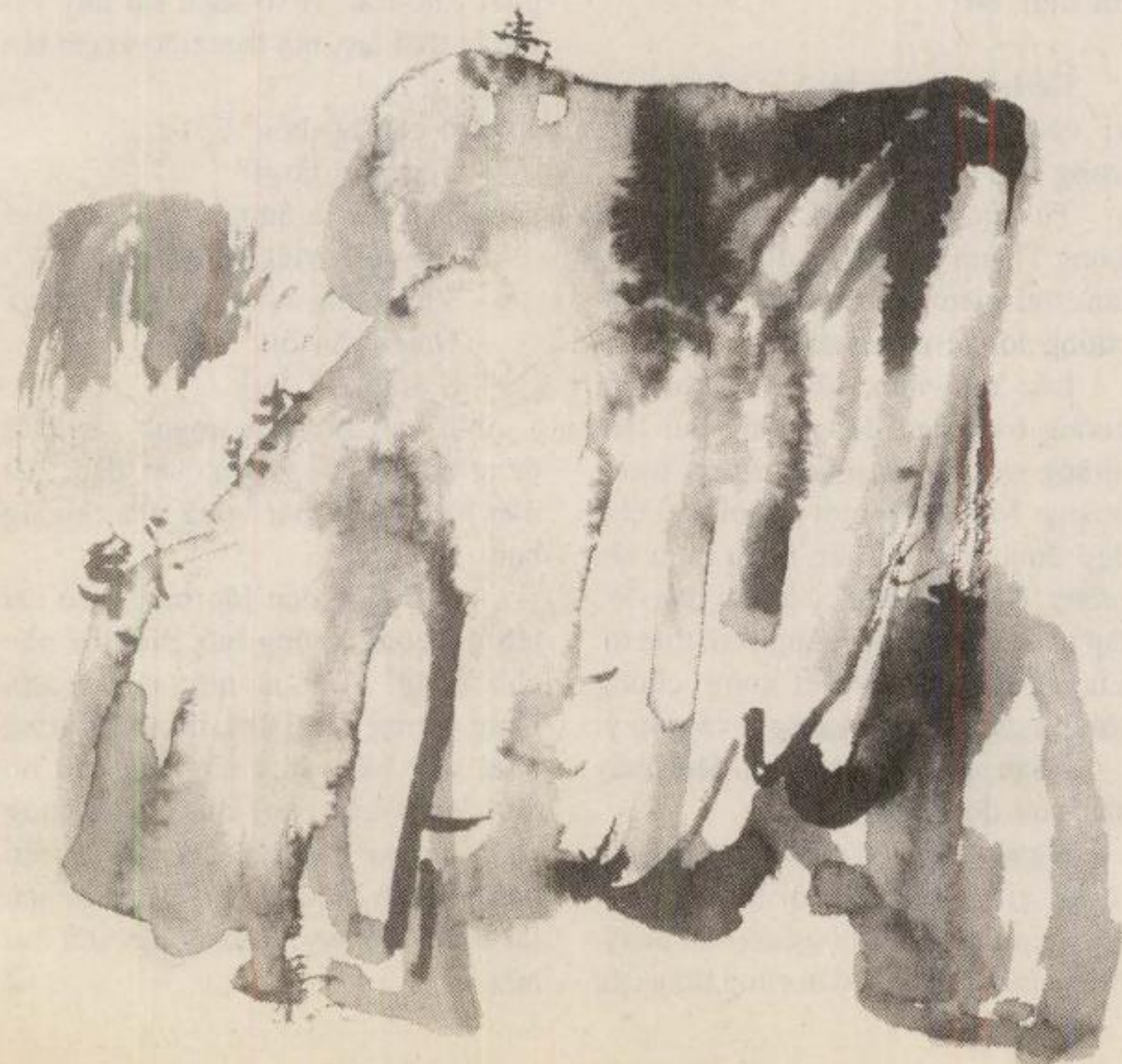
Nếu muốn kể thật đầy đủ những từ có dụng ý tuyên truyền, thuận (nói tốt cho mình) và nghịch (nói xấu đối phương) của CSVN thì chắc không đủ bút mực. Dưới đây chúng tôi chỉ xin nêu vài chữ có vẻ đom đóm hơn cả: *Phụ nữ ba đảm đang, đẹp đạo tốt đời, lương y như từ mẫu, nuôi con khỏe dạy con ngoan*,...

Phụ nữ ba đảm đang thế nào được khi phải vừa cầm súng, vừa cày cấy sản xuất, vừa chăm lo con cái; một đảm đang đã khó rồi, huống nữa là ba! Đẹp đạo tốt đời sao được khi tu sĩ còn bị tù đầy, khi chùa chiền, miếu mạo còn bị lấy làm nhà kho, nơi giải trí! Lương y như từ mẫu thế nào được khi những trường hợp cấp cứu vẫn phải đóng tiền đủ rồi mới được nhập viện! Nuôi con khỏe dạy con ngoan sao được khi đồng lương không đủ mua sữa và thức ăn cho con!

Về mặt nghịch, để nói xấu đối phương, CSVN đã dùng đến những chữ rất nặng. Ở đây, chúng tôi xin nhắc đến chữ *giặc lái*.

Bỏ qua khía cạnh buồn cười của từ này, chúng tôi chỉ xin vạch tính cách hoạt đầu của nó. Ngày trước, hề nói đến các phi công Mỹ tham chiến tại Việt Nam, cộng sản gọi họ là *giặc lái*. Nhưng từ khi có cuộc hội đàm về việc tìm kiếm và trao trả hài cốt các phi công Mỹ bị bắn rơi, chữ *giặc lái* không được nói đến nữa. CSVN sợ Mỹ giận, không bãi bỏ cấm vận.

Để thấy rõ thêm tính chất tùy thời trong cách dùng chữ của CSVN, xin các bạn giữ chông báo cũ của họ và đặc biệt lưu ý đến những bài nói đến đức *Giáo hoàng*. Khi nào toà thánh Vatican nói lời gì thuận tai họ thì trước chữ *Giáo hoàng* có chữ *đức*;



còn ngược lại thì chỉ có chữ *Giáo hoàng* không thôi.

Cũng như trước kia ở Trung quốc, Quách Mạt Nhược và Mao Trạch Đông đã hết lời mạt sát Khổng học, thậm chí Mao Trạch Đông còn gọi Khổng Phu-tử là *tên thầy cúng nước Lỗ*, nhưng cách đây vài năm, một tờ báo của Đảng bộ Quảng Châu có viết một câu rất đáng đọc: “Chúng ta đã ra sức đánh đổ cái trật tự gia đình và xã hội do Khổng Tử kiến tạo để thay vào đó một trật tự mới, hy vọng là tốt hơn, nhưng thực sự đã xấu hơn”.

Dùng chữ rập khuôn

Cán bộ CS không chỉ có đầu óc giáo điều trong tư tưởng, mà còn có thói rập khuôn ngay cả trong ngôn từ nữa.

Thí dụ: Muốn nói *tất cả mọi người* thì cán bộ nào cũng nói *các ban ngành đoàn thể*. Muốn nói *thực hiện thành công, làm chu đáo, làm có kết quả* thì ai cũng nói *làm tốt*. Đề cập việc hoàn thành kế hoạch của một đơn vị thì dùng chữ *xuất sắc*. Bài báo nào thuật lại một chuyến công du của một lãnh tụ cộng sản thì cũng có nhóm chữ *kết thúc thắng lợi*.

Gần đây lại xuất hiện một từ, đã



sợi tình em giăng

nhả ra
cụm khối vô thường
khối bay
bay hết
còn vương lại mình
bám hờ
giữa cõi phù sinh
chưa rơi
bởi lẽ
sợi tình em giăng.

hồ ông

có từ lâu, nhưng khi cán bộ CS đưa vào sử dụng thì nó lan tràn nhanh quá. Đó là chữ *tâm đắc* 心得.

Từ điển Hán Việt của Đào Duy Anh định nghĩa *tâm đắc* là *biết được chắc chắn ở trong lòng*.

Hán Anh đại từ điển của R. H. Mathews định nghĩa *tâm đắc*: *that which one gains as from intense study or long practice*.

Trong thực tế, cán bộ CS đã dùng chữ *tâm đắc* không xa nghĩa trên. Thí dụ một cán bộ nói: “Chúng tôi đã *tâm đắc* vấn đề đó nên hết sức cố gắng”. Nói như vậy thì chẳng có gì sai.

Nhưng điều quái lạ là trong khoảng thời gian vài ba năm gần đây, chữ *tâm đắc* được dùng như một cái mốt. Bộ trưởng nói *tâm đắc*, bí thư huyện ủy nói *tâm đắc*, giám đốc công ty nói *tâm đắc*, chủ nhiệm hợp tác xã nói *tâm đắc*,... Mọi người đua nhau nói *tâm đắc*. Thậm chí có những câu không có chỗ dành cho nó, người ta cũng cố câu chữ ấy vào cho bằng được.

Thí dụ: Chúng tôi *tâm đắc* gia đình chị gặp khó khăn, nên đã huy động các đoàn viên đến giúp.

Phải chăng vì có dáng vẻ trí thức mà chữ *tâm đắc* đã được ưa chuộng tới mức đó?

Để kết, chúng tôi xin kể hầu quý vị vài mẩu chuyện về chữ nghĩa trong trại cải tạo.

Từ tháng 6.1975, trại cô nhi Long Thành của Tư Sự được CS dùng làm trại giam tù chính trị. Đầu tiên, chúng tôi bị giữ ở đây.

Lúc mới đến, tù nhân chưa bị cưỡng bách lao động, chỉ phải làm những việc lặt vặt như dọn dẹp, trang hoàng. Một hôm, một người viết chữ đẹp được chỉ định kẻ khẩu hiệu lên tường. Câu “Không có gì quý hơn độc lập tự do” được viết bằng sơn, thật to. Lúc người ấy vừa viết xong, chúng tôi đi ngang, dừng lại xem và góp ý:

- Sao anh không đánh dấu phẩy sau chữ *độc lập*?

Người viết móc túi ra lấy một mảnh giấy, xem kỹ rồi nói:

- Cán bộ viết không có dấu phẩy. Mà chính tôi đọc ở đâu cũng thấy câu

này không có dấu phẩy.

- Nhưng mình phải theo mạch văn mà viết cho đúng chớ. Anh có đồng ý với tôi là có phẩy thì đúng hơn không?

Người ấy ngần ngừ vài giây, rồi chấm sơn, trèo lên thang, thêm một dấu phẩy sau chữ *lập*.

Sau đó, người ấy bị cán bộ gọi lên văn phòng xài xể một trận dữ dội. Tất nhiên người ấy không khai ra chúng tôi, nhưng chúng tôi cứ ân hận mãi về sự thày lay của mình.

Khoảng từ 1976 đến 1983, tại trại giam Thanh Cẩm (Thanh Hoá), có một người tù tên là Sương, xuất thân Quốc gia Hành chánh. Người này còn trẻ. Cũng như những tù nhân khác, không được giữ đồng hồ, bút máy, nhẫn vàng, anh này phải gửi cho trại một chiếc nhẫn cưới. Ít lâu sau, trại đổi cán bộ phụ trách tài vụ. Để nắm vững sổ sách và các vật gửi, cán bộ tài vụ mới tập hợp tù nhân, kiểm tra từng trường hợp.

Cán bộ mới là một người đàn bà khoảng bốn mươi, gương mặt choắt choeo, tiếng nói hơi ngọng nhưng thái độ thật hách dịch.

Đến lượt anh Sương được gọi lên thì một trục trặc nhỏ xảy ra. Không phải trục trặc vì sổ sách sai hay vật gửi bị thất lạc, mà trục trặc vì cái tên của anh ta.

Nữ cán bộ hỏi:

- Tên anh là gì?
- Tên tôi là Sương.
- Tên anh viết như thế nào?
- Viết đúng như trong sổ đây.
- Đánh vần đi.
- S..Ư..Ồ..N..G.

Nữ cán bộ ném mạnh cây bút đang cầm xuống bàn, lắc đầu, nét mặt lộ vẻ vừa thất vọng vừa thương hại:

- Anh học đến lớp mấy? Có cái tên mà cũng không biết viết thế nào cho đúng! Anh là một con người bằng xương bằng thịt, thì tên Xương phải viết bằng chữ này (nữ cán bộ làm dấu X trên bàn) chứ sao lại bằng chữ này (nữ cán bộ viết chữ S trên bàn)... Anh hiểu chưa? Đây, tôi sửa lại anh. Từ nay, nhớ đừng viết sai nữa. □

Nhân Độc

"Bút-Khảo Về Ăn"

của Lê Văn Lân

Võ Phiến

Một hôm nhân đọc bài báo của ông Đinh Trọng Hiếu (trên tờ Văn Lang số 3), tôi có dịp rón rén ghé mắt nhìn vào công việc gian nan của các học giả. Lần ấy, công việc liên quan đến một món ăn của dân ta đời Hồng Bàng. Chuyện ăn uống nọ được chép trong cuốn *Lĩnh Nam chích quái*. Sách xưa viết: "Dĩ cầm thú ngư hà vi hàm". Sách có nhiều người dịch.

Ở trong Nam, ông Lê Hữu Mục dịch rằng: "Lấy cầm thú, cá tôm làm nước mắm". Đọc xong, tẩn mẩn ngẫm nghĩ: Giống cầm nào giống thú nào được người xưa chọn làm nước mắm cà? Trên xứ ta các loại cầm thường thấy là con gà, con sáo, con sẻ, con cò... Từng có thứ nước mắm se se chẳng? Có nước mắm sáo sậu chẳng? Các loại thú thường gặp quanh mình là con lợn, con chó, con mèo... Từng có nước mắm cây chẳng? nước mắm lợn chẳng? Chao ôi, ước gì người đời nay được nếm thử một vài giọt trong số các loại nước mắm hiếm lạ như thế thì quý hoá biết là chừng nào! Trên đường tiến hoá bốn nghìn năm đằng đặc, dân tộc ta đã bỏ mất những món nước mắm sáo sậu cây tơ ở chạng đường nào? trong

hoàn cảnh nào? Người đọc tiếc ngẩn tiếc ngơ.

Ở ngoài Bắc có bản dịch của ông Đinh Gia Khánh. Dịch rằng: "lấy cầm, thú, cá, ba ba làm mắm". Đến đây, lại tiếc nữa, tiếc cái mắm ba ba ngày nay cũng không dễ tìm ra. Cái mắm độc đáo ấy rồi ông Lê Thành Khôi dịch sang tiếng Pháp là *salaison de tortue*.

Ôi, chỉ trong khoảng một câu bảy chữ mà tổ tiên ta xưa kia, kẻ bắt phải con tôm người tóm được con ba ba, kẻ thì làm đủ thứ mắm lạ, người lại chế ra nước mắm. Rộn ràng, tấp nập, và... rắc rối quá chừng. Bận bịu thay, khó khăn thay công việc của các học giả.



Một hôm khác, hồi đầu năm Mùi, nhân nằm đọc cái truyện của Ngô Nguyên Dững trên một tờ báo Xuân, chợt gặp chữ lạ, đâm bối rối: "Trên đường về, chị Xuân ghé tiệm mua nửa ký thịt ba rọi và ba trăm gam gan heo. Chị bảo để "khìa" ăn vài bữa. Du không hiểu "khìa" là gì, nhưng không hỏi". (Cuối năm, ô cửa hẹn). Du không hiểu, tôi cũng không hiểu. Du là sinh viên du học, ra khỏi nước từ thuở bé nên không rành rẽ từ ngữ liên quan đến chuyện bếp núc, điều ấy dễ thông cảm. Còn tôi, tôi đã sống gần trọn một cuộc đời trên quê hương mà vẫn ngẩn ngơ không biết chị Xuân nói gì. Tiếng nói của ta nhiều thật. May mà chị Xuân, sau đó, đã tự ý giải thích: "Là một loại thịt chiên

ấy mà, được ướp với tỏi, muối, đường; nhưng quan trọng nhất là phải có ngũ vị hương”.

Nghe xong, yên dạ được một lúc. Rồi lại chồm lên thắc mắc, ao ước gặp chị Xuân để được soi sáng thêm: Khìa là một loại thịt chiên, vậy thịt chiên có mấy loại? Loại thịt chiên với món gia vị quan trọng nhất là ngũ vị hương thì gọi là khìa; vậy thịt chiên mà không có vị quan trọng nhất ấy thì thành ra món gì? Khĩa chăng? Khĩa chăng? Dù gì đi nữa, vẫn chắc chắn một điều là thịt chiên có họ hàng sum sê, phong phú, nhiều loại, mình chỉ nghe có một loại khĩa, thiếu sót biết bao!

Chỉ một cái chiên đã rắc rối thế. Nghĩ thêm về bao nhiêu cái khác, càng giật mình. Cái khác đây, ý tôi chỉ muốn nói về các lối chế biến món ăn mặn bằng lửa, của dân tộc ta. Món ăn có món mặn, có món ngọt, món chua. Chế biến có cách dùng lửa, có cách không dùng đến lửa: hoặc để sống, hoặc làm dưa, làm mắm, v.v... Nguyên một cách dùng lửa chế món mặn, lăm nhấm một lát thấy đã bộn bề: nấu, nướng, kho, chiên, hầm, hâm, ninh, hấp, rán, rang, chưng, luộc, trần, trụng, lùi, trui, phi, xào, xáo, quay, um, tráng (chả), đồ (bánh bèo), rim, tiêm, đồ, xôi, thổi, đun, hun, nhúng, khừ, đốt, chấy, thảng, đúc (bánh), bung, sao, hui, (thịt) hon, khĩa, thưng, thôn (thịt), om (cà), tần (với thuốc bắc), ám (cá), v.v... Về chuyện bếp núc, tôi chẳng qua cũng lạng quạng như nhân vật tên Du của ông Ngô Nguyên Dũng, vậy mà cũng bập bẹ được ngót năm chục tiếng. Và đó chỉ là kể những tiếng đơn thôi. Mỗi tiếng đơn có thể kẹp theo một vài tiếng khác để chỉ thị một cách thức chế biến phức tạp hơn. Một tiếng “nấu” có thể ghép thành: nấu rục, nấu nhừ, nấu mẩn, nấu ngót, v.v... Cứ thế, chị Xuân tha hồ tuôn ra bao nhiêu là cái lạ lùng, bất ngờ nữa, nói sao cho xiết!

Trong số những tiếng đơn nọ, có những tiếng nghe chừng gần gũi, thế mà nghĩa rất cách xa: Hâm (nước) không dính líu gì đến hầm (xương). Đun (nước) không liên hệ với hun

(khói). Cũng như thế, om không phải là um, rán không phải là rang, xào không hẳn là xáo, v.v... Sự phân biệt quả là cặn kẽ, chi li. Chừng ấy tiếng chen chúc nhau mà không trùng hợp nhau.

Và - điều này tưởng có chỗ lý thú - chừng ấy tiếng hầu hết là tiếng thuần Việt. Thiết nghĩ ngay ông Lê Ngọc Trụ cũng khó lòng tìm được cái gốc Hoa của những tiếng như luộc, như lùi... Tiếng gọi đã không có gốc Hoa, thì các món ăn, cách chế biến mang tên gọi ấy cũng không có gốc Hoa. Những ông Nhâm Diên, ông Tích Quang chịu khó dạy dân ta nào chữ Hán, nào đạo thánh, dạy phép cày ruộng, dạy cách cưới vợ gả chồng, v.v... Nhưng về chuyện bếp núc thì các ông ấy không phải bận tâm: ta kho kiểu ta, ta luộc kiểu ta, ta khĩa kiểu ta,... Ta hoàn toàn độc lập, tự do. Trong các lãnh vực văn học, triết học, hành chánh, kỹ thuật nông nghiệp... ta phải mượn vô số tiếng của người, kho ngôn ngữ ta lộn nhốn đầy tiếng Hán Việt. Nhưng khi vào bếp thì ta ngẩng cao đầu, không cần học theo ai, không mượn tiếng nói của ai cả:

*Cái cò, cái vạc, cái nông,
Ba cái cùng béo, vật lông cái
nào?*

*Vật lông cái vạc cho tao
Hành, răm, mắm, muối bỏ vào mà
thuôn.*

Cái cò, cái vạc, củ hành, lá răm, v.v... các thực liệu quen thuộc quanh ta, ta “xử lý” thông thạo, miệng ta nhanh nhẩu, tay ta thoăn thoắt, ta thôn rục rục ngon ơ. Các quan thái thú nọ thứ sử kia chỉ có đứng ngệt người ra nhìn thôi, còn dạy dỗ gì được nữa. Giọt nước mắm với lá rau răm, các quan Tàu biết sao thấu. Về vang thay người nội trợ tiền bối của chúng ta, tự buổi ban đầu xa lác xa lơ của lịch sử đã nghênh ngang tung hoành đầy tự tín, giữa làn khói thơm ngào ngạt trong gian nhà bếp.

Nhân cái chỗ người múa dưa trong bếp thì xài thuần tiếng Việt thoải mái, còn kẻ sĩ cầm bút chép sách lại vướng vào chữ của ngoại

nhân mà sinh lúng túng, bèn nghĩ cái khổ sở của ông Lê Hữu Mục thật oan uổng.

Không phải vậy sao? Đâu phải bỗng không mà ông Lê sản xuất ra món nước mắm cầm, nước mắm thú? Đó chẳng qua là do một chữ “hàm” trong sách chích quái của Trần Thế Pháp. Tuyệt đại đa số người Trung Hoa xưa nay không ăn mắm, cũng không ăn nước mắm, ngoại trừ ở một số địa phương miền nam. Không làm ra và không ăn món ấy, e họ không tự dung bày đặt ra vài tiếng, chỉ để dành sẵn, chờ ông Trần mượn dùng. Cho nên cái chữ Hán mà ông Trần đã dùng, nó không chỉ thị đích xác một món ăn nào của người Việt cả.

Bắt được nhiều cá, muốn để dành ăn lâu dài, dân ta đem cá làm mắm và làm nước mắm; còn người Hoa thì họ làm ra cá mặn, cá khô. Cá mặn, tức hàm ngư (ta vẫn phát âm theo những người chệt bán cá: hàm di). Cá khô, tôm khô, ta cũng có làm: những món đó đều không phải là mắm, càng không phải là nước mắm.

Người Hoa không có một số món ăn giống ta, Trần Thế Pháp dùng tiếng Hoa gọi món ta nên... khó dịch. Sau này người Pháp cũng có những món ăn không giống món ta chút nào: *saumure* không phải là nước mắm, *salaison* không phải là mắm. Về cách chế biến, về mùi vị, những món đó khác nhau xa. Cho nên dùng chữ như các học giả Trần Thế Pháp, Lê Thành Khôi, thì nêu được một gần gũi đại khái giữa món ăn hai xứ để khách văn chương biết qua với nhau thôi; chứ muốn cho người đọc tường tận đích xác thực chất món định nói là gì thì không tiện đâu.

Nói rằng dân ta có kho ngôn ngữ phong phú về mặt ẩm thực, dân ta có phong tục ăn uống riêng biệt chứng tỏ cá tính dân tộc mạnh mẽ, nghìn năm đô hộ giặc Tàu trăm năm đô hộ giặc Tây không lay chuyển nổi, v.v... nói thế nghe gần như luận điệu: Dân tộc ta rất tinh rất tài, dân tộc ta có thiên tư đặc biệt. Tóm lại dân tộc ta là... nhất.

Nói thế khó nghe quá lắm.

Bấy lâu nay ta đã nhất thông minh, nhất anh hùng, nhất sáng suốt rồi. Giờ lại thêm nhất ăn nhất uống nữa, e quá quất chăng?

Ta khoe phong phú, lẽ người Tàu có kẻ ngứa mồm nói ồm ồm lên tám vạn món ăn khắp xứ họ thì sao? lẽ có người Nga háo thắng nào đó nghiêm khắc cảnh cáo bất cứ ai manh tâm truất phế địa vị số một của họ trong bảng xếp hạng các dân tộc nhiều món ăn nhất thế giới thì sao? lẽ có ông tây bà đầm trưng ra một sưu tập phở-mát mấy trăm thứ loạn cả mắt thì sao? Ồi, ở các khu phố Tàu trên đất Mỹ này, ta bước vào một tiệm ăn xoàng xĩnh nào người chệt hầu bàn cũng có thể vất xuống trước mặt ta một tấm thực đơn trên dưới vài trăm món ăn bình dân, xem mặt cả mắt.

Vả lại, bảo rằng ta giỏi nhất, tức thị ngầm cái ý hồn xược là có những dân tộc kém may mắn chỉ giỏi cỡ bậc nhì thôi, phải không? Trời đất! Làm gì có thế? Trên thế gian làm gì có một dân tộc tự xếp mình vào hạng nhì!

Ngày xưa, nhân loại sống rời rạc, xa cách. Trong lòng mỗi dân tộc riêng lẻ một phương trời, ai nấy tha hồ xúm xít thổi vào tai nhau luận điệu "mình là nhất", như thế hả hê lắm, thích thú lắm. Bấy giờ, bốn bể một nhà, nếu lại cứ tiếp tục om sòm về cái nhất của mình, tiếng ồn ấy không khỏi lọt vào tai những dân tộc khác: Thật khó nghe, có thể gây nên nhiều sự bức bối nguy hiểm.



Mặt khác từng có những đáng lãnh tụ tuyên bố dân mình là nhất, và để gìn giữ cho thuần giống (nhất), đã hô hào bắt đốt hết loại dân khác dám trà trộn vào dân mình, làm cho xấu giống. Lại từng có những lãnh tụ tuyên bố dân mình là nhất, và chủ trương vác súng ống xông vào các nước khác để khai hoá, v.v... Theo bèn gót các lãnh tụ, đội ngũ cầm bút yêu nước thương nòi ồm ồm xung tụng mình, không khéo là những kỹ sư tâm hồn làm nhiệm vụ cổ xúy xung đột, tranh phi.

Lẽ nào dám chọn cái sứ mệnh văn nghệ khó quá vậy.

Thành thử nếu trên đây trót ba hoa về món nợ món kia, tuyệt nhiên không hề có ý chứng minh cái gì, phát huy chuyện gì, khoe khoang điểm nào của dân tộc. Ấy chẳng qua là vì một chút tâm lý tưởng nhớ cái ăn. Sống đời lưu lạc lâu năm, ai cũng thế thôi. Tâm hồn có cái da diết của tâm hồn, thân xác cũng có những giây phút thần thờ của thân xác: Mất nhớ những hình mây dáng khói quen thuộc, nhớ một khúc sông vắng, một bìa rừng xanh. Tai nhớ tiếng con cóc gióng đều đều buổi trưa, tiếng con te te thét hoảng trong buổi hoàng hôn chỗ hoang dã... Và miệng thì..., ời cái miệng, nó thật lắm điều. Nó nhớ lung tung, nó thèm dữ dội. Hễ ở đâu có thấp thoáng cái ăn dân tộc là những miệng lưỡi xa quê liền nổi hứng lên, xán đến tham gia. Nó xì xụp, nó luận, nó bàn, dào dạt cảm hứng. Những bài viết đậm đà mùi vị của các ông Huỳnh Hữu Cửu, Nguyễn Văn Ba, Trà Lũ, Lê Văn Lân, về cây trái quê mình, về cá mắm quê mình,... những khảo dịch của các ông Lê Hữu Mục, Đinh Gia Khánh về nước mắm chim chóc, về cái mắm ba ba, v.v... nó thu hút tôi, nó làm tôi bốc lên mà huyền thuyên nhảm nhí là vì vậy.

Ông Lê Văn Lân là bác sĩ y khoa. Nhưng cái cơ thể dưới trăm ký-lô của con người không đủ thỏa mãn óc tò mò của ông đâu. Phan phui lục phủ ngũ tạng con người xong, ông ngẩng lên trời đặt ra hàng trăm thắc mắc,

cúi xuống đất bắt gặp chừng nghìn lẻ một vấn đề. Hôm nay cầm chiếc chân gà suy nghĩ về khoa bói toán Đông phương, ông bất chợt nhận thấy Hoa Việt gần gũi thế mà ở Việt Nam con gà có nhiều liên hệ đến bói toán cúng quải trong khi người Hoa xưa nay tuyệt không có ý tìm hỏi về vận mệnh mình qua cái giò gà. Hôm khác, nhân nhớ lại hình ảnh những người ngồi viết chữ bằng thẻ tre ở vỉa hè Sài Gòn, ông liền tra khảo suốt 120 kiểu thư pháp Trung Hoa, ông ráo riết rượt đuổi lịch sử thư pháp chạy ngược ba nghìn rưỡi năm về trước để truy nã kỳ được gốc tích của một loại tạp thể thư. Hôm khác nữa, nhân nhắc đến một cuộc nếm cỗ thi ở hội xuân ngoài Bắc, ông tra vấn một loạt các thứ mắm và nước mắm khắp nơi: Cao Miên, Thái Lan, Nhật Bản, Đại Hàn, Mã Lai, Miến Điện, Nam Dương, v.v... rồi ông tự hỏi: Hề nguồn gốc Mã Lai theo giả thuyết Bình Nguyên Lộc lan đến đâu thì phảng phất mùi mắm đến đó, mắm và người có liên hệ gì đây? Lại hôm khác nữa, rồi hôm khác nữa... Khi thì nhân giọt cà cuống mà ông bàn về các món chiêu tình hương và phản kích đâm của sâu bọ, về những trận ghen ngát mùi của một số con đực có vợ thường đi bỏ lẻ. Khi khác ông lùng khắp nước Mỹ sưu tầm các bộ bài chòi bài tới, tìm hiểu cách chơi và ý nghĩa từng lá bài kỳ quặc. Khi khác nữa ông lại xoắn lấy mối tình kỳ bí giữa Hàn Mặc Tử và người con gái Vĩ Dạ, và ông đã tìm thấy những điều mà trong hơn nửa thế kỷ ngay người em ruột và người bạn thân thiết nhất của thi sĩ cũng chưa biết đến. Lại khi khác nữa, ông băn khoăn về cái nhóm 11, 995 người Việt lạc loài ở huyện Giang Bình bên tỉnh Quảng Tây. Số di dân ấy ra đi khỏi xứ sở đã bốn thế kỷ mà vẫn còn giữ tục ăn trâu, còn ăn nước mắm, còn chơi đàn bầu, còn viết được chữ nôm! Sao lạ vậy? Mười hai nghìn ngày nay, cách đây bốn thế kỷ bất quá là chừng năm, sáu nghìn người chứ mấy. Một nhân số ít oi như thế, lạc vào giữa bể người Trung Hoa mệnh mông mà vẫn bền lòng giữ phong tục riêng, không lạ

lòng sao? Họ đã thiết tha với dân tộc như thế thì lý do gì - kinh tế hay chính trị? - khiến họ phải kéo nhau chạy qua Tàu vào năm 1513 dưới triều vua Lê Tương Dực? Ông bán khoán và ông bán khoán...

Hết đề tài này đến đề tài khác, ông Lê lúc nào cũng hào hứng, cũng xông pha. Theo cho kịp ông để lãnh hội những khám phá liên tục của ông là cả một sự vất vả, tôi không theo nổi đâu. Nói cho đúng, phàm tục như tôi, tôi chỉ biết quán quít thường xuyên quanh các chuyện ăn uống mà thôi. Sự say mê của ông Lê có sức lôi cuốn mạnh. Có một độ, vì lý do riêng ông ngưng viết ít lâu; tôi như hụt thiếu cái gì, vội tìm hỏi tào tác. Thế rồi ông lại vui vẻ tiếp tục.

Thái độ biên khảo của ông thật ung dung, khinh khoái. Ông làm việc như lấy làm vui. Kẻ bị ông cuốn theo cũng lấy cái đọc làm vui. Trong bể học mênh mông "chàng như con bướm lượn vành mà chơi". Ông không chịu tự buộc mình vào một lãnh vực nào. Ông chấp chờn khắp nơi, di chuyển thoăn thoắt. Sự khao khát tò mò của ông rộng rãi quá, nó không cho ông dừng cánh nghỉ ngơi nơi nào quá lâu. Nhưng ai bảo cái *khảo chơi* không quan trọng bằng cái *khảo thiệt*? Những nhà nghiên cứu cặm cũi đo từng cái xương sọ của người ta, hì hục khai quật di chỉ xưa, mần mò nhặt nhạnh từng lưỡi búa mũi tên, v.v.. để tìm về nguồn gốc dân tộc, chắc gì khỏi mừng rơn khi có người nhờ lai rai đi nếm mắm mà chợt phát giác ra mối liên hệ gốc gác giữa các dân tộc từ bắc đến nam Á châu? chợt nhờ mắm mà thấy ngay sự sai lầm của các sử gia từng chủ trương rằng dân Việt có nguồn gốc Hoa? Đi khảo thiệt với cái búa khảo cổ lăm lăm trong tay thì trông khả kính; nhưng kẻ tài hoa đi khảo chơi, chỉ mang theo chiếc lưỡi giấu trong mồm, trông khả ái biết bao. Và gần gũi chúng ta biết bao.

Chính vì chỗ gần gũi khả ái đó mà bên cạnh nhà nghiên cứu lại có kẻ không một chút vốn kiến thức chuyên môn này dám lẻo đẻo theo múa lưỡi lú lo! □

Mạn đàm với Ngô Du Trung

Đào Huy Đán



LTS: Ngô Du Trung, tác-giả "Nước mình nước Mỹ", là một ngòi bút quen tên trên Làng Văn và Văn. Văn-phong ông bình-dị, trong sáng. Truyện của ông đi sát với thực-tại đất nước nên được xếp vào khuynh-hướng văn-chương dân-thân. Sau đây là câu chuyện giữa anh và Làng Văn.

Ngô Du Trung: Quê quán: Khánh Hoà. Lúc nhỏ đi học, lớn lên đi lính, Cộng sản vào thì đi tù. Ra khỏi tù vượt biển sang Phi, qua Mỹ năm 78, định cư ở Houston, Texas cho đến bây giờ. Đại khái như vậy.

DHĐ: Hồi ở quê nhà anh có cộng tác với báo nào không? Kể cả báo nhà trường (bích báo, đặc san, giai phẩm...)

Đào Huy Đán: Xin anh cho biết qua tiểu sử.

NDT: Lúc còn đi học tôi có viết vài bài cho đặc san của trường, được giáo sư Việt văn khen là “có năng khiếu về văn chương”. Được khen thì bao giờ cũng nở mũi, nhưng tôi chưa hề thử viết truyện gửi cho báo nào.

DHĐ: Xin hãy tả qua những nét đặc thù của quê hương anh.

NDT: Câu hỏi của anh làm tôi nhớ một chuyện trong trại tù Cộng sản. Hồi đó họ bắt chúng tôi làm bích báo, họ gọi là báo tường. Một anh bạn tù viết một bài trong đó có câu “Nha Trang miền thùy dương cát trắng”. Đêm đó anh em chúng tôi bị quản giáo tập hợp lại chửi bới suốt mấy tiếng đồng hồ: “Các anh văn chúng nào tạt nẩy, xỏ xiên, nói xấu cách mạng. Các anh bảo: cách mạng về biển Nha Trang thành một vùng cát trắng chẳng còn trông tĩa gì được nữa phải không?” Cho nên thưa anh, nét đặc thù nơi quê hương tôi là... thùy dương cát trắng.

DHĐ: Động lực nào khiến anh cầm bút?

NDT: Như đã thưa với anh ở trên, mặc dù lúc đi học được thầy khen là có năng khiếu về văn chương nhưng thật sự tôi chẳng tin tưởng gì ở cái “tài văn chương” của mình nên chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện viết lách. Sang Mỹ tôi làm trong một hãng có rất nhiều người Việt Nam. Có mấy anh em nảy ra ý định thành lập một hội ái hữu. Có hội thù có báo, có đặc san. Anh em thấy tôi thích đọc sách, đi làm lúc nào cũng kè kè quyển sách trên tay, chắc nghĩ tôi “văn hay chữ tốt” nên xúi viết. Ừ thì viết! Sản có chút kinh nghiệm trong tù, tôi cứ tuần tự ghi lại những điều tai nghe mắt thấy. Một anh bạn lớn tuổi cùng sở đọc xong khen và khuyến khích. Thưa thắng xông lên tôi gửi cho báo *Văn*. Hai tháng sau, thấy bài mình được đăng cũng vui.

Vậy đó, tôi viết là do một sự đưa đẩy tình cờ.

DHĐ: Anh là một cựu chiến binh. Hồi ở quê nhà anh có theo dõi

các cây bút quân đội không?

NDT: Tôi có đọc một số nhà văn nhà thơ quân đội, đặc biệt thích những bút ký chiến trường của Phan Nhật Nam.

DHĐ: Qua định cư ở Mỹ, anh thấy sinh hoạt cộng đồng người Việt nơi anh ở ra sao?

NDT: Tính tôi rất ngại đám đông, ngại tiếp xúc, gặp gỡ những người mình không quen biết nên chuyện cộng đồng rất lơ mơ.

DHĐ: Tập truyện “Nước mình nước Mỹ” của anh có những đề tài gì? Xin anh cho độc giả biết anh muốn gửi gắm gì nơi những đề tài ấy?

NDT: Thưa anh, có gửi gắm gì, đọc xong chắc độc giả sẽ nhận ra. Còn nếu độc giả đọc xong mà nhận không ra là tại mình viết dở. Viết dở thì nên cố gắng viết hay hơn chứ chẳng nên lằng nhằng giảng giải “tôi viết bài này chủ ý thế này..., gửi gắm điều này, điều này...” làm khổ lỗ tai độc giả. Xin anh tha cho.

DHĐ: Những truyện như “Những tờ thư cũ”, “Một thời đã qua” phải chăng được hình thành do kỷ niệm trên bước đường hành quân hoặc là những mẫu đời sống thực của anh nơi miền gió cát?

NDT: Mùa xuân năm 73 tôi đi công tác ở Tây Ninh, một đêm ở chợ Long Hoa, nằm trên sân thượng một ngôi nhà nhìn hoả châu cháy bập bùng trên không, nghe súng đạn nổ ầm ì ở một ngôi làng kế cận, bên trong, chủ nhà đang mở truyền hình xem chương trình văn nghệ tất niên. Rồi năm 75, chạy từ Phú Bổn về đến sông Ba, đoàn người di tản kẹt lại ở đó vì công binh làm phà chưa xong, tôi nghe Trần Văn Trạch hát qua radio “Xổ số kiến thiết quốc gia giúp đồng bào ta nên cửa nên nhà...” Không hiểu sao những cái lật vạt đó cứ mãi lớn vồn trong đầu nên khi viết tôi ghi lại hết. Vâng, thưa anh, hầu hết những gì tôi viết trong hai bài đó đều có thật.

DHĐ: Anh có ý định viết những

tác phẩm có thể làm sống lại một thời chống Cộng không? Đó có phải là tình cảm thiết tha của “người lính già ngồi nhớ sa trường” (nói theo nhà thơ nữ Hoàng Hương Trang) không?

NDT: Tôi có thử viết một truyện dài, được một phần rồi nhưng thấy lằng nhằng không vừa ý nên ngưng. Chắc sẽ rán viết lại nhưng thật sự chẳng phải vì muốn làm... sống lại cái gì. Thì cũng như cụ già trong truyện ngắn *Người chỉ huy* của John Steinbeck vậy mà. Ông cụ thích kể về thời trai tráng chỉ huy một đoàn người tây tiến. Tội nghiệp ông cụ, chẳng ai thích nghe ngoài thằng cháu nhóc tì.

DHĐ: Qua những truyện ngắn “Giấc mơ của một người tù”, “Một ngày trong tù”, anh đã dùng bao nhiêu phần trăm sự thực? Phần còn lại dựa vào đâu để tưởng tượng ra?

NDT: Đã có người tò mò muốn biết như anh, có lẽ vì nghĩ rằng tôi phịa ra để... nói xấu “cách mạng”. Không phải vậy đâu anh. Tôi có một ông bạn HO mới sang. Đọc xong quyển sách, ông ấy phê: Chuyện viết về tù chưa tới, chưa thấm. Tôi cũng biết là chưa tới nhưng trong đó toàn là... người thật việc thật.

DHĐ: Giao tình giữa anh và các văn hữu ra sao?

NDT: Với lòng quý mến và kính trọng dù tôi chưa được hân hạnh gặp gỡ, tiếp xúc với vị nào trong văn giới. Ngay cả ông Mai Thảo là người viết lời vào tập và anh chị Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyễn Hương đã xuất bản và phát hành tập sách đầu tay của tôi, tôi cũng chưa có dịp gặp mặt lần nào.

Đúng ra tôi có gặp ông Hoàng Khởi Phong một lần do một người quen cả hai bên giới thiệu. Thế thôi!

Cũng muốn được gặp, làm quen với quí vị trong văn giới để học hỏi, trao đổi, nhưng một phần chưa có cơ hội, một phần vì... nhát gan, không dám xông vào chỗ của mấy ông!

DHĐ: Anh nghĩ gì về văn chương hải ngoại?

NDT: Rất... trăm hoa đua nở mà có nhiều hoa đủ cả sắc lẫn hương. Có người bảo rằng văn chương hải ngoại chỉ eo sèo những kỷ niệm trong quá khứ, những nhớ cái này, nhớ cái nọ. Theo tôi, viết về cái gì cũng được, miễn hay. Bà Trần thị Kim Lan kể chuyện người đàn bà tài xế da đen ở Mỹ đọc rất thú, mà bà Phan Thị Trọng Tuyến chỉ *Xóm nhỏ buổi trưa* đọc cũng cảm động. Ông Hồ Trường An tả những bà già trầu, những cô Hai tiểu thuyết, những anh Tám Vân Hạc đọc cũng "đã", cũng mê ly hấp dẫn như Trần Vũ vẽ chân dung, tính tình vua Quang Trung. Không thấy ông Võ Phiến "nhớ" mãi một tiếng... ngáy vấp của ông chồng bà Anna Karenine đó sao?

DHĐ: Anh nghĩ gì về báo chí Việt ở hải ngoại?

NDT: Tôi không được đọc hết các báo nên không có ý kiến gì.

DHĐ: Những nhà văn Việt Nam nào mà anh thích nhất? Lý do? Luôn cả những nhà văn ngoại quốc nữa.

NDT: Theo tôi, nhà văn nào cũng có cái hay riêng. Còn mình thích người nào nhất thì chắc tại văn người đó hợp với tâm hồn mình. Đọc xong bài *Khách xá quy tâm* của ông Võ Phiến đăng trên *Văn số xuân 89*, suốt đêm tôi cứ nghe lòng lộng trong đầu một tiếng hú. Tôi yêu những bài văn như thơ của ông Mai Thảo, thích truyện Dương Nghiễm Mậu, Ngô Nguyên Dũng, Thế Giang...

Còn nhà văn ngoại quốc tôi thích Erich Maria Remarque.

DHĐ: Những nhà thơ Việt Nam nào anh thích nhất? Lý do? Luôn cả các nhà thơ ngoại quốc nữa.

NDT: Trước 75, tôi thích thơ Tô Thùy Yên, Nguyễn Bắc Sơn; ở hải ngoại thích thơ Trịnh Gia Mỹ, Hoàng Xuân Sơn. Thơ ngoại quốc tôi đọc không nổi nguyên tác, mà đọc thơ dịch thì thú thật, chẳng "cảm" được cái hay.

DHĐ: Anh nghĩ gì về hiện tượng Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo,

Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài?

NDT: Anh muốn nói đến phong trào văn chương phản kháng? Tôi nghĩ, hễ có đề nén, áp bức tất phải có phản kháng, và tùy vào hoàn cảnh, phương tiện, mỗi người có một cách phản kháng khác nhau. Cho nên, chắc chắn trong nước có văn chương phản kháng, nhưng không phải do những người như Dương Thu Hương. Những người phản kháng thực sự thì đều phải đi "học tập" cả rồi. Không phải tôi muốn tất cả những người phản kháng đều phải ở tù rảo thì mới... hả dạ, nhưng anh nghĩ coi, nếu cộng sản để cho những người chống lại họ được thông thả đi đây đi đó, nói năng viết lách chống báng lung tung thì cộng sản đâu còn là cộng sản nữa!

DHĐ: Và hiện tượng Bùi Tín?

NDT: Lại một loại phản kháng... có điều kiện, phản kháng theo đơn đặt hàng.

DHĐ: Anh nghĩ gì về việc giao lưu văn hoá?

NDT: Thừa anh, giao lưu văn hoá được thì cũng tốt thôi. Nếu cộng sản Việt Nam chịu phổ biến sách báo của chúng ta vào trong nước, chúng ta sợ gì mà không phổ biến sách báo của họ ở hải ngoại! Nhưng có "giao lưu" gì đâu anh, chỉ toàn "đơn lưu", "độc lưu" thôi! Còn nếu gọi tình trạng phổ biến sách báo trong nước ra hải ngoại hiện nay là "giao lưu văn hoá" thì có lẽ đó chỉ là một cách... làm mới chữ nghĩa.

DHĐ: Anh là một quân nhân đã đi nhiều nơi, nơi nào anh thích nhất? Anh có thích đi du lịch không? Nếu có, anh thích xứ nào, thị trấn nào, địa danh nào? Những nơi đó có giúp ích gì cho việc sáng tác của anh không?

NDT: Anh hỏi một hơi ba bốn câu hỏi "nóng" tôi đã muốn cháy thành than. Cảm ơn anh đã đổi đề tài. Thừa anh, tôi rất thích đi. Lúc còn trẻ, đọc thơ bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, văn Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, tôi đã ao ước được đi

khắp vòng đất nước. Cứ mỗi lần nghe nhắc đến những ải Nam Quan, chùa Trấn Bắc, thành Thăng Long, mũi Cà Mau, Đồng Tháp Mười, Hà Tiên,... lòng tôi luôn luôn xôn xao một xúc động khó tả. Đọc bài *Mùa thu câu cá* của Nguyễn Khuyến tôi thích quá, nhưng giá được ngồi trên chiếc thuyền, câu nơi cái ao Nguyễn Khuyến đã câu chắc sẽ thích hơn nhiều. Không biết đến bao giờ chúng ta mới được trở về đi khắp một vùng đất nước đây anh?

DHĐ: Lúc sáng tác anh có những trợ hứng gì? Cà phê, trà, rượu, thuốc lá, âm nhạc...?

NDT: Đại khái những món anh kể tôi đều... thích nhất. Nhưng cái trợ hứng lúc viết là những tiếng máy xe nổ ầm ầm nơi sở làm. Thú thật với anh, tôi viết ở sở làm nhiều hơn viết ở nhà.

DHĐ: Anh nghĩ gì về tình yêu ngoài đời lẫn trong văn chương?

NDT: Anh hỏi khó quá! "Yêu là chết ở trong lòng một ít", ông Xuân Diệu bảo thế! Biết bao nhiêu văn thi sĩ, triết gia đã cố gắng định nghĩa tình yêu, mỗi người nói một cách mà cách nào nghe cũng có lý. Tôi rón rả lời anh thế này: tình yêu ở ngoài cuộc đời hay trong văn chương gì gì thì cũng nên giống nhau: kết thúc bằng một đám cưới. Yêu nhau mà lấy được nhau thì đời sẽ vui. Truyện tình mà kết thúc bằng một đám cưới thì đọc xong thấy... thơ thối hân hoan, yên tâm đi ngủ.

DHĐ: Anh có thú giải trí gì ngoài văn chương?

NDT: Lai rai với bạn bè, rảnh rỗi thì chơi đùa với con cái, nếu có thể gọi đó là những thú vui giải trí.

DHĐ: Anh muốn nói gì với độc giả *Làng Văn* đây?

NDT: Xin cảm ơn quý độc giả đã chịu khó đọc hết bài phỏng vấn. Cũng xin cảm ơn anh Đào Huy Đán và toà soạn *Làng Văn* đã cho tôi một dịp được "một chút riêng tư".

DHĐ: Xin cảm ơn anh. □



Nhật Ký

Ngô Du Trung

hoan hô, đả đảo, ăn uống, hít thở, yêu đương theo lệnh nữa! Từ nay mình như con chim ngoài trời rộng, được tự do bay nhảy, tuy sẽ có đông có gió, có bão táp phong ba đây, nhưng không còn bị nhốt trong chuồng hẹp, phải làm trò khi người ta ban phát cho vài hạt gạo mốc, chút nước uống thừa. Đời ơi, vui quá!

Đêm đã khuya mà mình vẫn chưa ngủ được. Niềm vui đầy ứ trong lòng. Cha mẹ ơi, con đã đến đất tự do. Con sẽ sống một đời xứng đáng như cha mẹ hằng mong muốn. Không biết cha mẹ đang làm gì ở Việt Nam giờ này? Chắc đang ngủ. Giờ giấc ở đây và ở Việt Nam giống nhau mà. Tội nghiệp cha mẹ, cả đời chỉ biết hy sinh cho con cái. Cha mẹ biết mình đến đất tự do an toàn chắc vui sướng lắm. Ngày mai mình sẽ viết thư cho ông bà cụ yên lòng.

Ngày...

Mấy hôm nay lang thang làm quen với mọi người trong trại, trò chuyện tìm hiểu mới biết là sẽ có thanh lọc, xếp loại tị nạn. Người nào không đủ tiêu chuẩn sẽ bị xếp loại tị nạn kinh tế và có thể bị gửi trả về Việt Nam. Thảo nào mà hôm mới đến mình thấy mặt mũi mọi người có vẻ hoang mang, lo lắng. Sao có chuyện kỳ cục thế?

Vậy là mình đến được đất tự do nhưng chưa chắc được hưởng tự do.

Cuối tháng 10 năm 92 tôi tình cờ gặp một anh bạn trẻ vừa mới từ trại tị nạn sang. Trong khi trò chuyện, tôi tò mò hỏi anh về cảnh sống của đồng bào bên đảo, về những vụ tị thiếu, mổ bụng... của một số người tị nạn mà báo chí Việt ngữ gần đây vẫn thường đăng tải. Anh bạn chẳng nói gì, ngồi trầm ngâm mà vẻ mặt thật buồn.

Mãi một lúc sau anh mới trả lời. Anh nói, vì biết tôi có viết lách chút ít nên sẽ cho tôi đọc tập nhật ký của một người bạn rất thân của anh, và nếu muốn, có thể dùng làm tài liệu viết truyện.

Tôi mang tập nhật ký về nhà, suốt đêm đọc đi đọc lại gần trăm trang giấy viết tay, lòng bồi hồi xúc

động. Tôi quyết định không viết thành truyện vì tập nhật ký tự nó đã kể lại một truyện đời bi thảm. Tôi trích nguyên văn một số đoạn trong tập nhật ký này, chỉ bỏ đi phần ghi ngày tháng.

Ngày...

Vậy là thoát. Mình đã đến được bến bờ tự do. Hôm bước chân lên đảo, nếu không có số người tị nạn vây quanh thì mình đã quỳ xuống ôm hôn đất. Đất tự do. Trời ơi, nói sao cho hết nỗi vui sướng, hân hoan! Bầu trời cao và trong và xanh quá! Không khí mát mẻ, khoáng đãng quá! Từ nay mình sẽ sống, sống như một con người trọn vẹn, không phải lo âu thắc thỏm mỗi đêm, không phải mang mặt nạ đóng kịch mỗi ngày, không phải

Chao ôi, niềm vui thoát khỏi ngục tù cộng sản còn mới mẻ quá, còn tràn đầy trong lòng mà nay đã phải đối diện với lo âu, thất vọng rồi! Đời khốn nạn thật!

Mong sao người ta chỉ dọa thôi, để những người còn kẹt bên Việt Nam nản chí không vượt biển nữa. Cầu trời!

Ngày...

Người ta không dọa. Người ta làm thật. Họ cấm trại người tị nạn, không cho ra ngoài, không cho tiếp xúc với dân địa phương, không cho nhận sách báo của đồng bào ở các nước tự do gửi đến. Cả ngàn người bị dồn ép trong các khu trại chật hẹp, thiếu thốn mọi bề. Tình trạng vệ sinh y tế thật tồi tệ. Một số người tị nạn phản nộ, đòi bạo động. Ban đại diện trại họp tìm phương cách tranh đấu. Trước tiên là gửi thư cầu cứu đi khắp thế giới.

Không khí ngột ngạt khó thở quá. Mình chỉ thèm được nằm trên cỏ, thoải mái ngó trời ngó đất, thèm được hít thở không khí trong lành, không có mùi áp bức. Trời đất bao la quá, thế giới rộng lớn quá mà chẳng có chỗ nào cho mình dung thân ư? Chẳng có chút không khí tự do nào cho mình hít thở ư?

Ngày...

Hôm nay mình tình nguyện nhận dạy các em nhỏ học. Tương lai mờ mịt, chẳng biết sẽ đi về đâu làm mình cảm thấy lo lắng, không biết có làm tròn bổn phận của một người thầy không! Mình cũng còn trẻ quá mà.

Chà, mới vào nghề đã gặp rắc rối. Kiểm lại mớ sách vở dạy học thì toàn là tài liệu tuyên truyền của cộng sản. Từ chối không dùng thì họ vặn hỏi: Chứ không phải bên Việt Nam các ông dùng loại sách báo này sao? Họ không hiểu ở Việt Nam thầy cô bắt buộc phải dùng những tài liệu ấy dù chúng xuyên tạc, bóp méo sự thực, không được quyền chọn lựa. Không có sách thì mình tự soạn bài để dạy vậy.

Ngày...

Sinh hoạt trong trại trì trệ, u ám quá. Tinh thần mọi người căng thẳng, gặp nhau chỉ bàn tán về vấn

đề thanh lọc, hồi hương. Một số người đã được phỏng vấn, không biết kết quả ra sao! Ban đại diện trại gửi thư sang các nước tự do cầu cứu, van xin đồng bào đã định cư lên tiếng, áp lực với chính phủ nơi đang sống. Có ai nghĩ đến những người còn kẹt lại trại tị nạn không nhỉ?

Các em nhỏ vẫn ngây thơ, hồn nhiên. Việc dạy học thật vất vả nhưng vui. Và cũng nhờ thế mà tinh thần mình bớt căng thẳng. Các em đông quá, tạp nhạp đủ mọi lứa tuổi thành ra phải chia các em thành nhiều lớp. May mà có Loan.

Loan, cô giáo bắt đầu dĩ không tốt nghiệp một trường sư phạm nào mà dạy học thật xuất sắc. Lớp học của Loan bao giờ cũng vang vang tiếng cười vui vẻ. Các em quần quít bên Loan trong giờ học và ngay cả giờ chơi. Các em "mê" Loan hết biết. Mà hình như mình cũng sắp sửa mê Loan hết biết! Có phải vậy không? Có lẽ không phải mình mê Loan. Mình mê đôi mắt Loan thì đúng hơn. Đôi mắt đẹp, tròn, đen láy, lúc nào cũng phảng phất buồn. Đôi mắt vời vời, thăm thẳm, mênh mông tâm sự. Tiếc là mình không biết làm thơ...

Ngày...

Hôm nay chủ nhật, mình xin phép tổ chức một buổi đi dạo ngoài trại cho các em. Lần đầu tiên được chạy nhảy, nô đùa trên đồi cỏ, tự do hái hoa bắt bướm, cười đùa la hét trong trời rộng, các em thích lắm. Những tiếng cười hồn nhiên, vui vẻ của các em vang xa, lan xuống tận chân đồi làm mình cũng thấy nôn nao. Loan và mình đi dạo quanh đồi. Mồ hôi lấm tấm trên thái dương, môi má nung ửng hồng dưới nắng nhưng sao đôi mắt Loan vẫn buồn bã quá!

Mỗi chân, cả hai đến ngồi trên một tảng đá dưới gốc cây. Đám trẻ bu lại, làm nũng với Loan. Loan vuốt tóc, bẹo má từng đứa. Mình hỏi: Loan nhìn đám nhỏ có nghĩ gì không? Đáp: em thấy tội nghiệp chúng, không biết tương lai sẽ ra sao! Còn anh, anh nghĩ gì? - Anh nghĩ đến sự tích Lạc Long Quân cùng bà Âu Cơ với trăm người con. Loan then thùng: Anh chỉ nghĩ nhảm! Anh

chẳng phải Lạc Long Quân, em chẳng phải bà Âu Cơ; lũ nhỏ này thì năm cha ba mẹ, mà cũng chẳng đủ năm mươi trai, năm mươi gái. Loan nói đúng. Nhưng lũ trẻ này rồi một số lớn sẽ bị trả về Việt Nam, một số ít may mắn sẽ được đưa đi nước khác. Lịch sử giống nòi ta bắt đầu bằng một sự chia cách nên con cháu mãi mãi phân ly. Loan chẳng nói gì, nhìn xa xăm xuống chân đồi. Bầu trời trong, không một gợn mây nhưng ánh mắt Loan đầy u ám. Loan thờ dãi. Anh và Loan chắc cũng vậy, chắc rồi cũng phải phân ly. Loan không có hy vọng gì được định cư ở nước khác! Mình bóp nhẹ tay Loan: Anh cũng chưa chắc được đi. Nhưng nếu họ trả về Việt Nam thì anh nhất định không chịu. Bằng mọi giá anh sẽ không đi. Giọng Loan hoảng hốt: Không đi rồi anh làm gì? Mình không trả lời. Một em bé chạy đến níu tay mình, rồi rít: Anh ơi, có con bướm đẹp lắm, anh bắt cho em. Mình kéo Loan đứng dậy: Thôi, chúng ta hãy rán vui với các em nhỏ cho hết một ngày ngắn ngủi.

Ngày

Mờ sáng, họ bắt thần đem cảnh sát, quân đội đến bao vây trại rồi xông vào bắt một số người đã rút thanh lọc bỏ lên xe chở ra phi trường trả về Việt Nam. Ai cũng chống lại, trì níu không chịu đi. Họ dùng sức mạnh, trói tay trói chân người tị nạn khiêng đi như khiêng những con vật. Thật là đẹp mặt thế giới tự do!

Chỉ có các em nhỏ là dễ dàng. Họ cho các em cái kẹo rồi bồng đi. Các em nhỏ tay cầm kẹo, mắt mở to, thơ ngây nhìn ngó chung quanh. Em có biết đâu em đang trên đường trở về địa ngục!

Cả trại ứa ra la hét, phản đối. Họ cứ làm ngơ, súng đạn, dùi cui lăm lăm trên tay. Mình cầm tay Loan đứng nhìn cảnh đó, lòng đau như cắt. Bàn tay Loan run rẩy, lạnh như một khối băng. Ánh mắt ngơ ngác, ngập tràn phản nộ, bị thương. Đôi mắt của một con nai bị săn đuổi.

Loan ơi, bao giờ đến lượt chúng ta?...

Ngày...

Cả tuần nay mình không viết được một chữ. **Biến** cố vừa xảy ra vẫn còn làm mình bàng hoàng. Cả trại tuyệt vọng. Không ngờ người ta nhẫn tâm đến thế! Ban đầu ai cũng nghĩ họ chỉ dọa thôi, rồi sẽ tìm ra một giải pháp nào đó. Bây giờ thì hết hy vọng. Thật sự hết.

Lớp học bắt đầu trở lại. Dù sao thì cũng phải cho các em nhỏ học chữ. Các em đến lớp không còn vui như trước. Những đôi mắt ngây thơ giờ đã nhuộm vẻ lo lắng, sợ hãi. Các em không còn cười, dù Loan cố hết sức tạo một không khí vui tươi. Cô giáo Loan ơi, mắt cô buồn bã, đầy vẻ hoảng hốt thế kia; môi cô cười mà như sắp khóc thế kia, làm sao các em cười được! Tội nghiệp chúng ta!

Lớp học vắng tiếng cười nhưng đầy những câu hỏi. Họ bắt bác..., cô... trò... đi đâu vậy anh? Máy người đó không chịu về Việt Nam mà! Tại sao họ bị trói tay trói chân vậy? Anh nói mình đến xứ tự do rồi, hết còn phải lo lắng sợ sệt gì nữa mà? Mình phải trả lời thế nào đây? Các em nhỏ ơi, chúng ta đang sống đời của một con thú không có hang. Cái hang của chúng ta bị thú dữ chiếm mất. Chúng ta bỏ chạy đi tìm một cái hang khác nhưng bị xua đuổi. Chúng ta bị xua đuổi thế thảm... Nước mắt chực trào ra. Mình khóc rồi sao?

Một con mắt nhấp nháy nơi khung cửa sổ. Ánh mắt dịu dàng nhìn mình như chia sẻ, như an ủi. Mình không nên khóc, không được khóc...

Ngày...

Rất nhiều người bị rút thanh lọc. Máy tháng nay Cao ủy Tị nạn làm việc rất hăng. Lần trước vì cương bức người tị nạn hồi hương một cách trắng trợn quá nên họ bị phản đối. Bây giờ khôn khéo hơn, họ xoay cách khác: tự nguyện hồi hương. Họ đưa ra mồi nhử: tiền. Nếu tự nguyện hồi hương, người tị nạn sẽ được cấp một món tiền để làm lại cuộc đời bên Việt Nam. Họ còn dụ ngọt: sẽ có một ủy ban sang Việt Nam kiểm tra, bảo đảm những người tị nạn hồi hương không bị ngược đãi. Chà, thật là chu đáo! Họ không hiểu hay cố tình lừa gạt khi bảo rằng họ có thể kiểm soát

chỉ xin con sống

Tôi cũng như em, người tị nạn
Trải bao nguy khốn lẫn gian nan,
Lúc lội suối băng rừng vượt biển
Gió bão trùng khơi sóng lớp hàng.

Em cũng như tôi đâu còn trẻ,
Ngắm đủ đòn đau những tên hề,
Trò dân chủ, tự do, thống nhất
Mạng chúng mình thua một con dê.

Ở đảo em khai cha cải tạo
Hơn những mười năm chẳng được tha
Bản thân em chính quyền cấm đạo
Đánh hỏng kỳ thi, con nguy mà!

Tôi tự cho mình là chứng nhân
Suốt dòng lịch sử đã đo cân,
Quốc - Cộng rõ ràng hai chiến tuyến
Xuống thuyền vượt biển chẳng phân vân.

Một ngày nắng đẹp em rời trại
Phi trường ghi vội buổi chia tay
Những con mắt ướt vương buồn tủi
Em đi rồi, tôi đứng chờ ai?

Theo năm tháng giao tình gói mở
Người xa người kỷ niệm còn mơ
Nghe em kể vội vàng kín hờ
Chuyến thăm quê như đã đợi chờ.

Tôi nắm lại bàn tay giận dữ
Trong ngõ ngang xé nát tờ thư
Em đã quên cha còn bị nạn
Lòng con người tàn nhẫn thế ư?

Tim em đâu phải chiếc lá bàng
Thay màu đổi dạng lúc thu sang
Cho dù nay đã công dân Mỹ
Làm sao tẩy được lớp da vàng?

Tôi chẳng xin em chút nghĩa tình
Bên phần mộ chí những sinh linh
Chỉ xin con sống đừng xô lại
Nhắc đến tang thương của nước mình!

nguyễn sĩ long

được cộng sản? Nếu việc đó làm được thì một phần ba nhân loại đã không bị khốn khổ bởi nạn cộng sản từ hơn nửa thế kỷ nay!

Chúng tôi ra đi không phải vì

miếng cơm manh áo. Đành rằng dân tộc Việt Nam thường đói khổ vì bị những thế lực ngoại bang dày xéo, cướp bóc, nhưng không phải vì thế mà chúng tôi bỏ nước chạy sang làm



khó các dân tộc khác. Chỉ cần nhà cầm quyền cộng sản cho chúng tôi một chút tự do, tôn trọng nhân phẩm và đối xử với chúng tôi như những con người thì dù đói khổ đến đâu, chúng tôi cũng không bao giờ bỏ nước ra đi.

Vật chất nào, tiện nghi nào đủ lớn khiến chúng tôi vì nó mà chịu đổi lấy những nguy hiểm, phong ba, đói khát trên đường vượt biển? quên hết những cảnh cướp bóc, hãm hiếp man rợ, tàn nhẫn trên biển đông? Nhiều em nhỏ bị xé xác quảng xuống đại dương. Nhiều thanh niên bị đập nát đầu bể óc vì kháng cự đám cướp biển. Nhiều đàn bà con gái bị hãm hiếp, hành hạ ngay trước mặt thân nhân, chồng con mình và còn bị giam giữ làm nô lệ, mua bán, trao đổi giữa những đám hải tặc.

Chúng tôi chịu đựng những thảm cảnh đó chỉ vì muốn được tự do, muốn được sống như những con người.

Chao ôi, sao mình viết cay đắng quá! Đây những lời thở than, van xin hèn mọn...

Ngày...

Loan đã bị dán nhãn. Cô giáo

thăm bạn ở sikiew

Trời ở Sikiew mây vẫn đen?

Tự do heo hút cuối trời đêm

Vẫn nghe biển vọng hồn oan khóc?

Vẳng tiếng thở dài nát ruột thêm?

Cái bến tự do dù đắt giá

Thuyền nhân sao bỗng hoá tù nhân?

Trái tim nhân loại vô tình quá!

Oan nghiệt trời "ban" đã mấy lần!

Nỗi tủi bạn ôm, đời chẳng biết

Niềm đau chất chứa chẳng ai hay

Biển còn chứa muối cho đời mặn

Biết trút vào đâu thống khổ này?

Ngày mai bạn sẽ về đâu nhỉ?

Có quấy trên vai hết nỗi sầu?

Ta ngoảnh mặt đi lòng hổ thẹn

Biết làm sao giúp được cho nhau!

trần ngân tiêu

buồn, bỏ dạy mấy ngày. Đám nhỏ bơ vơ như đàn gà con lạc mẹ. Mình không thể thay thế Loan trong lòng các em được...

Ngày...

Đến lượt mình lên bàn thanh lọc. Họ chẳng hỏi gì ngoài những câu vớ vẩn: Bên Việt Nam anh làm nghề gì? Anh có gặp những người đồng hương tị nạn về thăm quê hương không? Họ có bị chính quyền cộng sản làm khó dễ gì không? Rồi thôi. Mình lo quá. Mặt mũi đám người phỏng vấn khó đăm đăm, lăm lăm lì lì, chẳng cho mình nói năng, giải thích gì cả! Hình như họ phỏng vấn cho có, cho đầy đủ thủ tục, hình thức, còn quyết định thì đã sẵn. Mình phải làm gì đây? Nhất định mình không thể trở về Việt Nam được. Nhất định. Nếu họ bắt buộc thì mình sẽ tự tử ngay trước mặt họ. Chao ôi, họ có xúc động khi thấy mình chết không nhỉ? Làm sao biết được! Nhưng dù gì mình cũng không trở về Việt Nam đâu! Mình sẽ chọn tự do ngay trước mặt họ. Sự tự do từ chối bị xếp loại như những con vật chỉ sống thuần vì bản năng vật chất.

Con chim gì sau trại kêu thảng thốt, ai oán thế? Tiếng kêu lạ quá, mình chưa bao giờ nghe. Chưa hề nghe trong đời...

Ngày...

Cả tháng nay không viết được chữ nào. Lo quá. Nhưng bây giờ thì xong, khỏi phải lo lắng gì nữa. Mình trở thành tị nạn kinh tế rồi, thành con vật thềm ăn no mặc ấm rồi! Mình trốn chạy cộng sản chỉ vì muốn có một đời sống sung túc hơn, ấm no hơn, phú quý hơn, chứ cộng sản có đánh đập, hành hạ, tra tấn gì mình đâu! Cộng sản cam đoan thế. Cộng sản đã thay đổi rồi, đã đổi mới rồi, không thấy đó sao! Những người lúc trước trốn chạy cộng sản, bây giờ trở về vẫn được tự do đi khắp nước, ăn chơi chán chê rồi thông thả trở ra nước ngoài, có bị làm khó dễ gì đâu! Thật là hợp lý, xác đáng.

Chao ôi là những cái đầu kinh điển! Những cái đầu tuy đọc hàng trăm pho sách, hàng ngàn báo cáo, phúc trình về cộng sản nhưng chưa

hề có chút kinh nghiệm sống thực nào với chế độ nên không thể nào hiểu được, cảm thông được với nỗi lòng của người tị nạn.

Cộng sản coi người dân như những con vật, chỉ được ăn uống, nói năng, suy nghĩ,... khi cho phép.

Với những người sống bên ngoài thì cộng sản cũng chẳng quý trọng gì hơn. Đối với họ, đó là những con vật ở ngoài chuồng, được nuôi dưỡng béo tốt, tiền bạc rủng rinh. Để lôi kéo, dụ dỗ hầu móc túi những kẻ này, cộng sản ra sức quảng cáo hàng mẫu tự do dân chủ, bày bán những món hàng quê hương đất nước. Ngoài trái cây tôm cá, còn có món thịt người. Thịt đàn bà, con gái, trẻ thơ mới lớn với giá rẻ mạt. Cứ nghĩ đi, nếu những con vật ngoài chuồng cũng khổ rách áo ôm, ốm o như những con vật trong chuồng thì liệu chế độ cộng sản có hoan hỉ ca ngợi, mời về "du lịch" không?

Vì vậy, từ bỏ chế độ cộng sản là từ bỏ đời sống của một con vật, tìm lại nhân cách mà thượng đế trao cho.

Nhưng mình viết những điều này làm gì nhỉ? Có ai hiểu được không? Có thay đổi được gì không? Chỉ tội cho các em nhỏ. Các em nhỏ của anh ơi, rồi đây các em sẽ cùng với cha mẹ bị đẩy trở lại cái chuồng khốn nạn đó. Anh cảm thấy vô cùng xót xa cho các em, nhưng anh chẳng làm gì được. Bao lâu nay chúng ta sống bên nhau, anh đã cố hết sức, rán nhồi vào đầu óc thơ ngây của các em tình yêu thương đồng loại, lòng nhân ái. Không biết các em có thu thập được chút gì không. Mà nếu có thì chắc cũng sẽ bị bôi xóa hết vì bài học đầu tiên trong đời các em nhận được là sự ngoảnh mặt của đồng loại. Lỗi đó thật chẳng phải do anh.

Con xin tạ lỗi với mẹ cha. Cha mẹ đã hy sinh đời mình để mong con được sống như một con người đúng nghĩa. Nhưng người ta từ chối, buộc con trở về lại cái chuồng mà cha mẹ đã trăm phương nghìn cách muốn con rời bỏ. Con không trở lui được, không đi tới được. Con đành chọn cho mình sự tự do cuối cùng: tự thiêu. Xin vĩnh biệt cha mẹ. □

Cơn Đau Rực Rỡ

Hồ Ông



*Hạnh phúc rón rén như tên trộm
Đem tặng bông hoa muộn màng
Khi anh đã vỡ oà thành hư ảo...*

Tôi vỡ vụn thăng hoa trong giây phút tận hiến. Tôi bay vút lên cao, dứt bỏ mọi hệ lụy của đời sống. Tôi bé nhỏ thênh thang trong cõi vô cùng vô tận, khi vượt qua những ngõ ngách bí ẩn của thân xác con gái để hoà tan vào chàng. Chúng tôi nằm im lặng bên nhau. Hơi thở nồng mùi thuốc lá của chàng lùa vào từng chân tóc, phủ kín thể xác, tâm hồn tôi.

Tôi mơ hồ nghe tiếng mưa đổ rào rào trên mái tôn, cùng với những cơn gió mạnh vùn vụt trên cao giữa ánh chớp loé sáng liên hồi. Trận mưa chuyển mùa sao lại rơi xuống đúng lúc này? Đúng vào lúc chàng thật sự rơi xuống đời tôi, làm biến đổi cùng cực thể xác, tâm hồn đứa con gái từ

bấy lâu nay vẫn khép kín, tự chọn cái khoảng bóng tối tĩnh lặng bên lề cuộc sống.

Cơn đau rất thâm kín loang dần khắp cơ thể, khiến tôi trở nên nặng nề. Những đám mây hoan lạc mỏng nhẹ từ từ trôi qua. Tôi cảm thấy mình hụt hẫng và rơi xuống mỗi lúc một nhanh.

Tôi giật mình đưa tay bám lấy ngực chàng, ngay chỗ trái tim. Trái tim người đàn ông đã có gia đình. Trái tim có những ngăn đã dành cho vợ chàng, cho những đứa con của chàng. Liệu thật sự có còn một "ngăn" dành cho tôi, như chàng thường nói, mỗi khi tôi hờn ghen trước tình yêu chàng vẫn bền bỉ đối với người vợ xa vắng, còn ở lại bên kia bờ biển Đông.

Tay vẫn đặt trên ngực chàng, tôi nghe bằng hết thấy mọi giác quan mở lớn, khẩn thiết, nhưng chẳng khám

phá được chút gì, ngoài nhịp đập đều đặn của một trái tim-sinh-học trong lồng ngực bí ẩn chàng. Tôi chỉ có thể "hiếu" được chàng bằng chính tâm hồn u mê, kỳ quái của mình.

Hơn ba năm sống đơn chiếc trong trại tị nạn tràn ngập những mối tình vội vã, tôi vẫn đứng vững trước sự kinh ngạc, ngỡ vì của nhiều người. Họ thường gọi đùa tôi bằng tiếng "bà ngoại", mặc dù tôi chỉ là một người con gái có sắc đẹp trung bình và chưa đầy 30 tuổi. Chính "mụ già" ngự trị bên trong cái thể xác thanh xuân đầy nhựa sống, đã dập vùi những ước mơ thâm kín đôi lúc dấy lên trong tâm hồn tôi, mỗi khi tôi bắt gặp tia nhìn đắm đuối của những người khác phái.

Hãy cẩn thận! Mụ già khác

nghiệt trong tâm hồn đã cảnh giác tôi như thế, khi lần đầu tiên gặp gỡ, hình ảnh chàng đã làm tôi xao xuyến. Hãy cẩn thận! Đàn ông chỉ là thứ sinh vật đem đến những tai họa cho người. Hừ, tình yêu! Đó chỉ là trái cấm hấp dẫn, nhưng chứa đầy những đắng cay, bất hạnh, khi người đại đột cắn ngập răng vào lớp vỏ đỏ mọng kia. Người hãy mở trừng mắt nhìn vào quá khứ và người phải hiểu rằng người đã thật sự chết rồi! Hắn đã bứt trái tim người ra khỏi lồng ngực và đẩy dóa người bằng thứ lửa địa ngục ghê gớm mà người ta thường gọi là Tình Yêu!

Không! Tôi ngồi bật dậy và bịt chặt hai tai. Cũng đúng lúc đó một tia chớp vụt loé lên, ánh sáng tràn vào khoảng trống trên cao khiến tôi kịp nhận ra tấm thân vừa rạn vỡ, trắng nhũn của mình. Tôi kéo vội chiếc mền phủ kín từ cổ trở xuống, mắt mở lớn nhìn vào khoảng không với bóng tối thăm thẳm. Những giọt nước mắt tự nhiên trào ra. Tôi không hiểu tại sao mình khóc.

Tiếng mưa vẫn vỗ đều một nhịp buồn trên mái tôn. Chàng cũng đã ngồi dậy và choàng tay lên vai tôi tự lúc nào. “Yêu em anh thật có lỗi”, chàng thở dài sau câu nói. “Nhiều lúc anh tự hỏi, tại sao chúng ta lại gặp nhau?”. Rồi chàng lại đột ngột im lặng. Có lẽ cũng như tôi, chàng hiểu rõ không có cách nào giải thích được sự kiện tại sao chúng tôi yêu nhau. Như những kẻ hôn mê, chúng tôi bị đẩy vào cuộc tình đầy bất trắc mà không thể nào cưỡng lại được.

Hạnh phúc đối với tôi chẳng khác gì tên trộm rón rén bước tới trao cho tôi bông hoa muôn màng, lúc chàng sắp vỡ oà thành hư ảo. Từ những ve vuốt nhẹ nhàng trên da thịt, cho đến cả giây phút tự nguyện hiến thân cho chàng, tôi chỉ cảm nhận được niềm hoan lạc mỏng manh. Còn lại chỉ là những cơn đau rứt rứt chất ngất trong tim.

- Vy, em có ân hận về chuyện vừa qua không?

Chàng chợt hỏi tôi bằng giọng trầm trầm.

Tôi đáp ráo hoảnh:

- Tại sao anh lại hỏi em câu đó? Chắc anh ân hận đã thực sự mắc cạn vì em? Không đâu, anh vẫn hoàn toàn tự do mà! Em chỉ muốn có một đứa con với anh chứ không phải vì ham muốn xác thịt. Lại càng không phải vì muốn giữ anh. Em nhắc lại, em chỉ khao khát có một đứa con và đứa con đó phải là của anh, anh hiểu chứ?

Bàn tay chàng đặt trên vai tôi, vươn những ngón dài nham nhám xoa nhẹ trên gò má đầm nước mắt của tôi. Chàng nói:

- Em quả thật là người đàn bà khó hiểu. Điều đó khiến anh luôn luôn cảm thấy bị động như kẻ đi trong bóng tối vậy.

- Nhưng sẽ không có một bất trắc nào xảy ra với anh đâu.

Chàng đưa tay lần tìm gói thuốc trên chiếc kệ thấp đóng sát vách. Tôi bật diêm cho chàng đốt thuốc và giữ nguyên ngọn lửa ở khoảng cách ngắn ngủi giữa hai khuôn mặt. Khe vách hở tua tủa những tia gió mỏng nhưng sắc lạnh như lưỡi lam. Ngọn lửa oằn oại và bị đứt lìa. Bóng tối lại khép chặt khuôn mặt xương xương của chàng. Khuôn mặt với vàng trán cao đầy những nếp nhăn của suy tư khắc khoải. Của khổ đau và khát vọng. Nhưng đôi mắt của chàng, trái lại, không ủ rũ, thất vọng mà vẫn đam mê tha thiết, vẫn ấm áp, bao dung.

Tôi tràn ngập hối hận khi đã có những lời lẽ đắng cay đối với chàng. Nước mắt tôi lại trào ra. Bên ngoài gió mưa vẫn vùn vùn, bóng tối vẫn bùng bít căn phòng nhỏ được che chắn bằng những tấm vải nhựa, nhưng tôi vẫn cảm thấy ánh mắt chàng đang phủ kín hơi ấm lên tôi. Tôi vòng tay ôm sát lấy chàng, tôi bé nhỏ muốn chui rúc trọn vẹn vào da thịt chàng. Chiếc mền rơi ra và tôi cùng chàng ngã xuống đám mây bồng bồng, chói lọi.

Sự việc tôi công khai chung sống với chàng trước khi chàng tái định cư tại Hoa kỳ, đã là một trái bom chẳng mấy gì thơm tho nổ bùng ra toàn trại. Mọi người hầu như đều muốn nhân danh cho thứ đạo đức mà chính họ đã chà đạp để kết tội tôi một cách

không dung thứ. Điều này tôi đã lường trước. Nhưng tôi không muốn làm một “nữ thánh” cho thiên hạ chiêm ngưỡng một cách lạnh lùng. Hơn ba năm qua tôi đã sống thầm lặng là vì tôi không thể yêu ai. Tôi chưa đủ sức vượt qua nỗi lần ranh quá khứ đầy phù phép mà M. đã vạch ra từ hơn tám năm qua. Thật buồn cười! Thiên hạ họ luôn giành quyền sống tự do, phóng túng, trong khi lại đòi hỏi người khác phải sống mẫu mực. Họ quên cả ngày giỗ ông bà nhưng lại có thể nhớ rành rẽ ngày nào, giờ nào chàng đến với tôi, để đem ra phê bình, đàm tiếu.

Hôm chàng lên đường đi định cư, tôi không đưa tiễn. Chàng cũng hiểu tôi nên không ép. Đêm trước, sau một party nho nhỏ cùng vài người bạn chí thiết, chúng tôi đã thức rất lâu bên nhau. Chàng tiếp tục uống rượu và không hề ngăn cản khi tôi cầm ly rượu của chàng nốc cạn. Lần đầu tiên cơ thể tiếp xúc với chất men cay nồng, rùng rùng bốc lửa lên đầu làm cho hơi thở tôi trở nên nặng nề, nhưng đồng thời tôi lại cảm thấy thân xác nhẹ tênh. Tôi co duỗi thử cánh tay. Tôi buột miệng nói với chàng:

- Phải chi em hoá thành bướm nhỉ? Em sẽ suốt đời bay lượn chấp chờn bên cửa sổ mở ra khu vườn nhà anh. Lúc nào anh ngồi làm việc một mình, em sẽ bay vào đậu trên vai anh.

Tôi nghe tiếng mình xa thăm thẳm, dường như tôi đã hoá thân thành bướm rồi. Tôi đã trở nên xa lạ với chàng. Xa lạ với chính tôi, người con gái... - ồ không! người đàn bà tên Vy - một kẻ hoàn toàn khát vọng, đã mất quê hương, gia đình, tuổi trẻ và tình yêu. Yêu chàng, tôi cũng mất luôn quá khứ thoang thoang những vị ngọt nồng xen lẫn đắng cay. Tôi mất hết! Chỉ còn lại là hư không.

Tôi đập nhẹ đôi cánh mỏng bay quanh chàng, bay quanh tôi, bình thần nhìn vào cuộc tình đau buốt của hai kẻ bị trái tim mê hoặc. Tôi thấy từ lồng ngực họ, trái tim bay vụt ra ngoài, quện vào nhau rừng rực lửa. Họ run rẩy nép sát vào nhau và bước đi bằng những bước chân chênh

vênh, mù quáng. Mỗi bước, mỗi bước càng gần thêm bờ vực thẳm. Đúng lúc họ vừa ngã xuống, thì tôi cũng rơi theo. Từ người chàng trào sang tôi những ham muốn thiết tha. Tôi ghì chặt lấy chàng bằng tất cả nỗi ước mơ đắm đuối và thấy rõ tôi đã nhận thức được ở chàng cái mầm sống tôi vẫn khát khao có được để thay thế cuộc sống của tôi.

Lúc bừng tỉnh dậy, tôi thấy trời mới mờ mờ sáng. Chàng vẫn còn mê thiếp trong giấc ngủ ngán với đầy ray rút, trong bầu không khí oi nồng của một mùa hè trên cái xứ sở nằm sát đường xích đạo. Tôi đưa tay vuốt những sợi tóc dài phủ loà xoà trên trán chàng. Bất chợt bàn tay ấm nóng của chàng nắm chặt tay tôi đè sát trên môi chàng. Tôi bật nói:

- Chỉ còn vài tiếng đồng hồ nữa em sẽ mất anh!

Chàng vùng ngồi dậy, đỡ nhẹ cầm tôi, nhìn thật sâu vào mắt tôi, rồi nhẹ nhẹ lắc đầu. Chàng nói:

- Không! Chúng ta không thể mất nhau. Em tin anh đi!

Tôi cắn môi, một vị mặn chát của nước mắt thấm vào đầu lưỡi. Tôi thốt nhẹ cùng với tiếng thở dài:

- Thời gian! Em sợ lắm. Thời gian đã hủy diệt tất cả và sẽ hủy diệt tất cả. Những trái tim còn nguyên vẹn với thời gian và nghịch cảnh chỉ có trong tiểu thuyết, chẳng khác gì những bông hoa giả người ta dùng để trang trí cho đời.

Chàng tát nhẹ lên má tôi:

- Em lại mắc cảm rồi. Anh không phải là M. Hãy nghe anh, nên chôn vùi quá khứ đi, vì quá khứ chỉ làm cho tương lai bệnh hoạn. Thêm nữa, em với M. khi xưa cũng chưa có gì sâu đậm, thiết tha. Mới chỉ là cái nắm tay...

Tôi nhẹ nhẹ lắc đầu:

- Nhưng qua cái nắm tay đó, em đã trao cho M. tất cả những rung động của mỗi tình đầu. Em thấy điều đó còn ghê gớm hơn là đã trao thể xác cho anh. Anh đừng buồn. Đó là sự thật. Anh khác M. ở cái tên gọi, nhưng giống M. vì cùng là đàn ông. Bây giờ lại sắp xa anh. Thời gian sẽ hủy diệt tất cả những gì thuộc về hạnh phúc, nhưng lại lưu giữ thật trọn vẹn những gì thuộc về khổ đau, bất hạnh.

Chàng đưa tay bịt miệng tôi, rồi mỉm cười nói:

- Thôi đi... "bà ngoại"! Hãy nghĩ đến đứa con của chúng ta. Em muốn con gái chúng ta xinh xắn, thì trong thời kỳ thai nghén, em phải vui vẻ, lạc quan, yêu đời. Các cụ dạy như vậy đó. - Đoạn chàng đổi giọng nghiêm nghị, nói tiếp - Mỗi nhận định đưa ra lúc này đối với những gì chưa tới, đều còn quá sớm. Em nghe anh, chỉ nên sống bằng hiện tại. Phần anh, anh không hề sợ thời gian. Nó sẽ là chất dung dịch có độ tẩy rửa mạnh, để chúng ta thấy rõ sự thật đằng sau những bộ mặt man trá, cũng như thấy rõ được sự tốt đẹp sau những cái mà ta đã sợ hãi, nghi ngờ.

Chàng ngưng nói, nhìn thẳng vào mắt tôi và nhẹ gạt đầu. Đôi mắt của chàng có sức truyền cảm mãnh liệt, khiến tôi lại tê dại đi như kẻ bị chìm vào giấc ngủ thời miên. Tôi gục đầu vào vai chàng, run rẩy thốt lên những lời vô nghĩa trong cơn hôn mê ngây ngất.

Thời gian đâu chàng rời trại tị nạn, mỗi ngày, mỗi ngày thật nặng nề đối với tôi. Người ta bàn tán, người ta xàm xì, người ta lấy kinh nghiệm bản thân ra để rồi quả quyết chàng sẽ bội phản. Họ nhìn tôi với ánh mắt thương cảm, nhưng không giấu được vẻ hả hê thống khoái trước sự đau khổ của tôi. Nhớ chàng, tôi thường đóng cửa khóc với những dấu tích kỷ niệm còn đây hơi ấm của chàng. Sự thật nếu chàng bội phản, tôi sẽ ít đau khổ hơn là chàng mãi mãi yêu tôi. Trao trái tim, thể xác cho chàng, một người đàn ông đã có gia đình, lại ở cách xa hơn nửa vòng trái đất và hơn thế nữa, kẻ ở đất nước tự do, người sẽ bị buộc phải quay về sống dưới gông cùm cộng sản, tôi thừa hiểu rằng, tôi không thể níu giữ được chàng. Đàng nào tôi cũng mất chàng, nên sự bội phản nếu có, cũng trở nên vô nghĩa. Yêu chàng là tôi đã chọn cho mình trái đắng, vì dù thế nào, đó cũng là tình yêu thật sự. Tôi không thể hiểu nổi thứ "tình yêu" mà người ta có thể dùng sự khôn ngoan để tinh táo chọn lựa như một món hàng mát mắt. Sự khôn ngoan, tinh táo đó chỉ nên dùng để chọn lựa một chiếc áo, hoặc một tấm chõng.

loanh quanh giữa chốn

Bây giờ bỏ núi về non,
Bỏ rừng xuống rẫy guốc mòn dậm trưa,
Đất vàng nắng đỏ lúa thua,
Cũng nơi tĩnh mịch gọi mùa u cư.
À ơi... trầm động ngôn từ
Những âm tịch lặng đau như bước chân.
Xuân qua lòng vẫn ngại ngần,
Muốn chôn buồn cũ mộ phần vỡ đôi.
Tiễn chim về cõi đất trời
Tiếng kêu rơi rụng giữa đời thênh thang.
Dấu xe rêu mọc cũ càng,
Đường xa hun hút có chàng lặng trông...

cung vũ



Còn tôi, tôi đã chọn chàng bằng trái tim mê ngất, thăng hoa theo tiếng gọi thôi thúc của tình yêu. Tôi không hề có ý tưởng chọn chàng như một tấm chồng.

Kể từ ngày vắng chàng, tôi rất ít ra ngoài, ngoại trừ những lần lãnh thực phẩm Cao ủy và lãnh nước. Điều đó càng kích thích óc tò mò của thiên hạ hơn. Họ lấy cớ đến thăm hỏi sức khoẻ tôi, để được nhìn ngắm tận mắt sự đau khổ của tôi. Có một bà không chồng, cũng chịu khó vác cái bầu thè lè đến “thăm” tôi. Bà ta đã chăm chú nhìn những máy động ở đường gân lớn trên cổ tôi và quả quyết:

- Chắc Vy kẹt bầu rồi phải không? Tội nghiệp! Kinh nghiệm của tôi, mỗi lần phá thai là mỗi lần thập tử nhất sinh đấy. Vy đã giữ gìn không giao thiệp với người đàn ông nào từ mấy năm nay, ai cũng khen Vy, sao bỗng nhiên lại liều lĩnh, đại dốt đi “ghép form” với một ông già như ông B. vậy?

Tôi nhìn thẳng vào mắt bà ta, nhếch cười:

- Đối với tôi, người đàn ông chỉ đáng quý ở cái đầu và trái tim! Dưới mắt tôi, anh ấy vẫn là một người tình trẻ trung, một cây đại thụ đầy bóng mát. Tôi thấy như thế là đủ rồi. À, mà liệu tôi có bầu thật không? Tôi trẻ kinh hơn mười ngày nay rồi.

Bà ta reo lên mừng rỡ trước “tai họa hiển nhiên” của tôi:

- Thật thế hả? Nếu vậy là kẹt bầu một trăm phần trăm rồi. Khổ thân! Tôi không ngờ Vy lại gặp tai họa như vậy! Từ ngày ông B. đi Mỹ, ông ấy đã viết thư, gửi tiền về cho Vy chưa? Tôi thấy khó lắm! Đàn ông trăm thằng như một, chẳng tử tế gì đâu! Mình là đàn bà, có thân mình phải giữ. Vy cứ nhìn vào cái cảnh khổ của tôi đây. Bốn năm thằng đàn ông rồi, mà có thằng nào tử tế, chung tình đâu!

Tôi mỉm cười nói với bà ta:

- Nếu thật sự tôi có bầu, thì Ông Trên đã chứng cho lời cầu nguyện của tôi, vì tôi luôn luôn ao ước có một đứa con với anh ấy. Tôi cũng không hề mong ước anh ấy viết thư

về cho tôi. Anh ấy đã thuộc về người đàn bà khác. Mọi người đều đã được Thượng đế chia phần. Tôi không muốn tham lam cướp giật những gì ngoài phần của tôi. Chị hiểu chứ?

Bà ta tròn tròn mắt nhìn tôi với thái độ đầy kinh ngạc:

- Vy nói sao? Muốn có bầu với ông B.?

Tôi đáp:

- Đúng thế! Nếu không khao khát cái thiên chức làm mẹ, tôi đã không trao thân cho anh ấy. Tôi chẳng thà ở vậy suốt đời, chứ không thể làm con thú cái động tình, dưới mắt nhìn của người đàn ông!

Nghe tôi nói, người đàn bà nhiều chuyện cụt hứng. Bà ta đưa tay che miệng ngáp, rồi lẳng lẳng ra về.

Còn nhiều. Còn nhiều những

người đàn bà như thế đã tìm đến với tôi bằng bộ mặt xót thương giả tạo, với những lời khuyên muộn màng, chỉ có nghĩa là sự dầy vò, dầy nghiền một cách hủ hê thâm kín. Đến lúc họ cảm thấy không thể khuấy động được vết thương thâm kín của tôi, thì họ xoay ra lạnh nhạt, né tránh như một hình thức cô lập tôi trong bốn bức vách cô đơn. Điều đó không làm cho tôi xao xuyến, bởi vì ngay từ lúc chưa quen biết với chàng, tôi cũng đã cảm thấy buốt nhức trong cuộc sống diễn ra hàng ngày ở nơi đây. Nỗi khó khăn, tuyệt vọng đã làm sơ cứng trái tim con người. Những kẻ thâm lạnh thì chẳng khác gì những viên đá sỏi cùng lăn xuống một triền dốc với sự va chạm, cọ sát vô tri giác. Nhưng ghê gớm hơn là một thiểu số người



luôn tìm thú vui bệnh hoạn ở nỗi đau của người khác. Tâm hồn của họ chẳng khác gì bộ lông nhím, sẵn sàng chìa những mũi nhọn ra nhằm tạo vết thương cho người chung quanh. Họ là đại biểu cho cái gọi là “dư luận”! Họ chỉ làm một công việc duy nhất là hạ hê đào huyệt để chôn vùi Cái Đẹp, chứ không bao giờ ném xuống dưới đó một bông hoa, hay một nắm đất tiếc thương!

Thật mỉa mai, xót xa khi người ta đã vô tình dùng tiếng *những người đồng cảnh* để chỉ đám nhân loại lạnh lùng đó!

Chiếc bào thai trong bụng đã bắt đầu biết cự quây. Tôi cảm thấy giữa biển tối mênh mông tẻ nhạt, đã loé lên một vùng ánh sáng rực rỡ. Nhịp đập từ trái tim nhỏ bé của đứa con đang tượng hình trong máu thịt tôi, đã tạo thành sức rung động mãnh liệt làm thay đổi kỳ diệu đến tận cùng tâm hồn tôi. Tôi hân hoan ôm ấp và chờ đón đứa con như một bình minh thật sự của cuộc sống. Bao nhiêu những gai lửa chung quanh đã bị đẩy lùi, đã trở nên mờ nhạt. Hoặc nếu còn hiện diện, chỉ có nghĩa như tấm phong màu càn làm nổi rõ niềm hạnh phúc tinh khiết đang hiện hữu trong tôi. “Con mới thật sự là cuộc sống của mẹ. Mẹ chỉ là một lớp vỏ bọc bên ngoài, giữ gìn cho sự tăng trưởng của con. Con sẽ là một bông hoa tuyệt đẹp, dù nở trên những cành khẳng khiu, gai góc. Nở giữa bão tố trong đời mẹ. Minh Thư!” Tôi vẫn thường xoa nhẹ tay trên chiếc bụng căng tròn của mình và thầm thì tâm sự với đứa con mà tôi đã mừng tượng được nét mặt phẳng phất đầy những nét quen thuộc của chàng. Tôi hy vọng nó sẽ là con gái, nên tôi đặt tên là Minh Thư. Cái tên đến thật vô tình chứ tôi không hề chọn lựa, gửi gắm vào đó một ý nghĩa, một dấu tích kỷ niệm như người ta thường làm. Tôi sinh ra vốn không được chọn lựa, nên không muốn đứa con tôi sinh ra sau này phải chịu một sự chọn lựa như hình thức nô lệ của kỷ niệm và quá khứ. Nó phải thật sự là nó, chứ không phải là cái bóng của

dĩ vãng.

Suốt thời gian xa vắng, chàng vẫn viết thư và gửi quà cho tôi đều đặn. Cứ một vài tuần là tôi lại nhận được thư. Những cánh thư của chàng có tác dụng làm choáng váng đám người đại biểu cho thứ dư luận nghiệt ngã vẫn bủa vây quanh tôi. Họ cảm thấy bàng hoàng, trần trụi trước hạnh phúc của tôi. Những kẻ trước đây “đánh cá” là chàng sẽ bỏ rơi tôi ngay sau khi chàng tới nước thứ ba, đã bèn lên tìm đến “chúc mừng” tôi và xem đứa con trong bụng tôi như một thứ hạnh phúc có thật, “hữu” trong cõi đời này!

Họ nói với tôi:

- Quả thật Vy là người có mất tinh đời, đã không chọn làm người!

Tôi mỉm cười đáp:

- Đúng hơn là tôi có trái tim. Nếu dùng mắt, tôi đã không chọn một ông già như anh ấy. Mà trái tim thì làm gì có sự khôn ngoan để biết đắn đo dừng lại ở những ranh giới con người đã đặt ra, phải không chị Nhã?

- Nhưng dù thế nào Vy vẫn là người đang hạnh phúc nhất ở đây.

- Nếu tôi bảo rằng chưa hẳn như thế, có lẽ chị sẽ không tin. Thôi cứ tạm coi như tôi đang có hạnh phúc. Còn tương lai phía trước vẫn luôn là điều bí ẩn với tất cả chúng ta.

Nhã ngạc nhiên hỏi tôi:

- Vy vẫn còn nghi ngờ về lòng chung thủy của anh ấy?

Tôi đáp:

- Tôi không nghĩ như thế. Thực lòng tôi không bao giờ muốn anh ấy thuộc về tôi. Tôi yêu anh ấy và muốn có một đứa con với người mình yêu. Tôi đã đạt được ước muốn và như thế là quá đủ...

- Anh ấy yêu Vy như vậy, chắc khi nghe tin Vy có thai, anh ấy mừng lắm nhỉ!

Tôi nhẹ lắc đầu:

- Tôi giấu không cho anh ấy biết. Chúng tôi chỉ là người tình của nhau. Anh ấy đã có gia đình, tôi không muốn sẽ trở thành người vợ thứ hai của anh ấy. Trách nhiệm và những ràng buộc của cuộc sống sẽ hủy diệt tình yêu. Tôi muốn anh ấy mãi mãi được mang trong lòng ngực một trái

tim tươi trẻ và chính tôi cũng chỉ mong có thế.

Những điều tôi nói với Nhã là sự thật. Chàng rất nhiều lần viết thư hỏi tôi về đứa con tương lai, nhưng tôi vẫn quyết định giấu không cho chàng biết. Tôi muốn chàng luôn luôn nhìn cái giây phút ban đầu nguyên vẹn, không có một sự thay đổi nào. Chàng vốn là con người có tinh thần trách nhiệm cao độ. Điều đó đã được thể hiện qua cuộc sống thường ngày. Tôi nhớ có lần tôi đã hỏi chàng: “Anh nghĩ sao, nếu chuyện tình của mình đến tai chị ấy? Thế nào trong số những người hồi hương quen biết, sẽ chẳng có người...” Lúc đó chàng ngắt ngang lời tôi: “Anh có muốn giấu vợ anh đâu! Vấn đề là chưa phải nói ra ở lúc này. Anh không muốn dưới mắt vợ anh cũng như dư luận, anh chỉ là tên ăn trộm, còn em là món đồ của kẻ cắp!” Tôi hỏi chàng: “Anh không sợ chị ấy sợ buồn sao?” Chàng đáp: “Phải thành thật nói rằng, đối với vợ con gia đình, anh là người có lỗi. Lỗi của trái tim. Chẳng thà anh nói thật, còn hơn là để vợ anh hồn nhiên với thứ hạnh phúc man trá. Nỗi đau nào rồi cũng nhạt nhoà với thời gian và hạnh phúc đích thực sẽ lại nẩy mầm. Nhưng nếu có sự man trá, thì không. Nhất định không! Người hưởng hạnh phúc từ sự man trá, chỉ là kẻ thiếu nợ ngạt nghèo của nỗi khổ đau, có thể sừng sững bước tới ở những giây phút bất ngờ nhất. Em hiểu không?” Tôi cúi đầu vào ngực chàng, xúc động đến nghẹn lời. Chàng không giấu vợ chàng cuộc tình này, có nghĩa là tôi-có-thật, hạnh-phúc-có-thật, dù chỉ thoáng trong một sát na. Ở sát na đó, tôi thực sự được thăng hoa, được tận hưởng sự ra đời của tôi một cách ngọt ngào. Tôi sẽ ngậm viên kẹo hạnh phúc đó một cách nhẹ nhàng chứ không nhai ngấu nghiến. Tôi nghĩ, hạnh phúc không có mãi với những kẻ tham lam.

Tôi đã dừng lại ở đó, mặc dù nhiều người khuyên tôi nên cho chàng biết tôi sắp có con, để tạo thêm sự ràng buộc vững chắc với chàng. Nhưng tôi không nghĩ thế. Đứa con

đối với tôi là một cái gì thiêng liêng, chứ không phải là thứ phương tiện dùng để thủ lợi. Càng không thể dùng như một sợi dây xích trên tay tên cai ngục. Tôi không muốn chàng bị lấn cấn bởi đứa con được sinh ra từ tình yêu, nhưng bị pháp luật chối bỏ. Tôi muốn chàng vẫn tự do bay lượn, không vướng bận một chút gì có thể làm trĩu thêm đôi cánh của chàng. Có người lại bảo tôi: "Rồi con của Vy sẽ ra đời và khôn lớn. Vy sẽ trả lời thế nào khi nó hỏi: Cha con là ai hả mẹ?" Ừ nhỉ, tôi sẽ trả lời đứa con thân yêu của tôi như thế nào đây? Có lẽ tôi sẽ nhẹ nhàng nói với nó như thế này: "Cha con là... Hạnh Phúc, là cơn mưa trái mùa chợt rơi xuống đời mẹ. Con chính là hạt nước lóng lánh từ cơn mưa diễm tuyết đó để lại...". Chắc hẳn đứa nhỏ với đầu óc ngây thơ sẽ hân hoan nghĩ rằng nó đã được sinh ra từ thần thoại.

Tên cán bộ cộng sản thuộc phái đoàn Việt Nam đến Mã Lai phỏng vấn những người đăng ký hồi hương, nhìn tôi bằng ánh mắt đắc thắng của kẻ tiểu nhân tí tiện. Sau khi hỏi tên và năm sinh tháng đẻ của tôi, hắn hất hàm trích thượng với kiểu cách quá lỗ, càng làm cho người đối diện thêm khinh ghét:

- Tại sao trước đây chị bỏ nước ra đi?

Không dần được cơn giận dữ và đau tủi, tôi nhìn thẳng ngay vào mặt hắn và lạnh lùng đáp:

- Tôi nghĩ anh nên dành câu hỏi đó cho cấp lãnh đạo của các anh hơn là hỏi chúng tôi.

Quá bất ngờ trước thái độ bốc phét của tôi, một kẻ mà hắn ngỡ rằng phải van vỉ hắn để mong được yên thân sau này, khi bất đắc dĩ phải trở lại cái nhà tù mệnh mông mà hắn là một trong những tên cai ngục; hắn ghen hòng, run rẩy vì giận dữ. Sau phút thảng thốt, hắn đập mạnh tay xuống bàn, quát lớn:

- Phản động! Cô phải hiểu rằng tất cả những kẻ bị bọn đế quốc, tư bản từ chối không cho đi định cư, trước sau cũng sẽ đều ở trong tay chúng tôi. Đảng và nhà nước với

chính sách nhân đạo mới mở đường cho các người về. Cô phải nhớ rằng, tội vượt biên là tội phản quốc, đáng đem ra bắn bỏ!

Hắn còn nói nhiều, nhưng tai tôi đã đóng lại, từ chối không nghe đi nghe lại một điệp khúc, nên những lời nói của hắn chỉ còn giá trị như tiếng vo ve tòm lợm của bầy nhặng xanh. Mắt vẫn nhìn hắn, nhưng tôi đã rơi hẫng vào cơn mê muội, hư không.

Tưởng đã trấn áp được tôi bằng những lời hăm dọa, hắn lại hả hê nói tiếp:

- Rất nhiều kẻ ở hoàn cảnh như cô, khi đến gặp chúng tôi đã ăn năn hối cải, tự giác tố cáo bọn tay sai các tổ chức phản động ở hải ngoại, có hành động chống phá Đảng và Nhà nước ở trong trại tị nạn này. Trước sau những kẻ phản động đó cũng phải trả lời trước nhân dân về hành động của bọn chúng, bởi vì bọn đế quốc tư bản nào có thương gì chúng. Chúng sẽ bị từ chối quyền tị nạn và sẽ rơi vào tay chúng tôi. Có hiểu chứ? Ha.. ha.. ha...

"Có hiểu chứ?". Câu hỏi kèm theo tiếng cười của hắn lọt vào tai tôi như giọt cường toan khiến tôi thực sự bị lay động. Cái-con-vet-đội-nón-cối kia đã thẳng tay hành hạ tôi bằng thứ sự thật nhức nhối nhất. Hắn nói đúng! Có nhiều kẻ ra đi với quá nhiều mộng tưởng về thế giới tự do, đến khi nhận những gáo nước lạnh cạn tình, đã trở nên hụt hẫng, chơi vơi, rồi cuối cùng phải "lập công chuộc tội" để có thể được yên thân trở về cái địa ngục thăm thẳm dành cho cả một dân tộc bị bội tình. Trong hoàn cảnh đó, cái tiếng *lý tưởng* càng trở nên mờ nhạt, trừu tượng. Trái lại, bản năng sinh tồn lại thét gào ở từng lỗ chân lông. Tôi nghĩ, khi bạn và thù đã có cùng chung tiếng nói, thì kẻ bị phán xét như đám dân tị nạn chúng tôi chỉ còn một con đường cuối cùng là nhảy xuống địa ngục.

Thấy tôi vẫn im lặng, dờ dẩn, tên cán bộ Việt cộng thừa thắng xông lên, tiếp tục tấn công:

- Là người có học chắc cô phải thấy rằng, chính những tên sĩ quan, công chức ngụy, cũng như những tên

hoạt động chống phá cách mạng sau năm 1975 còn bị rớt thanh lọc, thì đủ rõ bọn đế quốc tư bản nó đã chán ngấy cái gọi là "cựu đồng minh" lắm rồi! Xu thế chính trị trên toàn cầu đã hoàn toàn thay đổi. Chính phủ Mỹ cũng đang chuẩn bị thiết lập bang giao với Nhà nước ta. Việt kiều khắp nơi cũng đang ùn ùn đem tiền của, trí tuệ về xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo quanh vịnh của Đảng. Cờ như cô chỉ là con của một tên sĩ quan ngụy đã chết trận, bọn nó chẳng coi ra gì đâu! Đừng đem nắm xương tàn đó ra hòng đổi lấy tấm vé bước vào thiên đường Mỹ quốc!

- Khốn nạn!

Tôi hét to và chụp nhanh chiếc gạt tàn thuốc lá ném vào mặt tên cán bộ nhưng hắn né kịp. Đúng lúc đó hai tên lính Mã Lai thuộc lực lượng Task Force nghe tiếng động bất thường, từ ngoài cửa chạy vụt vào. Tôi cứ tưởng gã cán bộ Việt cộng sẽ nhờ hai tên lính Mã Lai lôi cổ tôi ra khỏi phòng rồi đưa vào trại kỷ luật. Nhưng không, hắn bình tĩnh mỉm cười, nói không có chi và đưa gói thuốc lá Ba số năm mời hai tên lính.

Lúc chỉ còn lại tôi, tên cán bộ nhìn tôi bằng ánh mắt thâm hiểm, đắc thắng. Ánh mắt của một con mèo tinh quái đang vờn giỡn với con chuột nhắt. Nó không muốn cho con vật khốn khổ kia chết ngay, mà cố tình kéo dài cái giây phút tuyệt vọng, thất thế của con mèo đáng thương bằng trò chơi tung hứng với đầy móng sắc.

Hắn chậm rãi đốt một điếu thuốc, nhàn nhã nhả khói, đoạn nói với tôi:

- Cô thấy đấy! Tôi chỉ cần nói một tiếng với hai người lính Mã là cô ốm đòn ngay. Nhưng tôi không nở, dù sao mình cũng còn cái tình đồng bào. Người mình không thương nhau thì thôi, đừng hòng bọn ngoại bang!

Đúng là cái giọng nhân nghĩa của con sói già trong câu chuyện cổ tích *Cô bé Quàng Khăn Đỏ!*... "*Tai bà to để bà nghe cháu cho rõ. Mắt bà lớn để bà nhìn cháu rõ hơn*". Và khi cô bé Quàng Khăn Đỏ thắc mắc: *Sao rằng bà dài thế?* thì cô đã bị con sói già xảo quyệt nuốt chửng. Câu

chuyện cổ tích đó lại được tái diễn ở thời đại này. Con sói già Cộng sản đã nuốt chửng cả một phần thế giới của những cô bé Quàng Khăn Đỏ. Ở quê hương tôi, biết bao nhiêu thế hệ thanh niên đã bị nuốt chửng vì những lời đường mật. Đáng buồn là có nhiều kẻ đã may mắn chạy thoát, bây giờ lại nhón nhở trở về cái chốn tang thương ngày nào, đóng vai cô bé Quàng Khăn Đỏ để dụ hoặc bao nhiêu người khác chui vào bụng con sói già Cộng sản.

- Sao thế? Cô không có ý kiến gì à?

Tên cán bộ chợt lên tiếng.

Tôi đáp:

- Tôi đang nghĩ đến một câu chuyện cổ tích.

Hắn cười nhe hàm răng vầu có hữu:

- Thú vị nhỉ! Phải chuyện Tấm Cám không? Bà mẹ ghẻ ác độc trong câu chuyện đó là biểu tượng của bọn đế quốc tư bản đấy!

Tôi nhìn tên cán bộ, nhếch cười:

- Không! Tôi đang nghĩ đến chuyện *Cô bé Quàng Khăn Đỏ*...

Hắn nhanh nhẩu cướp lời:

- Cô muốn nói đến các cháu thiếu nhi Khăn Quàng Đỏ, cháu ngoan bác Hồ...

Lòng tham lam ngu xuẩn của tên cán bộ, muốn cướp hết phần son để trét lên mặt Đảng, khiến tôi không nhận được cười. Tôi cười tan hoang trước sự ngớ ngẩn đáng thương của một tên xảo quyệt, được sinh ra từ bọc trứng của chủ nghĩa man trá. Cười tôi bởi trước những kẻ mới ngày nào vác quan tài tổ quốc tức tưởi tha phương, vậy mà ngày nay lại lũ lượt trở về như những "cô bé Quàng Khăn Đỏ", với chiếc bánh trên tay, chờ dâng cho "bà nội Sói". Tôi cười ngất ngèo trước cái bắt tay thăm thiết sắp tới đây giữa đại biểu của Nữ thần Tự Do và tên chúa ngục. Nổi bi hài cùng cực đã vắt kiệt cả tiếng cười, nước mắt và hơi thở của tôi. Tôi trống rỗng, chồn vờn, quần quai, xác xơ trước sự thật nhớp nhúa của sợi dây tròng vào cổ tôi và đồng bào bị nạn mà cả bạn lẫn thù, mỗi kẻ một đầu, đang kéo xiết.

như giấc chiêm bao

*Tôi không muốn nói: tôi đang buồn
nếu nói ra lời, ai có thương?
hãy mắng tôi đi: người lãng mạn
chẳng tình chẳng nghĩa với quê hương!*

*Tại sao phải nói điều đau đớn?
thà mím môi ghìm giọt lệ tuôn
mười bảy năm qua, mười tám, chín...
thời gian... chỉ thấy những dòng sương.*

*Nên tôi im lặng dù ai chửi
ai rửa ai nguyên mặc kệ ai
đi để mà đi đâu chỗ tới?
thà ngồi tựa cửa ngắm mây bay...*

*Mây bay qua núi rồi qua biển
gió lướt qua vườn con bướm chao
hoa nở rồi tàn con bướm chết
kê vàng chưa chín giấc chiêm bao!*

trần văn lệ

Tôi vừa muốn ngất đi vì cạn hết sinh lực từ một trận cười khảnh tận, thì dường như đứa con trong bụng cũng sắp ngộp thở, quấy đạp mạnh làm tôi tỉnh thức. Tôi ngửa người ra ghé hít vội một hơi thở thật dài. Tôi cảm thấy bụng mình êm êm và sự sống từ trái tim nhỏ bé của đứa con lại làm rung động trái tim tôi.

Tên cán bộ có lẽ cảm thấy những cú đấm hần đã chuẩn bị kỹ lưỡng, sẽ chẳng có tác dụng gì trước cái bịch bông là tôi, nên mất hết vẻ hào hứng. Hắn thốt giọng lơ đãng:

- Hình như thần kinh cô không được bình thường?

- Có lẽ đúng hơn là cuộc sống này không được bình thường.

- Đúng đấy! Chính ngài Casella thuộc Cơ quan Cao ủy còn nhận xét các trại tị nạn ở Hồng Kông và vùng Đông Nam Á còn tệ hại hơn cả nhà tù. Đây là bộ mặt thật của bọn...

Tên cán bộ như được Đảng lên dây cót, lại thao thao những câu nói vô hồn. Tôi vội chặn ngang lời hắn:

- Không riêng gì ở các trại tị nạn, mà cả thế giới này không được bình

thường! Ở đó mỗi người diện một cách, ông nghĩ xem!

- Chiu!

Đoạn hắn sửa lại thế ngồi, tay gõ gõ cây viết trên tập hồ sơ:

- Thôi bây giờ chúng ta tiếp tục làm việc nghiêm chỉnh. Tôi sẽ không hỏi lại lý do tại sao cô bỏ nước ra đi nữa. Thật ra chúng tôi nắm cả rồi. Hỏi là hỏi thủ tục vậy thôi. Rồi! Chủ yếu là cô khai báo địa chỉ của thân nhân tại Việt Nam.

Tôi lần lượt trả lời những câu hỏi của tên cán bộ như một cái máy. Hắn cũng ngưng cái trò soi mói, róc rĩa vì nhận thấy tôi là một con mồi khó nuốt. Hắn phải giả lơ, nhượng bộ chỉ vì số tiền Cao ủy trả cho bạo quyền Cộng sản Việt Nam lên tới trên dưới cả ngàn đô-la cho mỗi đầu người hồi hương. Đó là chưa kể bao nhiêu món hời đưa đến từ Cộng đồng châu Âu. Nhận một tên tù, một kẻ nô lệ không công cho chế độ, lại được tiền, được tiếng "nhân đạo", bọn CSVN ngu gì mà chê! Hơn ai hết, tôi đã đắng cay thấy rõ điều đó và cũng chính vì thế, tôi đã lao thẳng tới cái bộ mặt nhân



nghĩa lòng bùng giả tạo của bọn buôn nô lệ thời đại bằng lòng cảm phần ngút trời.

Chỉ còn vài ngày ngắn ngủi nữa là đến chuyến hồi hương của tôi. Những người có tên trong danh sách cùng với tôi, chọn rộn bởi những "tiệc" chia tay, với những sắp xếp đồ đạc linh kinh, bề bộn. Riêng tôi chỉ cảm thấy một sự rã rời tràn ngập khắp cả thể xác, tâm hồn.

Tôi đóng kín cửa nằm đọc lại xấp thư dày cộm của chàng. Nhìn đi nhìn lại những tấm hình chàng gửi về cho tôi từ ngày chàng đi định cư từ tiểu bang Texas. Bên cạnh tôi là cái thùng thiếc và chiếc bật lửa. Tôi đã nhiều lần bất lực trước ý tưởng muốn loại bỏ, thủ tiêu tất cả mọi kỷ niệm với chàng ra khỏi cuộc đời. Mỗi lần kê từ từ lá thư mỏng gần sát ngọn lửa, tôi nghe toàn thân mình bỏng rát chẳng khác gì bức thư kia chính là da thịt của tôi.

Những dòng chữ nghiêng nghiêng chập chờn trong ánh lửa và nước mắt. *Đã hơn bốn tháng nay anh không nhận được thư em. Tại sao thế? Em đừng hành hạ anh và tự làm khổ mình như vậy. Em hãy kiên tâm chờ đợi... Không! Em không có gì để chờ đợi cả. Quyền được chờ đợi đã thuộc*



tình thiên

*thấy lời em thịnh nộ
biết tim em lăn tròn
nghe tiếng em vỗ vụn
biết lòng em đang non.*

*hồn như lửa dưới núi
vẻ ngoài như chiều đông
giọng nũng nịu ẩm ướt
là lúc hương lửa nồng!*

thế dững

về người vợ thương yêu của anh. Em đã yêu và được anh yêu. Như thế đủ rồi! *Em đừng lo ngại thời gian xa cách...* Em hiểu chứ, dăm ba năm chỉ là cái chớp mắt của một đời người ngắn ngủi. Đối với cuộc sống có thể nó cũng đủ chiều dài để tạo nên bao cảnh vật đổi sao dời; đủ chiều rộng để phủ lên quá khứ một lớp rêu hoang phế. Nhưng em tin chắc rằng nó không đủ sức để chi phối được Tình Yêu, món quà màu nhiệm Thượng đế đã ban cho con người. Em đã xúc động run rẩy giữa mặt đón nhận ân sủng của Thượng đế thông qua anh bằng cả tâm hồn thánh thiện, bằng cả tấm thân trong trắng. Anh yêu, em không muốn những hệ lụy từ khuôn thước của đời sống làm hoen ố tình yêu của chúng ta.

Hơn bốn tháng rồi tôi quyết định không gửi thư cho chàng, mặc dù những lá thư của chàng vẫn đều đặn đến với tôi hàng tuần. Nhìn những hàng chữ bất thường trên lá thư, tôi hiểu chàng đang quẩn quại trong nỗi nhớ thương hừng hực. Tôi vẫn phải tự kiềm chế mình. Mím môi, nín thở lặn sâu trong nỗi cô đơn. Nếu yếu đuối ngóc đầu lên, trước sau gì tôi và chàng cũng bị cái hấp lực mê muội của tình yêu kéo xuống bờ vực thẳm.

Tôi nhớ ở bức thư cuối cùng gửi cho chàng, tôi có cho chàng rõ tôi đã quyết định đăng ký hồi hương. Tôi không thể chịu nổi sự ghẻ lạnh của thế giới đối với đám người tị nạn khốn khổ chúng tôi hơn được nữa. Vết thương từ những người đã từng là đồng minh đưa đến, mang một ý nghĩa tàn nhẫn hơn là vết thương tôi phải nhận từ kẻ thù. Tôi quyết định trở về, dù biết rằng cái tổ ấm khi xưa đã hoang tàn bởi bầy rắn độc đang chiếm ngụ. Nhưng tôi phải trở về vì cả mặt đất rộng lớn này chẳng có một chỗ dung thân. Những kẻ nắm trong tay quyền lực siêu đẳng của thế giới đang rắp tâm xoá bỏ làn ranh giữa Tự do và Cộng sản, chúng tôi còn biết chạy đàng nào! Thôi thì đành!... Cáo chết ba năm quay đầu về núi, dù trái núi đó đã biến thành nấm mộ khổng lồ!

Sau khi nhận được thư tôi, chàng

tới tập gởi thư khuyên tôi nên ở lại chờ đợi một chính sách mới đối với người tị nạn. Tôi hiểu đó chỉ là lời an ủi. Dù phải sống cô lập giữa hòn đảo, cách biệt hẳn với sinh hoạt bên ngoài, nhưng qua cách đối xử tàn tệ của Cơ quan Cao ủy Tị nạn, tôi thừa hiểu rằng sẽ chẳng có một sự thay đổi nào khác. Bản án chung thân đối với người tị nạn chạm chân đến bến bờ tự do đã được thế giới lạnh lùng phán quyết. Tất cả chỉ còn chờ cái bắt tay bàn giao với tên chúa ngục nữa là xong. Hành động tôi tự nguyện đăng ký hồi hương về Việt Nam, chẳng khác nào tự bước vào nhà ngục, còn hơn là để cả bạn lẫn thù tiếp tay nhau nắm kéo, xô đẩy như đối với một bầy thú, đã từng xảy ra ở trại tị nạn Hồng Kông.

Một điều nữa là tôi muốn ôm trọn những kỷ niệm đẹp với chàng. Chỉ có nỗi cô đơn mới áp ủ nguyên vẹn những hương nhụy ban đầu. Và tôi đã chọn nỗi cô đơn.

Suốt mấy ngày liền tôi vẫn đóng cửa nằm, ngồi thần thờ bên những lá thư và hình ảnh của chàng. Có lúc thiếp đi, tôi mơ thấy mình biến thành một con cá lớn mang buồng trứng từ mùa ái ân ngắn ngủi, rồi lặn lẽ bơi ngược ra biển lớn đầy sóng gió. Một cơn sóng dữ xô mạnh tôi vào ghềnh đá và tôi biến thành chiếc quan tài êm ái cho đứa con chưa kịp ra đời. Khi giật mình tỉnh dậy, ngọn đèn cầy hết tim vừa cháy xém một góc thư của chàng. Người tôi nóng bừng lên và tiếp đến là cảm giác lạnh toát đến tê dại. Tôi nghĩ những người tự thiêu cũng trải qua cảm giác kỳ lạ như thế này.

Và thật nhanh, tôi vơ hết những lá thư và hình ảnh của chàng bỏ vào chiếc thùng thiếc bên cạnh. Ngọn lửa bùng lên. Vĩnh biệt anh ở mọi hệ lụy của đời sống kể từ giờ phút này, nhưng anh mãi mãi vẫn hiện diện trong trái tim em...

Bên ngoài, trận mưa trái mùa lại vừa ào ào trút xuống. Tôi lấy cây thước cời cời những trang thư của chàng và tôi thấy mình bốc cháy hừng hực trong cơn đau rực rỡ... □

Người Hành Khất Mùa

MacKinlay Kantor

Trương Mỹ Vân

dịch

LDG: MacKinlay Kantor, một văn sĩ Mỹ sinh năm 1904 tại tiểu bang Iowa, Hoa kỳ, đã từng viết nhiều truyện ngắn nhưng lại nổi tiếng về truyện dài, như các tác phẩm "The Voice of Bugle Ann" (1935) và "Happy Land" (1942), thuật lại cuộc đời một cậu bé bị giết trong Thế chiến.

Truyện "Người hành khất mùa" được dịch từ nguyên tác "A Man Who Had No Eyes", là một truyện thật ngắn với bố cục chặt chẽ và sự oái oăm của đoạn cuối là điều bất ngờ lý thú điển hình của loại truyện này.

Người hành khất cuối đường đi lại đúng lúc ông Parsons từ trong khách sạn bước ra.

Với bàn tay nắm chặt cây gậy cũ kỹ, người hành khất mù dò dẫm từng bước thận trọng trên vệ đường. Đầu tóc bờm xờm, râu ria tua tủa, chiếc cổ ngắn và mập, hắn ta mặc chiếc áo khoác sờn cổ và hai túi dính đầy dầu, vai mang chiếc túi màu đen. Trông hắn vừa có vẻ như một kẻ hành khất lại vừa như một kẻ bán hàng rong.

Bầu trời ngày đầu xuân ấm áp, rắc từng mảng nắng vàng trên mặt đường loang loáng sáng. Ông Parsons đứng tựa người trên cánh cửa

trước khách sạn, lắng nghe tiếng gõ lóc cóc vang lên từ cây gậy của người mù và cảm thấy trong lòng dâng lên một niềm trắc ẩn vừa xót xa nhưng cũng vừa phi lý với những người đã vĩnh viễn mất ánh sáng.

Càng ngẫm nghĩ ông Parsons càng cảm thấy nỗi hân hoan của kẻ sống sót. Cách đây vài năm ông chỉ là một kẻ lao động tầm thường, thế nhưng giờ đây ông đã thành công, được bạn bè ái mộ và xã hội kính nể. Cũng nhờ nghề bán bảo hiểm... Và chính ông đã tự lực cánh sinh, một mình vươn lên, vượt qua mọi thử thách và nghịch cảnh mặc dù còn trẻ. Và sáng hôm nay, thoảng trong hơi gió của tiết xuân ấm áp, mùi hương dì vãng của những cánh đồng hoa vàng, ao hồ và bụi cây quá khứ khiến ký ức ông bừng sống dậy niềm háo hức tràn trề.

Vừa lúc tiếng gậy khua lách cách vượt qua trước mặt, ông Parsons bước xuống đường, nhưng người hành khất mù đã nhanh chân quay lại:

- Xin ông vui lòng cho tôi vài phút.

Giọng ông Parsons đầy vẻ hối hả:

- Hôm nay tôi có hẹn và đã trễ rồi. Ông có cần tôi cho tiền không?



Người hành khất sờ soạng, lục trong chiếc túi đen cấu bẩn, lôi ra một vật nhỏ và bỏ vào tay ông Parsons:

- Tôi đâu phải kẻ hành khất! Tôi bán hàng rong. Món này chỉ một đồng thôi nhưng lại là chiếc bật lửa thượng hạng đấy!

Ông Parsons đứng sững, nửa ngại ngùng nửa bức tức. Dáng người ông thanh lịch trong bộ com-lê màu xám, chiếc mũ xám và cây gậy trúc. Dĩ nhiên người hành khất mù không thể nào thấy được ông Parsons. Ông đáp gọn:

- Tôi không biết hút thuốc.

Gã hành khất nài nỉ:

- Nhưng chắc ông có nhiều người quen thích hút thuốc. Đây là món quà nhỏ xinh xắn, và ông nỡ lòng nào không giúp một kẻ bất hạnh như tôi?

Hắn ta nắm chặt tay áo ông Parsons khiến ông thờ dãi, rút trong túi áo vét ra hai đồng năm mươi xu và bỏ vào tay người hành khất:

- Dĩ nhiên tôi sẵn sàng giúp ông và như ông nói, tôi sẽ có người để

tặng chiếc bật lửa này. Có thể tôi sẽ cho cậu bé gác thang máy.

Rồi do dự giây lát và dường như không muốn lộ về sở sàng hay tò mò, ông Parsons hỏi tiếp:

- Vậy ra ông mù hoàn toàn hay sao?

Người hành khất bỏ hai đồng bạc cắc vào túi áo và hãnh diện đáp:

- Tôi mù đã mười bốn năm rồi, sau vụ hỏa hoạn ở hãng Westbury.

Ông Parsons lẩm bẩm lặp lại:

- Đúng rồi, vụ nổ ở xưởng hóa học Westbury. Đã lâu báo chí không hề nhắc lại nhưng đó là tai họa lớn nhất vùng.

Người hành khất mù đổi thế đứng và chán nản tiếp:

- Vâng, không ai còn bận tâm đến vụ nổ đó nữa, nhưng nếu là người trong cuộc hay nạn nhân thì làm sao quên được! Tôi còn nhớ rõ như in xưởng C bốc cháy ngùn ngụt và hơi khí đốt tuôn vào qua các cửa kính vỡ.

Ông Parsons húng hắng ho, nhưng người hành khất mù không để ý vì hắn ta còn mãi mê hồi tưởng cảnh hãi hùng của đám cháy năm nào và hy vọng trong túi ông Parsons còn nhiều tiền lẻ cho hắn. Hắn nói tiếp:

- Ông thử tưởng tượng một trăm lẻ tám người chết, hai trăm người bị thương và hơn năm mươi người bị mù vĩnh viễn.

Bàn tay đen bẩn của hắn quờ quạng trong không và cuối cùng nắm lấy vai áo ông Parsons.

- Nói thật với ông, tôi đã từng ra trận nhưng chưa bao giờ trải qua cơn đại họa như thế. Nếu tôi bị mù vì chiến tranh, tôi đã được hưởng lương thương phế binh, nhưng đằng này tôi chỉ là một công nhân của hãng hoá học. Giờ đây tôi hoàn toàn tàn phế và không được hưởng một khoản trợ cấp nào, trong lúc đám tài phiệt và chủ hãng ngày càng giàu thêm. Lẽ dĩ nhiên bọn chúng được bảo hiểm bồi thường.

Ông Parsons lặp lại:

- Bảo hiểm. Đúng vậy, tôi cũng bán bảo hiểm đây...

Nhưng người hành khất đã thét lên:

- Ông có biết tại sao tôi bị mù không? Để tôi kể cho ông nghe.

Với giọng nói đầy vẻ chua chát, hắn lặp lại câu chuyện thuộc nằm lòng đã được hắn kể đi kể lại nhiều lần mỗi khi cần xin tiền khách bộ

hành:

- Hôm đó tôi là kẻ cuối cùng chạy ra khỏi xưởng C với hy vọng thoát ra ngoài và sống sót trong lúc các toà nhà chung quanh liên tiếp thi nhau nổ. Rất nhiều người chạy ra ngoài và thoát khỏi đám cháy. Vừa đúng lúc tôi đang trườn người bò sát đất giữa những thùng sắt lớn đựng đầy hoá chất, bỗng dưng có kẻ nắm chân tôi kéo lại. Hắn bảo tôi: "Để tao đi trước, đồ chó má". Có thể hắn điên, tôi không biết. Đã bao năm qua tôi cố gắng tha thứ cho hắn. Nhưng vì to con hơn tôi nên hắn kéo tuột tôi về phía sau, leo lên người tôi và chạy thoát ra ngoài, bỏ tôi lại đằng sau trong đám khói mịt mù và ngọn lửa càng lúc càng lan dần về phía tôi....

Hắn nghẹn ngào cố nén tiếng nấc trong cổ họng nhưng ông Parsons đã ngắt lời:

- Thật ra không đúng hắn như vậy.

Gã hành khất sừng sốt:

- Ông nói gì? Không đúng như vậy là sao?

- Chuyện ông kể đúng đấy, tuy có sai vài chi tiết.

Hắn tức tối:

- Ông bảo chi tiết nào?

- Hôm đó tôi cũng bị kẹt trong xưởng C. Chính ông là người đã nắm chân tôi, kéo tôi lại đằng sau và leo lên mình tôi. Ông to con hơn tôi, ông Markwardt.

Gã hành khất yên lặng hồi lâu rồi mới lên tiếng:

- Ông Parsons. Trời ơi! Trời đất ơi! Vậy mà tôi cứ tưởng...

Và bỗng dưng hắn thét lên:

- Vâng, có thể điều ông nói là đúng, có thể đúng thế. Nhưng bây giờ tôi mù rồi! Tôi đã mù rồi, còn ông thần nhiên đứng đây cười trên nỗi bất hạnh của tôi! Tôi đã mù rồi!

Đám bộ hành chung quanh ngoảnh lại, nhìn trừng trừng vào hai người.

- Ông chạy thoát. Còn tôi, tôi mù rồi! Ông có nghe không? Tôi...

Nhưng ông Parsons đã ngắt lời hắn:

- Này, đừng có làm náo loạn lên, ông Markwardt... Tôi cũng mù như ông vậy. □

con bọ sùng

Con bọ sùng chết thảm
Bên lề đường giao lưu
Không vì lòng dũng cảm
Vì đón gió xoay chiều

Bên kia bờ vô vọng
Nơi đáy vực thăm sâu
Thây chết và thây sống
Có gì khác biệt nhau

Với tầm nhìn thiên cận
Với tham vọng điên cuồng
Chúng ồn ào ngổ ngẩn
Đi tìm ảo thiên đường

Ruột gan phơi gớm ghiếc
Uế khí bay một vùng
Người mũi lòng thương tiếc
Con bọ cái thủy chung

Quần quanh tìm dấu bạn
Không nản chí phai lòng
Kể như đời đã tận
Kể như tình đã xong

Đổ máu xương thừa thãi
Cho cái tâm mù loà
Tội cho con bọ cái
Thẹn cho người mạnh nha.

hà huyền chi

(Possum, họ nhà chuột, lớn cỡ mèo, có túi dưới bụng, di chuyển dùng dính khoan thai, ưa giả chết khi gặp nguy. Khi con đực bị nạn, con bọ cái không ngừng tìm kiếm nơi phạm trường cho tới chết).

xóm mǎng



Hình Ảnh Mẹ Teresa

Vy Sao

(viết theo tưởng tượng
sau khi đọc cuốn "Mẹ Teresa")

Trong văn phòng tiếp nhận bệnh nhân tại một bệnh viện thành phố Calcutta.

Cô y tá trẻ đẹp, son phấn thật kỹ, bận một chiếc blouse trắng kiểu cách, dáng vẻ chải chuốt, điệu bộ nhí nhảnh hất mặt khinh bỉ nhìn chị nữ tu ngoại quốc tuổi trung niên khoác trên người chiếc sari màu trắng viền xanh bằng vải thô, chiếc áo của những phụ nữ nghèo Ấn Độ, đang dịu trong tay một người đàn bà gầy gò nhỏ bé, cứng đờ như xác chết, bèo nhèo dơ bẩn trong chiếc mền rách. Cô ta hỏi:

- Tên gì?

Chị nữ tu:

- Thưa cô, tôi không biết bệnh nhân tên là gì.

Cô y tá bắt đầu bực mình:

- Không biết tên họ thì làm thế nào mà làm hồ sơ nhập viện?

- Thưa, cô có thể ghi tên tôi.

Cô y tá quắc mắt:

- Bộ muốn giởn mặt hả?

- Thưa cô, bà ta đang hấp hối, cần phải cấp cứu ngay.

- Chị hãy tránh ra, để tôi làm thủ tục cho những người khác.

- Thưa cô, tôi không thể nhường một người nào, nếu người bệnh này không được nhập viện, bà ta chỉ còn thoi thóp.

Cô y tá không thềm để ý đến lời nói nhẹ nhàng nhưng cương quyết của chị nữ tu, cô ta hất mặt lên một lần nữa, cặp mắt hướng về người kế tiếp xếp hàng sau chị nữ tu:

- Anh kia, tên gì?

Người đàn ông đứng sau lưng cuống trả lời:

- Dạ, người nhà tôi đau bụng cần nằm viện, nhờ cô giúp giùm...

Anh ta còn tính nói thêm gì nữa nhưng bất gặp ánh mắt nghiêm nghị của chị nữ tu quay nhìn mình, anh ta tự dưng im bặt như có phép lạ làm cho á khẩu.

Nhìn sự việc diễn tiến, cô y tá tức giận thật sự, cô ta gắt hỏi người đàn ông:

- Tôi hỏi người nhập viện tên gì?

Người đàn ông chưa kịp trả lời, chị nữ tu đã lên tiếng:

- Thưa cô, cô chưa giải quyết người bệnh của tôi. Nếu cô không giải quyết được, xin cho tôi gặp bác sĩ giám đốc.

- Cái gì, bà nói sao? Bác sĩ phải giải quyết trăm thứ việc quan trọng, thì giờ đâu tiếp bà!

- Tôi nghĩ, không có việc gì quan trọng hơn việc cứu người sắp chết.

- Ở đây không nhận người bệnh vô gia cư.

- Thưa cô, cứu người như cứu hỏa, hơn ai hết cô là người biết rõ điều đó. Đây là một người đàn bà nghèo khổ, đói khát nằm hấp hối dưới chân một gầm cầu, nếu cô không nhận người bệnh này thì tôi sẽ không đi đâu cả.

Nói xong chị nữ tu ôm đầu người đàn bà khốn khổ một cách âu yếm và đặt lên trán bà ta một chiếc hôn.

Sau khi người bệnh được đưa vào phòng cấp cứu, chị nữ tu liền đi đến văn phòng của Hội đồng Thành phố.

- Ông làm ơn chỉ giùm tôi, văn phòng nào lo việc phân phối nhà cửa?

- Chị đi đến cuối hành lang này, gõ cửa phòng số 107.

Trong văn phòng 107, 11 giờ

- Tôi có thể giúp gì cho chị?

Viên công chức hỏi.

- Thưa ông, hiện trong thành phố có căn nhà nào bỏ trống không? Nếu có, tôi phải làm những thủ tục nào để xin căn nhà trống đó.

- Ô, chị cần một căn nhà trống?

Viên công chức vừa hỏi vừa nhìn chị với ánh mắt nghi ngờ giấu cợt.

- Thưa ông, đúng vậy! Nếu có căn nhà nào bỏ hoang mà thành phố cho phép cấp phát cho dân nghèo, xin ông giúp cho chúng tôi.

- Chúng tôi?

Tia nhìn giấu cợt tăng nhanh trong cặp mắt người công chức.

- Thưa ông, vâng. Chúng tôi đang cần một căn nhà cho những người nghèo khổ, vô gia cư, đang lang thang khắp lề đường và gầm cầu thành phố.

Sự nghi ngờ vụt mất, nhường cho ánh mắt kính nể.

- Chị có thể làm được việc đó sao? Ty Vệ sinh và Trật tự họ lo cả bao nhiêu năm rồi mà còn chưa xuê.

- Vâng, thưa ông, chúng tôi biết điều đó. Số người đói khát, nghèo

khổ, không nơi nương tựa vẫn đây đây trong thành phố...

- Thôi được rồi, bây giờ chị sang ty Vệ sinh trình bày với họ, nếu họ đồng ý, tôi sẽ đề nghị cấp một ngôi nhà bỏ hoang cho chị ngay.

Tại văn phòng này. 14 giờ.

- Thưa ông, đây là giấy của ty Vệ sinh cho phép chúng tôi săn sóc những người bệnh hoạn, nghèo khổ ngoài đường phố.

- Trước khi cấp nhà cho chị, chúng tôi phải lập hồ sơ trình lên ông Chủ tịch Hội đồng Thành phố, sau đó phải họp rồi mới quyết định được.

- Thưa ông, như thế biết đến bao giờ chúng tôi mới được cấp nhà?

- Đến lúc nào tôi cũng không thể biết được, thủ tục hành chánh là như vậy.

- Ông có thể cho tôi gặp ngài Chủ tịch Hội đồng Thành phố được không?

- Chuyện đó ngoài thẩm quyền của tôi.

BÉ LÀM THƠ

*thương thiếu-nhi tị-nạn
nên làm thơ
gửi người "áo gấm"*

*Thương các bạn trại tù tị-nạn
Cơm không no không có đồ chơi
Lại lo Cao-ủy đổi đời
Đuổi người cô-thế không người
cứu nguy*

*Thương bạn tôi nắng mưa
nhặt chỉ*

Mã Lai hành,

người Thái không ưa

Hồng-kông sóng giạt gió đùa

*Nam Dương dề nén không chứa
một ai*

Cầu Trời cao thương người khổ ải

Xin đồng bào hải ngoại trông sang

Ài ơi áo gấm về làng

Tội giùm em nhỏ bên đàng bơ-vơ!

trần thị thêu

(14 tuổi, gia-đình ODP Montréal)

Cũng văn phòng này. 15 giờ 30

- Thưa ông, ngài Chủ tịch Hội đồng Thành phố đã đồng ý cấp nhà cho chúng tôi mà không phải thông qua nghị hội. Đây là giấy chấp thuận cho phép và chữ ký của ngài.

- Được rồi. Thế thì tôi sẽ cấp cho chị ngôi đền bỏ hoang đã lâu. Ngôi đền này rất rộng, chị có thể chứa được nhiều người như ý chị mong muốn, đó là ngôi đền Kali, là nơi những người xưa kia đến cúng thần Kali đã dùng làm nơi ngủ qua đêm.

- Rất đội ơn ông.

Quỳ xuống nền xi-măng loang lổ những vũng nước mưa đã đóng rêu, những đồng phân chim đầy lên quanh những chiếc cột to đến hai, ba người ôm, ngược lên đỉnh vòm nhà cao đã lũng nhiều chỗ, chị nữ tu giang hai tay cầu nguyện, lớn tiếng tạ ơn Thiên Chúa đã giúp chị can đảm đến gõ cửa từng nơi cần thiết để trình bày kế hoạch và ước muốn mà Chúa muốn chị thực hiện. Nhờ thế, mọi thủ tục hành chánh thường kéo dài vài ba tháng đã được giải quyết trong một ngày. Chị vui mừng khi nhận ngôi đền bỏ hoang này còn vì một lý do thầm kín nữa: chính nơi đây là trung tâm cúng bái của người Ấn Độ. Thật Thiên Chúa đã khéo léo sắp đặt mọi sự.

Từ đó trở đi ngôi đền đã trở thành căn nhà bác ái, không thiếu gì những anh chị em ngoài Thiên Chúa giáo và các anh chị em Thiên Chúa giáo cùng tự nguyện đến làm việc với chị nữ tu kia. Đây là nơi tập trung tất cả những con người bị bỏ rơi, sống bên lề xã hội, Những kẻ hấp hối bên vệ đường, dưới gầm cầu đều được chị nữ tu đem về săn sóc tận tình; những trẻ vô thừa nhận đã có một bà mẹ dịu dàng trìu mến; những kẻ đói đã được no; những kẻ ốm đau bệnh hoạn đã được săn sóc dịu dàng; những kẻ vô gia cư đã có được một chỗ trú chân bên người nữ tu xa lạ mà thật gần gũi.

Đã có những em bé hy sinh không ăn phần đường của mình (ở Ấn Độ thời đó đường là một thứ hiếm quý) để dành đem đến biếu cho những đứa con của chị nữ tu. Đã có

một phú gia người Úc không những chỉ hiến cả gia tài đồ sộ của mình mà còn xả thân tới phục vụ những người khốn khổ, những người hấp hối một cách vui vẻ.

Tuy nhiên đồng thời chị nữ tu cũng bị một số người bản xứ chống đối. Họ đến ty Cảnh sát và Hội đồng Thành phố, yêu cầu trục xuất chị nữ tu, vì theo họ, chính người đàn bà ngoại quốc này đang lôi kéo những người nghèo khổ theo đạo Thiên Chúa. Một số những bọn trộm cắp, ma cô, nghiện hút mất nơi tụ tập, trao đổi buôn bán bất chính cũng ùa theo, phản đối dữ dội. Trước đòi hỏi ồ ạt của một số dân chúng, ông cảnh sát trưởng hứa sẽ cứu xét ý nguyện của họ, nhưng ông ta yêu cầu họ, trước khi thực hành ý nguyện đó, hãy để cho ông một thời gian tìm hiểu.

Khi ông cảnh sát trưởng đến ngôi đền để xem xét, ông thấy chị nữ tu đang săn sóc vết thương cho một người bệnh mà vết thương đó rồi bọ còn đang bò lổn ngổn và mùi thối tha xông lên nồng nặc khiến ông phải nhăn mặt quay đi chỗ khác. Chị nữ tu vừa băng bó vết thương cho người bệnh vừa kính cẩn:

- Chào ngài Cảnh sát trưởng. Thưa... ngài đến để thăm viếng chúng tôi hay xem xét chuyện gì? Xin ngài đợi cho một chút, băng bó xong vết thương này tôi sẽ xin đưa ngài đi thăm viếng các anh em trong căn nhà của chúng tôi.

- Ồ, được, chị cứ tiếp tục công việc của chị, tôi có thể thăm viếng nơi này một mình được mà!

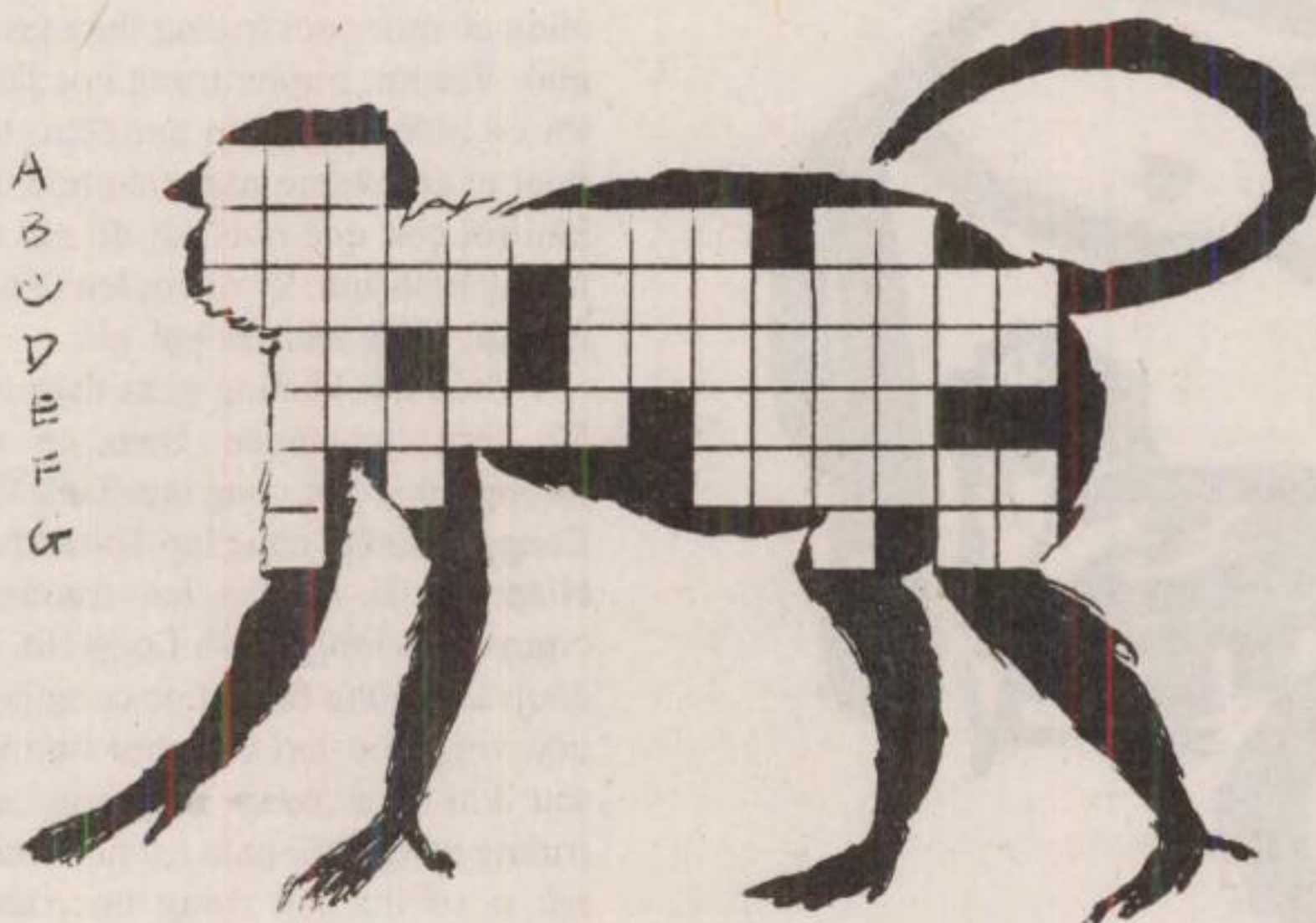
- Dạ, cảm ơn ngài Cảnh sát trưởng.

Trở về ty Cảnh sát, ông cho mời đại diện những người đòi trục xuất người nữ tu ngoại quốc đến, ông nói:

- Tôi hứa sẽ trục xuất người đàn bà ngoại quốc ra khỏi ngôi đền đó, và tôi muốn giữ lời hứa ấy. Nhưng trước khi hành động, tôi có một yêu cầu: Tôi xin mỗi người hãy đem mẹ hoặc chị, hoặc em gái mình tới đó săn sóc những người bất hạnh thay bà ta. Tôi chỉ yêu cầu một điều kiện ấy trước khi tôi thi hành nhiệm vụ của tôi. □

Ô Chữ Con Khỉ

Phan Khương Thái



1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14

Ngang:

- Thủy tổ loài người theo thuyết Darwin.
- Gọi chung những vật dụng, mang theo trong túi xách, ba-lô - Bếp nấu ăn.
- Vua gọi người vợ yêu quý của mình - Đồng loại với hoa xuân nhưng nở bốn mùa.
- Không lời - Số 5 La Mã - Bài thuyết trình hay đề án ngắn.
- Thứ trái có rất nhiều hạt, dòn và chua ngọt - Mủ cây (tiếng Bắc).
- Sau em - Một gạch đứng - Gió nam.
- Đê có đuôi - Viết tắt 1000 kg - Chim cổ dài cẳng cao.

Dọc:

- Tên gọi cũ của ngành Thanh trong Hướng đạo.
- Tên Hán Việt của con cá ngựa.
- Rùm beng, đỉnh tai nhúc óc.
- Trái với thượng - Pháo lép, xẹt lửa mà không nổ.
- Còi của người Thượng hay còi bằng sừng trâu.
- R - Đơn vị đo chất lỏng (viết tắt).
- Cối địa ngục.
- Con vật ngơ ngác giữa rừng thu.
- Tháng để ăn chơi.
- Thái hậu cuối cùng của triều Mãn Thanh.
- Kéo nhau đi từng đàn đông vầy, đi đông như trảy hội.
- Tên một bãi tắm nguy hiểm ở

Vũng Tàu.

13. (Cò) héo - Chất trắng trong đầu.

14. Ăn loát - Bẹ cau.

GIẢI ĐÁP

Ngang:	Dọc:
a. Khi	1. Kha.
b. Hành trang - Lồ.	2. Hải long.
c. Ai hậu - Mai tử quý.	3. Inh ỏi.
d. Lồ - V - Tiểu luận.	4. Hà - Xi.
e. Oi xả li - Nhựa.	5. Từ và.
f. (Anh) N - I - Gió nồm.	6. R - (Lít) L.
g. G - (Tần) T - Cò.	7. Âm ti.
	8. Nai.
	9. Giêng.
	10. Từ Hi.
	11. Lũ lụt.
	12. Ô Quăm.
	13. Ua - Ốc.
	14. In - Mo.

BÉ CƯỜI:

Đánh vợ

Cán-sự xã-hội:
- Anh không cảm thấy xấu-hổ khi đánh vợ à?
Ông chồng:
- Không! Tôi chỉ xấu-hổ khi bị vợ đánh thôi.

Tiên-đoán thời-tiết

Trước khi đi làm, ông chồng bảo vợ:
- Chiều nay e có giông bão, xa-lộ lại kẹt cứng!
Bà vợ nheo mắt:
- Ô! Anh bỏ cái hẹn đó đi thì chả...kẹt xe đâu!

xóm cũ

LTS.— Để gọi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm

sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sốt chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...

Mùa xuân về thăm mái trường tôi học
Tôi ngẩng nhìn trời, một áng mây bay
Mây chở mùa xuân, lòng tôi hồi hộp
Mùa xuân đi rồi tôi sống với ai...

Mùa xuân đó cách đây hơn ba mươi năm. Bài thơ học trò đó đăng trên tờ báo Xuân trường Tống Phước Hiệp. Tác giả bài thơ không biết đã quên hay còn nhớ như tôi vẫn nhớ, vẫn xúc động bồi hồi mỗi khi nhớ lại trường xưa.

Trong lòng mỗi người, chắc ai cũng có một ngôi trường thân yêu để nhớ. Với tôi, trường trung học là nơi tôi có nhiều kỷ niệm êm đềm, thân thiết nhất. Những năm tiểu học, tâm hồn tôi còn quá non nớt để ghi nhớ những hình ảnh, kỷ niệm; lên đến đại học thì hình như đã hơi già.

Thuở đó, khoảng giữa thập niên 50, mỗi tỉnh miền Nam có một trường trung học công lập. Tỉnh Vĩnh Long có trường công lập Tống Phước Hiệp, ngoài ra còn hai trường tư Nguyễn Trường Tộ và Long Hồ. Thi đậu vào trường trung học công lập là ước vọng lớn lao của mọi học sinh sau khi đậu xong tiểu học. Học trường công phải trả tiền trường mà tỉ số thi đậu trung học, tú tài thường cao hơn là trường tư.

Trường Tống Phước Hiệp nằm trên con đường chính chạy qua thành phố Vĩnh Long, đối diện với sở Công chánh mà dân thời đó hay gọi là sở Trường Tiền. Thoạt tiên trường gồm hai dãy lầu nằm thẳng góc nhau, tường gạch quét vôi vàng, mái ngói đỏ. Về sau, một dãy lầu nữa được xây thêm. Chung quanh trường có tường cao bao bọc. Giữa khuôn viên rộng, từ cổng chính thẳng vào là một toà nhà lớn hai tầng dùng làm phòng giáo sư, giám thị, phòng hiệu đoàn. Nhà riêng của hiệu trưởng nằm trong góc phía trước khuôn viên. Hai dãy nhà để xe đạp chạy dài theo bờ tường. Ngay cổng ra vào là phòng trực nhỏ của bác gác-dan, một cái trống to để nằm trên giá trước phòng. Cạnh lối đi từ cổng vào là sân bóng rổ. Rải rác trong sân trường, vài cây me keo cổ thụ rợp bóng mát. Một hàng cây điệp hoa vàng trông dài



Trường

Tôi

Nguyễn
Thi

theo lối đi. Giữa sân trường là cột cờ, nơi mỗi lớp thay phiên nhau giữ việc thượng kỳ, hát quốc ca vào mỗi sáng thứ hai. Chúng tôi đi học mặc đồng phục và đeo phù hiệu. Nam sinh: sơ mi trắng, quần xanh; nữ sinh: áo dài trắng, ngày lễ: áo dài xanh.

Trước kia, trường trung học của tỉnh Vĩnh Long mang tên Nguyễn Thông và nằm ở một địa điểm khác. Trước mặt trường này là Thánh thất Cao Đài, cách một con lộ nhỏ bên trái là chủng viện Công giáo; bên phải là miếu Cây da Cửa hữu. Địa điểm này về sau dành cho các lớp đệ thất, đệ lục.

Nguyễn Thông là tên của vị Đốc học Hàn lâm Thị giảng Học sĩ, sau thăng Bộ chính. Ông sáng tác nhiều thi văn và góp phần trong việc khảo duyệt bộ *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục*. Ông cũng theo Trương Định kháng chiến chống Pháp. Nếu tôi nhớ không lầm, cuối năm 1956, trường Nguyễn Thông đổi tên thành Tổng Phước Hiệp. Đây là tên một vị công thần triều Nguyễn, lưu thủ dinh Long Hồ. Khi chúa Nguyễn Phúc Thuần cùng cháu là Nguyễn Phúc Ánh bị chúa Trịnh đánh lấy Phú Xuân và Tây Sơn Nguyễn Nhạc đánh lấy Quảng Nam phải bỏ chạy vào Gia Định, Tổng Phước Hiệp đem quân Long Hồ ra đánh lấy lại được ba phủ Bình Thuận, Diên Khánh và Bình Khánh.

Khi trường đổi tên và có trụ sở rộng rãi, Tết đó chúng tôi được ăn một bữa tiệc tất niên linh đình với heo quay, xôi vò, tổ chức trong sân trường mới. Chúng tôi ngồi quây quần trên sân cỏ trong buổi chiều xuân mát mẻ, vừa ăn vừa xem văn nghệ với sự đóng góp của các lớp. Thuở đó mùa xuân thực sự đến với chúng tôi qua những sinh hoạt bận rộn đón Tết: tổ chức tiệc tất niên trong lớp, làm báo xuân,... Những truyện, những thơ xuân được viết bằng cả sự rung cảm chân thành của những trái tim non dại. Mùa xuân qua, mùa hè đến... Tiếng trống trường giục giã chúng tôi mỗi sáng, mỗi trưa...

Năm đó bắt đầu có một số giáo

sư trẻ người Bắc vừa tốt nghiệp sư phạm được bổ về tỉnh. Lần đầu tiên chúng tôi nghe tiếng Bắc thấy thật lạ tai và tức cười. Thầy dạy môn sử là một giáo sư Bắc. Giờ đầu tiên, thầy giảng về các thời kỳ phát triển của con người, từ thời kỳ đồ đá đến. Người Bắc phát âm phân biệt rõ ràng dấu hỏi, ngã nên khi nói đến “đồ đá đến”, thầy bỏ dấu ngã có hơi lên giọng như dấu sắc khiến chúng tôi nghe mà không nín được cười. Thầy hỏi lý do, không ai trả lời được nhưng vẫn tiếp tục cười mỗi khi nghe thầy nói chữ “đến” khiến thầy giận dữ, bỏ lớp lên văn phòng.

Giáo sư Hán văn, năm đó chắc phải ngoài 60 tuổi, đeo kính rất dày, thường la mắng chúng tôi, lũ học trò “vô nghi” của thầy, vì chệnh mảng bài vở, có mấy câu chữ Hán mà viết không thuộc, hiểu không thông. Nhưng chắc thầy sẽ vui lòng biết bao nếu biết được ít nhất một học trò của thầy, mấy chục năm sau vẫn nhớ một câu mà thầy đã giảng: “Học như nghịch thủy hành chu, bất tiến tức thoái”.

Tất cả các thầy cô của chúng tôi, vị nào cũng tận tụy. Cô dạy gia chánh nữ công diệu dàng, thân ái như một người mẹ hiền, lúc nào cũng trang nhã trong chiếc áo dài lụa trắng. Cô dạy chúng tôi từng đường kim mũi chỉ, nhắc nhở chúng tôi trau dồi công dung ngôn hạnh. Cũng có nhiều lần chúng tôi bị rầy la, bị phạt cấm túc ngày chủ nhật vì tội phá phách, quên làm bài, ăn quà, xả rác, làm ồn,... Chúng tôi đan những chiếc giỏ nhỏ thông xuống mua đậu phộng, hạt sen, cóc, ổi mang vào lớp ăn. Có lần cả lớp bị phạt về tội ăn quà.

Bên hông trường, từ cửa sổ lớp nhìn ra là một hàng cây thân thẳng như cây sao, trái to dài, vỏ cứng dày, khô nở thành năm mảnh, khi rơi xuống thường quay tít trong gió như chong chóng. Hàng cây này thay lá mỗi mùa xuân. Những búp lá xanh non được ánh ban mai nhuộm vàng, rực rỡ như muôn ngàn cánh hoa mai rung rung trong gió sớm.

Những ngày nghỉ lễ, chúng tôi rủ nhau năm bảy đứa đạp xe về các

vùng quê lân cận. Từ cầu Thiềng Đức thẳng xuống khoảng mười phút đạp xe là tới bắc Cổ Chiên. Chúng tôi thích đi con đường này có khi chỉ để ngắm những ruộng mạ hai bên đường. Mỗi cơn gió thổi qua, ruộng mạ nhấp nhô như những đợt sóng xanh rờn đuổi nhau bất tận. Có khi chúng tôi đến bắc Cổ Chiên để đứng nhìn chiếc bắc già nua đi về không mệt mỏi trên dòng sông hiền hoà. Từ cầu Thiềng Đức quẹo phải là con đường đất trải sỏi dẫn về các làng Long Thanh, Long Mỹ nằm dọc theo sông Long Hồ, vườn tược, cây trái sum sê. Từ cầu Lộ đi lên là Cái Cam, Cái Cồn, chỗ nào cũng là vườn cây trái. Từ bến đò chợ Vĩnh Long qua bên kia sông Cổ Chiên là cù lao An Thành đất đai màu mỡ với những vườn ổi xá lị, cam, quýt, mận, xoài, cây nào cũng sai oằn những trái. Từ cầu Lầu thẳng xuống độ hơn một cây số là Văn Thánh miếu. Nơi đây phong cảnh u nhàn, miếu thờ vẫn giữ vẻ cổ kính dù được trùng tu nhiều lần. Đây là nơi thờ phượng các bậc tiền nhân, do Khâm sai Kinh lược đại thần Phan Thanh Giản cho xây cất vào khoảng cuối năm 1865. Văn Thánh miếu và miếu Quốc Công, cũng là nơi thờ phượng các vị công thần, thường được du khách viếng thăm.

Vùng ngoại ô thành phố chỗ nào cũng là đồng ruộng phì nhiêu, vườn cây bát ngát, ghi lại công lao khai phá, bồi đắp của bao nhiêu thế hệ.

Những lần đi dự lễ khánh thành khu trù mật, chúng tôi tập hợp tại trường từ lúc một, hai giờ khuya để được xe đò đưa đến những vùng quê xa lạ. Những chuyến xe đêm đó thật thú vị. Gió đêm lồng lộng, trên trời ngàn sao lấp lánh. Hai bên đường những thửa ruộng ngập nước loang loáng ánh trăng. Xa xa là làng mạc đang yên ngủ, thỉnh thoảng vài ánh đèn le lói. Khung cảnh thật êm ả, thanh bình.

Nhưng những xáo trộn của thời cuộc đã len dần vào lớp học. Thỉnh thoảng có một bạn trong lớp hoặc trong trường tự nhiên biệt dạng, hoặc bị công an bắt giữ để điều tra vì hoạt

động cho Việt cộng hoặc đã trốn vào bưng. Bầu không khí an ổn, thanh bình mất dần, thay vào đó là những lo âu, căng thẳng.

Sau bảy năm trung học, chúng tôi như một bầy chim vừa đủ lông đủ cánh, rời tổ bay đi tứ phương. Người tiếp tục lên đại học, kẻ đi làm hoặc lập gia đình. Ít khi tôi có dịp về thăm trường cũ, nhưng vẫn luôn nhớ tới và nghĩ rằng ngôi trường sẽ mãi mãi còn đó để tôi có thể về thăm bất cứ lúc nào.

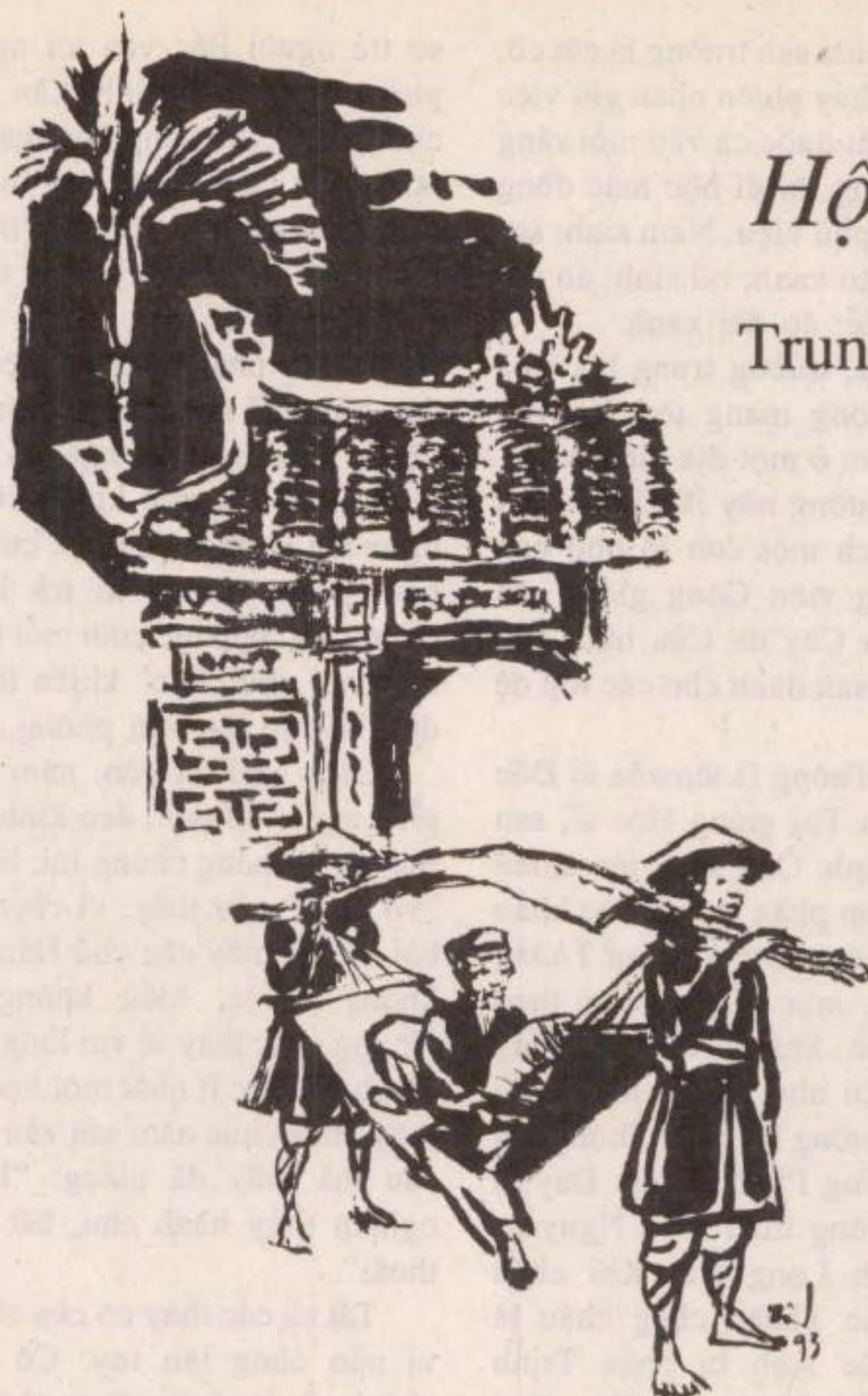
Rồi biến cố 1975 như một cơn bão lớn, chúng tôi như những con chim lạc đàn bị bão thổi giạt đi bốn phương tám hướng, lưu lạc khắp địa cầu. Tôi chỉ còn thỉnh thoảng gặp lại bạn cũ, trường xưa trong những giấc chiêm bao. Mỗi lần nằm mơ thấy lại một khung cảnh cũ nào đó ở quê hương, thức giấc tôi lại bàng hoàng, nhớ tiếc ngẩn ngơ. Tôi mơ ước được một lần nhìn lại mái trường thân yêu trong cái tĩnh lặng miền tây êm đềm đó. Tôi thêm đi lại những con đường chúng tôi đã đi, ngồi sau khung cửa sổ lớp ngắm nhìn những áng mây chờ mùa xuân đến, rắc lên hàng cây chiếc áo nồn đầu mùa...

Sau bao năm dưới chế độ cộng sản, mọi giá trị vật chất và tinh thần đều bị băng hoại, liệu mái trường thân yêu của chúng tôi còn giữ lại được gì không? □

thua

Thân mềm
trí nhớ cong queo
Anh ngồi trên đỉnh tháp
treo cờ hàng
Em về
như kẻ bàng quan
bỏ hơi hướm lại
trong ngăn hẹn hò.

hoàng chính



Hội An

Trung Nhân

Nếu có người hỏi tôi rằng, trong tất cả các thành phố mà tôi đã đi qua, yêu thương thành phố nào nhất, tôi sẽ không ngần ngại trả lời ngay: Tôi yêu thành phố Hội An.

Tất cả các thành phố miền Trung đều nằm trên trục lộ giao thông xuyên Việt, quốc lộ số một. Chỉ riêng có Hội An là ngoại lệ, bởi thành phố này được lập trước khi có quốc lộ. Từ Đà Nẵng xuôi nam, đến Vĩnh Điện, rẽ tay trái, đến một làng chuyên nghề nung vôi, khói trắng tỏa làm cay mắt du khách là sắp đến Hội An.

Thành phố này được lập từ thời chúa Nguyễn, do một nhóm người Tàu Thiên Địa hội, lưu lạc đến. Cứ nhìn xem cách xây cất chùa chiền và nhà ở là đủ biết thời xưa, nhóm Minh hương đông hơn người bản xứ. Minh hương là tiếng dùng để chỉ những

người Tàu, thần tử nhà Minh, trốn lánh nhà Thanh chạy sang nước ta.

Thổ sản của Quảng Nam là tiêu, quế, cau, từ các quận Tiên Phước, Quế Sơn, Đại Lộc được chở về Hội An bằng đường thủy của sông Thu Bồn. Thời trước 1945, nơi bến sông Hội An, ghe đậu liên nhau. Sau này phương tiện giao thông đường bộ phát triển và hải cảng Đà Nẵng khai mở, bến sông không còn tấp nập như trước, và thành phố được gọi là Phố Hiến.

Thời Pháp thuộc, Hội An có tên là Faifoo, do người Pháp đặt ra. Giai thoại về tên này như sau: Khi người Pháp mới đến Quảng Nam, hỏi dân địa phương "Phải phố không?", dân gật đầu, họ bèn lấy hai chữ "Phải phố" viết ra tiếng Pháp là Faifoo.

Trước chiến tranh, cơ quan hành chánh tỉnh Quảng Nam đặt gần Vĩnh Điện. Trong cuộc chiến Pháp-Việt,

cơ quan hành chánh tỉnh mới được đặt ở Hội An. Tỉnh trưởng đầu tiên là ông Vĩnh, sau đến các ông Tống Quyền, Lê Khương, Võ Hữu Thu, v.v..

Trong văn thơ ta thường thích hai chữ “phố nhỏ”. Hội An hình dung đúng nghĩa hai chữ đó, từ thượng Chùa Cầu, hạ Âm Bản. Dân trong thành phố biết mặt quen tên, thân nhau như ở trong một làng quê. Thành phố chỉ có ba con đường chánh: đường Chùa Cầu, đường Nguyễn Thái Học và đường Bờ Sông. Một con đường cắt ngang hai con đường kia, chạy ra đến nhà thờ Chánh Toà là đến bãi cát trắng. Chiều chiều đi dạo phố, chưa mỗi chân đã giáp một vòng.

Chùa Cầu là một di tích rất cổ của Hội An. Chùa tọa lạc ở đầu con đường chánh dẫn vào thành phố, gồm một cái cầu ván dài độ 20 thước, mái lợp ngói cong cong, hai bên có lối dành cho người đi bộ và một ngăn cửa ba gian đóng kín, thờ phượng gương thân và bùa trấn yểm. Chưa lần nào tôi được quan sát bên trong gian thờ. Hai đầu cầu là tượng hai chú khỉ ôm quả đào và hai chú chó bằng đá. Sau này có tin đồn là một viên chức chính quyền thời Đế nhị Cộng hoà đã đúc bốn con vật khỉ và chó bằng xi-măng đem đến đánh tráo, lấy bốn con khỉ và chó thật bán cho bọn buôn đồ cổ, không hiểu thực hư ra sao!

Cũng do người địa phương kể lại, tương truyền rằng bên Nhật hay bị động đất. Người Nhật coi địa lý, tin rằng có một con cù nằm dưới biển đông mà cái đầu ở Hội An, cái đuôi bên Nhật, cho nên muốn cái đuôi cù không rọ rạc thì phải yểm cái đầu. Lời đồn không rõ ra sao, chứ chùa Cầu đúng là hình ảnh kiến trúc Nhật.

Người Tàu sống rải rác khắp Việt Nam. Nhưng về xây cất chùa của người Tàu, phải nói là chùa Quảng Triệu ở Hội An là đồ sộ và mỹ thuật nhất, kể cả chùa ở Chợ Lớn cũng không bằng. Những tảng đá vuông chạm trổ tinh vi, những viên ngói tráng men xanh, cổng sắt uốn cầu kỳ, đều được chở từ bên Tàu qua. Tên là chùa Quảng Triệu, có lẽ do hai bang Quảng Đông và Triều Châu lập ra.

Dọc theo con đường Chùa Cầu còn có chùa Phước Kiến, chùa Ngũ Ban, chùa Âm Bản, chùa Ông (thờ Quan Công), tất cả đều do người Tàu xây cất. Chùa Ông đối diện chợ Hội An, có tượng Quan Võ Đế cao khoảng mười thước, các tượng Châu Thương, Quan Bình và ngựa Xích Thố đều to lớn như thật. Chùa có nhiều con rùa sống hàng trăm năm, to bằng cái nia, đường kính mu rùa rộng khoảng một thước tây. Sau lưng chùa Ông là chùa Minh Hương, một thời được dùng làm cơ quan thị xã.

Nhà phố tại đây cất cái trời cái sụt, không có lề đường, nhưng chính bởi cái vô trật tự đó đã làm thành phố thêm duyên dáng. Đường bờ sông, phố được xây cất để buôn bán, có hình cái ống thông suốt qua đường Nguyễn Thái Học, sau này thay chủ, nhiều căn ngăn thành hai phố, mở cửa hai đường; nhiều căn vẫn giữ nguyên tình trạng cũ, một cửa mở ra bờ sông, một cửa ra đường Nguyễn Thái Học.

Bên kia sông là Cẩm Phô, sinh quán của nhà văn Nhất Linh, và còn Hến. Hến ở đây nhiều vô kể. Vỏ hến cung cấp cho cả làng Thanh Hà nung vôi, ruột hến cung cấp cho dân Hội An một món ăn độc đáo: cháo hến. Mùi cháo khai khai đáng đáng nhưng ngon khôn tả.

Những ai đã sống ở Hội An một thời gian, hẳn khó quên được tiếng guốc kéo lê trong đêm vắng, hoà với tiếng rao thánh thót: “Chè đậu ván...” Đây là một món ngọt ăn khuya đặc biệt của Hội An. Nước đường trong vàng ánh, hạt đậu, không rõ nghệ thuật nấu thế nào mà hạt trông nguyên vẹn trong chén chè, nhưng khi ngậm vào miệng thì mềm thau, tan theo nước đường.

Cao Lầu, món ăn duy nhất khắp nước chỉ Hội An mới có, bí truyền của gia đình ông Cảnh. Tương tự như hủ tiếu khô, nhân là thịt nạc, da heo chiên giòn và hành lá, nhưng bí quyết gia truyền là ở sợi mì được chế biến bằng bột gạo pha nước tro. Ai từng ăn qua Cao Lầu đều công nhận là ngon hơn hủ tiếu Tàu.

Trước trường trung học có quán

nước dừa của ông Năm Lang cũng độc đáo. Chặt một trái dừa tươi rót đầy một ly lớn, quay nhẹ trái dừa nằm ngang và bỏ một dao làm đôi, nạo ruột non bỏ vào ly pha tí muối rang, ngon tuyệt!

Người Việt chúng ta thường chê cà phê các chú, có người mỉa mai là cà phê đĩa, nhưng ở Hội An, chú Tiêu lại là người bán cà phê ngon nhất. Trước kia chú mở quán ở đường Nguyễn Thái Học, sau dời ra bến xe. Có lần bạn tôi hỏi chú rằng: “Có người đồn chú pha cà phê ngon nhờ bởi cho thêm hạt cau già, đúng không?” Chú cười hề hề, trả lời: “Ngộ pha cà phê bằng nước mắm nhĩ!”

Rau sống của chợ Hội An được pha trộn nhiều màu sắc, nhiều thanh vị. Rau đắng, rau quế, tía tô, ngò, cả rau muống chẻ mỏng ngâm nước cong lại như những búp hoa trộn đều. Có lẽ không đâu có bán một thứ rau sống công phu như ở Hội An.

Hội An còn có một loại trái cây đem đến từ quận Đại Lộc: trái bòn bon. Tương truyền khi vua Gia Long bôn đảo, lúc đói đã ăn trái cây này. Nhà vua lấy móng tay bấm thử nên sau này trái bòn bon có dấu tay. Khi đến mùa trái chín, phải đem ra Huế dâng vua trước, sau đó mới bán ra cho dân. Sau này có người đem giống vào Lái Thiêu trồng, nhưng không ngọt bằng ở bản thổ.

Nhân vật nổi tiếng của Hội An có cụ Phan Quang Đán. Cụ sinh tại Hội An nhưng xa quê hương. Em ruột của cụ mở được phòng duy nhất ở Hội An. Người giàu nhất thành phố là gia đình nghệ sĩ La Thoại Tân. Cái tên nghe có vẻ lai Tàu. La Thoại Tân tên thật là Nguyễn Tân, lấy hai chữ La Thoại ghép với tên mình mà thành, bởi người nghệ sĩ này khó quên được một bóng hồng tên là La Thoại Hoa. Về âm nhạc, La Hối, một người Việt gốc Hoa ở Hội An, là tác giả bài hát nổi tiếng *Xuân và tuổi trẻ*. Tiếc rằng ông ta qua đời từ khi còn rất trẻ.

Hội An, ai đã sống ở đó một thời gian, sau này dù có trôi giạt đến phương trời nào, cũng khó mà quên được cái thành phố nhỏ bé, hiền hoà, chứa chan tình lân tuất ấy... □

Thửa Đất Khô Cằn

Nguyễn Văn Thông



Trong ngày nhập học đầu tiên của thằng Thu, lớp có hai chục học sinh mà có đến gần một chục đứa tới nói về nó: “Thầy ơi nhìn bạn mới dữ quá!”, “Bạn Thu nói gì thầy có hiểu không?”, “Bạn đó mấy tuổi rồi thầy?” Những câu ấy dù sao cũng ở trong hình thức lịch sự, không đến nỗi phê bình chỉ trích. Thế nhưng những ánh nhìn của đa số học sinh trong lớp đối với thằng Thu vẫn có vẻ e dè. Chúng còn thì thầm gì đó với nhau sau những cái nhìn đó.

Thằng Thu mặc một chiếc áo thun cụt tay màu đen, để phát phơ quanh chiếc quần vải sợi ni-lông đen bóng. Da nó đen sạm, cánh tay, cần cổ chỗ nào cũng sần sùi những mụn nhỏ, nhất là ở trên mặt. Da mặt nó đã đen lại thêm cặp lông mày vừa rậm vừa to mọc gần giao nhau dưới cái trán ngắn lấm tấm mụn, nhô ra làm hai con mắt thêm sâu. Tóc nó chỉ chít những sợi to đen thui, may một cái là chúng nằm đều với nhau thành những lượn sóng trên đầu nó. Nhưng

tóc nó rậm quá, giống như một cái tổ mối to đùn lên.

Hình dáng Thu lù lù giữa đám bạn cùng lớp. Đã vậy cái đầu nó lúc nào cũng hơi cúi, mắt nhìn lừ lừ dưới cặp lông mày đã rậm còn nheo lại. Nó đi đến đâu là đám bạn giạt ra đến đó giống như con bò mộng đuổi giạt đám người vừa hiếu kỳ vừa sợ sệt vây quanh.

Ừ, tôi thấy thằng Thu có dáng dấp của một con bò mộng. Nó không cao hơn đám bạn nhưng dưới lớp quần áo, những bắp thịt ngực, cánh tay, bắp chân nổi cuồn cuộn. Da nó đen càng làm tôi nhớ đến con bò mộng trong phim hoạt họa của Walt Disney: Cả mình nó đen thui, vai u lên khỏi đầu, lòi ra hai cái sừng nhọn hoắt, hai con mắt đỏ lừ như hai cục than hồng, hai lỗ mũi xì ra khói trắng như hai ống khói. Nó lao đi giống một tảng đá đen lao đi trong cơn lốc.

Khi thằng Thu đến ghi danh học, văn phòng gọi tôi xuống. Cả ông hiệu trưởng và bà thư ký to lớn nhìn nó chằm chặp, lặp đi lặp lại câu hỏi: “Nó mấy tuổi?” Nó 10 tuổi, học lớp 4. Học lớp mấy thì học, không thành vấn đề, ở Mỹ người ta xếp lớp theo tuổi, nhưng người ta không thể tin cỡ nó mà mới có mười tuổi. Người ta xem đi xem lại hết giấy tờ này đến giấy tờ khác và nhìn nó từ đầu đến chân. Mũi trên nó còn lún phún những sợi lông đen. Tội nghiệp thằng bé, đứng yên như con chiên đứng trước hàng thịt, giữa những tiếng xì là xì lồ ù ù bên tai.

Tôi chào người bà con của thằng Thu rồi cầm lấy tay nó:

- Chắc em mới tới Mỹ? Em ở đảo hay ở trại nào tới?

Nó ngược nhìn tôi với ánh mắt lừ lừ:

- Ở cọng nớ!

Không biết vì cái giọng ò ề vỡ ra của thằng Thu làm tôi giật mình không hiểu hay vì nó nói không rõ, làm tôi phải hỏi lại. Người bà con của nó vội đỡ lời:

- Dạ ở Hồng Kông thầy!

“Ồ Hồng Kông!”, nơi tôi được biết qua những tin tranh đấu chống thanh lọc tị nạn, những cuộc biểu tình, tuyệt thực, mổ bụng, đàn áp, nửa đêm cảnh sát lùa lên xe, quăng vào máy bay tống khứ về xã hội chủ nghĩa Việt Nam.... Vừa nhìn vào giấy tờ vừa hỏi chuyện, tôi biết thêm thằng Thu quê ở Huế. Thảo nào giọng nó nặng chình chịch. “Ồ cộng nó” chắc là “Ồ Hồng Kông đó”!

Khi nó theo tôi lên mấy cầu thang bằng những bước ngượng ngập, tôi biết nó là một thứ cây bị nhổ lên, trải qua nhiều cơn bão táp rồi được đem trồng ở một mảnh đất hoàn toàn xa lạ. Những năng lực được dự trữ từ mảnh đất cũ còn lại bỗng trở nên thừa thãi. Con trâu ở ruộng đồng Việt Nam được cưng quý biết bao nhiêu thì chắc nó sẽ rơi nước mắt buồn rầu khi người ta lùa nó sang đây, cho nó vào chuồng xây xi-măng và song sắt.

- Ở Việt Nam em học trường nào?

-

- Em học tính chia chưa?

Vẫn là tiếng trả lời cộc lốc và òm òm như lệnh vỡ. Tôi chỉ có thể đoán ý và cứ đặt câu hỏi loanh quanh xem may ra ý này có soi sáng được ý kia không!

Tôi thử đặt mình vào tâm trạng thằng Thu xem ngày xưa vào tuổi nó, mình có bao giờ ở vào trường hợp như thế không.

À, hồi xưa, gần bốn chục năm về trước, hồi mới di cư từ Bắc vào Nam, một số họ hàng làng xóm của bố mẹ tôi tới lập một làng nhỏ ở một ven rừng hẻo lánh. Bọn trẻ con chúng tôi sau khi học xong hai lớp trường làng, lên được lớp ba là phải ra quận lỵ đi học. Lớp tôi chỉ có ba đứa từ làng ra theo học trường quận. Ba đứa bé con Bắc kỳ lạc lõng giữa khoảng bốn, năm chục đứa học sinh Nam kỳ và giữa một ngôi trường tiểu học mệnh mông lợp ngói, có ông hiệu trưởng

và các thầy cô nói toàn tiếng Nam.

Ngày học đầu tiên, tôi như con cá lòng tong lạc giữa bầy cá con, lúc nào cũng lừ đừ trôi giữa đàn mà cứ nổi bật giữa bọn chúng, không dám quậy, không dám thờ, chỉ biết đóng tai giương mắt ra quan sát. Khi tan học, đứng xếp hàng đôi ra khỏi cổng trường đi về hai ngã mà lúng túng thế nào tôi đứng sai bên, đi mãi qua chợ mới dám đứng lại chờ tan hàng để quay lại tới chỗ gọi xe đạp. Trên đường về, hì hục đạp xe băng qua những cánh đồng, những rừng cao su, tôi mới thấy mình được thở hít cái không khí tự do đầy ắp hai buồng phổi.

Nhưng ngày trước tôi còn may mắn lắm, tôi vẫn hiểu được cô giáo tôi giảng dạy, vẫn có đám bạn hiền lành nói tiếng Việt miền Nam du dương như ca vọng cổ. Còn thằng Thu ở đây, như cầm như diếc, đến từ nửa vòng trái đất, từ một miền văn hoá xa lạ, bị coi là “đang phát triển” nếu không bị cho là mọi rợ. Ngay cả đám học sinh Việt cũ cũng thấy có vẻ gì cách biệt. Khi tôi hỏi chuyện thằng Thu, những đứa trẻ Việt vây quanh nhìn nhau, tỏ vẻ không hiểu nó nói gì. Có đứa hỏi:

- Thưa thầy, bạn Thu nói tiếng gì vậy thầy?

Tôi muốn phì cười:

- Bạn Thu người Việt thì nói tiếng Việt chứ nói tiếng gì!

Đứa khác lên tiếng:

- Thầy giỏi quá, thầy hiểu được mà sao con không hiểu!

Một đứa khác giải thích:

- Tại thầy người Bắc nên thầy hiểu, còn mình người Việt nên không hiểu...

Tôi mỉm cười nghĩ thầm, mình vừa nghe vừa đoán chữ giọng thằng Thu mình chỉ lồm bồm bắt được vài chữ. Muốn hiểu nó thì phải thương nó, làm bạn với nó.

Tôi dẫn Thu sang lớp ông thầy Mỹ dạy ESL (dạy tiếng Anh cho người ngoại quốc) để giới thiệu. Sau câu thứ nhất hỏi tên, câu thứ hai vẫn là hỏi tuổi với cái vẻ nghi ngờ ứ đầy trên khuôn mặt ông. Ánh mắt của ông khiến tôi phải nhìn lại thằng

Thu. Nó đang nhìn ông với cặp mắt lừ lừ. Bây giờ tôi mới thấy rõ những sợi lông mày to đen của nó mọc xanh đan chéo nhau cả phía trên sống mũi. Tội nghiệp! Chỉ có người nông dân mới thấy được vẻ sợ sệt đáng thương của con trâu trong ánh mắt lừ lừ của nó, còn người lạ chỉ nhìn ra vẻ dữ dằn đe dọa của nó mà thôi! Thằng Thu vừa quay đi, ông ta hạ giọng ghé vào tai tôi:

- *He looks so streetwise!* (Nhìn nó du côn quá!)

“*Streetwise*” là tiếng lạ đối với tôi, nhưng tôi hiểu ngay ý ông muốn nói. Nó có nghĩa là đầu đường xó chợ, là đá cá lăn dưa, là du côn du đảng, là dân bờ dân bụi. Chắc ông ta không có ý nặng như khi ta diễn nghĩa cho đến nơi đến chốn như thế, chắc ông chỉ có chừng nửa ý như thế mà thôi. Vậy có lẽ dưới mắt ông, thằng Thu thuộc loại trẻ “đầu đường”.

Tôi là thầy giáo song ngữ, dạy toán, khoa học, vệ sinh thường thức và tiếng Việt cho học sinh lớp của tôi. Ông thầy Mỹ dạy ESL song đôi với tôi và những môn Anh văn: tập đọc, tập viết, xã hội... Chúng tôi đối lớp xen kẽ. Hàng tuần, các em còn có những giờ học chung ít phải sử dụng đến Anh ngữ với các học sinh Mỹ như âm nhạc, thủ công, thể dục... Mục đích của chương trình song ngữ là tiếp tục mức độ phát triển khả năng của các em học sinh chưa giỏi tiếng Anh trong thời gian khoảng ba năm, cho tới khi kiến thức Anh ngữ của em có thể đủ để theo học lớp bình thường.

Về phương diện tâm lý, chương trình song ngữ tạo một bầu không khí an lành văn hoá, nơi đó các em không phải học hành trong căng thẳng, âu lo, cùng lúc những tập tục, những kiểu cách văn hoá của dân tộc được kính trọng, được học hỏi. Nơi đó cũng có những gương mẫu là chính các thầy cô song ngữ, sống và hành động với những di sản dân tộc. Các em học sinh không phải mang những mặc cảm sai lầm che dấu căn tính dân tộc của mình đến nỗi đi đến vong bản. Mà hề vong bản thì sẽ dễ vong thân.

Sau khi xếp chỗ cho thằng Thu, phát sách, bút, vở cho nó, nó mang trả lại vở và bút vì nó đã lôi một cuốn vở mới từ trong túi xách và một cây bút bấm gài nơi ngực áo. Nó vuốt đi vuốt lại từng trang sách và cúi gầm trên ấy. Tôi nói:

- Thu, ngồi thẳng nhìn xa ra để khỏi gù lưng, khỏi hư mắt.

Nó quay về phía tôi, nheo mắt lừ lừ:

- Dạ con không thấy!

À thảo nào! Thằng bé cận thị nên mắt nó nhìn cứ phải lừ lừ. Tôi vội chạy sang bên lớp ESL nói với ông thầy về điều khám phá mới này. Tôi ít khi vội vàng hấp tấp, nhiều khi còn bị tiếng là chậm chạp nữa, nhưng điều này thì nhất định tôi phải vội vàng. Những ấn tượng đầu tiên gây nên trong trí óc người ta thường khó phai như những nét chữ viết trên trang giấy trắng, tôi phải điều chỉnh ngay.

- Joe! Ông biết tại sao thằng Thu có cái nhìn lừ lừ như thế không. Nó cận thị đó!

Ông ta ngửa mặt lên "ờ" một tiếng. Tôi nói tiếp:

- Để tôi gọi bảo ba má nó cho nó đi khám mắt. Nó mới từ trại tị nạn tới được hai tuần.

- Vậy hả?

Tôi cố gây những mầm thiện cảm về thằng Thu nơi ông thầy Mỹ này. Ông ta không xấu bụng, ông ta vui vẻ, ăn to nói lớn. Ông còn là chủ tịch nghiệp đoàn giáo chức của thành phố này, lớn lắm! Ông cũng thích một cách đặc biệt đưa học sinh này, đưa học sinh khác vì chúng nói giỏi tiếng Anh, vì chúng có thể chơi đùa với ông... Nhưng cũng như một người Mỹ tiêu biểu, ông tự tin, tin nơi nhận xét của ông, suy luận đơn giản, theo những quy luật có sẵn nào đó, cứ như thế, như thế thì kết luận phải như vậy, chẳng cần ưu tư nhiều. Ông không muốn đi học thêm các khoá về văn hoá và ngôn ngữ, bởi lẽ ông nói ông đã có 20 năm kinh nghiệm dạy học rồi, ông là *grandfather* (ông nội) trong nghề giáo, quá thâm niên nên không cần học bổ túc.

Sự cố gắng của tôi được trả lời ở

tiết học tiếp theo khi thằng Thu sang học giờ ESL đầu tiên. Ông Torran (Joe) bước cồm cộp ngoài hành lang gỗ về phía lớp tôi như một cơn gió:

- Trời ơi! Thằng Thu thách thức quá! Tôi nói cái gì nó cũng "No". Bảo ngồi xuống cũng "No", nhắc lại cũng "No"...

Tôi nhỏ nhẹ:

- Để tôi xem sao. Tôi nghĩ nó không hiểu gì hết nên trả lời "No". Bên lớp tôi nói ngồi học ngoan lắm.

Bước vào lớp ESL, tôi thấy thằng Thu ngồi cúi gầm mặt xuống bàn, hai vai u gồ lên khỏi đầu, hỏi gì nó cũng không nói. Tôi dặn một học sinh Việt ngồi cạnh cất giọng mọi điều thầy bảo cho Thu hiểu. Tôi trở về lớp mà lòng không yên. Chắc bố mẹ thằng Thu đang lo lắng không biết nó vào trường học hành thế nào. Nếu gặp tôi, thế nào bố mẹ nó cũng nói một câu quen thuộc nhưng rất tha thiết trong lúc này: "Trăm sự chúng tôi xin nhờ thầy!" Chắc hồi xưa bố mẹ tôi cũng âu lo khi dẫn tôi đi học, cũng nói cùng câu ấy khi giao tôi cho thầy cô.

Lúc thằng Thu trở lại lớp, tôi hỏi nó về chuyện ông thầy ESL tố cáo. Nó vẫn lặng thinh, cúi gầm đầu. Tôi bảo:

- Thôi, lúc nào Thu muốn nói với thầy thì nói, không muốn nói cũng được. Thầy chỉ muốn biết để bênh giùm cho. Thầy biết chắc tại Mr. Torrane chưa hiểu Thu và Thu không biết tiếng Anh nên hiểu lầm vậy thôi... Cần nhất giữ kỷ luật, ngoan thì thế nào thầy cũng bênh được, nếu phá phách, người ta sẽ không tin mình nữa đâu...

Những ngày sau đó Thu làm bài rất chu đáo. Nó viết đẹp, sạch sẽ, làm hết bài tập tôi cho riêng để dần dần đuổi kịp chúng bạn. Trong lớp nó cảm cúi học, chỉ thỉnh thoảng mới ồ ề lên vài tiếng, nhe ra hàm răng trắng tương phản với da mặt vừa đen vừa sần sùi của nó. Giờ ra chơi, những học sinh cũ tranh nhau rủ nó. Hết giờ chơi, nó bước vào lớp mồ hôi lấm tấm trên mặt, trên áo, nhưng tươi tỉnh.

Cách được vài hôm, bọn trẻ cho

biết thằng Thu đánh nhau với mấy đứa học trò Mỹ.

- Chúng con đang ném banh thì mấy thằng Mỹ tới cướp mất!

- Tại sao không nói với mấy thầy cô coi giờ chơi?

Chúng nó nhăn nhó:

- Con không muốn nói, thầy. Nói mấy thầy cô cũng không xử...

- Vì sao bạn Thu đánh nhau với mấy bạn Mỹ?

- Thưa thầy, bạn thu đang đứng chơi ném banh thì thằng đó nó chọi banh vào mặt bạn Thu.

- Biết đâu nó lỡ tay thì sao?

- Không phải *by accident* (lỡ) đâu thầy. Nó chọi *on purpose* (cố ý) đó. Thằng đó nó chọi hai ba lần vô mặt bạn Thu.

Tôi quay sang thằng Thu:

- Vậy Thu đánh nó ra sao?

- Con đấm nó rồi con chạy.

- Đấm nó vô đâu? Có sao không?

- Con đấm nó vô bụng.

- Ai đánh người ta trước thường là có lỗi. Lần sau...

Tôi vừa nói những lời khuôn phép nhưng biết rằng mình phải hy sinh giờ nghỉ để ra canh chừng trong giờ chơi thì mới tránh được những phiền phức. Hôm sau, ở ngoài sân, mấy đứa học sinh Mỹ lân la đến gần:

- Mr. Nguyễn, Thu mấy tuổi?

- Nó 10 tuổi.

- Thật không? Khó tin! Nó phải 14 tuổi!

- Việt Nam quê chúng tôi nghèo nên trẻ con cũng phải làm việc trong rừng hay ở ngoài đồng. Khí hậu nóng, mặt trời sáng quanh năm nên Thu nhìn đen sạm và già hơn tuổi.

- Nhìn nó kìa, người nó toàn bắp thịt...

- Đúng rồi! Nó phải làm việc nhiều nên nó có nhiều bắp thịt. Trong lớp tôi, Thu rất ngoan và chăm học.

- Nó lớn quá! Nó phải học trung học mới đúng!

Mấy đứa nhìn thằng Thu rồi nói nhỏ với nhau. Tự nhiên tôi có ý nghĩ không được tốt rằng, chúng nó thấy chỗ đứng oai dũng của chúng trong sân trường bây giờ bị lung lay bởi có thằng Thu xuất hiện.

Mọi sự êm xuôi được một tuần. Mr. Torrane tình nguyện coi giúp lũ trẻ trong giờ chơi. Một lần ông cho tôi biết bà giáo Allen tố cáo rằng, khi lên cầu thang gặp thằng Thu nói chuyện, bà bảo nó im, nó chửi lại "f...k you!"

Tôi chóng mặt. Suy nghĩ đường nào thì cũng chóng mặt. Thằng Thu hư hỏng đến thế sao? Nó không nhớ là tôi đã dặn dò nó những gì và không biết là tôi đã phải bênh nó một cách khó khăn đến thế nào ư? Còn nếu không thì làm gì có nhà giáo nào táng tận lương tâm đến độ dựng lên câu chuyện tố cáo một đứa học sinh cô thân cô thể như thằng Thu?

Tôi vội vàng kéo Thu ra chỗ vắng, hỏi nó với vẻ nghiêm trọng. Nó rụt rè và lờ mờ một lúc mới hiểu ra. Nó nhận có nói chuyện khi lên lớp, có gặp một bà giáo nhưng không biết bà ấy nói gì và nó cũng không nhớ là nó đã nói gì.

- Thế con có chửi không?
- Dạ con đâu dám chửi!
- Con có biết câu chửi tiếng Mỹ nào không?
- Dạ không.
- Vậy tốt, không cần biết!

Tôi vội tìm Mr. Torrane phân trần. Ông ta nghe xong, nói một cách không sốt sắng:

- Tôi hy vọng nó đã không chửi.
- Tôi thêm:
- Theo tôi, vì thằng Thu không biết tiếng Anh và vì giọng nó ồ ề nên có thể nó nói một câu nào đó mà bà Allen nghe giống như câu chửi.

Trong bụng, tôi nhất định sẽ tìm gặp bà Allen để nói chuyện. Để bà cứ đinh ninh rằng nó chửi bà thì oan cho nó quá! Nhưng tôi chưa có thì giờ đến gặp bà thì vào giờ chơi ngày hôm sau, ống điện thoại liên hợp ở lớp kêu rề rề. Cầm lên chưa kịp nói đã nghe tiếng ông hiệu trưởng giận dữ oang oang, bảo tôi xuống văn phòng ngay lập tức.

Phóng vội xuống ba cầu thang, đẩy tung hai lần cửa xoay, vào văn phòng, tôi thấy rõ một bầu không khí khẩn cấp nghiêm trọng. Ông hiệu trưởng đứng chống nạnh, mặt đỏ gay, môi trề ra, đang nhìn bà thư ký đứng

chiều hôm, nằm trên đồi domain

*Trên đồi nắng tắt chiều hôm
Nghe mùi cỏ dại vàng, thơm đất trời.
Nguyện xưa, dù có phai lời
Con buồn úp mặt, toi bời dẫu xa
Em đi, áo khép đôi tà
Vang vang tiếng guốc buồn, qua phố chiều...*

nguyễn tư



lom khom bên bà y tá nhà trường chân đứng chân quì cạnh một đứa học sinh Mỹ trắng nước mắt nước mũi vòng quanh, tay bưng bịch đá lạnh úp lên mắt trái. Ở một ghế nơi góc phòng, thằng Thu ngồi cúi mặt, mồ hôi lấm tấm khắp mình. Vừa thấy tôi, ông hiệu trưởng chỉ thằng Thu, nói:

- Học sinh của ông kia phải không? Nó đấm đen mắt thằng này trong giờ chơi.

- Vâng, để tôi hỏi xem tại sao nó đấm thằng đó.

Quay sang thằng Thu, tôi hỏi:

- Thu, tại sao con đấm nó? Chuyện ra sao kể thầy nghe coi.

- Con đấm vào mắt nó, làm mất nó tím đen...

- Tại sao đấm nó?

- Con đang chơi banh, banh lăn về phía nó, nó giữ lấy không trả. Con tới lấy lại, nó ném banh đi, còn đá sau đít con. Con quay lại đấm ngay vô mặt nó.

Tôi quay về phía ông hiệu trưởng, kể lại. Bà thư ký và bà y tá cùng nghe và lắc đầu. Bà thư ký nói:

- Không đúng! Mr. Torrane nói ông ấy nhìn thấy thằng Thu chạy từ sân dưới lên ngang đồi lấy banh và đấm thằng Rick ngay mặt. A, Mr. Torrane đây...

Ông Torrane bước vào văn phòng với dáng vẻ oai vệ của một quan toà hơn là một nhân chứng, hay ít nhất

cũng của ông chủ tịch nghiệp đoàn giáo chức thành phố. Ông xác nhận y như lời bà thư ký vừa nói. Tôi biết chỉ có trời may ra mới làm cho những người này bớt tự tin, dám nghi ngờ chính những gì mắt họ nhìn thấy. Ở bên này chỉ có mình thầy trò tôi, mà tôi chỉ nghe thằng Thu kể lại chứ có nhìn thấy gì đâu! Tôi tự nhủ mình phải bình tĩnh kiểm tra lại cái chi tiết thằng Rick đá thằng Thu trước. Tôi xin phép ông hiệu trưởng cho tôi được hỏi chuyện thằng Rick.

- Rick, em còn đau không? Tôi mong em đỡ hơn. Thằng Thu nói nó hơi hận lắm. Bây giờ em làm ơn kể lại sự kiện xảy ra như thế nào cho chúng tôi nghe đi!

Nó bỏ bịch nước đá chườm trên mắt xuống. Trời ơi, đúng là "mắt đen", như một vệt than lớn khoanh tròn ngay dưới mắt nó, còn hờ tí da nào thì đỏ thẫm. Tác giả cú đấm này phải có một nắm tay gọn và chính xác.

- ...Tôi giữ banh của nó một chút rồi ném trả lại khi nó tới. Tôi có đá nó khi nó quay đi và nó quay lại đấm vào mắt tôi...

Cám ơn Chúa! Nỗi âu lo của tôi tan nhanh như cơn gió lửa đi đám mây mù. Tôi chẳng cần nói gì thêm. Ông hiệu trưởng và những vị kia tản ra. Ông buông câu kết luận:

- Nó không kể nó đá thằng kia khi nãy. Thảo nào!

Mr. Torrane nói:

- Tôi vừa từ hành lang ngó qua cửa sổ xuống sân và chỉ thấy lúc thăng Thu đám thằng Rick. Xin lỗi...

Thằng Rick bây giờ ngồi lơ lửng. Tôi bỗng thương nó. Trông nó mảnh khảnh trắng trẻo thế kia mà mắt bị thâm tím thế này! Tôi cũng cảm phục sự thành thực của nó. Không nhờ nó thì không biết số phận thằng Thu ra sao! Tôi nắm tay nó và bảo thằng Thu lại xin lỗi nó lần nữa. Thằng Thu không có lỗi theo nghĩa là lỗi, tiếng "sorry" lúc này chỉ có nghĩa là phàn nàn về một việc đáng tiếc đáng lẽ không nên để xảy ra.

Mọi chuyện hình như êm hơn sau sự kiện ấy, cả ở sân chơi. Thằng Thu rất chăm học, viết chữ nắn nót đẹp đẽ, giữ sách vở không cong lấy một góc. Bây giờ nó hay cười và nói chuyện với chúng bạn. Chỉ tội cho cái giọng ồ ồ của nó, nói tiếng Việt đã khó nghe, tiếng Anh còn khó hơn biết chừng nào. Nhiều lần tôi thấy nó ngồi một mình miệng nhấm đi nhấm lại những tiếng ngữ vựng. Tôi không cảm thấy vất vả dù phải chấm bài riêng cho thằng Thu. Tôi nhìn thấy nơi nó những cành lá đang vươn ra nhanh chóng làm nó bớt đi vẻ đen đui khô cằn.

Nhìn nó ngồi giữa đám học sinh, tôi thấy tất cả đều đẹp trai, xinh gái hơn nó nhiều. Có những đứa áo quần lúc nào cũng sạch sẽ thơm mát, con gái thì được chăm sóc từ cái nơ cài tóc đến sợi dây giày. Thằng Thu thì chỉ đổi đi đổi lại vài bộ quần áo đen. Mà giả như nay mai nó có khoác vào những bộ quần áo thời trang để coi hơn thì cái khuôn mặt nó, làn da đen lấm tấm mụn và nhất là cặp mắt lờ lờ ẩn đôi mày đen rậm rịt vẫn cứ tạo cho người ta cái cảm nghĩ dữ tợn đe dọa của nó.

Tôi nhớ khi còn bé, chỉ cần gặp người lạ một lần là tôi có thể xếp họ vào vòng thiện cảm hay ác cảm của tôi rồi. Có những em bé nhìn dễ thương quá, dễ thương đến độ chỉ muốn chỉ cho nó khóc để mình... thương nó hơn. Nhưng cũng có những đứa chỉ bộ mặt, tiếng nói của nó thôi cũng đủ làm tôi ghét cay ghét

đắng. Lớn lên, cái "trục giác" ấy của tôi bớt đi dần nhưng không phải là mất hẳn. Tôi đã có những người bạn tốt rất xấu trai, nhưng vẫn không thể quên được những khuôn mặt có nét này, giọng nói có vẻ kia đã làm tôi phải ghi vào "sổ đen" trên đường đời.

Cặp lông mày của thằng Thu không phải là thứ tôi chưa từng có ấn tượng trong quá khứ. Nhìn nó, tôi liên tưởng ngay đến những nhân vật đầu trộm đuôi cướp trong phim *Oliver Twist* (Đứa trẻ mồ côi), *Treasured Island* (Kho tàng trên hoang đảo), và phim đạo *Maria Goretti*. Người đạo diễn các phim ấy đã chọn những khuôn mặt có nét đúng như tôi đã nghiệm thấy trong cuộc đời. Khi mà đã có những nhà làm phim nổi tiếng đồng cảm với mình ở những nét này nét kia thì phải biết tôi càng yên trí về những ấn tượng của tôi đến bậc nào!

Thế nhưng cũng chính cuộc đời đã chỉ cho tôi những sai lầm. Mà ở địa vị một nhà giáo thì tôi không được sai lầm ở chỗ gán sẵn cho học sinh của mình là thế này hay thế nọ. Thằng Thu đó, một thửa đất khô cằn vì thiếu nước, thiếu chăm sóc chứ không phải đất thiếu màu mỡ. Nó đang nảy ra những nụ những cành đó.

Được gần hai tháng, thằng Thu đã bắt kịp các bạn ở môn toán. Nhiều chữ khoa học và vệ sinh nó cũng đã quen dần, mặc dù phát âm còn sai bét. Mỗi lần như thế nó lại nhe răng cười rồi lẩm nhẩm trong miệng cách đọc một cách chăm chú. Một ngày nọ, ông Torrane nói với tôi đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Trước khi chấm dứt, ông mới nhắc tới thằng Thu. Ông chỉ gòn gòn một câu: "Thu là một đứa học sinh tốt".

Câu ấy là phần thưởng cho thằng Thu hay cho tôi nhỉ? Tôi chỉ biết là tôi vui chẳng kém gì nó khi nó được nghe tôi kể lại. Tôi đã kể những âu lo về thằng Thu cho vợ tôi từ lâu nay mà chưa có một kết thúc đẹp thì hôm nay cả chúng tôi cùng vui. Hôm ấy nhờ có kết quả đẹp của thằng Thu mà bữa cơm tối của chúng tôi trở nên

nhộn nhịp.

Chỉ vài bữa sau, một buổi sáng vào lớp, một đứa học sinh đã lên mách:

- Bạn Thu sắp *move* (dọn nhà đi) rồi thầy!

Tôi giật mình hỏi lại. Nó bảo thằng Thu nói thế. Tôi gọi thằng Thu, hỏi:

- Nhà Thu sắp dọn đi à?

- Dạ.

- Đi đâu? Đi xa hay đi gần?

- Dạ, đi xa, đi...

Tôi ngẫm nghĩ:

- Thế ba má thuê nhà chưa?

- Dạ thuê nhà rồi.

Thôi, như thế là chắc chắn dọn đi rồi. Tôi vót vát:

- Tại sao ba má dọn đi, Thu?

- Dạ ba má nói ở đây không kiếm được việc làm.

- Nhưng nhà con mới đến Mỹ, ba má con đâu cần đi làm sớm?

- Con không biết... Ba má muốn làm tiền mặt.

À, ra như thế! Việc kiếm tiền bao giờ cũng giữ phần chủ chốt trong mọi quyết định của gia đình. Nhưng tôi thấy tiếc cho thằng Thu. Nó vừa mới bén được chút rễ ở đây đã phải bị bứng đi nơi khác. Ở thành phố nó sắp đến không có chương trình song ngữ. Nó sẽ lại ngỡ ngác, lại bị hiểu lầm, bị gán ghép cho đủ mọi thứ dữ dằn. Bầu không khí học hỏi sẽ trở lại bất an, nao núng mà ai dám bảo đảm rằng không vì thế mà tâm trí nó không trở lại khô cằn?

Ngày học cuối của thằng Thu, nó vẫn ngồi cặm cúi học như mọi khi, nhưng cứ chốc chốc vẫn phòng lại gọi. Tôi đi với nó lên xuống những cầu thang mà liên tưởng đến cuộc đời của thằng Thu cũng lên xuống như thế, duy không biết lên nhiều hay xuống nhiều! Tôi chỉ nhìn thấy những bước chân cuối cùng của nó, sau khi chào từ giã tôi cùng các bạn, cũng nặng nề ngập ngừng như những bước ngày đầu tiên nó vào lớp. Hai vai u lên và cái đầu cúi xuống của nó làm tôi lại nghĩ đến hình dáng con trâu cày Việt Nam. Nó phải bỏ đồng cỏ này ra đi với hy vọng rất mong manh tìm thấy một đồng cỏ mới. □

Hoài Mộ Ký Thân Nguyễn Hải Hàm và Những Anh Em Quốc Dân Đảng ở Côn Đảo

An Khê

Kính tặng GS Đặng Nhâm, GS Vũ Ký, cựu Trung úy PB Lê Thanh Hằng, ông Lê Hiền Quân, ông Hà Thúc Ký và tất cả các đảng viên Quốc Dân Đảng Việt Nam.

Vào khoảng tháng 5.92, tôi từ Paris trở về nhà, một thị trấn nhỏ thuộc miền Nam nước Pháp, thì nhận thấy trên bàn có quyển hồi ký *Yên Bái, những ngày lịch sử* của tác giả Ký Thân Nguyễn Hải Hàm, do cơ sở Dân Văn gởi tặng. Mặc dầu bận rộn nhiều việc, tôi cũng để thời giờ đọc say sưa quyển hồi ký. Tôi thầm cảm ơn anh Ký Thân nhắc lại cho tôi nhớ những điều mà gần 50 năm qua, tôi đã quên đi ít nhiều. Tôi cảm ơn cơ sở Dân Văn gởi tặng một kho báu tinh thần vô giá.

Tôi biết anh Ký Thân hồi năm 1952 là năm chúng tôi, các can phạm quốc gia trẻ tuổi, bị đày ra Côn đảo. Côn đảo, đúng như anh Ký Thân đã viết trong hồi ký, nhất định không phải là thế giới của loài người mà là của ma quỷ, của địa ngục âm u. So với Yên Bái, Phú Thọ hay Hỏa Lò Hà Nội, cả đến Khám Lớn Sài Gòn, Sơn La, Bà Rá, v.v.. thì đây mới là địa ngục cõi chết; các chỗ kia trở thành thiên đàng. Anh Ký Thân đã nói thế. Song đến đời viên chúa đảo kiêm giám đốc khám đường Teysèrre cai trị, chế độ hà khắc còn gấp bội. Chúng tôi ở vào thời kỳ ấy. Trên là búa sắt của lũ ngục lại người Pháp đập xuống, dưới là đe doạ của bọn tù Cộng sản đội lên, khiến chúng tôi ở giữa mấy phen suýt chết!

Lúc đó tôi đã nghe tiếng anh Ký Thân và nhiều anh em Quốc Dân

Đảng khác, song không được gặp mặt vì khám đường cấm tuyệt tù ở sở này nói chuyện với tù sở khác. Hướng chỉ các anh ấy, lớn tuổi hơn tôi nhiều nên tôi xem như đàn anh, bị giam ở Bản Chế (camp des métiers) bung bít. Đối với những chánh trị phạm của ê-kíp Mathior chuyên bắn núi, đắp con đường khủng khiếp Ma Thiên Lãnh, thì Bản Chế là một cấm thành không thể bẻ mòng đến được. Tôi chỉ thân với vài anh em Quốc Dân Đảng trẻ tuổi như anh Túy, anh Đốc Châm và một vài anh nữa tôi đã quên tên. Chúng tôi biết, khi trước, các anh lớn bị đày ra Côn đảo, cũng từng xung đột với bọn tù Cộng sản như Tôn Đức Thắng, Trần Văn Giàu, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Dực, Ngô Gia Tự, v.v.. mà bọn tù Cộng sản không vật nổi nên hai bên tạm ngưng chiến tranh nóng, nguội với nhau.

Đến khi chúng tôi tới đảo thì bọn Cộng sản nhờ luôn cúi, nịnh bợ phe cai trị khám đường đã nắm giữ nhiều chức vụ có quyền trên đảo, mượn gót giày cai trị của người Pháp để giày xéo, chà đạp những người tù chính trị khác không cùng đảng với chúng. Số tù nhân quốc gia vào năm ấy đã đến hơn ba trăm, phần nhiều là trai tráng, chân ướt chân ráo bước lên đảo, bơ vơ, ngơ ngác. Bọn tù Cộng sản bèn ra tay trước, một mặt giả bộ hoà thuận với anh em Quốc Dân Đảng, một mặt giở trò khủng bố tinh thần, ma cũ ăn hiếp ma mới.

Một hôm ê-kíp Mathior (lấy theo tên gã lại ngục Pháp Mathieu) ra đến sở, chưa đến giờ làm việc vì xếp chưa đến, anh Túy và anh Đốc Châm giả tảng bán bánh cam bằng cơm nguội nhồi nhum hột mít, ngâm kéo riêng



24/93

chúng tôi ra, rỉ tai bảo:

- Máy anh phải cẩn thận kẻo bị chúng hãm hại.

Chúng tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Chúng nó là ai? Không lẽ...

- Tụi nó là tụi Cộng sản Đệ tam đấy! Các anh còn lạ gì nữa! Thành Nguyễn Thành Trung xưng là Xứ ủy Nam kỳ, thằng Trần Ngọc Danh, thằng Đào Duy Kỳ đang làm mưa làm gió ở đây. Đùng bao giờ tin tụi Cộng sản. Bề ngoài chúng nó ra vẻ tử tế nhưng bên trong là dao, là súng, là thuốc độc đấy, chớ có lơ mơ mà chết với chúng ngày nào không biết!

Khi ấy chúng tôi biết Tôn Đức Thắng đang bị biệt giam ở Bagne 3. Lê Duẩn, tay lợi hại nhứt, ngày ngày cùng với một tù phạm gánh rương thuốc đi theo bác sĩ Quảng đến các *bagne* chữa bệnh. Phạm Hùng khi đó chỉ là anh cặp-ràng ở nhà thương Âm-bu-lăng với cái án chém hương quân. Một số Cộng sản Đệ tứ như Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, v.v.. bị biệt giam ở nhà dệt trong Bagne 3. Đó cũng là cái may cho họ vì khỏi bị bọn Cộng sản Đệ tam hãm hại.

Chúng tôi hỏi lại anh đốc Châm và anh Túy:

- Các anh biết thế nào?

- Chúng tôi không biết bọn nó sẽ làm gì các anh, chỉ nghe anh ký Thân bảo chúng tôi nhấn tin thế thôi. Bọn chúng đã man lăm. Khi chúng yếu hay cần đến ai thì kêu gọi hoà hợp, hoà giải. Khi đã mạnh, chúng đâm ngay sau lưng người vừa hợp tác với chúng. Không theo chúng là thành thù ngay. Các anh cứ xem anh đốc Châm đây. Trước kia anh tranh luận quyết liệt với bọn Cộng sản Đệ tam, bị bọn chúng đẩy đến những nơi độc địa khiến anh bị sốt rét vàng da phải vào nhà thương. Ở nhà thương, thằng trợ tá Cộng sản chích thuốc cho anh suýt chết, may mà được bác sĩ cứu sống nhưng tay mặt anh bị bại xuội, tóp nhỏ dần và không cử động bình thường được. Đến ngay những người cùng chung một chủ nghĩa với bọn chúng là phe Đệ tứ, bọn Cộng sản Đệ tam vẫn sát hại chẳng nương tay. Các anh có nhớ ngày còn ở Khám Lớn Sài Gòn, bọn họ đã từng hô hào những

nào là Quốc Cộng liên minh, cùng bắt tay nhau bài Phong, đánh Thực, diệt Đế,... song kỳ thực bọn họ củng cố lực lượng, nhờ sức kẻ khác đẩy phong trào cách mạng lên cao rồi hất chân bạn, đâm sau lưng đồng chí để giành quyền lãnh đạo, cướp chính quyền.

Chính Đào Duy Kỳ đã nói thẳng với chúng tôi: "Trên Côn đảo chỉ có màu đỏ, không có màu vàng. Các anh có nhuộm đỏ mới tồn tại".

Bọn Cộng sản Đệ tam luôn tìm cơ hội tĩa dần những người quốc gia thuộc các đảng phái khác. Vào khoảng gần Tết năm 1944, do sự xúi bẩy của Cộng sản, văn phòng xếp chánh ra lệnh giam giữ 19 chính trị phạm vào khám tối ở Bagne 3 mà sau

này người ta gọi là chuồng cọp, để ngừa việc vượt ngục vì lúc ấy đang có gió mùa thổi mạnh về đất liền. Danh sách những người bị sập hầm kỳ ấy có cả người già cả như ông Bang biện Chiêu, ông tú Hán học võ Oanh; có người hiền từ đạo đức đã thành tù áo trắng làm việc nơi văn phòng như ông Phan Khắc Sửu, ông đốc học Trần Văn Quế, anh Trần Quốc Bửu, anh Đào Duy Phiên (anh ruột Đào Duy Kỳ), anh Nguyễn Văn Tại (hiện ở Mỹ, là bạn đồng chí giáo sư Nguyễn Văn Bông và Nguyễn Ngọc Huy), anh giáo Thảo, anh giáo Thố,... và tôi mặc dầu khi ấy tôi đang làm trợ tá cho bệnh viện. Lệnh bắt giam sai lệ khiến tên xếp Tây coi về an ninh toàn đảo là Toustou cũng

nơi bạn nơi ta

tặng các bạn Phổ, Đại, Hỷ ở VN

*Nơi bạn sống, ta biết rồi bạn ạ!
nhốt ưu tư trong cánh khép u buồn.
Lòng nhiệt đới mà quanh năm băng giá,
Mỗi con người, một cái xác chưa chôn.*

*Câu tâm sự cứ nửa chừng bỏ ngỏ
Phải tri âm mới dám đổi trao thăm
Đầu ngón tay, đếm bạn bè xưa đó
Đứa mất rồi, đứa khổ, đứa xa xăm.*

*Lòng cứ chật nổi xác xơ hiện tại
Còn gì đâu để ngóng mắt trông chờ.
Từ Bắc xuống Nam, những gì còn lại
Dấu đau lòng, vẫn giả bộ ngu ngờ.*

*Ta nơi này, đất và người xa lạ
Rộng trùng dương nên không thấy đôi bờ
Mất quê hương là mất rồi tất cả,
Đem tâm tình gửi gắm những vần thơ.*

*Đang đếm bước giữa bốn mùa viễn xứ
Hết nắng mưa sang sương tuyết lạnh lùng,
Chuyện thế nhân ghi từng trang ký sự
Sẽ chuyển tay, trong buổi hẹn tao phùng.*

*Và tin có một ngày mai tươi sáng,
Lại về trên đất nước Việt Nam mình
Đến lúc đó, tha hồ ta với bạn
Làm thơ mừng, ngày tổ quốc hồi sinh.*

thanh hữu huyền



ngạc nhiên.

Toustou đối với tù trên đảo là một hung thần ác sát. Y cao lớn, giỏi võ, vạm vỡ và nói thạo tiếng Việt. Tù Côn đảo gọi y là Mười Tu, kể như đánh bài cào gặp phải mười điểm là bù, là thua, là tàn cuộc đời. Mười Tu đặt ăng-ten khắp các *bagne*, các sở. Tù mất cái áo, cái quần y cũng biết vì quần, áo có thể dùng làm buồm; ai lén để dành phần cơm đối y cũng hay. Ngoài ra y còn tuyển một toán tù thường phạm làm rờ-set, thường lùng soát rừng núi, lùm bụi, nằm canh bãi biển ban đêm, nên việc vượt ngục vào những năm ấy có thể bảo là thiên nan vạn nan.

Ban đêm, toán rờ-set của Mười Tu nằm ở bãi biển rình tù trốn mà cũng để bắt vích lập công. Vích là một thứ rùa to, có con bề kính cả thước tây, thịt đỏ như thịt bò, nấu chín ăn rất ngon, lại hiền. Vích sống dưới biển nhưng đẻ trứng trên bờ. Những khuya có trăng, hàng trăm con vích từ biển lội vào, lên bãi cát dùng hai bơi chèo phía trước cào thành một lỗ rộng rồi đẻ từ mười đến mười hai trứng vào đấy. Trứng vích nhỏ hơn trứng gà, vỏ ngoài mềm mềm như trứng rắn hổ, trong trắng thì trong, khi nấu chín không đặc, trong đỏ lớn và béo vì có nhiều chất mỡ, song ăn nhiều dễ ngán. Đẻ trứng xong, vích mẹ đái cho ướt cát, dùng hai bơi sau lấp hố lại. Xong, nó nhún bốn chân lên cao, buông mình xuống, dùng yếm cứng làm chày nện cát thật dễ. Thế mà vào khi nắng sáng, những nơi vích đẻ trứng, ruồi bâu đen, bọ rờ-set thấy là biết ngay. Bọ này tính đúng ngày trứng nở, vích mẹ đang đẻ từ biển lên đón con thì bọ chúng chạy ngay đến, lấy thước bản xeo vích lật ngửa lên. Con vích tuy khỏe mạnh, ba bốn người ngồi trên lưng, nó vẫn bò chạy khơi khơi, duy chỉ lật ngửa nó ra, nó không lật mình lại được, cứ bơi bốn chân trên không chờ người bắt. Thường phải sáu, bảy người lực lưỡng mới khiêng nổi một con vích.

Chúng tôi bị nhốt trong cát-sô, hai người một căn, trần trỗng, ngày hai bữa cửa sắt hé mở vừa đủ đón lấy

phần cơm hẩm. Chúng tôi kêu nài, tuyệt thực phản đối. Xếp Obénan, người Ấn có Pháp tịch, mới bằng lòng để chúng tôi ra ngoài hiên, ngày hai buổi, ngồi xe chỉ và cho mặc quần áo tù.

Một hôm, Đào Duy Kỳ vào tìm người anh cả là Đào Duy Phiên, kéo ra một nơi, xầm xì trò chuyện. Anh em ở xa thấy câu chuyện chừng có vẻ gay cấn, rồi một lúc sau nghe anh Phiên quát tháo: “Mày cứ giết luôn cả tao đi! Tao không anh em gì với mày nữa cả. Mày cút đi, đừng nói lời thôi nữa!” Anh Phiên bỏ đi về phía chúng tôi. Kỳ hẳn học nhìn theo rồi bỏ đi ra. Chúng tôi hỏi anh Phiên thì được trả lời, Kỳ bảo anh tuyên bố tách riêng để khỏi bị vạ chung. Không ai đoán ra vạ ấy xảy ra thế nào.

Sau đó ít lâu, chúng tôi bị đau bụng, đi tả mãi. Những người già yếu như ông Sửu, ông Quế, ông Chiêu cơ hồ chịu không nổi. Anh Thế là người đã ở Côn đảo trên 10 năm, bảo là chưa bao giờ bị đi tả dữ dội như thế. Chúng tôi để ý thức ăn, thấy cũng như thường. Ngày hai buổi có anh tù thường phạm người Miên đem thức ăn đến để ngoài sân. Đến giờ, xếp khám mở cửa cho chúng tôi cử bốn người ra khuôn vào. Cửa sắt ngoài cánh cửa trong một cái sân cỏ rộng. Giữa sân là con đường lát đá đi thẳng vào. Thức ăn để giữa con đường ấy, gió lộng cát bay như vẩy trấu vào các thùng cơm, các mẻ tinned khô mực lờn nhờn nước xanh, đựng canh đậu xanh đầy ruồi. Tình cờ một bữa xếp khám mở cửa sớm, tôi gặp anh tù Miên nọ, mới hỏi tại sao anh không khuôn thức ăn vào trong hiên cho khuất gió cát. Anh tù Miên không trả lời.

Vài ngày sau, chúng tôi bớt đau bụng, bệnh tả cũng bớt dần. Không ai hiểu vì sao cả. Khi ấy chúng tôi cũng chưa biết được thoát chết là nhờ vào lời nói của ông Lục Cự (ông sư lớn nhất người Miên) và anh Pat Chuôn. Việc này tôi có thuật trong hồi ký *Côn đảo 49 năm về trước*, nay xin phép nhắc lại để tri ân hai nhà ái quốc người Cam-pu-chia ấy.

Nguyên là về sau, khi ra khỏi cát-sô, chúng tôi mới được anh Nguyễn Văn Côn, người cùng đảng, kể cho biết.

Số là anh Côn, một thợ may, khi bị đày ra Côn đảo anh khai lý lịch là thợ may trong đất liền nên được ngay một xếp Tây lãnh về nhà may quần áo cho vợ con. Công chức và nhân viên khám đường Côn đảo được ưu đãi, lương lớn mà ăn xài không bao nhiêu, hàng vải bán rẻ nên nhà nào cũng muốn có một người tù biết nghề may để may mặc cho vợ con. Tù biết nghề thợ may khá hiếm, các xếp Tây tranh nhau lãnh. Theo lệ thường, tù chánh trị mới ra đảo không được ra ngay tù áo trắng, tức là những tù làm việc văn phòng, việc nhẹ hay làm bồi, bếp cho xếp Tây. Tù thợ may vì hiếm, được xếp lãnh về nhà làm việc ngay, đến tối mới phải trở vào *bagne* kín cổng cao tường để ngủ. Một trường hợp đặc biệt khác là của anh Hàm, người Hà Nội, cùng một đảng với chúng tôi. Anh khai biết cách làm phó-mát và bưa. Khi ấy, đất liền còn thiếu bưa và phó-mát, có đâu dư chớ ra đến Côn đảo, vì thế xếp Tây lãnh anh Hàm về bản chế, gọi là để làm đèn cầy. Anh Hàm kéo theo một người bạn là anh Kavanne, một thanh niên người Châu giang lai Việt, rất sành văn chương Việt.

Mười chín người chúng tôi khỏi chết do một khuya nọ, nơi phòng giam của sở chỉ tồn Bagne 1, anh Miên thường đem cơm vào khám tối cho chúng tôi, có lẽ lương tâm cắn rứt, mới quỳ gối vào lạy ông Lục Cự mà trình bày rằng bị Cộng sản xúi giục. Ông Lục Cự nghiêm giọng bảo: “Mày không được làm vậy. Mấy người đó là người yêu nước, cũng như tao. Mày hại họ, cũng như hại tao!” Khi ấy có anh Pat Chuôn ngồi kế bên, bảo thêm: “Đó là những người vì xứ sở, dân tộc họ mà tranh đấu, sao tụi Cộng sản muốn giết họ? Thì ra bọn Cộng sản chỉ biết quyền lợi của đảng tụi nó, muốn giết hại những người đảng phái khác để cho đảng tụi nó nói một mình tự tung tự tác. Đó là bọn xấu, mày không nên vì lời xúi giục của tụi nó mà hại người tốt!”

Anh Côn nằm ngủ gần bên, lén nghe được nên sau này thuật lại cho chúng tôi. Ôi, thật đáng buồn cho lòng dạ sâu độc của những con người tự cho là hay, là giỏi mà chuyên ám hại người đồng cảnh, đồng bào; kém xa tình lân tuất của hai người nước bạn chưa hề quen biết! Bọn Cộng sản ấy mỗi đêm thường lén lút đến nhà một công chức tên là Claude để nghe radio, theo dõi tình hình Nga Đức, lo lắng cho sự an nguy của thành Stalingrade và Leningrade mà chẳng thèm nghĩ gì đến vận nước, dân tình Việt Nam giờ ấy ra sao!

Mười chín người chúng tôi không bị đầu độc nữa, dần dần bình phục. Sau đó, đến một ngày nọ trong tháng 3 năm 45, chúng tôi bỗng nhiên bị nhốt chung vào hai phòng rộng ở cuối dãy xà lim mà mãi quá trưa vẫn chưa thấy đưa cơm vào. Chúng tôi độ chừng là có chuyện lạ. Sau đó lại nghe nhiều tiếng giầy đi cồm cộp bên ngoài và tiếng xì xào văng vẳng, không phải tiếng Việt mà cũng không phải tiếng Pháp. Chúng tôi độ chừng là người Nhật vào khám xét Bagne 3 vì trước khi sụp hầm, chúng tôi có trông thấy một chiếc tàu Nhật ghé vào bãi biển Côn đảo. Anh em bàn nhau rằng nào cũng khổ, thà kêu cứu, nếu có thất bại thì chết là cùng! Chúng tôi đồng thanh hô hoán, phản đối khám đường. Nửa giờ sau, cửa khám mở ra, lính nhốt bên ngoài nhiều anh lùn mặc quân phục màu cứt ngựa, cổ sơ-mi trắng bẻ ra ngoài, mũ lưỡi trai, giầy bốt và đeo gươm dài lòng thòng. Đây là phái bộ Nhật Bản đi khám xét những nơi cất giấu vũ khí của Pháp.

Obénan bảo với người Nhật, chúng tôi là những người tù điên, nguy hiểm nên phải nhốt riêng. May là nhờ ông tú Hán học Võ Oanh viết dưới nền xi-măng trình bày cho người Nhật biết chúng tôi là những chính trị phạm quốc gia bị giam nhốt khám tối cách vô cớ, nên người Nhật bảo phải thả chúng tôi ra, cho về sở cũ. Chừng ấy chúng tôi mới biết Nhật đã đảo chánh Pháp hôm trước.

Nhật tước hết súng ống của đại đội phòng thủ, giam lỏng thiếu tá

Tessèyre, chúa quần đảo Côn Nôn kiêm giám đốc khám đường Côn đảo, và các sĩ quan. Riêng về bên khám đường thì từ xếp chánh đến các xếp người Pháp, xếp da màu, xếp Việt có Pháp tịch và toàn thể thầy chú đều phải nộp súng. họ vẫn điều hành công việc thường lệ với chiếc dùi cui cao su mang nơi hông. Người Nhật để cho cò-mi Trà, viên công chức Việt cao cấp nhất, thay quyền giám đốc. Người Nhật rất coi thường người Pháp. Người Pháp duy nhất được kính nể là thiếu tá quân y Rosec vì lòng từ tâm và bác ái của ông. Ít lâu sau, có tàu ra chở những người Pháp về Sài gòn.

Chúng tôi, cũng như tất cả các tù nhân ở Côn đảo, bấy lâu bị khốn khổ vì ách cai trị khắc nghiệt của người Pháp, nay trông thấy họ bị người Nhật lật đổ thì ai cũng mừng. Nhưng đồng thời chúng tôi cũng cảnh giác lẫn nhau vì biết người Nhật không thực tâm giúp đỡ các dân tộc nhược tiểu vùng Đông Nam Á. Phải tự sức mình lo toan. Tuy người Nhật không hở mồm về tình hình trong đất liền, nhưng chúng tôi đoán chừng việc xảy ra ở Côn đảo thế nào thì toàn cõi Đông Dương cũng thế thôi. Đây là cơ hội tốt để đồng bào vùng dậy. Và chúng tôi mong ngày về để tiếp tay, sát cánh tranh đấu với đồng bào.

Ngày qua ngày, chúng tôi vẫn phải đi lao dịch. Chúng tôi liên lạc với các *bagne*, các sở, phát động một cuộc biểu tình đòi nhà cầm quyền khám đường bớt 2 tiếng đồng hồ làm việc mỗi ngày, bớt lao dịch cho các sở độc địa, bớt tiêu chuẩn đón cùi ở sở Chuồng bò, thực phẩm phát cho tù phải đúng tiêu chuẩn, tù nhân đau ốm khai bệnh phải được điều trị hẳn hoi, v.v... Ngoài ra, những chánh trị phạm Quốc gia không muốn ở chung Bagne 3 với tù Cộng sản, yêu cầu được ra ở riêng nơi Bagne 4. Bagne 4 trước kia phát sanh bệnh dịch tả, tù chết rất nhiều nên bị bỏ hoang mấy năm mà xú khí vẫn còn. Các chánh trị phạm Quốc gia tình nguyện sửa chữa, phát quang lùm bụi, dọn dẹp rác rến, v.v.. để đủ chỗ chứa bốn trăm người. Tất cả các yêu sách ấy đều

được chấp thuận. Cuộc tranh đấu hi hữu ấy thành công hoàn toàn.

Từ đấy, chúng tôi đi ra sở vào lúc 7 giờ sáng và trở về khoảng 6 giờ chiều. Xếp là các lại ngục người Việt dân Pháp. Phần đông không thiết đến việc canh gác, bắt tù làm việc. Chúng tôi tản mạn trong rừng, tìm củ hủ đùng đỉnh để bồi dưỡng, vì phần ăn phát đúng tiêu chuẩn vẫn không đủ no.

Cây đùng đỉnh ở Côn đảo cao khoảng 2, 3 thước, lá thường dùng trang trí các nhà rạp trong ngày lễ, hội. Những cây cao ấy già rồi, không có củ hủ. Chỉ những cây cao đến mang tai mới có củ hủ. Đốn ngã cây, bỏ gốc cứng phía dưới, chỉ lấy phần trên. Chẻ ra là bên trong có ộp nõn trắng. Đó là những cái lá chưa thành hình, ăn sống thì giòn và có vị ngọt say say. Nướng lửa, luộc chín hay xào ăn với cơm thế chất lê-ghim rất cần thiết trong tù. Lại có những anh bạn người Củ Chi, là nơi nổi tiếng trồng dây xung sâm, nhận thấy trong rừng có mọc liền chỉ cho anh em hái và vò nước cho đông lại. Trưa nắng, ăn xung sâm mát lạnh thật là thú, song vì không có đường nên ăn mãi cũng chán. Lại có anh nhận ra một thứ lá xanh, vò với nước cũng đặc như xung xào mà màu xanh lá cây, giá có chút muối chấm ăn cũng đỡ đói. Có anh nhận mặt được vài thứ cây thuốc trị các chứng bệnh lật vật... Đạo ấy, mỗi khi đi về, chúng tôi thỉnh thoảng có gặp các anh em Quốc Dân Đảng, nhưng chỉ giơ tay chào cười với nhau thôi. Từ ngày tranh đấu thành công, các anh cũng đỡ khổ hơn, nét mặt tươi tỉnh và yêu đời.

Sau đó ít lâu, tôi được anh Đỗ Văn Có, người tỉnh Mỹ Tho, khi ấy làm thông ngôn cho trung đội lính Nhật đóng ở dinh Giám đốc, kéo về dinh. Ở với anh là các anh em chính trị phạm Quốc gia mới ra đảo trong vòng năm năm trở lại, mỗi đảng hai đại diện. Người Nhật cấp cho chúng tôi dãy nhà phía sau sân gần giếng nước ngọt. Giếng nước này là một trong hai giếng nước hiền nhất Côn đảo, để xài trong dinh, giếng kia ở

Bản chế, chỉ đun sôi với lá bàng chín là không sợ bị đau bụng. Chúng tôi được cấp phát gạo, muối, đường và dầu ăn. Thỉnh thoảng được phát cá biển. Có chú Hợi, đi lính hai-hô (lính do Nhật tuyển), vì đâm một tên lính kín ở Sài gòn nên bị tù đầy ra đảo, được người Nhật cho làm bồi bàn nơi câu lạc bộ hạ sĩ quan, thường đem lấy thức ăn thừa đem về cho chúng tôi. Nhưng thức ăn Nhật có quá nhiều đường, ngọt như chè, khó ăn. Về ở trong dinh, chúng tôi không bị người Nhật xem là tội phạm, cho tự do sinh hoạt nơi phía sau khuôn viên giếng nước, nơi ăn ở thoải mái, muốn đọc sách hay trò chuyện mặc tình. Mỗi người có riêng một giường nệm, chăn gối đàng hoàng. Khi được mời lên văn phòng chính trị, viên đội hai sao

Sato ân cần bảo cứ ngồi thoải mái nơi ghế nệm da, đưa thuốc lá Esquire mời mỗi người hai gói, một gói hút tại chỗ, một gói đem về. Ai không biết hút thuốc thì có một kí-lô đường cát trắng tinh và tha hồ nhấp trà Tàu trong khi trò chuyện. Chúng tôi không biết tiếng Nhật, có anh Tư Có làm thông ngôn. Anh cũng rất dè dặt vì biết người Nhật tuy tử tế nhưng không thực tình.

Dinh Giám đốc được người Nhật biến thành một đồn lính do vị trưởng quan (cấp thượng sĩ) cai quản, việc ra vào kiểm soát gắt gao. Chúng tôi muốn liên lạc hàng ngày với anh em nên bày ra việc xin giấy phép cắt cỏ cỏ để ra vào mỗi ngày hai bận.

Nguyên trong sân chúng tôi ở có mấy dãy chuồng thả nuôi khoảng 40

con của viên giám đốc cũ. Từ ngày Nhật đảo chánh thì thả không có cỏ ăn, sắp chết đến nơi. Thỏ ăn một thứ cỏ, tôi quên tên gọi, tựa như một thứ cỏ thuốc, cao chừng hai, ba gang tay, lá nhỏ có hoa màu vàng. Thứ cỏ này không mọc thành lùm bụi, thưa thưa ở các đồi cát xa. Nhờ có giấy phép, tôi và một bạn nữa là anh Hoàn, người Gò Công, không bị ràng buộc vào luật cấm của khám đường, tha hồ vác bị và cầm lưỡi hái đi liên lạc khắp nơi.

Chúng tôi thường gặp các anh em Quốc Dân Đảng, như là anh Túy và anh đốc Châm. Cùng thắc mắc về tình hình đất liền. Không ai biết tin tức của đất nước, của dân tộc ra sao cả! Song độ chừng đã có một chánh phủ Việt Nam. Chánh phủ ấy có tiến bộ? Có tự do? Có dân chủ? Tâm sự chúng tôi bấy giờ ngổn ngang trăm mối. Ai cũng nóng lòng về nước. Cầm bằng thoát chết ở Côn đảo thì khi được trở về đất liền, quyết lòng xả thân tranh đấu cho non sông, cho đồng bào, dầu có chết cũng sướng đời!

Mãi đến khoảng tháng 5.45, hai chiếc thuyền bơi ghé vào bãi. Trên thuyền có một trung úy Hải quân Nhật và mười mấy thủy thủ. Bọn này tả tơi, hốc hác như bị đắm tàu ngoài khơi. Phe lục quân trên đảo dường như không thích phe hải quân này. Người Nhật khác người Việt, chúng ta cởi mở với bạn đồng hương nhưng họ thì không tay bắt mặt mừng khi gặp nhau. Phe lính bộ với phe lính thủy sống khác biệt nhau. Chỉ có viên trung úy hải quân được ăn ở câu lạc bộ hạ sĩ quan, còn tất cả thủy thủ, có cấp ngang viên Tày Chờ, vẫn ăn chung với lính. Bọn thủy thủ đắm tàu, tên nào cũng có một bó bạc đô-la nhưng không tiêu xài được trên đảo. Mỗi buổi trưa khi ăn cơm xong, họ tụ tập bên chái hè trò chuyện. Vài gã tìm lá đu đủ khô, bẻ xuống vắn thành những miếng xì-gà tổ chẳng để hút đỡ ghiền. Họ cũng không có diêm quẹt, phải lén đến nơi chúng tôi ở để xin lửa. Có lửa xong, họ mời viên trung úy của họ một điếu, còn lại chia nhau hút, bay mùi khét lẹt...



Chúng tôi thương tình, nhún phần thuốc xanh để biểu họ vài ba điều. Họ mừng rỡ vô cùng, aligatô rớt rít.

Thuốc lá xanh trồng ở hòn Cau, mỗi bận anh Tư Có đi với lính Nhật sang đây thanh tra, thường được tội nhân ở đây biểu cho. Hòn Cau là một trong chín đảo lớn của quần đảo Côn Nôn. Nơi trồng nhiều dừa, chuối, măng cầu và cau. Trước kia, nơi đây giam giữ tù cấm cố, về sau chỉ để cho tù ho lao, già yếu và những tù tàn phế, què cụt vì tự đốt chân tay để tránh khổ dịch chết người. Chính ông Hội đồng Võ Công Tôn, nhà cách mạng lão thành quốc gia, nội tổ của bà Võ Kim Lý tức hiền nội của lão ký giả Văn Lang Trần Văn Ân, đã trút linh hồn trên đảo ấy!

Bọn hải quân Nhật dần dà quen thân với chúng tôi, liền thổ lộ cho anh Tư Có biết tình hình bên ngoài. Cuộc Thế chiến thứ II sắp tàn. Tháng 1.45, nơi trời Âu, quân Đức và Hung đầu hàng quân Đồng Minh ở mặt trận Hung Gia Lợi. Đến tháng 2.45, ở Á châu, quân Mỹ tiến vào Manille và kịch chiến với quân Nhật. Kế đó, quân Mỹ tái chiếm đảo Corragidor. Đầu tháng 4.45, quân Mỹ đổ bộ lên đảo Okinawa của Nhật. Sau đó, hạm đội cuối cùng của Nhật bị Mỹ đại phá, soái hạm Yamato bị chìm. Chính những thủy thủ này thuộc một chiến hạm của hạm đội bị tan rã.

Đến tháng 8.45, bác sĩ Trần Tấn Phát, đại diện chánh phủ Trần Trọng Kim, được một chiến hạm Nhật đưa ra đảo, tuyên bố Việt Nam đã thu hồi chủ quyền. Đúng như chúng tôi đoán, ngày Nhật đảo chánh ở Côn đảo cũng là ngày Nhật đảo chánh toàn cõi Đông Dương. Kế đó vua Bảo Đại tuyên bố Việt Nam khôi phục chủ quyền và ủy cho học giả Trần Trọng Kim lập chánh phủ. Ở Âu châu, quân Đức Quốc Xã đã đầu hàng, sau khi lãnh tụ Hitler tự tử ở hầm trú ẩn ngày 1.5.45. Ở Á châu, hai thành phố Hiroshima và Nagasaki, trước sau hai ngày, bị Mỹ dội bom nguyên tử, khiến Nhật hoàng phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Ngày 20.6.45, vua Bảo Đại ra dụ phục hồi công quyền cho các cựu

chánh trị phạm chưa được miễn tội danh. Bác sĩ Trần Tấn Phát đem ra danh sách đầu tiên được phục hồi công quyền cho 123 người của các đảng phái quốc gia, trong số đó có đảng đoàn chúng tôi. Liên sau đó, một buổi lễ Việt Nam độc lập được tổ chức, cờ quẻ Ly kéo lên kỳ đài thay cờ Mặt Trời.

Trong buổi lễ, chúng tôi có gặp Sơn Vương. Anh này là tướng cướp lừng danh ở Nam Việt Nam trước kia, không thua các tướng cướp Đon Hùng Tín, Năm Cà Dom, Mây, Mưa, Sấm, Sét mà người có tài nhảy lên nóc nhà, chạy nhanh không kém ngựa! Sơn Vương than phiền ở tù lâu nơi sở cực nhọc, nhờ chúng tôi giúp cho về nơi sung sướng. Về sau này, khi tất cả chánh trị phạm đã trở về đất liền thì Sơn Vương cướp chánh quyền ở Côn đảo. Y ép cô giáo con gái của ông Vệ Liễn phải ưng chịu lấy y làm chồng, bằng không y xử tử cha cô. Nhưng Sơn Vương cũng chẳng tác oai tác quái được bao lâu thì quân Pháp tái chiếm Côn đảo.

Sau khi được phục hồi công quyền, tôi ra khỏi dinh Giám đốc với các anh giáo Thảo, giáo Khai, ông đốc Tài, ông đốc Quế, v.v.. Tôi xin vài hàng nhắc đến anh Tư Có. Anh tên họ là Đỗ Văn Có, người Mỹ Tho, là một thầy thuốc Đông y, có Hán học, có bằng tiểu học Pháp, lại nói và viết thông tiếng Nhật. Anh còn biết bùa Lỗ Ban. Anh bị bắt lính kín Catina tra tấn rất tàn nhẫn, chạy điện nơi dương vật cả mấy tuần, ngày nào cũng chết đi sống lại vài lần mà bọn lính kín không tha! Đến khi ra Côn đảo, anh bị xung vào sở Đồn củi ở Chuồng bò. Đây là nơi khổ sai giết chết rất nhiều tù. Mặc dầu sau này có anh giáo Thổ làm cấp-ràn, hết lòng giúp đỡ anh em đồn củi, năn nỉ với xếp Tây hạ bớt tiêu chuẩn củi, nhưng anh Tư Có xưa nay làm công việc nhẹ nhàng, chỉ chuyên chẵn mạch, bổ toa, hốt thuốc thì sức đâu kham nổi lao dịch mà đến những tay khỏe mạnh, vạm vỡ còn phải trốn lánh bằng cách đốt chân đốt tay cho tàn phế, hay là vào rừng sâu thất cổ tự tử! Anh đi đồn củi ít lâu, sức lực kiệt

quệ, nhiều phen anh phải dùng bùa Lỗ Ban họa phù kêu gọi Sơn thần giúp đỡ thì bỗng nhiên khỏe lên gấp đôi gấp ba bình thường. Nhưng việc bùa chú nếu cứ sử dụng hoài, mất linh. Đây là theo lời anh bảo. Một ngày nọ, anh chán nản và thất vọng xuống núi với nửa tiêu chuẩn củi. Anh bị phạt đòn, bỏ đói và nhốt khám tối. Đến hôm sau lại phải lên núi đồn củi cho đủ tiêu chuẩn cộng với số củi thiếu hôm trước. Anh định hôm ấy sẽ kết liễu cuộc đời bằng sợi dây oan nghiệt. Đêm trong hầm tối, anh không ngớt cầu nguyện Trời Phật và đất nước ông bà. Sáng lại, anh được thả ra hầm tối, đến sở lãnh con dao quắm, bích côm và con khô mục nổi mốc xanh như thường lệ. Anh nhìn sở Chuồng Bò lần cuối cùng, dinh ninh sẽ không bao giờ trở về. Bỗng nhiên có giấy của văn phòng xếp chánh gọi anh đi làm thông ngôn cho người Nhật. Anh có cảm tưởng sắp bước chân vào cõi chết bỗng được sống lại!

Anh Tư Có là người thủ tín và trọng bạn. Anh rất tốt. Chính anh đã giữ lời hứa từ trong Khám Lớn Sài Gòn cùng đồng chung hưởng vinh nhục mà kéo tôi về dinh Giám đốc ở với anh trong khi tôi bị kết lý đã tưởng không xong ở *bagne* nhà thương. Anh cũng kéo nhiều anh em quốc gia ra ở chung và hết lòng bao biện, che chở cho bạn bè. Anh còn cứu giúp bọn Cộng sản Tôn Đức Thắng, Trần Ngọc Danh, Nguyễn Thành Trung, Đào Duy Kỳ, v.v.. khi bọn này thừa dịp bãi biển không có rờ-sét canh giữ, tổ chức vượt ngục và bị bắt lại, bị lính Nhật căng nọc phơi nắng trước dinh. Anh Tư Có đã năn nỉ viên Tây Chồ giảm hình phạt cho bọn này. Chúng tôi ban đêm lén đem nước cho uống. Thế mà về sau, khi anh trở về đất liền cuối năm 45, anh bị đồ tể Cộng sản Dương Bạch Mai giết chết.

Dương Bạch Mai giết hại nhiều chánh trị phạm quốc gia, trong số đó có anh Lê Tấn Thông người Bà Rịa, đã sống lâu ngoài Côn đảo, biết tường tận việc Dương Bạch Mai tổ chức ám hại ông Nguyễn An Ninh và

những cái dở, cái xấu, cái ác của phe Cộng sản gộc nên quyết tâm khi trở về đất liền sẽ tố cáo bọn này cho quốc dân đồng bào được biết.

Tôi cũng xin nhắc đến anh giáo Thố, cặp-rằn sở Chuồng Bò, một ân nhân của các tù nhân sa vào sở đồn cùi và cũng là người ơn lớn của tôi. Anh giáo Thố, hình như họ Trần, là người đạo Cao Đài, một vụ với ông đốc Tài, ông đốc Quế, anh giáo Khai,... Cặp-rằn sở Chuồng Bò không được là chánh trị phạm. Trường hợp của anh giáo Thố có thể gọi là hi hữu. Anh về đây làm cặp-rằn, thạo Pháp ngữ, mới giảng giải cho tên xếp Tây nghe những cực khổ khó khăn của người tù sở đồn cùi. Viên xếp Tây cũng có lòng nhân đạo, khi nghe trình bày xong, bằng lòng bớt tiêu chuẩn xuống chút đỉnh. Y lại giao cho anh giáo Thố việc đo cùi của tù phải nạp vào mỗi buổi chiều, miễn sao đủ ba thứ cùi cung cấp cho toàn đảo. Anh giáo Thố chỉ cách anh em xếp cùi cho có lợi và anh em nào có thiếu chút đỉnh anh cũng du di cho đúng tiêu chuẩn. Anh thường giúp tôi rất nhiều.

Có đạo, khi tôi còn làm ở ê-kíp Mathior, cứ khuôn đá tảng mãi muốn treo xương sống, tôi mới bàn với anh Tạ Văn Trung, người Rạch Giá, tình nguyện gánh cơm và thức ăn từ *bagne* ra sở làm cho anh em. Ê-kíp làm việc ở xa *bagne* nên buổi trưa được ăn cơm tại chỗ. Ê-kíp cử ra hai người khiêng cơm và thức ăn. Hai người này chỉ phải ngồi điểm danh chung với ê-kíp vào năm giờ rưỡi sáng rồi lại ngủ tiếp cho đến mười giờ sáng thì có cơm và thức ăn để đưa ra sở. Tất cả để vào bốn thùng cây thô và nặng. Ban đầu chúng tôi tưởng bỏ, đến chừng xỏ cây, kê vai vào gánh thùng lên mới biết nặng ôi là nặng! Nội hai thùng cây không cũng xệ bả vai rồi, huống hồ là đầy cơm và thức ăn. Dầu hai đứa chúng tôi lót áo dưới cây khiêng, gánh nặng vẫn trĩu xuống theo mỗi bước đi, đau tưởng gãy xương quai xanh. Đường xa hai cây số, có nhiều dốc núi, lẽ được hai thùng cây nọ đến nơi đúng giờ là một đoạn trường khốn khổ dở

biển

*Ta về biển mặn xót xa
Ta về tìm lại hoàng hoa ngậm ngùi
Ta về bãi cũ tìm người
Dấu chim trên cát đã trảng nín câm
Ta về nghe gió thì thầm
Lời yêu đương cũ có ngân ấy thôi.*

gã tư mã

khóc dở cười. Tại mình trốn nặng, lại gặp thứ nặng hơn!

Khi gần đến nơi, tôi loay hoay thế nào mà làm rơi bể nửa xị đầu ăn cho ê-kíp cả hơn trăm người. Dầu ấy dùng để xào chảo củ hủ dùng đỉnh mà anh em dùng buổi nghỉ trưa đi tìm rau cỏ góp chung phần ăn dọn với cơm cho thêm chặt dạ. Làm mất nửa xị đầu của ê-kíp là một tai họa lớn chứ không vừa! Ê-kíp Mathior xưa nay chỉ có hai người mắc vạ ấy. Người thứ nhất, khi trước, là anh Hồ Hữu Tường. Anh bị anh em làm dữ, suýt phải như xương. Người thứ nhì, bấy giờ, là tôi. Biết làm sao bây giờ? Chừng đến giờ cơm, anh em không thấy có món xào, sẽ tức giận bực nào? Có sỉ vả, mắng nhiếc, đánh đập tôi không? Tôi chợt nhớ đến anh tổng khậu (nhà bếp) là người nằm gần chiếu tôi. Thường đêm, tôi dạy anh học và kể cho anh nghe chuyện *Ngàn lẻ một đêm*, *Những kẻ khốn cùng*, *Ba chàng ngự lâm pháo thủ*, v.v... Tôi vội tìm anh, nói trước cho anh biết. Anh giật mình, bảo:

- Chết rồi! Anh em ăn đói, chỉ trông vào chảo xào. Trước kia, Hồ Hữu Tường khổ sở lắm về vụ này... Nhưng được, mình là anh em, tôi sẽ cứu anh. Tôi có chút đầu dư để dành, nay lấy ra cho anh mượn. Nhưng anh phải liệu kiếm số đầu trả lại nhé!

Tôi mừng như suýt chết hụt. Nhưng làm cách nào để có số đầu trả lại đây? Một giọt cũng khó thể, nói gì tới nửa xị! Tôi bỗng nhớ đến anh giáo Thố và liền bỏ buổi nghỉ trưa đến cầu cứu anh. Anh tuy làm cặp-



rằn sở, nhưng đầu ăn là của chung, anh phải đi mượn trong số bạn thân mới có nửa xị đầu giúp tôi. Anh lại bảo tôi:

- Thứ năm tới, tôi sẽ được cặp-rằn sở Ruộng cho trái bí và quả dừa, tôi định nấu bí hầm dừa thềm bấy lâu. Trưa đó chú tới ăn cơm với tôi nha.

Viết đến đây tôi xấu hổ vô cùng, và cũng thương anh giáo Thố gấp bội. Nguyên đến ngày hẹn, tôi ăn xong phần cơm ở sở rồi lật đật đi đến Chuồng Bò. Lại vui miệng rủ thêm anh Kavanne và Trịnh Lương, hai đồng chí ở tỉnh Rạch Giá. Anh giáo Thố thấy chúng tôi đến, ân cần mời vào mâm để dưới nền đất cũng như các tù khác. Trong mâm có tô bí hầm dừa và kế bên là cái nồi ba. Anh không cùng ăn, bảo:

- Ba chú ở xa tới, ăn rồi trở về sở cho kịp giờ làm. Tôi như ở nhà, ăn lúc nào mà không được.

Chúng tôi ăn ngon miệng, vét cả cháy trong nồi. Anh giáo Thố vội đến mâm của người bạn:

- Chú Ba, cho tôi mượn nồi hai cho mấy bạn này ăn đủ, rồi mình sẽ nấu sau.

Hôm ấy tôi nhớ đã ăn đến sáu chén cơm, mặc dầu vừa mới xới xong phần cơm tù tại sở. Khi trở về, dọc đường anh Kavanne, người lớn tuổi trong bọn, vội kêu lên:

- Bậy thật! Tội mình đói lâu ngày thành lão ăn quá. Không nghĩ anh giáo Thố đã nhin phần cơm canh của anh cho bọn mình.

Chừng ấy tôi mới giạt mình nghĩ

ra, thăm tự trách mình trẻ người non dạ, không ý thức liền tại chỗ để khỏi phạm lỗi lầm. Trong cảnh tù tội thiếu thốn, ai cũng dành lấy phần mình, sự quên mình vì bạn, dù chỉ trong miếng ăn, cũng là một hành động cao thượng. Mấy hôm sau tôi đến xin lỗi anh về việc sơ xuất vừa qua, anh giáo Thổ cười hề hề:

- Có gì đâu! Thấy mấy anh em ăn khoẻ, tôi càng mừng. Lần sau có canh bí hầm dưa, tôi rủ tới ăn nữa, không được từ chối.

Anh giáo Thổ xem tôi như người em, thường giúp đỡ qua nhiều việc ngặt nghèo. Anh thân cận với ông đốc Tài, ông đốc Quế và anh giáo Khai là người Cao Đài tốt. Ông đốc Tài, trọng tuổi hơn cả, đầu râu bạc trắng, mắt to nhìn trực, giọng nói sang sảng, giàu từ tâm. Sau này khi về đất liền, ông đốc Tài được bầu làm Quyền Giáo Tông chi phái Cao Đài Bến Tre và Hậu Giang, chủ trương thuần túy tu hành, đối chiếu với chi phái Tòa thánh Tây Ninh của ông Hộ pháp Phạm Công Tắc hơi nghiêng về chánh trị và quân sự. Ông đốc Quế lúc nào hai gò má cũng đỏ hồng, ăn nói mềm mỏng, nhỏ nhẹ, đi cón rón bước chân như sợ dẫm chết côn trùng. Về sau, ông Trương Văn Quế (1952) được Thủ tướng Nguyễn Văn Tâm mời làm Thứ trưởng Nghiên cứu và Cải cách; nhưng ông quá hiền, bị nhiều người lợi dụng. Anh giáo Khai thì thâm trầm, vui vẻ và khiêm nhường. Anh là thầy giáo dạy vẽ, khi ra Côn đảo anh có vẽ trong quyển tập đầy hơn 200 hình vẽ về cảnh vật, con người và cách sinh hoạt ở Côn đảo, nét vẽ tinh xảo và linh hoạt. Anh bảo chừng trở về đất liền, anh sẽ khắc bản gỗ vì anh cũng thạo nghề khắc gỗ, in ra nhiều bản để phổ biến... Về sau này, vào năm 1956, tôi có dịp về Bến Tre, tìm đến Thánh thất Cao Đài thăm bạn cũ. Tôi vui mừng khi thấy ông đốc Tài, dáng dấp như một phúc thần, râu tóc trắng phơ phới với đôi mắt sáng rỡ, đầy vẻ hiền hoà, đôn hậu. Hai anh giáo Thổ, giáo Khai đều mặc áo tu sĩ, trông có phần tiên phong, đạo cốt. Hai anh đã ổn định việc gia đình, con cái thành nhân cả,

an lòng tịnh tu trong Thánh thất, tìm con đường giải thoát. Tôi hỏi anh giáo Khai về quyển tập vẽ khi xưa, anh bảo đã cho một người bạn mượn xem rồi đánh mất luôn. Anh cũng chẳng cần thiết, xem chuyện xưa tựa một giấc mộng con! Cùng ở Thánh thất còn có vài bạn cựu chánh trị phạm ở Côn đảo. Các anh ăn cần cầm giữa lại dùng bữa cơm chay, song tôi bận việc phải đi ngay. Tình cố tri, duyên may tái ngộ một lần mà niềm ưu ái ghi tạc mãi mãi nơi lòng!

Nay lại xin nhắc đến anh em Quốc Dân Đảng ở Côn đảo. Từ ngày tôi được trả quyền công dân, tôi thường gặp các anh em Quốc Dân Đảng, nhất là anh Túy, anh đốc Châm và vài bạn trẻ khác. Chúng tôi thường bàn đến những dân thân mai sau, khi được về đất liền. Dù đã biết nước nhà giành lại được chủ quyền, nhưng sự nghiệp làm cho quốc thái dân an vẫn còn nhiều khó khăn, trắc trở mà không phải một vài nhúm người, một vài đảng phái có thể vượt qua nổi. Phải cùng nhau hiệp lực đẩy mạnh cao trào cho quần chúng tham gia, đưa một vận hội mới cho tất cả chung lo, chung hưởng. Thỉnh thoảng chúng tôi ngồi trên bãi biển, nhìn mây nước, nhớ tưởng quê nhà. Côn đảo tuyệt đẹp, hơn nhiều thắng cảnh trong đất liền. Khí hậu cũng dễ chịu, nhất là cho người bệnh hoạn, già yếu. Chúng tôi cũng bàn đến một chương trình khai hoang, đào giếng. Vấn đề nước độc có thể khắc phục được. Nếu nơi ấy thiết lập một trung tâm Y tế và Du lịch, sẽ làm cho nước nhà phồn thịnh.

Trong khi trò chuyện, tôi có giới thiệu với anh em Quốc Dân Đảng một người Hoa lai Việt đang ở trong dinh với anh Tư Có. Đó là A Lường, năm đó vừa 19 tuổi, bị tình nghi là người của Quốc Dân Đảng Trung Hoa và làm gián điệp cho chánh phủ Trùng Khánh của Tưởng Giới Thạch vì đã về Tàu mấy năm rồi sang Việt Nam lại. Chú rất dễ thương, hay làm vui lòng người khác. Chúng tôi hỏi chú bị ung hay oan. Chú cười mà đáp rằng chẳng ung mà cũng chẳng oan, chú chỉ làm cái việc của người có hai

dòng máu, hướng về quê cha, đất mẹ.

- Tòa án binh Pháp xử tội tội mình mâu thuẫn quá hẻo, mấy anh. Họ cũng hiểu thanh niên Pháp bên trời Âu đều làm công việc như tội mình bên này, không chừng họ thăm ao ước bọn đó làm nên việc nữa. Vậy mà bên này họ kêu án chúng mình. Tôi thì không đủ bằng cứ buộc tội nên được xử trắng án.

- Trắng án mà bị quản thúc ở Côn đảo? Vậy bao giờ A Lường mới được về?

- Chờ tới thái bình được về, nhưng chắc tôi rã xương ở đây quá! Mấy anh có hy vọng, còn tôi dính lúu đến Trùng Khánh mà Trùng Khánh thì xa xôi quá, cũng chẳng biết đến tôi. Tôi vì trắng án nên ở làng Ông Hội là nơi tập trung những người bị quản thúc. Phận sự hàng ngày của tôi là chăm nom, bón tưới cho 50 cây mít. Gánh nước tưới 50 cây mít mệt quá đi, nhìn thấy bao nhiêu trái mít chín nở gai, thơm nức mũi mà không được ăn múi nào! Thỉnh thoảng tôi giấu cặp-răn được một trái, chôn sâu dưới đất, chờ đêm khuya bò ra, đào lên ăn. Ăn mít khát nước, uống nước bằng lạnh, không bị vật đau như tử sao được! Thế là được về nhà thương trị bệnh, nơi đó tôi mới được quen với anh Tư Có...

A Lường nhờ nhỏ tuổi, lanh lợi nên được một số lính Nhựt thương. Một hôm viên Tài Chồ bị ể mình, thuốc uống không dứt. Anh Tư Có đề nghị để cho A Lường tắm quất. A Lường học nghề đấm bóp đặc biệt trong Khám Lớn Sài gòn. Chú đàn lưng, bắt gân, giựt gió, điểm huyết cho viên Tây Chồ đúng bài bản khiến y hết bệnh. Cả bọn lính Nhựt xúm lại xem, không ngớt trầm trồ. Về sau, lính Nhựt gặp A Lường, đưa ngón tay cái tỏ vẻ khen ngợi. A Lường thường tâm sự với chúng tôi:

- Bọn Nhựt tưởng tôi là một thằng chệt ngu, xúi biếu tôi làm việc cho chúng, chúng sẽ đưa tôi về Sài gòn, cho sung, cho nhiều tiền, rồi sẽ vinh hoa phú quý vô cùng.

- Vậy là họ bảo A Lường làm Hán gian, Việt gian vì A Lường lai hai dòng máu.

- Tôi thà bỏ thầy ở Côn đảo chứ không làm Hán gian, Việt gian.

A Lường thường nói về Tô Châu, Hàng Châu; thuật lại những cảnh trí tuyệt đẹp ở Giang Nam. Chú lại bảo ở bên Tàu ăn uống sung sướng, trong 24 giờ đồng hồ thì mỗi giờ có một món ăn khác nhau. Tỷ như 7 giờ sáng thì ăn bánh bao thập cẩm; 8 giờ thì ăn bánh ngọt, như hột sen hay mè đen tán nhuyễn và uống trà Long Tỉnh; 9 giờ ăn xiu-mại; 10 giờ ăn hắc-cảo, 11 giờ nhấp rượu Mai quế lộ với năm món ăn chơi; 12 giờ trưa là bữa ăn chánh với tám món danh tiếng của Tàu, v.v.. A Lường kể ra cách chế biến cầu kỳ của các món ăn làm cho ai nghe cũng nhều nước miếng. Đến chiều và tối, giờ nào có thức ăn của giờ đó. Biết A Lường có nói phét, nhưng ai cũng thích nghe chú kể để được thưởng thức hương vị của những món ăn tưởng tượng ngoài đời.

Chúng tôi thường chọc ghẹo A Lường, chờ nửa đêm, chú ngủ mê thì lay gọi chú:

- A Lường! A Lường! Bây giờ bên Tàu ăn món gì?

A Lường đang mơ ngủ, nhụ nhựt hỏi:

- Máy giờ?

- Một giờ sáng.

- Hà, ăn chè khoai lang để già rượu há!

Chốc chốc chúng tôi lại lay hỏi bên Tàu giờ này ăn cái gì. A Lường bực mình không yên giấc song cũng gắng gượng đáp:

- Máy giờ?

- Hai giờ.

- Hầy, ăn sâm bửu lượng tám bồ há!

Lát sau chờ A Lường kéo gỗ ngon lành, chúng tôi lay gọi:

- A Lường, ba giờ sáng rồi, bên Tàu ăn cái gì?

- Ăn... ăn cái... quần què họ...



Không để cho ngộ ngủ, cứ phá hoại!

Sáng hôm sau, chúng tôi bảo nhau, cố ra về long trọng:

- Bên Tàu vào lúc ba giờ sáng ăn cái thứ gì lạ quá hén!

A Lường đỏ mặt bảo:

- Lay mấy anh. Em mơ ngủ nói bậy. Em đói, tưởng tượng món ăn bên ngoài rồi nói khoác chơi chứ bên Tàu chạy giặc Nhứt Bổng, đói chết mẹ, có gì đâu mà ăn!

Một hôm A Lường thì thầm bảo:

- Em có nghề chiên chim bồ câu không thua bồ câu quay ở Ngọc Lan Đình trong Chợ Lớn. Chiều nay, may ra em có thể chiên bồ câu cho mấy anh ăn để biết tài em.

Chúng tôi ngạc nhiên:

- Nhưng bồ câu ở đâu?

- Sau vườn bắp cải có mấy chuồng bồ câu. Trưa nào chúng cũng bay qua sân mình kiếm ăn. Em vãi gạo nhử, chúng rủ nhau đến ăn đông tới năm, bảy con. Em đã sẵn bắp rập bắt chúng.

A Lường lấy ra khoe một cái rô nhỏ mới đan, một cây nạng đầu vắn đầu dài cỡ hai gang tay, và một cuộn dây nhợ:

- Em dựng một đầu rô này trước cửa bằng cây nạng rồi rắc gạo bên trong dụ bồ câu vô. Nơi cây nạng, em buộc sợi nhợ thả dài sau cửa. Em rình bồ câu vô ăn là giựt cây nạng văng ra, cái rô úp chụp bồ câu bên trong. Thế là mình chờ văng người, bắt bồ câu nhỏ lông chôn kỹ, mổ bụng ướp tiêu tỏi, chiên ăn. Hai con được mỗi người một miếng, đỡ thèm.

A Lường nghiên cứu kỹ lắm, định vào giờ nào ánh sáng mặt trời chiếu đến sân, cái thúng dựng cách nào cho mấy con bồ câu tinh khôn nọ không thấy bóng, không biết đó là bắp rập. Và A Lường đã thành công khi bắp sập xuống nhốt con bồ câu đầu tiên. Nhưng A Lường coi thường thằng đội Voi ở nhà kho xế đó, tưởng hán ngồi dựa ghế bố, úp khăn trên mặt, ngủ ngáy pho pho mà không biết gì. Nào ngờ khi A Lường hí hửng đến bắp thì tên đội Voi đã đứng sờ sờ trước mặt. Tên đội hai sao này không biết lai giống dân nào mà cao lớn dềnh dàng, tánh nết khó khăn

nên chúng tôi đặt tên đội Voi. Hấn xáng cho A Lường một bạt tai quay mòng mòng, bắt chim bồ câu, tịch thu luôn cái bắp. Chiều lại, thấy hấn chiên bồ câu, miệng cười tí toét. A Lường căm hận lắm, vừa ôm má sưng vừa húp cháo, bảo:

- Nó bắt bồ câu để ăn thì cũng được đi, sao lại đánh ngộ muốn rụng răng thế này. Ngộ phải trả thù vụ này mới được!

Trưa hôm sau, tên đội Voi bày bắp ra trước cửa nhà hấn, lấp ló chờ bồ câu đến ăn để giựt bắp. Thì ra hôm qua, hấn không ngủ trưa mà lén rình xem A Lường để học nghề. Hôm nay hấn trở nghề học lóm của ông thầy đã bị hấn và sưng hàm. A Lường nào chịu được như thế. Chú lén đi vòng sau giếng nước, tìm gã đội ba sao. Chú ra ý cho gã này đến rình tên đội Voi. Vừa lúc tên này giựt sập bắp con bồ câu, đang hí hửng chạy ra bắt thì tên đội ba bước ra, quát to lên một tiếng. Đội Voi ta lập tức đứng nghiêm như trời trồng. Quân phiệt Nhật kỷ luật thật nghiêm. Tên đội ba sao chỉ đứng ngang nách gã đội hai sao nọ thôi, thế mà gã sợ hãi ra mặt. Tên đội ba sao tống cho đội Voi một đấm vào mặt, ngã quay mòng mòng. Cả tuần lễ sau, vào mỗi bữa cơm, chú Hợi phải bung cơm đến phòng cho đội Voi. Chú kể:

- Nó không dám chường mặt ra, bảo tôi cứ để gà-mên cơm trên bàn. Tôi lén dòm qua màn, thấy mặt nó sưng như bị ong đánh.

Khi một số chúng tôi rời dinh ra ở ngoài, A Lường bịn rịn không rời tay, lệ doanh tràng. Chú ở lại với anh Tư Có và anh Vàng. Anh Vàng, mặt ngăm ngăm, tác người nhỏ thó song bản tánh quật cường bất khuất. Anh có trình độ trung học Pháp, đóng lon cai (hạ sĩ) từng việc nơi văn phòng đại tá hải quân người Pháp. Anh cùng các anh Mười Bạch, Tại, Đời, v.v.. lấy súng trong thành lính Tây chuyển ra ngoài. Công việc đổ bể, tám khẩu súng bị thu hồi, nhưng nội vụ nhờ ém nhem khéo nên các anh không bị bắt về vụ ấy. Đến sau, đảng đoàn Thanh Niên Ái Quốc bị vỡ từ Nam Trung Bắc, thì những anh

gốc nhà binh như Mười Bạch, Đồi, và một anh nữa bị án tử hình nhưng thoát chết nhờ chiếc tàu biển chở hồ sơ sang toà phá án bên Pháp bị đánh đắm, còn anh Tại, Vàng bị án mười năm khổ sai. Anh Vàng được anh Tư Có kéo về dinh. Khi anh còn ở *bagne*, vẫn thách thức bọn Cộng sản có muốn thi tài thi sức với anh, anh chấp cả, dùng nắp nạnh ám hại anh em quốc gia như đã làm cho cái tay mặt của anh đốc Châm bị hư hoại.

Chúng tôi ra ngoài ở được ít lâu. Ông đốc Tài, đốc Quế, giáo Thổ, giáo Khai, v.v.. lấy cái biệt thự song lập bên ven biển cấp cho các ông, dùng làm thánh thất Cao Đài. Ngày khai trương, công chúc và cựu chánh trị phạm đến chúc mừng rất đông. Có cả anh ký Thân và anh em Quốc Dân Đảng đem lễ vật đến. Từ đó, các anh em thỉnh thoảng họp ở phòng khách Thánh thất, bàn với nhau những công việc cần làm khi được trở về đất liền. Đảng phái nào cũng có điều lệ, chính cương, cũng có những chương trình ngắn và dài hạn để làm ích nước lợi dân, cho đất nước được phú cường và hiển vinh. Cũng có những điểm dị biệt, song tất cả đều có thiện chí, thật tâm và nhiệt huyết nên cùng học hỏi lẫn nhau, bổ xung cho nhau để đi đến những quyết định chung. Đây là những người bạn tốt, những đồng chí chân thật. Không như bọn Cộng sản hay trở mặt, lật lọng.

Những khi rảnh rang, anh đốc Châm và anh Túy còn chỉ dạy cho tôi cách cưa lấy khu tròn của con ốc đụn, lấy chỗ lọt lòng ngón tay để làm cà rá và tùy theo màu sắc mặt bằng bên trên mà khắc thành hình chim én liệng trên mặt sóng lăn tăn, hay quả tim hồng trên vàng mây xanh,...

Đến cuối tháng 8.45, chánh phủ Trần Trọng Kim nhờ hai chiếc tàu Nhật ở Phi Luật Tân về ngang Côn đảo, sẵn dịp chở 123 chánh trị phạm đã được trả quyền công dân về Sài gòn. Trước khi được về, chúng tôi tổ chức một buổi viếng mộ ông Nguyễn An Ninh. Ngôi mộ của ông ở dưới chân đồi số I nghĩa địa, đã được chúng tôi và một số tù thường phạm

lấy đá dẫn trên nùm cho khỏi gió thổi cát bay. Trước mộ ông Ninh, chúng tôi hứa sẽ trở ra để đưa hài cốt ông về nguyên quán. Chúng tôi nhớ mãi lời nói bất hủ của ông khi ông mặc chiếc áo dài trắng đi nộp mình, không chờ bạo quyền đến bắt: "Trước khi đem thân đến để bị làm ô uế, tôi hãy giữ mình trong sạch". Trước mộ ông Ninh, chúng tôi, đám hậu sanh cũng thầm nguyện noi gương ông, suốt đời giữ mình trong sạch, dù hoàn cảnh nào, dù cám dỗ nào!

Chúng tôi chia tay với anh đốc Châm, anh ký Thân, anh Túy,... và hứa khi về đất liền sẽ tổ chức đoàn ghe biển ra đón rước các anh em quốc gia và Quốc Dân Đảng. Trong danh sách 123 người về, bọn Cộng sản không hiểu âm mưu thế nào với cò-mi Trà, đánh tráo vào ba tên Nguyễn Thành Trung, Trần Ngọc Danh và Đào Duy Kỳ. Khi xuống xà-lan để ra khơi chờ tàu đến, chúng tôi mới biết được chuyện ấy, nhưng vì nghĩ rằng đất nước đã độc lập, tự do rồi, có nhiều tay lo việc nước việc dân cũng tốt thôi. Ba tên Cộng sản này hết sức tán tỉnh, bợ đỡ chúng tôi, bảo là mọi hiềm khích, hiểu lầm trên đảo đều nên bỏ dưới biển cả để cùng nhau sát cánh hoạt động sau này. Ý chừng chúng sợ chúng tôi ném chúng xuống biển!

Chúng tôi về đến Sài gòn trong buổi chiều ngay vào sáng hôm đó có cuộc biểu tình lớn ở Sài gòn mà rừng cờ Thanh niên Tiền phong màu vàng sao đỏ bỗng nhiên được thay bằng cờ Mặt trận Việt Minh cờ đỏ sao vàng. Thì ra bọn Cộng sản đã móc ngoặc với các lãnh tụ Thanh niên Tiền phong Kha Văn Cạn, Kiều Công Cung, bà Hồ Vĩnh Ký, Phạm Ngọc Thạch, v.v.. khiến những đảng phái và đoàn thể trong Mặt trận Quốc gia Việt nam Thống nhất như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Hoà Hảo, Cao Đài, Tịnh Độ Cư Sĩ, Liên đoàn Công chức, v.v.. cũng bất đắc dĩ phải theo.

Một ngày sau, ở Hà Nội cũng xảy ra trò đổi trắng thay đen ấy do công chức Hà Nội tổ chức biểu tình khổng lồ, tuần hành qua các đường lớn để tỏ rõ ý chí bảo vệ đất nước, thì cờ đỏ

sao vàng lại thay cờ quẻ Ly và biến thành biểu tình ủng hộ Mặt trận Việt Minh!

Đêm hôm ấy, mãi đến hơn 7 giờ tối, chúng tôi mới được một phái đoàn do anh Luật sư Phương, người quốc gia được cử làm Tổng giám đốc Công an Cảnh sát, và Nguyễn Văn Tây phe Cộng sản sau được cử làm Ủy viên Chánh trị miền Tây, đến tiếp đón. Anh Phương ôm chúng tôi mà khóc. Ba tên Nguyễn Thành Trung, Trần Ngọc Danh, Đào Duy Kỳ rời bỏ cử chỉ thân thiết trên tàu, hùng hổ chửi bới giai cấp, bảo khéo với chúng tôi là bọn tiểu tư sản lạc hậu, không giúp ích gì cho cuộc cách mạng thành công và nên biết thân trở về xứ.

Trong đảng phái quốc gia có anh Hàm, người Hà Nội, đứng lên đáp lời, bày tỏ lòng hoan hỉ đối với cuộc cách mạng thành công của toàn dân, việc nước là việc chung chứ không phải của riêng một phe phái nào, chúng tôi sẵn sàng và tích cực tham gia bất cứ công việc gì mà thời thế đòi hỏi ở người thanh niên yêu nước. Tối hôm đó, chúng tôi nằm ngủ trên nền gạch Xà Tây, về sau là toà Đô chánh Sài gòn. Sáng hôm sau, mỗi người được cấp một tấm giấy đi đường và 20 đồng bạc Đông Dương. Tôi trở về tỉnh Rạch Giá bằng tàu vì không còn xe đồ chạy. Tình hình biến chuyển nhanh chóng. Quân đội viễn chinh Pháp lâm le tái chiếm Đông Dương.

Về đến tỉnh, mấy anh em đồng chí và tôi tổ chức được 40 chiếc ghe chái để ra Côn đảo rước các bạn, nhưng đến giờ chót, chánh quyền Cộng sản giành lấy công việc ấy.

Chúng tôi biết bọn chúng không thật tâm lo cho người quốc gia. Chúng còn bận tranh giành, chia chác quyền thế, có đưa ghe ra đảo thì để đón bè đảng về tiếp tay chúng, nhưng anh em quốc gia còn lâu mới được đoái hoài.

Khổ nhất là anh em Quốc Dân Đảng, sẽ không được trở về Bắc, số phận nằm trong tay những người xem họ là kẻ thù, rồi đây phải bơ vơ, lạc loài ở miền Nam tới bởi khói lửa, thế thảm biết ngần nào!... □

quay trong con lốc



TRUYỆN DÀI

Nguyễn Ngọc Ngạn

(tiếp theo)

Bên ngoài, trời mưa bụi lất phất.
Ngồi khá lâu trước màn ảnh com

puter, Hoàng Tiến đứng dậy vươn
vai, nhắm mắt lại một lúc cho đỡ mỏi
rồi lạng quạng bước mấy bước, nằm

vật xuống sofa. Một tháng nay, dọn sang chung sống với Cồn, Hoàng Tiến gầy hẳn đi, lúc nào cũng cảm thấy bản thân khó chịu, phần vì ăn uống thất thường, phần vì nỗi đau sâu kín còn đang âm ỉ ray rứt trong lòng. Ông ra đi là phải! Bởi dù có thất thế đến đâu, ông cũng còn chút tự ái, không thể chấp nhận được việc Hồng đem Khang về ở chung, nghĩa là vợ ông ngang nhiên sống với hai thằng chồng trong cùng một căn nhà, huống chi kẻ tình địch ấy lại là đứa học trò cũ! Chẳng lẽ ông ra lườm vào nguýt rồi lớn tiếng chửi nhau? Giấy rách phải giữ lấy lề, ông không thể tự hạ giá, đánh lộn tay đôi với Khang được! Thôi thì thà noi gương xưa, Nghiêu nhường Thuấn, ông cũng nhường vợ cho thằng học trò để lưu giữ chút ân tình mai sau. Người ôm chí lớn như ông thì tiếc gì một con đàn bà đã qua thời xuân sắc! Lâu lâu ông vẫn tự an ủi mình như thế mặc dầu ông biết rõ rằng, ông không thể đánh lừa được chính mình.

Hoàng Tiến nhớ mãi một buổi trưa, Hồng đi làm, ông đang cắm cúi ngoài sân, chăm sóc mấy khóm hoa cho khuây khỏa thì Khang đến. Hoàng Tiến giật mình đứng bật dậy, trở mắt nhìn. Ông không ngờ đứa “phản đồ” kia còn dám ngang nhiên tới gặp ông. Khang mở cửa xe chui ra và lễ phép chào:

- Thưa thầy ạ!

Hoàng Tiến lặng người một lúc, không biết phản ứng ra sao. Bao nhiêu đêm trằn trọc, ông đã nắm chặt bàn tay, nghiền răng ken két, hẹn với lòng mình rằng hễ gặp Khang, ông sẽ tóm lấy, chửi một trận cho vơi nỗi uất. Nhưng rồi đầu lại vào đấy. Điện thoại cho Khang, ông vẫn nói năng trầm tĩnh, đúng phong cách kẻ cả, khiến đôi lúc Khang có cảm tưởng ông chưa hề biết vợ ông dan díu với Khang. Bây giờ Khang đi thêm một bước, đến thẳng nhà ông, trực tiếp đứng ngay trước mặt. Ông tưởng mình sẽ phải gào thét phẫn nộ, như nhiều lần dự tính, nhưng chẳng hiểu sao ông cứ đứng yên, chờ Khang lên tiếng lần thứ hai, mới ấp úng hỏi lại:

- Khang đấy à? Tìm thầy có việc

gì không?

Khang tiến lại bên cạnh, thần nhiên đáp:

- Thưa thầy, cô nói với em là thầy cô có phòng cho mượn. Cô bảo em dọn lại đây, chia tiền nhà...

Câu trả lời như nhát dao đâm vào tim Hoàng Tiến làm mặt ông tái nhợt hẳn đi. Ông không thể ngờ vợ ông trở trên đến thế! Ông cố trấn tĩnh, run run bảo Khang:

- Để thầy hỏi lại cô xem sao. Nhà rộng thật, nhưng thầy chưa có ý định cho thuê!

Dứt lời, ông quay mặt đi, cố giấu nỗi buồn đau ghê gớm trong ánh mắt. Ông ngồi xuống, tiếp tục vun đất quanh một khóm hồng, giống như hình ảnh vua Lý Huệ Tông lúc mặt vận, thơ thần làm vườn trong sân chùa, chờ Trần Thủ Độ đến thăm và nhắc khéo: "Nhớ cỏ phải nhổ tận gốc!"

Sau lưng ông, Khang đứng ngẫm nghĩ một lúc rồi quay lại, mở thùng xe khuôn xuống hai cái va-li và ít đồ lặt vặt đựng trong chiếc thùng giấy khá lớn. Chàng đem hết lên thêm nhà, đặt ngay trước cửa ra vào, rồi trở lại bên Hoàng Tiến:

- Thầy cần làm gì, em phụ một tay.

Hoàng Tiến đáp nhanh:

- Không. Có gì mà làm!

Ông ngồi bệt xuống thảm cỏ, xoa hai bàn tay đầy đất vào nhau, chuẩn bị tìm câu nháp đề để hỏi thẳng Khang về chuyện tình bất chính giữa chàng và vợ ông, dù rằng chẳng cần hỏi, ông cũng đã biết. Nhưng ông chưa kịp lên tiếng thì Khang đã hỏi:

- Em xin phép dọn đồ vô phòng, nghe thầy!

Hoàng Tiến chán nản buông xuôi:

- Ừ, muốn làm gì thì làm!

Khang nhìn Hoàng Tiến ái ngại:

- Thầy không muốn em ở đây?

Hoàng Tiến có cảm tưởng thằng học trò cố tình chọc tức, nên gần giọng hỏi lại:

- Những lúc tôi vắng nhà, cậu có thường... lui tới với vợ tôi không?

Khang đã chuẩn bị trước, nên đáp ngay:

- Thưa thầy có! Lâu lâu em có ghé thăm cô. Là vì lúc ấy em nghe cô bảo thầy đã lấy vợ khác, lấy cô Đào, cán bộ văn hoá Hà Nội. Cô còn nói thầy đã mua nhà ở Sài Gòn và không trở lại Mỹ nữa!

Cơn giận vừa chột bùng lên, lại tắt ngay trong lòng Hoàng Tiến, bởi cái vết thương do Đào gây nên chưa lành hẳn. Chuyện ông vùng tiền mua vui ở quê nhà, người ngoài còn biết hướng chi là Hồng. Đó là cái mặc cảm sâu kín trong lòng Hoàng Tiến, là cái cố rất vững vàng để Hồng có quyền gạt ông ra khỏi cuộc đời mà ông không thể phiến trách. Ông yếu ớt phân trần với Khang:

- Thiên hạ chỉ tung tin đồn nhảm chứ làm gì có chuyện ấy...

Ông bỏ dở câu nói, ngồi yên như pho tượng. Khang cũng chẳng nói gì nữa, bước nhanh lên thêm nhà và đẩy cửa, khuôn đồ đạc vào. Từng góc cạnh của căn nhà đều quá quen thuộc đối với Khang, bởi chàng đã ăn ngủ tại đây đến hơn nửa năm. Chỉ có điều là từ nay, giang sơn của chàng sẽ là căn phòng của con gái Hồng, chung vách với buồng ngủ chính dành cho Hoàng Tiến và Hồng. Chàng đặt tạm hai cái va-li sát vách rồi trở lại phòng khách, đứng sau cửa sổ ngó ra sân. Chàng thấy Hoàng Tiến vẫn ngồi ở vị trí cũ, hai tay bó gối, đầu cúi xuống một cách mệt mỏi. Một cơn gió nhẹ thoảng qua, thổi mái tóc thưa thớt của ông dựng ngược lên, càng làm Khang thấy rõ những nét già nua mà dường như chỉ mới ập đến với ông từ mấy tháng nay.

Buổi chiều, Hồng đi làm về. Khang ra đón từ ngoài cổng. Hồng nửa mừng nửa sợ, đưa mắt nhìn vào nhà và hỏi nhỏ:

- Anh dọn đến, ông ấy có nói gì không?

Khang lắc đầu:

- Không! Thầy chả nói gì... Nhưng thầy bỏ đi rồi!

Hồng hỏi hớp:

- Đi đâu?

- Đâu có biết thầy đi đâu! Anh đến được một lúc thì thấy thầy điện thoại cho người nào đó, nói chuyện lâu lắm. Rồi thầy lấy va-li, xếp mấy

bộ quần áo, chất lên xe, rồi đi!

Hồng thở phào mừng rỡ:

- Càng tốt! Cho ông ấy đi luôn đi!... Trước khi đi, ông ấy có nói gì với anh không?

- Không. Anh nằm ở trong phòng. Thầy đi rồi, anh mới ra.

Hồng cười khúc khích vì thắng lợi quá bất ngờ, vượt mọi tính toán của nàng. Suốt một ngày ngồi trong sở, nàng lo âu không biết chiều nay về nhà sẽ phải đối phó với Hoàng Tiến như thế nào, bởi nàng hình dung trước cơn thịnh nộ của Hoàng Tiến và đoán chắc ít lắm Hoàng Tiến cũng phải đập bể vài cái ly theo thói quen mỗi lần giận dữ. Rồi biết đâu, vì những lực đực triển miên giữa nàng và Hoàng Tiến, Khang sẽ chán nản và tự ý dọn ra. Không ngờ phản ứng của Hoàng Tiến lại tiêu cực đến thế, chấp nhận làm kẻ thua cuộc, khăn gói giã từ. Hồng thở mạnh, hớn hờ quàng cánh tay qua vai Khang và thanh thản bước vô nhà. Nàng quàng cái ví xuống sofa, ôm ghì lấy Khang, hôn thật lâu lên môi, rồi đứng giữa phòng khách, dang rộng hai cánh tay, xoay người một vòng để biểu lộ niềm hạnh phúc của một người vừa được giải phóng. Bất chiến tự nhiên thành. Chưa lên tiếng đuổi, Hoàng Tiến đã ra đi! Ông ra đi nơi này vẫn thế. Nàng nhìn quanh rồi bất chợt tắt hẳn nụ cười, chạy lao vào buồng ngủ.

Hồng luống cuống lực tung mấy ngăn tủ rồi luồn tay xuống phía dưới tấm nệm giường và thở phào nhẹ nhõm vì tất cả nữ trang cũng như một xấp tiền mặt vẫn còn nguyên. Nàng mở tủ áo của Hoàng Tiến và ngạc nhiên thấy chỉ vơi đi khoảng một nửa. Mấy bộ vest vẫn nằm yên ở vị trí cũ. Cả đôi giày đen bóng mà Hoàng Tiến thường mang trong những dịp đại lễ, cũng bị bỏ lại. Tất cả những thứ ấy làm Hồng chột lo lắng tự hỏi: Phải chăng Hoàng Tiến sẽ còn quay về?

Hồng đứng tần ngần một lúc rồi gọi Khang vào và bảo:

- Mình ngủ ở phòng này, nhưng tạm thời anh cứ để đồ bên ấy...

Khang hiểu ý ngắt lời:

- Rủi thầy Tiến trở lại, phải

không?

Hồng nhún vai:

- Chắc ông ấy chả quay về nữa đâu!

Và nàng vui vẻ rủ Khang đi ăn cơm tiệm để ghi dấu một khúc rẽ mới của cuộc đời.

Từ đó Hoàng Tiến tá túc tại nhà Cồn. Hôm đầu tiên, đón đàn anh khăn gói quả mướp dọn qua, rồi nghe ông mếu máo kể lể hết sự tình, Cồn nghiêng răng kèn kẹt, đôi mắt rực lửa căm hờn còn hơn cả người trong cuộc. Dĩ nhiên không phải Cồn giận Hồng, bởi nàng chẳng liên quan gì đến Cồn và Cồn cũng chẳng phải người đạo đức đến độ khinh miệt tư cách của Hồng. Cồn cũng không thù

Khang, bởi giữa hai người không có gì đụng chạm. Cồn chỉ cảm thấy tủi thân vì chung quanh Cồn, dường như lúc nào cũng có những người may mắn hơn gã, điển hình là thằng Khang mà Cồn vốn đánh giá rất thấp. Hồng bỏ chồng để yêu Khang, chuyện ấy đã đành rồi, nhưng điều làm Cồn nghiêng răng chỉ vì không ngờ đàn anh Hoàng Tiến lại có thái độ nhu nhược đến như vậy! Trước khi ra đi, ít nhất cũng phải vả cho con vợ lẳng lơan mấy cái vào mặt, chứ tại sao lại đầu hàng một cách dễ dàng như thế! Cồn uất ức kêu lên:

- Anh yếu quá! Gặp tôi, tôi không để chúng nó nhờn như vậy được!

Hoàng Tiến cúi đầu yên lặng. Biết nói gì bây giờ? Ở đời có những người bình thường xử sự rất khôn ngoan, nhưng gặp tình huống bất bình thường thì không biết phải phản ứng thế nào cho đúng! Cồn nhìn đáng điệu mệt mỏi và nét mặt bơ phờ của đàn anh, chợt thấy hối hận vì lời bình phẩm gay gắt của mình. Gã đổi giọng, an ủi:

- Thôi, chuyện đã lỡ rồi. Tạm thời anh cứ ở đây vài hôm với tôi, rồi tính sau!

Hoàng Tiến hiểu ý Cồn chỉ muốn chứa chấp mình một thời gian ngắn trong lúc tang gia bối rối, cho nên ông cười buồn:

- Tại tôi thấy cậu với tôi cùng một cảnh ngộ, chắc cậu dễ thông cảm với tôi hơn. Chả gì bằng đồng hội đồng thuyền!

Cồn không muốn ai nhắc đến chuyện vợ Cồn bỏ đi, khiến gã nằm phoir củ cải đã gần ba năm. Gã khoa tay bảo Hoàng Tiến:

- Anh nên bắt chước tôi, nếu đã dứt khoát thì đừng nghĩ đến nữa. Anh em mình tính chuyện tương lai.

Hoàng Tiến tạm quên nỗi sầu, ân cần nhập đề:

- Cậu nói đúng đấy... Hôm nọ cậu bàn với tôi kế hoạch về Việt Nam mở trường Anh văn. Cậu còn giữ ý định ấy không?

- Còn chứ anh. Nhưng tôi cần giải quyết một vài việc bên này đã.

Thật ra thì chỉ có một vấn đề duy nhất mà Cồn phải giải quyết, đó là tiền. Trong một lúc hứng chí, Cồn đã hứa sẽ mua vé máy bay cho Hoàng Tiến cùng đi, nhưng rồi ngay sau đó gã xét lại và đổi ý, bởi vốn liếng của Cồn chẳng có bao nhiêu. Suy đi tính lại, Cồn thấy việc đem đàn anh về chưa chắc đã có lợi gì mà phải đeo thêm một gánh nặng. Chính Hoàng Tiến đã đại dột vẽ ra trước mắt Cồn cái viễn tượng rất tốn kém khi về nước. Ông bảo:

- Ngoài cái vé máy bay, thật sự tiền tiêu thì chả bao nhiêu, nhưng tiền trải đường thì chẳng biết thế nào cho đủ, nhất là cậu về lần đầu. Đây là nói về chơi thôi. Còn tính chuyện làm ăn thì còn nhiều khê nữa. Xin



một cái giấy, phải qua biết bao nhiêu là cửa, tham nhũng không còn là một tệ nạn, mà gần như một quốc sách!

Cổn thất vọng:

- Thế thì tôi chưa thể về được!

Hoàng Tiến xuống tinh thần lắm, bởi ông đang cần chạy trốn hiện tại, bám víu hy vọng theo Cổn du hành một chuyến cho khuây khỏa. Ông băn khoăn hỏi thêm:

- Chỗ anh em tôi hỏi thật. Bây giờ cậu có được bao nhiêu? Tôi thì cậu biết rồi, lúc này kẹt lắm!

- Tôi cũng chả hơn gì anh. Mấy tháng nay, mỗi tuần hăng bảo hiểm chỉ cho chút ít. Nhưng tôi thấy phiền toái quá, cho nên tuần vừa rồi tôi đã báo cho văn phòng luật sư biết là tôi bình phục hẳn rồi, để họ khỏi gửi *cheque* nữa. Hiện giờ tôi cũng chưa biết mình sẽ sống bằng cái gì!

Ở với Cổn được vài ngày, Hoàng Tiến nhận ra rằng, về tiền bạc, Cổn nói thật. Gã rách lắm. Giật đầu này đắp đầu kia, lâu lâu mới có vài công việc lật vạt lãnh chút ít tiền mặt, chỉ đủ ngày hai bữa cơm thanh đạm và cà phê thuốc lá. Ý định theo Cổn về lại Việt Nam của Hoàng Tiến kể như chỉ còn là một giấc mơ. Đã thế, lâu lâu vẫn có vài chủ nợ *phone* đến nhà Cổn, đòi gấp cho được Hoàng Tiến để đòi tiền. Hơn lúc nào hết, Hoàng Tiến thấy cuộc đời dòn ông đến bước đường cùng, khiến ông có lúc thoáng có ý định tự tử để giải thoát.

Ban ngày, ở cạnh Cổn, ông cố đóng kịch, giữ vẻ bình thường. Nhưng đêm xuống, ông nằm thao

thức trên chiếc sofa sồn nát ngoài phòng khách, trần trổ dày vò, đôi mắt cay như xát muối mà không tài nào ngủ yên được một giấc. Người ông gầy xẹp, nét già nua ulla đến trong nháy mắt. Ông ngại ra ngoài, tránh né đám đông, suốt ngày đi tới đi lui trong căn phòng tù túng của Cổn, đếm thời gian trôi qua rất chậm. Râu ria ông không cạo, bộ quần áo mặc trên người từ hôm dọn qua với Cổn, hình như chưa thay, bốc mùi chua loét, khiến Cổn có lúc phải nhăn mặt. Gã mũi lòng hỏi ông:

- Đạo trước anh nói với tôi là anh về làm thủ tục đòi lại hai căn nhà ở Sài gòn. Chuyện đó đến đâu rồi? Nếu đòi được, sao không bán quách? Lỡ lỡ gì cũng có chút tiền trong lúc anh đang kẹt.

Hoàng Tiến giật mình vì chính ông không nhớ đã kể với Cổn về hai căn nhà ở Sài gòn. Dĩ nhiên đó chỉ là chuyện tưởng tượng. Ông làm gì còn căn nhà nào mà đòi! Nhưng ở vào cương vị ông lúc này, bắt buộc ông phải nói phét bởi hai lý do: Thứ nhất, ông không muốn Cổn biết rằng ông đã hoàn toàn kiệt quệ. Thứ hai, trước đây đã lỡ ném lao thì bây giờ phải theo lao. Ông làm bộ thở dài thườn thượt rồi nảo nuột than:

- Cả hai căn, tôi đều lấy lại lâu rồi. Hồi trước Tết, có người trả tôi cái căn ở Phú Nhuận 120 lượng. Rồi căn kia ở Trần Hưng Đạo hơn 200 cây, nhưng tôi đâu có thêm bán! Nói cho ngay thì lúc ấy tôi không cần tiền, bán làm gì! Nay mai Mỹ bang giao,

ngoại quốc đổ vào đầu tư, nhà sẽ lên giá vùn vụt, làm gì chả kiếm được mỗi căn vài trăm ngàn đô! Nhưng mà đến nước này thì chắc là đành phải bán vậy. Tôi định chuyến này về cùng với cậu, tôi sẽ bán quách cho rồi!

Cổn tưởng thật, sáng mắt phụ họa:

- Vâng, để làm gì! Lấy tiền mình đầu tư cái khác.

Hoàng Tiến gật đầu quay đi chỗ khác, giấu vẻ bối rối trong ánh mắt. Ông không có nhà để đòi đã đành, mà dù có, ông cũng biết chắc là không thể đòi được. Ông nhớ mãi chuyến du lịch lần thứ hai, một người bà con ở Cali nhờ ông hỏi thăm về việc Nhà Nước trả lại nhà cho Việt kiều. Về Sài gòn, ông ghé vô một văn phòng "Dịch vụ chuyên lo thủ tục đòi nhà". Ông thấy người ta ra vô tập nập, hí hửng nộp đơn. Lệ phí chưa tới năm trăm mỹ kim, nếu so với trị giá của một căn nhà đang trong cơn sốt hiện nay, thì quả thật chẳng đáng bao nhiêu. Bởi vậy, ai có nhà mà chẳng quảng ra vài trăm để nhờ văn phòng dịch vụ đòi giúp. Hoàng Tiến hỏi thăm cặn kẽ rồi cấp tốc gửi điện thư sang Mỹ báo tin vui cho người nhà biết.

Mấy hôm sau ông ghé thăm Hoàng Tân, thằng em thiếu tá công an mặt mũi lúc nào cũng tái ngắt, đem câu chuyện đòi nhà ra hỏi, mới hay đó chỉ là một tin đồn vớ vẩn để câu khách du lịch. Hoàng Tân gay gắt giảng:

- Làm gì có chính sách ấy! Đã trốn chạy theo đế quốc Mỹ, Đảng và Nhà Nước khoan hồng cho về thăm nhà là may lắm rồi, lại còn đòi lấy lại tài sản nữa ư? Đúng là được đảng chân lân đảng đầu! Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng nói rõ là, tất cả những căn nhà vắng chủ đều thuộc quyền sở hữu của chính quyền! Và chỉ có người mang quốc tịch Việt Nam mới có quyền sở hữu nhà cửa tại Việt Nam. Nghĩa là rõ ràng những người đã bỏ đi như anh, không thể đứng tên để mua nhà được, chứ đừng nói đến việc đòi lại nhà!

Hoàng Tiến há mồm ngạc nhiên

như cơn mộng

*Mở tung hoạt cảnh dị thường
Đêm đen trùng khắp, máu xương ngút trời
Con trăng viễn xứ đầy vơi
Tình ta ròng rã một đời hụi hao
Gặp người rạn vỡ chiêm bao
Tình ra giọt lệ thấm vào gối chần.*

vạn giả



rồi bực mình hỏi lại:

- Thế thì tại sao công an các chú không dẹp bỏ những văn phòng dịch vụ lo thủ tục giúp Việt kiều đòi lại nhà đó đi? Bởi vì nếu không có chính sách ấy, tức là những văn phòng này đều bịp bợm cả! Chính mắt tôi thấy mọi người vào nộp đơn đều tốn một cây vàng. Tiền đó đi đâu? Biết không làm được, tại sao họ vẫn nhận đơn, nhận tiền?

Hoàng Tân cười khẩy, giơ tay phân trần:

- Thì cũng phải để người ta kiếm cơm chứ! Việt kiều có ai nghèo đâu! Năm trăm bạc nghĩa lý gì!

Hoàng Tiến lắc đầu:

- Luật lệ vớ vẩn như thế thì kêu gọi ngoại quốc đầu tư làm sao được! Chú nên nhớ rằng, không ai bỏ vốn về đầu tư ở một quốc gia bất ổn về chính trị và lòng lẻo về luật pháp. Nếu có, thì cũng chỉ là chụp giật ngắn hạn mà thôi! Mà nếu ai cũng chỉ tính chuyện làm ăn ngắn hạn, thì không thể nào phát triển kinh tế được!

Hoàng Tiến tưởng đó là bài học vỡ lòng về kinh tế mà thằng em phải lắng nghe. Nhưng Hoàng Tân đưa mắt nhìn anh thương hại. Đó là chuyện của nhà nước, không phải của những đảng viên như gã. Nhiệm vụ của gã lúc này là kiếm tiền, là vớt vát cho riêng mình để đề phòng nay mai có gì bất trắc thì có tí của mà véo ăn dần! Gã bảo Hoàng Tiến một cách giễu cợt:

- Bác cứ hay có cái tật lo bò trắng răng!

Câu nói nửa đùa nửa thật hàm ý chê bai ấy, cho đến giờ này, mỗi lần nhớ lại, Hoàng Tiến vẫn còn cảm thấy gai gai khó chịu. Hôm nay ngồi đây với hai bàn tay trắng, ông lại càng xao xuyến nghĩ tới thằng em và nhớ lại căn nhà ở quận ba mà ông đã dốc tiền mua cho Đào. Chưa kể những tiêu pha quá sức rộng rãi dành cho Đào mà bây giờ trắng tay, ông mới thấy rằng Đào không xứng đáng được hưởng.

Cổn bước vào bếp, mở tủ lạnh lấy lon Coca trao cho Hoàng Tiến. Từ lúc biết Hoàng Tiến còn hai căn nhà

ở Việt Nam, thiện cảm của Cổn đối với đàn anh tăng hẳn lên. Gã vui vẻ bảo:

- Ngày mai anh đi với tôi nhé? Ngồi nhà mãi thế này, có ngày ốm đau thì nguy. Đi với tôi cho vui, thứ bảy nằm nhà làm gì!

Hoàng Tiến uống hớp nước, hững hờ hỏi lại:

- Đi đâu?

Cổn tặc lưỡi ra vẻ không quan tâm, kỷ thực trong lòng rất háo hức về buổi họp mặt ngày mai, kỷ niệm 20 năm ngày cưới của một cặp vợ chồng người quen, đã ngờ ý nhờ Cổn cầm micro điều khiển chương trình nghi lễ. Cổn vốn không có ý định rủ Hoàng Tiến đi theo, nhưng thấy đàn anh ngồi nhà phờ phạc quá, gã mới đề nghị:

- Vợ chồng thằng Ngọc tổ chức *anniversary* 20 năm, năn nỉ tôi tiếp khách. Anh còn lạ gì, phú quý sinh lễ nghĩa! Lúc này chúng nó có tiền, mời thiên hạ đến ăn uống rồi ca hát, nhảy đầm. Nhưng mà được cái là vợ chồng nó quen toàn người đứng đắn. Anh đi với tôi cho vui!

Hoàng Tiến dè dặt:

- Cậu đi một mình đi, tôi có thân thiết gì với chúng nó đâu mà tới đó!

Cổn tỏ phong độ quảng giao:

- Vợ chồng thằng Ngọc chứ ai mà anh bảo là không quen! Chúng nó cũng như đàn em của tôi. Tôi mời anh! Đồng lắm, cả trăm người chứ đâu phải ít! Đến đó cho khuấy khuấy, ngồi nhà mãi làm gì!

Hoàng Tiến càng ngại vì lúc này ông mang mặc cảm thất thế, không muốn hiện diện ở chỗ đông người. Rủi gặp phải những tay chủ nợ hung hãn như con mẹ Nhân, lớn tiếng đòi tiền ông giữa bàn tiệc thì còn mặt mũi nào nhìn thiên hạ! Ông nhắc lại lời từ chối:

- Quen thì cũng có quen, nhưng họ không mời, vác mặt đến, kỳ cục lắm!

Cổn nhấn mạnh:

- Tôi sẽ bảo nó mời anh.

Hoàng Tiến nhăn mặt:

- Ai lại làm như vậy!

Cổn cười cười giải thích:

- Anh qua ở với tôi, ngày nào

cũng ăn mì gói, chắc ngấy tới cổ! Lâu lâu mình đi đổi món cho đỡ ngán. Vợ chồng nhà này chi tiền bạo tay lắm. Thức ăn ế hề. Tội gì mình không làm một bụng cho đã!

Hoàng Tiến cũng muốn ăn một bữa ngon, nhưng linh cảm dữ nhiều lành ít! Ông ngồi yên, mân mê mấy sợi râu dưới cằm. Cổn thấy cần phải nịnh thêm một câu:

- Anh nhận lời đến là cả một vinh dự cho vợ chồng chúng nó. Phải trải thảm đỏ ra tận cổng mà đón anh mới đúng!

Rồi trong lúc vui miệng, Cổn nói luôn:

- Anh yên tâm đi. Tôi đang xoay tiền. Độ hai tháng nữa, tôi sẽ đưa anh về Sài gòn bán nhà, lấy vốn, anh em mình làm ăn!

Câu nói của Cổn làm Hoàng Tiến vui hẳn lên, như người chết đuối chộp được mảnh ván trên dòng nước, dù là mảnh ván mục!

Hôm sau, Cổn chờ đàn anh đến dự tiệc lúc mới hơn hai giờ, nắng chiều còn rất gay gắt. Tối hôm trước, vợ chồng Ngọc theo đề nghị của Cổn, đã điện thoại sang, tha thiết mời Hoàng Tiến, khiến ông có cảm tưởng mình vẫn còn là một nhân vật quan trọng. Ông cảm động nhận lời và không quên phun ra vài câu chúc mừng hết sức khách sáo. Buông điện thoại, ông vào ngay phòng tắm, mượn Cổn cái máy cạo râu, chăm lo lại nhan sắc. Ông không nhớ rõ từ ngày dọn qua với Cổn, ông đã tắm lần nào chưa! Chỉ biết bộ đồ nhàu nát trên thân thể đã loang lổ những vết mồ hôi khô cứng, đọng lại trước ngực từng mảng vàng ố. Ông cởi quần áo, leo vô bồn tắm và bắt đầu vịn vôi xối nước. Ông thấy toàn thân khoan khoái dễ chịu như vừa trút được một gánh nặng. Ông vịn nước đầy bồn, nằm ngửa, duỗi chân ra và nhắm mắt lại, suy ngẫm về sự thăng trầm của đời người. Lâu lắm, nghe tiếng gõ cửa, ông mới giật mình ngồi bật lên. Cổn đứng bên ngoài, hỏi vọng vào:

- Anh làm gì mà lâu thế, anh Tiến?

Hoàng Tiến vừa đứng dậy vừa đáp:

- Tôi ra bây giờ!

Ông quàng chiếc khăn ngang bụng, đứng nhìn mình trong gương một lúc rồi mới mở cửa phòng tắm bước ra. Ông mặc tạm bộ đồ ngủ rồi lục va-li, lấy bộ vest và cái sơ-mi trắng ra ủi để chuẩn bị cho buổi họp mặt ngày mai.

Dù dứt khoát là sẽ đi, thế mà trưa nay lấy quần áo ra thay, Hoàng Tiến vẫn vờ vịt bảo Cồn:

- Hay thôi, cậu đi mình đi, tôi thấy thế nào ấy!

Cồn gất nhẹ:

- Anh đã hứa với người ta. Mình đâu phải trẻ con.

Ông khoác áo vest vào và sự nhớ ra hôm bỏ đi, đã không đem theo cà-vạt. Ông đứng trầm ngâm trước gương, suy nghĩ xem có nên trở về lấy thêm những thứ cần thiết hay không. Lòng ông quận đau hình dung ra những ngày vừa qua, Hồng và Khang nhớn nhợ sống bên nhau trong căn nhà mà chính ông đã tạo dựng và vun xới.

Cồn cũng vừa thay đồ xong, bước đến sau lưng ông, giật mình nhận ra đàn anh hôm nay vừa lột xác, khác hẳn cái hình ảnh bệ rạc thường nhật. Gã trao cho Hoàng Tiến chiếc cà-vạt to bản và bảo:

- Anh thất tạm cái này!

Hoàng Tiến đỡ lấy, vừa choàng vào cổ vừa ưu tư hỏi:

- Nhà có cái gì dùng làm quà tặng được không? Đến tay không, kỳ lắm! Cậu thì không sao, vì người ta nhờ cậu. Còn tôi, vác mặt đến ăn rồi về, coi sao được!

Cồn gật đầu đồng ý rồi mở hết các ngăn tủ bếp lục lọi. Lâu lắm, gã mới moi ra được ra chai rượu vang, còn dán miếng giấy nhỏ ghi giá tiền 4\$99. Gã hớn hờ bảo Hoàng Tiến:

- May quá, có cái này!

Gã bóc bỏ giá tiền, lấy tờ giấy báo cuốn lại rồi cả hai hiên ngang bước ra xe.

Đến trước cửa nhà Ngọc, Cồn dừng xe, khoan khoái bước xuống, nói cười luôn miệng. Hoàng Tiến dè dặt theo sau, đưa mắt lăm lét nhìn cả chục chiếc xe đủ loại đậu dọc theo hai bên đường. Đi chuyến này, ông

không vui vì lúc nào cũng nơm nớp lo gặp chủ nợ. Cồn bấm chuông, đưa con chủ nhà ra mở cửa và reo lên:

- Chú Cồn! Mời chú ra sân sau! Bố mẹ cháu đang chờ chú đấy!

Dứt lời, con bé bỏ Cồn và Hoàng Tiến đứng đó, chạy vội vào phía trong. Tiếng ồn ào chuyện vãn, tiếng cười đùa hồn nhiên vang lên làm Hoàng Tiến càng thấy hồi hộp. Ông đi sát sau lưng Cồn, đưa mắt ngó vào phòng khách. Sáu bảy người đàn ông đang ngồi gật gù ở sa-lông, bàn chuyện thời sự. Mặt mũi ai cũng nghiêm trang, toát ra cái phong độ chính khách chuyên nghiệp. Cồn tiến lại ra mắt. Vài người lơ nhố đứng dậy bắt tay. Hoàng Tiến nhận ra trong đám ấy, có cả nhà văn Phan Trúc và Nguyễn Bản Hùng Vương, tức vua Hùng Vương thứ 49, ngồi bên cạnh một đệ tử. Nhìn Nguyễn Bản Hùng Vương, ông thốt nhớ lại hôm ghé thăm triều đình của vua Hùng Vương lần đầu tiên, ngắm bức tranh công chúa Tiên Dung cỡi trường đứng tắm bên bờ sông, nét vẽ tả chân sống động đến nỗi làm ông bị ám ảnh đến mấy đêm liền. Ông có cảm tưởng hình như bức vẽ ấy là một trong những hấp lực để lôi cuốn đệ tử tới tụ họp đông đủ!

Hoàng Tiến ngượng ngùng gật đầu chào khắp lượt rồi nói:

- Xin phép quý vị, lát nữa mình nói chuyện. Để tôi ra phía sau, chào chủ nhà đã!

Một người nào đó lên tiếng hỏi, giọng mỉa mai:

- Tưởng anh Tiến ở Việt Nam luôn rồi?

Hoàng Tiến nghe rõ, nhưng lờ đi. Cồn cũng nhũn nhặn gật đầu rồi kéo Hoàng Tiến vô trong. Ngang qua nhà bếp, Hoàng Tiến thấy sáu bảy bà xúm quanh một gã đàn ông tuổi khoảng ngoài ba mươi, liên tục đặt câu hỏi để yêu cầu gã trả lời. Ông nhíu mày một lúc mới nhớ ra đó là nhà tướng số Thiếu Dương mà cách đây mấy tháng, trong một lúc tuyệt vọng, ông đã đến nộp tiền nhờ đoán vận mạng. Thiếu Dương vốn là bạn thân của Cồn. Nguyên tác coi bói của gã chỉ nằm trong mấy câu ngắn ngủi

được lập đi lập lại với bất cứ thân chủ nào. Trong một lúc vui miệng ở bàn nhậu, gã bảo Cồn:

- Nguyên tác của tôi là: Hễ gặp hai vợ chồng cùng khá giả đến coi, thì mình chỉ cần khen bà vợ có tướng vượng phu ích tử, ông chồng nhờ vợ mà giàu. Bà vợ sẽ hãnh diện và lâu lâu trở lại coi tiếp. Còn đối với những người vợ vắn, chẳng nên cơm cháo gì, vì gặp chuyện thất vọng mà đến với mình, thì mình chỉ việc nói: Ông là người có tài, nhưng sinh bất phùng thời. Họ ra về, chẳng được cái gì, nhưng cũng vui vì họ tưởng họ có tài thật!

Hoàng Tiến sau chuyến về Việt Nam bị Đào bỏ rơi, e chề quá, đã đến gặp Thiếu Dương và quả nhiên được ông thầy khen là "người lỗi lạc nhưng thời vận chưa đến". Ông mang niềm hy vọng trở về kể cho Cồn nghe. Cồn toan ré lên cười nhưng cố dằn lại, để thẳng bạn mình làm ăn! Hôm nay gặp ở đây, Hoàng Tiến vẫn chưa biết thực chất của Thiếu Dương, nên chưa hề có ác cảm với gã. Ông cũng không ngạc nhiên khi thấy các bà xúm chung quanh Thiếu Dương, bởi ông biết gã vừa khéo nói, vừa khéo nịnh.

Cồn tiến vào, nhìn thật nhanh dãy bàn dài phủ khăn trắng, bày biện thức ăn các loại, hương thơm bốc lên ngào ngạt. Cồn bắt tay Thiếu Dương rồi lớn tiếng chào hỏi từng người, mặc dù có những khuôn mặt hoàn toàn xa lạ đối với Cồn. Gã muốn chứng tỏ với Hoàng Tiến là mình quen biết nhiều, nên luôn luôn biểu lộ tình thân với thiên hạ.

Đứng ở quầy bếp ngó qua cửa sổ, Hoàng Tiến thấy ngoài sân còn cả chục người. Ông cẩn thận quan sát thật kỹ và thở phào nhẹ nhõm vì không có ai là chủ nợ, đe dọa cuộc vui của ông hôm nay. Trời đánh tránh miếng ăn! Ông mừng thầm là số mình vẫn còn hên! Ông an tâm theo Cồn ra cửa hậu. Rải rác trên sân cỏ, kẻ đứng người ngồi, mặt mũi ai cũng hớn hờ. Lũ trẻ đuổi bắt nhau, chạy lòng vòng, la oai oái. Ngọc đang nướng thịt ở góc sân, thấy Cồn, vội buông đôi đũa, chạy lại niềm nở:

- Chờ anh mãi!

Rồi quay sang Hoàng Tiến, ân cần chào đón:

- Có anh đến, thật là hân hạnh cho chúng tôi.

Hoàng Tiến xiết chặt bàn tay Ngọc và hỏi:

- Chị đâu, thưa anh?

Ngọc chỉ ra phía hồ bơi, hãnh diện đáp:

- Vâng, mời anh lại đây. Nhà tôi đang tiếp chuyện mấy người bạn ngoài kia.

Ngọc vừa bước đi, vừa gọi lớn:

- Hào ơi! Có anh Hoàng Tiến với anh Cồn tới chơi!

Ba người tiến lại hồ bơi. Bốn năm bà đều mặc đồ tắm, đang ngồi xúm nhau trên bờ, dưới ánh nắng chan chứa của buổi chiều mùa hè. Bà nào cũng ở tuổi trên dưới 40, hoặc đã có con lớn, hoặc đã có cháu ngoại, nhưng vẫn hớn hở như tuổi thanh xuân. Nghe tiếng gọi, vợ Ngọc đứng dậy đón khách. Hình ảnh Hồng chợt hiện ra trong trí, khiến Hoàng Tiến thấy buồn se sắt. Vợ Ngọc bắt tay Hoàng Tiến và nói một câu thủ tục:

- Rất hân hạnh được anh đến chung vui với chúng em.

Cồn đứng bên Hoàng Tiến, chăm chú quan sát đôi chân vừa cong vừa mập của gia chủ, với những vết nứt mờ mờ gợn sóng hai bên hông. Chưa kể cái bụng dưới nổi phồng lên sau lớp áo tắm bó sát mà đáng lẽ phải đi hú mõ từ lâu! Dù vậy, Cồn vẫn thấy vợ Ngọc toát ra một vẻ lôi cuốn lạ thường.

Ngọc mời Hoàng Tiến và Cồn vào nhà, rót nước, rót rượu cho hai người, luôn miệng nhắc nhở:

- Xin hai anh cứ tự nhiên như ở nhà!

Rồi Ngọc cáo lui, trở lại với lò *barbecue*. Cồn cầm lon bia, lững thững bước theo Ngọc, hỏi thăm nghi thức và chương trình dạ vũ tối nay để gã chuẩn bị lời giới thiệu. Tuy cố làm ra vẻ chăm chú nói chuyện với Ngọc, nhưng Cồn vẫn thường xuyên liếc mắt ra phía hồ bơi, ngắm nghía những cặp đùi cổ thụ của mấy bà đang đi tới đi lui trên bờ.

Đứng dưới hàng hiên, Hoàng

em tôi

Giặc đỏ vào Nam em tôi 16 tuổi
Bỏ học hành đi thơ thần như mẹ
Đêm trốn ngủ chong đèn cùng lũ bạn
Rượu đế dầm chai, quên lối đi về

Mười sáu tuổi thời con trai mới lớn
Bên này sông mơ cô gái bên kia
Nhà người yêu có vườn trầu xanh lá
Trầu quán thân cau đâu để chia lìa.

Mấy năm sau anh người yêu biệt tích
Vườn trầu xanh héo hắt kém xanh hơn
Con nước lớn gọi người yêu ra hái
Từng là trầu lá nhớ lá thương.

Em tôi đó từ sau ngày mất nước
Cứ ưu tư ít nói ít cười
Lòng đã chín một mối tình thơ dại
Lòng kia đau theo vận nước em ơi!

Mẹ tôi đôi mắt buồn thảng chập
Chiều ba mươi thương bếp lạnh tro tàn
Đàn con xưa cứ mỗi ngày một vắng
Có còn không dòng lệ mẹ chứa chan!

Cây xoài nhỏ mùa này không đậu trái
Cây bưởi trước nhà cũng trổ ít bông hơn
Em gái tôi cứ nhìn mây mà nhớ
Giặc đỏ vào Nam hoa trái cũng cảm hờn!

lâm hảo khôi

Tiến sớ rở bên cạnh mấy chậu kiểng. Ông cảm thấy thừa thãi và lạc lõng. Không phải vì ông ít kinh nghiệm giao tế, mà chỉ vì hoàn cảnh sa sút đã làm ông mất hết tự tin khi đối diện bất cứ ai. Nhìn căn nhà đồ sộ của vợ chồng Ngọc, một cặp vợ chồng vô danh trong cộng đồng, chỉ nhờ chăm chỉ mà tạo dựng nên cơ nghiệp, ông thấy lòng chùng xuống, vừa buồn vừa hối hận. Họ là một tấm gương thành công chỉ nhờ ý chí và nỗ lực vươn lên. Hoàng Tiến cũng đã có lúc khá giả do đầu tư mấy năm trong ngành địa ốc. Nhưng rồi ông lao vào chính trị, thứ chính trị ăn sổi của kẻ cơ hội chủ nghĩa. Việc không thành, ông lại vương thêm một nhược điểm

thứ hai nặng nề gấp bội là mê gái, làm ông tán gia bại sản. Tuổi đã trên 50, lại gặp lúc kinh tế suy thoái, nhất là gia đình đổ vỡ, ông không hy vọng gì sẽ có dịp tái tạo cơ nghiệp như hai năm trước.

Hoàng Tiến còn đang miên man suy nghĩ thì bỗng nghe tiếng gọi sau lưng:

- Anh Tiến! Vào trong này nói chuyện cho vui. Đừng làm gì đấy?

Hoàng Tiến giật mình quay lại, nhận ra một người quen trước đây từng viết những bài nhận định thời cuộc trên báo *Trực Diện* của Cồn, ký bút hiệu Bàng Thống, một nhân vật mưu trí đời Tam Quốc. Thuở Hoàng Tiến còn khá giả, ngoài món tiền trợ



cấp hàng tháng cho tờ *Trực Diện* để trả ơn Cồn viết bài đánh bóng mình, ông còn rộng lượng đãi đãi nhân viên toà soạn rất thường xuyên, cho nên Bàng Thống vẫn có lòng quý mến đối với Hoàng Tiến. Ông bắt tay Bàng Thống, nói chữa ngược:

- Định chờ Cồn rồi vào gặp các anh luôn thể!

- Anh chờ nó làm gì! Nó phải bàn với vợ chồng ông Ngọc về cái job tối nay của nó... Vào đây với tôi. Anh em đang nhắc anh.

Hoàng Tiến dè dặt bước theo sau Bàng Thống vào phòng khách. ở đó, trên bộ sa-lông da màu đen, vừa có thêm vài khuôn mặt mới xuất hiện. Hoàng Tiến bắt tay từng người, dù có vài người ông đã bắt tay và thăm hỏi lúc mới vào. Nguyễn Bản Hùng Vương ngồi nhích sang một bên, nhường chỗ cho Hoàng Tiến và nói:

- Ngồi đây, anh Tiến. Ngồi đây nghe anh Hưng nói chuyện. Chắc anh Tiến biết anh Hưng, Trần Duy Hưng?

Hoàng Tiến hướng về phía người đàn ông mặc com-lê đen, ngồi bên Phan Trúc, xã giao đáp:

- Chưa được hân hạnh gặp mặt lần nào, nhưng tên tuổi anh Trần Duy Hưng thì ai mà không biết! Hình như ít lâu nay không thấy anh hoạt động?

Nguyễn Bản Hùng Vương chen vào:

- Chúng tôi cũng vừa hỏi anh Hưng câu hỏi đó. Anh Hưng đang trả lời thì anh vào... Vâng, xin để anh Hưng nói tiếp.

Mọi người đều đưa mắt nhìn Trần Duy Hưng chờ đợi, khiến Hoàng Tiến có cảm tưởng dường như ai chung quanh ông cũng tỏ ra nể nang nhân vật này. Ông ta có lẽ cùng trạc tuổi Hoàng Tiến, nhưng nhỏ người hơn. Nhìn ông, người ta dễ dàng nhận ra vẻ khoan hoà của một người hợp với công tác xã hội hơn là chính trị. Có lẽ chính vì thế mà ông đã bỏ cuộc sau sáu năm miệt mài lao vào các sinh hoạt đàn thể. Ông nói:

- Mười lăm năm tị nạn đầu tiên, chúng ta có nhiều khuyết điểm. Nhưng ít ra chúng ta thuần nhất. Từ ngày Việt cộng áp dụng chính sách

đổi mới, bên trong thì cởi trói văn nghệ, bên ngoài thì mở cửa đón Việt kiều về thăm nhà, tập thể người Việt tị nạn chúng ta gặp khủng hoảng lớn, đúng như Nguyễn Ngọc Hà, trưởng ban Việt kiều đảng Cộng sản đã dự kiến. Những người mà trước đây tôi làm việc chung, gặp nhau gần như hàng ngày, có cùng suy nghĩ như nhau, hôm nay thay đổi một cách lạ lùng, khiến tôi không biết ai còn là bạn, ai đã rẽ ngang. Đành rằng tình thế mới, phương thức đấu tranh cũng phải mới, nhưng cái điều căn bản không thể thay đổi được, đó là không đầu hàng! Không biết có phải vì tôi bảo thủ hay không, nhưng tôi thấy chung quanh tôi người ta tiến... nhanh quá, tôi không theo kịp! Người ta đòi kết thân với Đỗ Mười để cải tạo Đỗ Mười và bộ Chính trị thì quả thật tôi không thể theo nổi!

Vài giọng cười cất lên nho nhỏ. Dăm cái đầu gật gù đồng ý. Những điều Trần Duy Hưng vừa nhắc đến về sự thay đổi trong cộng đồng là một thực tế hiển nhiên đang diễn ra nhưng ít ai để ý. Mới hôm nào Nguyễn Tú A tiên phong về Việt Nam, bị cả tập thể người Việt hải ngoại lên án. Đoàn Văn Toại hô hào vận động dân chủ, Trần Khánh Vân đề nghị viện trợ kỹ thuật, bị phản đối bằng súng đạn. Nhóm Thông Luận hội thảo về hoà hợp hoà giải, có người vác dao vào tận phòng họp khống chế. Hôm nay người ta đi đi về về, công khai tuyên bố hợp tác với CS, thậm chí có kẻ thời cơ như Bùi Duy Tâm mon men gặp gỡ Mai Chí Thọ, có kẻ ngớ ngẩn như Phó Bá Long cúi xin Võ Văn Kiệt ban lệnh ân xá cho người Việt hải ngoại, mà vẫn nhớn nhác trong cộng đồng, không còn là những cái gai trước mắt mọi người như mấy năm trước đây.

Nguyễn Bản Hùng Vương đưa mắt nhìn gã đàn em bên cạnh, cũng là lý thuyết gia nhóm Về Nguồn, tức một vị "Lạc tướng" của vua Hùng. Ông có cảm tưởng câu nói vừa rồi của Trần Duy Hưng có ý phê phán quan điểm nhóm Về Nguồn của ông, nên ông cần phải lên tiếng phân trần. Nhưng gã đàn em chưa kịp phát biểu

thì nhà báo Bàng Thống đã đặt câu hỏi:

- Anh đoán tình hình Việt Nam rồi sẽ ra sao, anh Hưng?

Ông Hưng cười:

- Tôi đang định hỏi anh câu ấy, vì tôi biết trong lãnh vực này, anh thông suốt hơn tôi. Nhưng hỏi chỉ để mà hỏi thế thôi, chứ ai có thể đoán chắc được! Có một điều chúng ta biết chắc là, nếu Trung quốc sụp đổ thì Việt cộng cũng sẽ đổ theo. Mà hiện nay, chúng ta lại cũng biết rằng, Hoa kỳ cũng như thế giới tự do không có ý hối thúc Trung quốc thay đổi chế độ. Liên xô và khối Đông Âu bỏ chủ nghĩa Cộng sản, đã là một gánh nặng quá lớn cho thế giới tự do, gián tiếp tạo nên sự suy thoái về kinh tế toàn cầu. Gần đây, các nước tư bản lại vừa phải thất lung buộc bụng để đổ thêm cho Yeltsin 6 tỉ mỹ kim, giúp nước Nga cải cách, mà chưa biết tổng thống Yeltsin có đứng vững hay không! Cho nên tạm thời mấy nước Cộng sản còn lại như Trung quốc, Việt Nam, Bắc Hàn và Cuba cứ giữ nguyên như thế đi đã! Đó là cái nhìn của người Mỹ. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy nếu Trung quốc thay đổi, cứ sự thường sẽ có nội chiến. Rồi nội chiến sẽ lan ra khỏi biên giới. Sẽ có *boat people*, có người tị nạn. Một tỉ dân Trung quốc, chỉ cần 10% đổ ra biển, tràn qua các nước láng giềng, cũng đủ cho thế giới lo sợ! Cho nên tôi nghĩ, trừ khi chính nhân dân Việt Nam trong nước làm được cuộc cách mạng lật đổ chế độ Cộng sản, chứ trông mong vào Hoa kỳ là thiếu thực tế!

Trần Duy Hưng ngừng lại, Bàng Thống gật gù bàn góp:

- Anh nói đúng! Khi thế giới còn chia hai phe trong suốt mấy chục năm vừa qua, thì lãnh tụ đầu sỏ của phe bên kia là Liên xô. Ngồi nổ bom nguyên tử ở đó. Đầu não chỉ huy bọn khủng bố quốc tế cũng ở đó. Bây giờ Liên xô dẹp rồi thì mấy nước Cộng sản chừ hầu có nghĩa lý gì đâu mà Mỹ phải bận tâm! Chính vì thế mà mặc dầu ông Bush đánh thắng Saddam, mang vinh dự lớn lao lại cho nước Mỹ trên trường quốc tế, nhưng ông

vẫn thất cử. Người Mỹ coi giai đoạn chiến tranh đã xong rồi, không cần tới đảng Cộng hoà nữa. Họ muốn quay về lo kinh tế nội bộ, cho nên mới chọn đảng Dân chủ.

Trần Duy Hưng hỏi Bằng Thống:

- Nghe nói anh mới qua Nga dự cuộc hội thảo về nhân quyền tại Việt Nam. Có gì lạ không, kể cho anh em nghe với?

Nhà văn Phan Trúc hình như uống đã tới cỡ, khệnh khạng đứng dậy, một tay bưng cốc rượu, một tay kẹp điếu thuốc mới đốt, lè nhè đáp thay Bằng Thống bằng giọng nói khinh bạc cổ hủ:

- Suy cho cùng thì người Việt chúng ta vẫn có truyền thống trọng vọng người ngoại quốc. Giả như cái người đứng ra tổ chức hội thảo không phải là bà Irina mà là một người Việt, thì tôi chắc chắn số người bỏ tiền mua vé máy bay đi dự sẽ không đông như vậy! Và giả như cái đài ấy do một người Việt điều hành thì chắc chắn cũng không được chúng ta đóng góp nhiều như thế! Nói là mình vọng ngoại thì hơi quá đáng, nhưng thật sự trong thâm sâu mình vẫn có mặc cảm nhược tiểu, cho nên dễ thấy người da trắng nào nói được tiếng mẹ đẻ của mình thì mình sướng lắm! Mấy năm trước, ông Võ Văn Ái nổi tiếng nhờ đi đâu cũng đem theo cô Ý Lan. Ông Lê Phước Sang có ông Colby đứng bên cạnh. Phong trào Đoàn kết Dân tộc có ông Stephen Young làm chỗ dựa. Ngay cả lãnh vực văn nghệ lúc này người ta cũng thần tượng cô Dalena! Tôi không có ác ý gì với những người ngoại quốc đó, nhưng tôi nhìn một khía cạnh khác, là chúng ta dành quá nhiều thiện cảm và tin tưởng cho người ngoại quốc, nhất là những người nói được tiếng Việt! Lắm lúc tôi nghĩ, nếu mình có làm chính trị trong cộng đồng, chắc cũng phải kiếm một bà Mỹ... lai nào đó, đem đi du thuyết thì mới có người ủng hộ!

Mọi người cùng cười, nhìn Phan Trúc một cách dễ dãi. Họ cho đó là lời của người say, nên chẳng ai bận tâm bắt bẻ.

Hoàng Tiến ngồi yên lặng, chăm

như thế đấy

*Thôi đã hết mùa xuân ngẩn ngui
Thường thả hồn theo gió chơi vơi
Nghe chim nhỏ lượn vòng lãnh lót
Những âm thanh sáng tạo tuyệt vời*

*Như thế đấy cuộc đời hư ảo
Thì đắm hồn trong khói u minh
Mộng với thực quấn quanh trang giấy
Như con tằm rút sợi giam mình!*

vân nường

chú lắng nghe. Mấy ngón tay lơ đãng mân mê cái đuôi cà-vạt mượn của Cồn, may bằng loại vải rẻ tiền. Bình thường, trong những buổi mạn đàm hiếm hoi như thế này, Hoàng Tiến không phải là loại người trầm tư nghe nhiều hơn nói. Nhưng hôm nay, sau bao nhiêu ê chề của cuộc sống, ông thu mình làm kẻ khiêm tốn, bởi có cảm tưởng ai cũng đã biết rõ ông về cầu cạnh Việt cộng mà chẳng được bố thí chút ân sủng nào.

Bỗng Trần Duy Hưng nhìn ông tha thiết hỏi:

- Anh Tiến mới về Việt Nam, anh thấy tình hình bên ấy ra sao? Đảng Cộng sản kêu gọi hoà hợp dân tộc, có phải là thiện chí hoà giải thật hay chỉ là một chiến thuật giai đoạn?

Hầu như mọi người hiện diện đều hiểu rằng Trần Duy Hưng muốn Hoàng Tiến phát biểu, cho nên mới đưa ra một câu hỏi có tính cách cò mồi sơ đẳng đó. Nhưng riêng Hoàng Tiến thì giật mình phấn khởi, bởi rõ ràng người ta không tẩy chay ông. Ông muốn nhân dịp này phân trần về chuyến du lịch cháy túi của mình. Ông sửa thế ngồi, lấy lại phong độ và nghiêm nghị đáp:

- Có về nghiên cứu tình hình tại chỗ như tôi, mới thấy rõ được bộ mặt thật của Cộng sản...

Rồi cứ thế, ông say sưa nguyên rủa Việt cộng bằng những lời cay nghiệt nhất. Ông dẫn chứng bằng nhiều thí dụ mà thật ra không cần nói, ai cũng đã biết. Đang ngon trớn, Hoàng Tiến bỗng khựng lại, mặt tái nhợt như trứng gió. Ông vừa nhìn ra



cửa sổ, thoáng thấy đám ba người khách bước xuống xe, trong đó có một hung thần mà ông cần phải né tránh, đó là bà Nhân! Ông bỏ dở câu chuyện, đứng bật dậy và lí nhí nói với mọi người:

- Xin lỗi, tôi quên dặn ông Cồn một chuyện quan trọng...

Ông bước ra vườn sau, chạy lao lại phía hồ tắm, lôi Cồn vào một góc và hoảng hốt nói:

- Cậu đưa chìa khoá xe cho tôi, tôi cần phải về gấp. Mau lên!

Cồn không hiểu gì, ngơ ngác toan hỏi lý do thì Hoàng Tiến lại giục:

- Nhanh lên! Đưa chìa khoá đây!

Cồn móc túi theo phản xạ. Hoàng Tiến giật chùm chìa khoá, men theo hông nhà, vòng ra phía trước. Ông nép sát vào góc tường, chờ bà Nhân vừa bước vô nhà, ông chạy vội ra xe, chui vào và phóng đi. Khi đã xa hẳn căn nhà của Ngọc, ông mới giảm tốc độ và thở mạnh, mặc dầu tim vẫn còn đập thình thịch trong lồng ngực. Ông

buồn rầu nghĩ đến cái vận hạn ngặt nghèo hôm nay, chỉ có bảy ngàn bạc mà không tài nào xoay sở nổi để đến nổi đi đâu cũng nơm nớp lo sợ, trốn tránh.

Về đến nhà Cồn, Hoàng Tiến giạt mình thấy Khang đang ngồi chờ ngoài hiên. Thằng học trò phản bội này còn muốn gì nữa đây? Ông đậu xe dưới gốc cây, nghe rõ tim mình hồi hộp lạ thường. Ông nghĩ xem nên phản ứng thế nào đối với nó. Ông tắt máy xe, ngồi yên vài giây rồi mới đẩy cửa bước xuống.

Khang khúm núm tiến lại gần, hai tay chấp trước bụng, lễ phép lên tiếng:

- Thưa thầy ạ!

Bao nhiêu uất hận dồn nén từ lâu, bây giờ bùng vỡ, làm mặt Hoàng Tiến xám ngắt. Ông rít lên:

- Tao không có đứa học trò nào đốn mặt như mày! Cút đi!

Khang vẫn cúi đầu kiên nhẫn:

- Thưa thầy, em đến để xin lỗi thầy.

Hoàng Tiến vừa quay lưng, bỗng dừng lại, khẽ xoay người nhìn Khang. Ông thấy lòng người ngoài chút ít nhưng lại càng tủi thân và quát lớn hơn:

- Mày đừng bao giờ gọi tao bằng thầy nữa! Tao không muốn nhìn cái mặt phản phúc của mày nữa!

Vừa nói ông vừa bước đi, bàn tay cầm xâu chìa khóa vẫn còn run lên vì giận. Khang leo đẹo theo sau, từ tốn tiếp:

- Thưa thầy, em có lỗi với thầy. Em đến để xin lỗi và chào thầy, em đi khỏi thành phố này. Từ nay em sẽ không bao giờ gặp lại cô nữa. Xin thầy tha lỗi cho em!

Hoàng Tiến đang bước nhanh, nghe dứt câu của Khang, bỗng dừng hẳn lại. Ông đứng tần ngần một lúc rồi bước mấy bước, mệt mỏi ngồi xuống tảng đá lớn dưới gốc cây trước nhà Cồn. Ông đưa bàn tay lên lùa vào mái tóc thưa thớt, rồi cúi đầu nhìn xuống đất, nước mắt tự dưng ứa ra.

Lâu lắm, ông ngước lên, thấy Khang vẫn còn đứng xa xa phía trước.

(còn tiếp)

ngọc sáng trong hoa sen



John Blofeld
Nguyễn Phong
phóng-tác

(tiếp theo)

BIỂN KHỔ

Khi tôi trở lại Trung Hoa thì cuộc chiến Trung Nhật vừa bùng nổ, quân đội Nhật tấn công và chiếm Bắc Kinh. Mặc dù có đầy đủ giấy tờ thông hành nhưng tôi vẫn không thể trở lại Bắc Kinh nên đành theo chân đoàn người tị nạn di tản xuống miền Nam. Chuyển xe lửa từ Bắc Kinh xuống Nam Kinh đông nghẹt người, nhiều kẻ phải ngồi cả trên nóc xe. Dọc theo đường xe lửa, từng đoàn người bồng bế nhau chạy loạn, già trẻ lớn bé, người ôm đồ đạc, kẻ gồng gánh quần áo, trẻ thơ lạc cha mẹ, gia đình thất tán, người ta kêu khóc vang trời, thật là một cảnh tượng thê thảm chưa từng thấy.

Vừa đến Nam Kinh được vài hôm thì quân Nhật đã tấn công vào thành phố này. Một cảnh tượng hỗn loạn, kinh hoàng xảy ra. Dân chúng dạt díu nhau chạy loạn. Súng lớn súng nhỏ nổ vang rền, quân đội Trung Hoa vừa chống cự vừa áp dụng chiến thuật tiêu thổ kháng chiến, chạy đến đâu đốt cháy nhà cửa đến đó để quân Nhật không có chỗ trú ẩn, nhưng họ không thành công. Chỉ một thời gian ngắn quân Nhật đã tràn vào thành phố và cuộc thảm sát đẫm máu bắt đầu. Xác người chết nằm chồng chất ngoài đường, mùi thối da hôi thối xông lên nồng nặc. Nhờ tránh nạn tại toà đại sứ Anh nên tôi may mắn không gặp khó khăn nào nhưng tâm hồn đa cảm của tôi không thể chịu nổi tình trạng này. Thần kinh của tôi căng thẳng, đầu óc tôi như tê

liệt trước tình thế hãi hùng trước mắt. Hàng ngày chúng tôi theo dõi tin tức qua đài phát thanh và các bản tin ngắn chuyển bằng điện tín. Hàng triệu người chết, hàng trăm thành phố thất thủ, rồi có tin quân Nhật đã chặn đứt trục giao thông với Thượng Hải và phong tỏa thành phố này. Không thể đi Thượng Hải, chúng tôi bèn theo chân đoàn người tị nạn tiếp tục chạy xuống miền Nam. Chưa bao giờ cuộc đời tôi lại bước vào một ngã rẽ hãi hùng như vậy. Cho đến lúc đó tôi mới thật sự hiểu được danh từ "biển khổ" mà người ta vẫn thường nói đến. Tôi đã thấy những xác người dẫm phải mìn, thân hình nát tan; những thây người bị chặt đầu treo trước cửa chợ để cảnh cáo dân chúng. Khắp nơi, đâu đâu cũng đầy xác người chết, thành phố nào đi ngang cũng khói lửa ngút trời. Quân đội Nhật đốt cũng có và quân đội Trung Hoa đốt cũng có. Không bút mực nào có thể diễn tả được cảnh tượng này và đến nay khi viết những dòng chữ này tôi vẫn xúc động, không thể nói hết được cái kinh nghiệm khủng khiếp mà tôi phải trải qua trên đường chạy loạn.

Tôi đến Côn Minh, tỉnh Vân Nam vào một buổi chiều. Tôi không biết làm sao mình có thể đến đây mà không hề hấn gì nhưng thật ra đầu óc tôi đã bị khủng hoảng nặng nề. Tôi đã sống như một cái máy, đầu óc tê liệt không còn biết xúc động là gì nữa. Suốt mấy tháng theo chân nhóm người chạy loạn, lúc chạy lên phía bắc, khi tìm đường ra biển, lúc lại theo những khúc sông đi về hướng tây mà chẳng biết mình chạy đi đâu nữa. Sau cùng chúng tôi cũng đến ranh giới tỉnh Vân Nam. Khi đó quân đội Nhật chỉ lo chiếm đóng những thành phố kỹ nghệ lớn dọc theo ven biển chứ không đi sâu vào nội địa nên thành phố này còn được yên bình. Sau khi nghỉ ngơi ít hôm, tôi được biết gần đó có một thiền viện lớn gọi là Hoa Thanh tự. Trước đây mấy năm đó là một ngôi chùa cổ đã đổ nát, hoang tàn vì thiếu người săn sóc nhưng nhờ hoà thượng Hư Vân đi qua thấy vậy bèn dừng chân lại

quyên góp tiền bạc để tu sửa. Sau đó ngài còn cử một số đệ tử đến trụ trì, biến ngôi cổ tự này thành một thiền viện dưới sự bảo trợ của ngài. Thật khó có thể diễn tả được sự vui mừng của tôi khi nghe tin này. Tôi muốn tìm một chỗ trú ẩn để lấy lại sự an tĩnh trong tâm hồn trong hoàn cảnh hỗn loạn khi đó. Về sau có nhiều người chê trách tôi là ích kỷ, giữa hoàn cảnh loạn lạc chiến tranh như thế lại lẩn tránh vào một thiền viện, nhưng thật ra tôi không thể làm gì hơn được. Trong suốt sáu tháng trời trôi giạt từ Bắc Kinh xuống Côn Minh, tôi đã trải qua mấy ngàn cây số với đoàn người chạy loạn, đã chứng kiến biết bao cảnh máu đổ đầu rơi, đầu óc hoang mang của tôi đã căng thẳng đến cực độ và cần một thời gian để quân bình. Dĩ nhiên lúc đó tôi chỉ muốn tìm một nơi trú ngụ chứ chưa muốn trở thành một tăng sĩ vì quyết định xuất gia không phải là một việc nhẹ. Tại Thái Lan hay Miến Điện, người ta có thể xuất gia và hoàn tục ba lần, nhưng tại Trung Hoa, việc hoàn tục là một điều khó có thể chấp nhận được. Do đó tôi vẫn đắn đo chưa dám quyết định hẳn, chỉ muốn vào chùa sống tạm một thời gian để cho đầu óc tỉnh táo lại thôi. Tôi suy nghĩ về việc này mãi vì hiển nhiên ý tôi là một việc nhưng liệu các tăng sĩ trong chùa có chấp nhận việc này hay không lại là một vấn đề khác.

Từ Côn Minh người ta phải đi đò mất hai giờ mới đến Hoa Thanh tự. Đó là một tu viện lớn, một mặt quay ra phía bờ sông, một mặt giáp giới một cánh rừng lớn rậm rạp. Khi tôi vừa bước vào sân chùa thì thấy vị trụ trì đang đứng sẵn ở đó. Sau câu chào hỏi xã giao, chưa kịp nói rõ ý định của mình thì vị tu sĩ đã nói trước:

- Sư phụ chúng tôi đã biết trước sẽ có ngày tiên sinh đến đây nên dặn chúng tôi phải đón tiếp tiên sinh cẩn thận...

Tôi giật mình không hiểu tại sao lại có chuyện kỳ lạ như thế được:

- Hoà thượng... Hoà thượng Hư Vân đã nói như thế sao?

- Đúng thế. Cách đây mấy tháng

sư phụ chúng tôi có ghé qua đây để dạy dỗ chúng tôi. Trước khi lên đường trở về Nam Hoa, ngài dặn rằng sẽ có một Phật tử người Anh tìm đến xin gia nhập tu viện.

- Nhưng... nhưng tôi chỉ có ý định...

Vị trụ trì mỉm cười ngắt lời:

- Tiên sinh không phải lo về vấn đề xuất gia thọ giới. Sư phụ đã dặn hãy để cho tiên sinh được tự nhiên. Tiên sinh có thể sống trong tu viện này như một tăng sĩ nhưng dĩ nhiên không phải thọ giới Tỳ kheo.

Thật không thể diễn tả được sự vui mừng của tôi lúc đó. Điều tôi đang phân vân lo ngại đã được giải quyết một cách dễ dàng. Nhưng tại sao hoà thượng Hư Vân lại đối xử với tôi một cách đặc biệt như vậy? Năm trước ở chùa Nam Hoa, ngài đã dặn các tăng sĩ giúp đỡ tôi một cách đặc biệt và lần này ngài lại biết trước sự có mặt của tôi tại một thành phố hẻo lánh như Côn Minh này.

- Tiên sinh đã có duyên với sư phụ chúng tôi từ trước, có lẽ tiên sinh không biết đấy thôi. Một ngày nào đó tiên sinh sẽ hiểu rõ hơn.

Nhiều năm sau khi tôi gặp truyền nhân của hoà thượng Hư Vân là ngài Tuyên Hoá tại San Francisco thì tôi mới được biết rằng, hoà thượng Hư Vân đã biết trước việc tôi sẽ viết những cuốn sách nói về Phật giáo và ngài có ý muốn giúp đỡ cho tôi.

Để hoà đồng với các tăng sĩ trong chùa, tôi xin phép được cạo tóc và ăn mặc như một tăng sĩ với hai bộ quần áo màu lam, một bộ ngắn tay để mặc trong lúc làm việc và một bộ dài tay để mặc trong lúc lễ bái. Dĩ nhiên vì không thọ giới Tỳ kheo nên tôi không được khoác áo cà sa như các tăng sĩ trong chùa. Sau khi sống được một thời gian ngắn, tôi được phép gia nhập nhóm thiền tăng và được chỉ định một chỗ ngồi nhất định trong thiền đường.

Để giúp các độc giả hiểu biết thêm về sinh hoạt tiêu biểu của một thiền viện Trung Hoa lúc bấy giờ, tôi xin mạn phép nói qua về sinh hoạt trong Hoa Thanh tự: Các tu sĩ tại đây được chia thành hai nhóm rõ rệt.

Nhóm thứ nhất là những tăng sĩ thông thường, có nhiệm vụ làm các công việc quản trị, bảo trì thiền viện. Mỗi ngày họ chỉ phải tham dự hai khoá lễ vào lúc sáng sớm và sau khi mặt trời lặn. Đa số được giao phó những công việc nhất định như trồng trọt, quét dọn, nấu nướng, lau chùi chánh điện hay quản trị thư viện. Một thiểu số được tuyển chọn để tiếp xúc với các tín đồ và lo việc hướng dẫn các khoá lễ như cầu an, cầu siêu. Nhóm thứ hai là những tăng sĩ chuyên về tu thiền, họ sống hẳn trong thiền đường dưới sự hướng dẫn của một vị trưởng lão. Mặc dù cũng tham dự hai khoá lễ khuya sớm như nhóm trước nhưng họ không phải làm các công việc lao động hay tiếp xúc với các tín đồ. Họ sống giản dị, ăn uống qua loa, khẩu phần thường chỉ là một bát cơm trộn ít rau dưa mà thôi. Thời giờ còn lại họ dốc lòng vào việc tu thiền. Mỗi tháng họ được phép nghỉ ngơi bốn ngày (mồng một, mồng tám, ngày rằm và ngày hai mươi ba âm lịch) để làm các công việc thông thường như tắm gội, may vá hoặc cạo tóc cho nhau. Trong những ngày này, không có các thời khoá tu thiền, thiền đường được mở rộng cửa để lau dọn. Trong ngày nghỉ, khẩu phần cũng được gia tăng lên nhiều hơn những ngày thường với các món ăn như đậu hũ, rau tươi, các món xào nấu mà người ta có thể ăn tự do không bị giới hạn. Tôi thiết nghĩ nếu không có những ngày nghỉ ngơi, xả giãn, ăn uống thoải mái như thế này thì khó ai có đủ sức khoẻ để tu tập lâu dài được.

Thiền đường là một phòng rộng, giữa có một bàn thờ và quanh đó trải những tấm thảm dày. Mặc dù thiền đường có thể chứa hơn sáu mươi người nhưng trong thời gian sống tại đây, tôi chỉ đếm được hơn bốn chục tăng sĩ. Hiển nhiên bốn mươi người sống chung trong một căn phòng như vậy từ ngày này qua tháng nọ không phải dễ nếu không có một quy lệ như tuyệt đối phải im lặng trong khi thiền tập hay trước lúc ngủ. Tuy có cửa sổ nhưng tất cả đều được đóng chặt trong thời gian tu tập nên phòng lúc

nào cũng tối, ánh nến lờ mờ trên bàn thờ không đủ soi sáng để đọc sách hay khâu vá. Để tránh việc các thiền sinh phải ngồi quá lâu nên cứ sau mỗi thời khoá thiền, mọi người lại xếp hàng đi Kinh Hành chung quanh bàn thờ khoảng mười vòng dưới nhịp của một chiếc mõ lớn.

Đời sống trong tu viện thường bắt đầu vào lúc rạng sáng, khoảng một giờ trước khi mặt trời mọc. Cho đến nay hình ảnh này vẫn in hằn trong trí óc tôi, một hình ảnh nhẹ nhàng êm đềm mà không bao giờ tôi có thể quên được: Thiền đường im lặng như tờ, ngọn nến lờ mờ trên bàn thờ không đủ soi rõ quang cảnh chung quanh, mỗi người chúng tôi đều quán một tấm chăn mỏng, nằm quay đầu về phía bàn thờ. Tăng sĩ có phận sự giữ nhang đèn vẫn quỳ trước bàn thờ, thông thả niệm Phật, thỉnh thoảng lại lễ xuống một cách nhịp nhàng. Bất chợt từ ngoài hành lang, có ba tiếng chuông nhỏ vọng vào để báo thức và các tăng sĩ vội vã thức dậy. Họ có khoảng hai mươi phút để dọn dẹp chỗ nằm và ra giếng múc nước rửa mặt, súc miệng hoặc làm công tác vệ sinh. Cứ khoảng năm phút lại có một hồi chuông nhỏ như để nhắc nhở các tăng sĩ. Sau khi mọi người đã thay áo và sắp hàng trước cửa chánh điện thì một hồi chuông trống bát nhã được khuua vang báo hiệu buổi lễ bắt đầu. Cửa chánh điện được mở rộng, các tăng sĩ thông thả bước vào, thiền tăng bên phải, các tăng sĩ khác bên trái, ai ai cũng đều phải ngồi vào chỗ nhất định trước khi vị chủ lễ bắt đầu.

Sau buổi lễ là đến giờ ăn. Chúng tôi sắp hàng đi xuống nhà bếp. Món ăn duy nhất vào lúc đó là món cháo trắng, đôi khi người ta cho thêm một ít cải muối mặn vào đó cho dễ ăn. Bữa ăn diễn ra trong một bầu không khí yên lặng tuyệt đối, nhất là với các thiền sinh, vì ai ai cũng phải áp dụng nghi thức Tam Đề, Ngũ Quán. Tam Đề là trong ba miếng ăn đầu phải giữ lòng cho thật thanh tịnh, khi nhai miếng thứ nhất phải tâm nguyện không làm điều ác, khi nhai miếng thứ hai phải tâm nguyện chỉ làm điều

lành, khi nhai miếng thứ ba phải tâm nguyện sẽ cứu độ tất cả mọi chúng sinh. Sau đó khi bưng bát lên ăn phải quán sát năm công ơn mà mình đang thọ hưởng: Công ơn Phật giáng trần cứu độ chúng sinh, công ơn sư trưởng dạy dỗ, công ơn cha mẹ sinh thành, công ơn các thí chủ cúng dường, công ơn những người trong xã hội làm việc khó nhọc mới có cơm ăn, áo mặc và chia sẻ cho mọi người. Tuy đã từng sống trong nhiều tu viện khác nhau, nhưng tôi thấy duy chỉ tại Hoa thanh tự, kỷ luật này mới được áp dụng chặt chẽ.

Sau bữa ăn, các thiền sinh sắp hàng trở về thiền đường và bắt đầu thời khoá thiền trong khi các tăng sĩ khác chuẩn bị công việc làm của họ. Chúng tôi trải tọa cụ và ngồi vào những vị trí đã được định trước. Sau khi mọi người đã ngồi yên lặng, vị trưởng lão bắt đầu châm một nén nhang lên bàn thờ và gõ nhẹ ba hồi mõ, thời khoá thiền bắt đầu. Vào lúc này chúng tôi chỉ cố gắng giữ hơi thở cho đều và giữ tâm yên lặng. Những người mới tập được hướng dẫn theo dõi hơi thở bằng cách đếm từng hơi thở ra, hít vào cho đủ số. Sau khi nén nhang cháy hết, vị trưởng lão gõ thêm ba tiếng mõ báo hiệu rằng khoá thiền đã chấm dứt, chúng tôi có khoảng năm phút để duỗi chân, xoa bóp cho đỡ mỏi và bắt đầu sắp hàng đi Kinh Hành chung quanh bàn thờ. Chúng tôi phải đi làm sao cho mỗi bước ăn nhịp với tiếng mõ của vị trưởng lão, lúc đầu còn chậm sau nhanh dần cho đến khi một tiếng chuông ngân lên thì mọi người biết rằng họ đã đi đủ ba vòng chung quanh thiền đường. Khi đó mỗi người bước ngang bàn thờ thì chấp tay vái xuống và được trở về chỗ ngồi. Vị trưởng lão thông thả thắp một nén nhang thứ hai lên bàn thờ nhưng lần này ông đưa ra một câu nói để mọi người suy gẫm. Đề tài đưa ra thay đổi hàng ngày nhưng dĩ nhiên đó không phải là một đề tài để thảo luận.

Khác với các tu viện Tây Tạng hay Mông Cổ trên Ngũ Đài, người ta không đưa ra những lý luận để bàn

cải nhưng để suy gẫm, quán tưởng trong lúc ngồi thiền. Không như thời khoá trước, thời gian khoá sau kéo dài hơn và có hai thiền sinh được lệnh cầm roi đi tuần quanh thiền đường. Nếu họ thấy ai ngồi mà đầu gục xuống hoặc miệng chảy nước dãi thì họ biết người đó đang ngủ gục, họ sẽ đến bên cạnh quất nhẹ cây roi vào vai để đánh thức. Nói là roi nhưng thực ra đó chỉ là một cây gỗ mỏng, không thể gây đau đớn nhưng đủ để người ngồi thiền cảnh giác và tập

trung tư tưởng.

Lúc đầu tôi thường suy nghĩ nhiều về những câu nói mà vị trưởng lão đưa ra, nhưng về sau tôi mới biết rằng câu nói đó không phải là một đề tài để người ta suy nghĩ hay để tìm cách trả lời, mà chỉ là một phương tiện để thiền sinh tập trung tư tưởng. Càng cố gắng trả lời là càng đi lạc vấn đề, vì thông thường người ta luôn luôn có phản ứng trước những câu hỏi đặt ra. Vấn đề chính ở đây là làm sao giữ mãi câu hỏi đó trong tâm trí

nhưng không nhất thiết phải trả lời. Nếu không có câu hỏi thì tâm thường lao xao bất động, lúc nghĩ chuyện này khi nghĩ chuyện khác, nên mới phải có một câu nói đưa ra như một cách để tập trung tư tưởng mà thôi. Dĩ nhiên cũng có người không đồng ý và cho rằng đó là một loại Công án mà người ta phải tìm cách trả lời. Theo sự hiểu biết của tôi thì Công án chỉ là một phương pháp của vị thầy, vốn biết rõ căn cơ học trò, nói ra để hướng dẫn, để khai ngộ, để giải đáp thắc mắc cho học trò. Dĩ nhiên nếu học trò hiểu được, tức thì cởi bỏ các khúc mắc đó ngay. Theo phương pháp này, vị thầy chỉ trao cho học trò một câu thoại đầu, một công án để học trò suy gẫm chứ không chỉ một cách nào khác. Nếu như thế, đó chỉ là một câu nói có tính cách riêng tư giữa thầy và trò, không phải đề mục mang ra nói như cho những người khác vì căn cơ mỗi người một khác, đâu ai giống ai. Trong thời gian tu tập tại Hoa Thanh tự, vị trưởng lão hướng dẫn không hề đề cập đến danh từ “Công án”.

Ngày nay các sách vở viết về Thiền đã được phiên dịch ra Anh ngữ khá nhiều. Các bậc học giả đua nhau bàn luận về Thiền và cố gắng đưa ra những lời giải thích, nhất là giải thích về Công án mà tôi cho rằng không thể giải thích. Nhiều học giả Tây phương đã ca tụng rằng Thiền giản dị, dễ hiểu vì không phải sử dụng đến các danh từ, ngôn ngữ nhiều như các pháp môn khác. Làm sao một pháp môn “Bất lập văn tự” mà lại được người ta viết sách nói về nó quá nhiều như vậy? Theo sự hiểu biết của tôi, Thiền là một pháp môn đòi hỏi người tu phải nỗ lực cả đời người. Người ta không thể tu thiền bằng cách đọc một vài cuốn sách hay nghe người khác luận bàn về các Công án được. Dĩ nhiên đó là ý kiến riêng của tôi qua kinh nghiệm bản thân mà thôi.

Mỗi buổi sáng chúng tôi có khoảng ba thời khóa liên tiếp như vậy trước khi được nghỉ ngơi cho xả giãn khoảng một giờ. Trong lúc này, một số người đứng dậy vươn vai,



đuôi chân cho đỡ mỏi, có người thì thăm trò chuyện và có một số người vẫn tiếp tục ngồi thiền như một nỗ lực cá nhân. Khoảng trước Ngọ, một hồi chuông vang lên báo hiệu đã đến giờ ăn. Mọi người xếp hàng đi xuống phòng ăn. Bữa trưa cũng rất giản dị. Một bát cơm, một bát nước rau nấu loãng hoặc một ít rau luộc là nhiều. Đối với một người quen ăn ngon như tôi, cơm rau dưa như vậy quả khó nuốt và nhiều lúc tôi chỉ mong cho đến ngày được ăn những món xào hoặc chiên.

Một số người cho rằng cuộc sống tu hành thanh đạm như vậy quá vô vị, nhàm chán nhưng kinh nghiệm của tôi lại khác. Thật ra lúc đầu tôi cũng gặp rất nhiều khó khăn nhưng sau này nghĩ lại, đó lại là những ngày đẹp đẽ nhất trong đời tôi. Nhờ sống khổ hạnh như vậy mà tôi bắt đầu ý thức được những cái đẹp trong đời sống, những cái đẹp giản dị như một vệt nắng trong sân chùa, một bông hoa bé nhỏ trên mái ngói, một cơn gió mát trong buổi trưa hè. Những cái đẹp đến thật nhẹ nhàng như một bát nước trà, một cái bánh ngọt sau mấy tuần lễ ăn toàn cơm với nước rau nhạt. Một số người, nhất là người Âu vẫn không thể hiểu tại sao khi đi tu người ta phải sống khổ hạnh như vậy.

mộng về

*hồn sống lại giữa khung trời cũ
thời ấu thơ vông mẹ đông đưa
thời thiếu niên tung tăng thăm cỏ
lá rì rào đùa gió ban trưa*

*hồn mộng tắm trên dòng sông nhỏ
phơi mình trong nắng, ngắm mây trôi
mùi đất nước thơm nồng hơi thở
màu quê hương xanh ngắt chân trời*

*khung trời đó còn xanh hi vọng?
dòng sông kia còn chảy êm đềm?
có chờ ta về như gió lộng
nâng cánh điều tha thướt bay lên?*

lê sơn hà

Tôi được giải thích rằng, các tăng sĩ phải sống một cuộc đời “tam thường, bất tức” nghĩ là ăn mặc, ngủ nghỉ không được sung túc đầy đủ. Ăn cho đủ sống để tu, mặc chỉ cần ba bộ là đủ, khi ngủ chỉ vừa vặn đủ để tránh lười biếng. Có sống trong sự bất tức mới thông cảm được với người nghèo khó, có đói mới hiểu những người không có cơm gạo mà ăn, và có khổ mới nhất quyết tìm đường thoát khổ. Nếu ăn ngon, mặc ấm, ngủ cho đầy giấc thì dễ sinh lười biếng, khó thiền định hay biết nghĩ đến người khác.

Sau bữa cơm trưa, chúng tôi trở về thiền đường nghỉ ngơi và bàn luận khoảng một giờ trước khi bắt đầu vào các thời khoá thiền. Có khoảng bốn thời khoá vào buổi chiều, kéo dài cho đến tận khuya. Các tăng sĩ thông thường được ăn bữa cơm tối nhưng các thiền sinh chỉ được ăn ngày một bữa mà thôi. Thời gian lặng lẽ trôi qua, chúng tôi chăm chỉ thiền tập dưới sự hướng dẫn của vị trưởng lão. Nhiều người nói rằng nếu thực hành đều đặn thì thế nào cũng gặt hái được kết quả không nhiều thì ít, nhưng phải nói rằng nếu tôi có đạt được chút kết quả gì thì nó cũng không đáng kể là bao. Sau một thời gian khá lâu thực hành, nhiều lúc tôi cũng thấy nản chí nhưng các bạn đồng môn đã khuyến khích và an ủi tôi rất nhiều. Tôi không biết những người khác có những kinh nghiệm gì nhưng một tăng sĩ trẻ tuổi đã kể với tôi như sau:

- Tôi không biết các huynh đệ khác nghĩ sao nhưng tôi thấy lời giảng của vị trưởng lão rất giản dị dễ hiểu. Khi xưa tôi không hiểu gì nhiều nhưng cứ chăm chỉ thực hành, ngồi yên, giữ tâm yên lặng, điều hoà hơi thở. Tôi không mong cầu điều gì mà chỉ theo dõi từng hơi thở nhịp nhàng, tôi cảm thấy rõ ràng nhịp tuần hoàn của máu chạy trong huyết quản, tâm tôi lặng tĩnh không có một vọng niệm gì và một hôm bất chợt tôi thấy hình như trái tim tôi đang nói chuyện với tôi. Tôi không hiểu nó nói gì nhưng lòng tôi rộn ràng một cảm giác kỳ lạ. Tôi không thể diễn tả cái cảm giác sung sướng tràn ngập khắp

người đó, mỗi khi xả thiền tôi ý thức một sự thay đổi rõ rệt trong người. Tôi không biết nó là gì nhưng chỉ cảm thấy hết sức thoải mái, sung sướng. Sau mỗi lần thiền tập, cảm giác này lại đến với tôi và có hôm tôi thấy hình như mình đang bơi lội trong một biển ánh sáng rực rỡ. Tự nhiên tôi thấy mình hiểu được những lời hướng dẫn của vị trưởng lão mà trước đó tôi không sao hiểu được. Dĩ nhiên đây chỉ là một kinh nghiệm có tính cách cá nhân, không thể giải thích và cũng không thể bàn luận, nhưng khi nào kinh nghiệm được nó thì huynh sẽ hiểu được điều tôi nói.

Lúc đó tôi không ý thức được điều này nên cũng không nói gì nhiều nhưng nhiều năm sau tôi thấy đó là một kinh nghiệm hết sức quý báu. Tôi tin tưởng tuyệt đối rằng khi tâm an tĩnh thì sẽ có định, và khi có định thì trí tuệ sẽ nảy sinh. Nảy sinh dưới hình thức gì thì chỉ có người đó hiểu được mà thôi, nhưng chắc chắn khi trí tuệ phát triển người ta sẽ bước chân vào một chân trời mới mà mọi sự có thể thông suốt một cách dễ dàng. Dĩ nhiên kinh nghiệm này không ai giống ai và cũng không thể so sánh hay bàn luận được.

Sau gần một năm sống yên tĩnh tại Hoa Thanh tự, tôi cảm thấy đầu óc thoải mái quân bình trở lại và đã đến lúc tôi phải lên đường trở về với cuộc sống thế tục bên ngoài. Tôi không biết rõ chuyện gì đang xảy ra vì đời sống trong tu viện hoàn toàn biệt lập nhưng tôi biết đã đến lúc tôi phải trở về Anh quốc thăm cha tôi như lời hứa. Khi tôi rời Hoa Thanh tự thì chiến tranh đã lan rộng ra khắp thế giới. Tôi vừa về đến Luân Đôn thì nhận được giấy gọi nhập ngũ. Sau một thời gian huấn luyện quân sự, thay vì cầm súng thì tôi được chuyển về ban phiên dịch vì khả năng ngoại ngữ. Sau hai năm làm việc tại đây, tôi được bổ sung vào bộ ngoại giao với tư cách nhân viên biệt phái. Chỉ vài tháng sau tôi đã cầm sự vụ lệnh trở lại Trung Hoa với danh nghĩa một tham vụ ngoại giao.

(còn tiếp)

xếp al capone IV

TRUYỆN DÀI
Trường Sơn
Lê Xuân Nhị



(tiếp theo)

Thầy đội Gary Malone nhìn thấy ông chủ giựt nẩy mình lên vì cái gõ bàn như vậy của mình thì cũng đâm ra tức cười và thấy hơi hối hận. Thầy nhỏ nhẹ nói:

- Ông Eddie, có chuyện của sở cảnh sát, nếu ông có rảnh tôi xin phép được mời ông ra ngoài nói chuyện.

Giọng của thầy đội Gary Malone

quả thật lạ lùng. Khi thầy sắp sửa... đánh ai, giọng nói thầy oang oang như sấm nổ, khiến nạn nhân chưa bị đòn mà tưởng như đã lãnh một nửa đòn rồi. Nhưng khi thầy muốn trấn tĩnh ai, giọng nói của thầy như mang lại một sự thân thiện, một sự chân thật làm cho người nghe dù đang hoảng hốt đến đâu cũng lấy lại được tinh thần.

Nhờ câu nói đó, Eddie liền lấy lại bình tĩnh và vén miệng lên biểu diễn

nụ cười gian manh cố hữu:

- Thưa thầy, với ai chớ với thầy thì lúc nào cũng được.

Đến lúc đó, đuôi mắt thầy đội Gary Malone chợt bắt gặp nàng Collen đang đứng phía trong nhìn ra hai người. Không, phải nói là nàng đang nhìn thầy đội thì đúng hơn. Đôi mắt của nàng sáng hôm nay có một cái gì thật là lạ lùng. Nó như căm phẫn, như van lơn, như hổ thẹn, như muốn khóc.

Có lẽ giả thuyết thứ hai của thầy là đúng sự thực.

Chỉ nhìn thấy vậy là mắt thầy đội tự dưng lại toé lửa lên làm thằng Eddie đang hí hửng bỗng muốn co rúm người lại, không biết đường nào mà mò. Gary Malone quay lui bước ra cửa. Eddie nổi bước theo thầy bước ra ngoài.

Eddie liu riu bước theo sau và ruột gan rối bời, không biết thằng cha cảnh sát hung tợn nổi tiếng nhất Chicago này sẽ làm gì mình. Rồi nó chợt nghĩ ra ngay một chuyện, tay chân liền đâm ra bủn rủn, bước đi không còn muốn vững nữa.

Ôi trời đất, hay là con Collen đã thông báo cho thầy đội biết chuyện làm tay trái của mình nên thầy mới tới đây để... giết mình. Thế này thì chết chắc. Mà không hiểu con Collen làm cách nào để báo tin cho thầy đội biết được. Sáng giờ nó bận bù đầu bù cổ ở trong tiệm, thầy đội cũng chưa hề bước vào quán thì làm sao hai người gặp nhau được.

Nghĩ đến đó, Eddie thấy mình đi đứng có phần vững chắc hơn. Nhưng chưa được bao lâu thì nó lại nghĩ ra một chuyện khác, và lại cảm thấy đi đứng lạng quạng, không muốn vững nữa. Hay là thằng Ben sáng nay đã đi có bớt chuyện làm của mình? Cũng không phải nữa vì chưa chắc nó đã biết vợ nó bị mình hiếp dâm. Nếu nó biết thì tối hôm qua nó đã ôm súng nhảy vào phòng mình mà trả thù rồi. Nhưng, cái thứ người khiếp nhược như Ben, giả sử nếu vợ nó nói cho nó biết tối hôm qua mà nó đã không dám ôm súng đi kiếm mình thì nó cũng chẳng có gan đi có bớt. Có bớt để cho cả hàng xóm thiên hạ biết

mà mang nhục thêm à? Eddie đã... hiếp dâm nhiều người nên nó rất rành tâm lý của nạn nhân và của những thằng chồng nạn nhân. Bước chân Eddie lại trở nên vững vàng.

Tinh ý như Collen thì khi đứng nhìn theo hai người đàn ông kéo nhau ra khỏi quán, nàng thấy được chuyện lạ lùng liền. Xưa nay, thằng anh Eddie cùng thầy đội Gary Malone là hai thái cực, có bao giờ thêm nói chuyện với nhau, sao hôm nay bỗng vô cớ dắt nhau đi ra ngoài thế này. Bác gác, Collen lại nhớ đến người đàn ông khác không có mặt đây ở giờ phút này là chồng mình. Không biết sao sáng nay, từ lúc đánh vỡ chiếc ly, nàng cảm thấy thương Ben quá cỡ. Vừa thương và vừa... ghét cùng một lúc. Thương vì thấy chồng mình bị bao nhiêu hoạn nạn, kể từ ngày cưới nhau, ít khi nào thấy chàng có một vài giây phút sung sướng thoải mái. Cái tai nạn đêm tân hôn đã trở thành một đề tài làm trò cười cho cả thành phố, từ đứa con nít mới lớn cho đến ông già gần xuống lỗ ai cũng biết. Đủ thứ lời xì xầm chê trách vây phủ lấy cái gia đình của đôi vợ chồng trẻ bất

hạnh. Collen đâm ra hối hận vì đã xuống tay như vậy. Nếu nàng biết trước được hậu quả của chuyện xảy ra đêm hôm đó tai hại đến như vậy thì nàng đã để yên, không đánh chồng làm gì. Rồi, rồi miễn què lên chốn thành thị, tưởng hai người đã bỏ đi được cái dĩ vãng đau thương đằng sau lưng để làm lại cuộc đời từ đầu nào ngờ gặp thằng dâm tặc Eddie và cả hai lại bị lâm vào hoàn cảnh bi đát hơn nữa. Bi đát và không có lối thoát.

Thương thì thương, hối hận thì hối hận nhưng đồng thời, nàng cũng thấy ghét một người chồng hèn. Vợ bị người ta làm nhục trắng trợn khơi khơi như vậy mà chỉ biết rút súng ra rồi lại dút vào, không thể làm được chuyện gì khác hơn. Làm trai mà hèn vậy thì sống thật là uổng. "Sống thật là uổng..." câu nói đó cứ trở về ám ảnh đầu óc Collen...

Ra khỏi tiệm đi cách một quãng, Gary Malone và Eddie cùng dừng bước. Eddie hồi hộp chờ đợi. Ở khu vực này, bao năm qua người ta đã quá quen với những hành động ngang tàng và khó lường trước của Gary Malone. Thầy muốn dẫn ai đi

thì dẫn, muốn thối ai thì thối, thậm chí muốn quăng ai xuống hồ thì quăng, quyền uy y như một lãnh chúa thời trung cổ mà chẳng ai dám làm gì. Dĩ nhiên, sở dĩ thầy "lộng hành" như vậy mà được thiên hạ để yên là bởi vì những người bị thầy làm khổ toàn là dân đầu trộm đuôi cướp, chưa bao giờ thấy thầy hạch sách hay làm khó người vô tội. Dưới mắt dân chúng ở đây, Eddie là người tạm gọi là lương thiện nên phần nào cũng thấy vững tâm.

Thầy đội Gary Malone móc cuốn sổ tay phía sau đít ra, lấy cây viết chì cầm tay rồi cất giọng nhẹ nhàng hỏi:

- Ông Eddie, sáng nay ông đi làm lúc mấy giờ?

- Như thường lệ, tôi ra khỏi nhà lúc 6 giờ sáng. Mọi người đều có thể làm chứng cho em được chuyện này.

- Tốt, lúc sáng nay lúc đi làm, ông có thấy nhà mình có gì khác lạ không?

- Dạ thưa thầy không.

- Tối đây làm rồi ông có quay về nhà để lấy gì không? Như là bỏ quên cái gì đó rồi về nhà lấy chẳng hạn?

- Dạ thưa thầy không.

- Nếu ông không đi, ông có sai ai về nhà lấy đồ đạc gì không?

- Dạ thưa không.

- Để tôi hỏi ông câu quan trọng này: Thường thường, Ben đi làm lúc mấy giờ?

Eddie hơi khựng người lại một chút vì câu hỏi nghe hơi khác lạ. Không biết cái thằng Ben lại có dính dáng gì tới mình:

- Dạ thưa nó đi làm cũng gần chung một lúc với tôi.

Cú khựng người của Eddie tuy rất khê nhưng không thoát qua khỏi cặp mắt tinh anh và thiện nghệ của thầy đội. Đột nhiên, cặp mắt thầy thay đổi, dường như bắn ra lửa, xoắn lấy Eddie:

- Tốt. Vậy sáng nay lúc ông đi làm có thấy nó không?

Eddie lúc ấy mới chợt nhớ ra một chuyện quan trọng là từ sáng tới giờ không hề thấy mặt thằng chồng Collen đâu cả. Sáng nay thức dậy đi làm không thấy mặt nó. Nó nhớ rõ là tối hôm qua Ben có về nhà, dù rất

trăm năm

ngõ động trong chiều

gửi NHN

*Buổi chiều mưa về không ngớt
Nhớ ai trong dạ nhớ ai
Quanh ta, ôi đời chật hẹp
Trong ta tím giọt ngấn dài.*

*Buổi chiều mưa về không ngớt
Dư âm mấy hạt buồn vui
Chắt chiu chút tình dịu ngọt
Cho vơi nỗi đắng cay đời.*

*Buổi chiều mưa về không ngớt
Lòng ta một cõi quạnh hiu
Nhớ thương u hoài thương nhớ
Trăm năm ngõ động trong chiều!*

nguyễn bá dĩnh



khuya. Vợ mới bị hiếp mà chồng sáng sớm không thấy mặt thì nó đi đâu nhỉ?

Mà tại sao thằng cha cảnh sát du côn lại hỏi mình câu hỏi này kìa? Thằng Ben có dính dáng gì đến mình đâu? Đúng ra, nếu có gì dính dáng thì mình... dính dáng với vợ nó chứ có làm gì với nó đâu? Rồi Eddie bỗng nghĩ ra một chuyện, mặt tái đi.

Một lần nữa, những thay đổi trên khuôn mặt thằng chủ quán đâm dục không qua được mắt thầy đội. Vậy là mình đi đúng đường rồi. Khuôn mặt đó, ánh mắt đó thì nhất định nó phải có liên quan tới cái chết của Ben. Cái mà thầy cần tìm hiểu bây giờ là giả thuyết thứ nhất hay là thứ hai đúng? Đây là lúc mình cần cùng chút "tài mọn của Gary Malone" để đào sâu thêm nữa và tìm hiểu sự thực.

Tự nhiên lúc ấy, cũng không hiểu vì sao, cái xác bầy nhầy máu me của Ben cùng cặp mắt u uất của Collen lúc nãy lại trở về lơ lửng trong trí thầy đội. Càng nghĩ đến cái xác của Ben và cặp mắt u uất của Collen thì Gary Malone thấy giả thuyết thứ hai đúng hơn giả thuyết thứ nhất. Một người đàn bà ngoại tình hay đồng lõa với người khác để giết chồng nhất định không thể nào có được cặp mắt u buồn và phần uất như vậy. Đây là cặp mắt của một người vừa bị tước đoạt một cái gì to lớn lắm. Rất to lớn, chẳng hạn như trinh tiết là một thứ. Thầy đội nhíu mày, kinh nghiệm của bao nhiêu năm điều tra tội ác sống dậy trong trí thầy.

Nhất định là thằng này đã... hiếp dâm Collen rồi. Bị hiếp dâm Collen, nói cho chồng nghe. Chồng không dám trả thù vì sợ ở tù, nhưng cảm thấy nhục nhã và căm tức cho sự hèn nhát của mình, trong một giây phút cùng quần thằng nhỏ kê súng vào đầu bóp cò. Mình xưa nay chưa hề đoán trật chuyện gì cả mà, nhất là những chuyện như thế này...

Nhìn mặt thằng Eddie, thầy đội biết thằng này sắp "gãy." Những thằng tội phạm dù cứng đầu và ba que xỏ lá đến đâu thì cũng là người, mà hễ là người thì đều có một sức chịu đựng giới hạn. Lúc mới phạm

pháp, sợ ở tù, sợ chết, đứa nào cũng chối bai bãi tội ác của mình. Cho đến một lúc nào đó, bị chất vấn, bị áp lực từ tứ phía, thậm chí bị chính lương tâm của mình dày vò, phạm nhân có thể "gãy" làm đôi như miếng ván bị ép cong quá. Đó là lúc mà thằng tội phạm bỗng tình nguyện khai hết mọi thứ tội mình đã phạm ra.

Thầy đội biết thằng này sắp "gãy", mình chỉ cần ép thêm một chút nữa nghe được tiếng bụp của miếng ván liền.

Nghĩ vậy là thầy đội Gary Malone bỗng xoay người, rồi bất ngờ dùng hết sức xoay tít cây dùi cui trong tay mình. Vòng xoay mạnh và nhanh đến nỗi nó phát ra tiếng kêu vùn vụt trong gió.

Eddie há mồm ra nhìn cây dùi cui trong tay thầy đội. Chuyện cảnh sát múa dùi cui là chuyện xưa như trái đất, Eddie đã nhìn thấy không biết bao nhiêu thầy cảnh sát xoay dùi cui trong đời mình nhưng chưa có ai xoay dùi cui cái kiểu... chết người và tuyệt đẹp như thế này. Cây dùi cui xoay nhanh đến độ nó không còn nhìn thấy dùi cui đâu nữa mà chỉ thấy một vòng tròn mỏng chung quanh bàn tay thầy đội. Và tiếng gió phát ra mới là kinh khiếp, nghe đến lạnh mình.

Đang xoay ngon lành, đột nhiên, thầy đội đánh thẳng cây dùi cui vào bàn tay kia của mình nghe đến chát một phát. Eddie giật nảy mình lên, co rúm người lại tưởng như cái cây dùi cui khủng khiếp đó đang bổ vào đầu mình. Sau cái tiếng chát nghe vang lừng như pháo nổ, giọng nói của thầy đội cũng bay ra nghe oang oang như sấm rền:

- Để tôi hỏi ông câu này. Nhà ông mấy hôm nay có xảy ra chuyện gì khác lạ không? Thú thiệt đi, nói cho tôi nghe đi.

Eddie nghe vậy thì muốn té xỉu xuống đất. Thầy đội hỏi câu này tức là thầy đã đi trong ruột trong gan mình rồi. Như vậy là thằng Ben đã đi có bớt rồi. Ôi thằng chồng hèn mạt. Giá như mà tối hôm qua nó ôm cây súng vào phòng mình, nổ cho mình một phát vào đầu thì chết mình

cũng còn phục nó là bạc nam nhi khí phách. Tưởng nó không dám bắn thì nó cầm mồm, nào ngờ nó đi có bớt thì hèn hạ quá.

Eddie đứng im như trời trồng, chưa kịp có phản ứng gì thì cái giọng vang vang như sấm kia lại "nổ" thêm một tràng nữa, toàn là những lời lẽ nghe đến đình tai nhức óc:

- Sao, tôi hỏi ông mấy ngày hôm nay trong nhà có chuyện gì xảy ra không? Nói đi, thú thiệt đi...

Để trợ uy cho câu nói, cây dùi cui trong tay thầy lại bắt đầu xoay chuyển. Mới đầu là chậm rồi từ từ nhanh dần, và đường xoay của cây dùi cui cứ bay veo veo qua lại gần ngay trước mặt thằng Eddie.

Thầy đội Gary Malone dùng hết sức xoay cây dùi cui vì thầy nhớ đến những lời dạy bảo của lão Vương ngày xưa. Lão có nói rằng cái hình ảnh bị ăn đòn nhiều khi còn đau đớn hơn là bị đòn, hình ảnh bị giết chết có nhiều khi ghê gớm hơn là chết thật sự.

Gió ép của cây dùi cui thổi tung mấy sợi tóc làm Eddie hoảng vía lên. Cây gậy chới vờ với sức mạnh như vậy mà chạm vào trán mình thì nhất định sẽ tiện đứt luôn cả phần trán.

Eddie sợ hãi lùi lại một bước. Như cái máy, thầy đội liền tiến tới một bước, cây dùi cui lại xoay mau hơn nữa, tiến gần hơn chút nữa. Giữa những tiếng gió vùn vút đó, cái câu "Thú thiệt đi, nói thiệt đi..." lại vang lên, âm thanh chát chúa như xoắn tít vào đầu Eddie.

Chịu không nổi, bỗng dưng, Eddie la to lên và bật khóc nức nở:

- Thầy dừng tay, dừng tay, để tôi khai... hu hu...

Nó "gãy" rồi. Có thể chứ! Gary Malone mỉm cười nửa miệng.

Thầy đội vung cây dùi cui vào tay mình cho nó "nổ" lên một tiếng bốp nữa rồi đứng yên, quắc mắt nhìn Eddie chờ đợi.

Eddie thở hổn hển, lưỡi ríu lại, nước mắt nước mũi ứa ra ràn rụa. Nó sợ quá nên chưa dám mở miệng. Eddie biết rằng cơ sự đã đến nước này thì mở miệng cũng chết, mà không mở miệng cũng chết. Nhưng

sau cơn kinh hoàng thì theo bản năng sinh tồn, người ta muốn làm chuyện gì thụ động hơn. Thụ động trong trường hợp này là chỉ đành đứng yên như trời trồng rồi để cuộc đời xoay chuyển thế nào cũng được.

Nhưng thầy đội Gary Malone đâu phải là thứ người ai muốn giỡn mặt thì giỡn. Mới tình nguyện thú tội bây giờ lại đứng yên như vậy thì coi làm sao được? Cả Chicago này biết tiếng thầy mà, thằng chủ tiệm ăn các kè này làm sao giỡn mặt với thầy được. Nhìn thấy nó lừng khừng như vậy là thầy nghiêng răng, giọng nói của thầy bay ra, rít giữa hai kẻ răng như một con rắn phì nọc:

- Nói, dù mẹ thằng khốn nạn, nói liền, nói ngay, không thì tao bẻ cổ mày chết liền tại chỗ này...

Đã bảo giọng nói của thầy đội Gary Malone như có lực thần. Vừa nghe thầy rít lên như vậy là hồn vía thằng Eddie lại... bay tuốt lên mây. Nó vừa bật khóc vừa meo máo phun ra liền:

- Dạ thưa thầy... ở nhà tôi...

- Ở nhà mày làm sao, thằng chó đẻ?

- Chiều hôm qua, con nhỏ Collen... đang tắm...

Dù đã biết trước, nhưng vừa nghe hết cái tên Collen là mắt thầy đội toé lửa ra liền. Nó vừa xác nhận là giả thuyết thứ hai của thầy đúng:

- Tám làm sao?

- Thưa thầy tôi cũng tưởng là nó có tình ý với tôi, nên tôi...

- Tôi làm sao?

- Tôi xông vào...

Không để cho Eddie nói tiếp, thầy đội gầm lên:

- Mày xông vào hả, hay thật. Vậy mày biết sáng nay chuyện gì xảy ra ở nhà mày chưa thằng chó đẻ?

Eddie kinh hoàng lắp bắp:

- Thưa thầy chưa.

- Thằng Ben bắn vào đầu nó chết rồi. Mày giết chết nó rồi!

Eddie thấy chơi với. Không ngờ thằng Ben lại có hành động điên cuồng như vậy. Mình tưởng nó không dám bắn mình thì nó cũng lơ chuyện này đi, nào ngờ lại chọn cái chết thì quả thật là cái chết điên

cuồng. Không, phải nói là ngu thì đúng hơn. Nghĩ vậy nó bèn gân cổ lên cãi:

- Thưa thầy, sáng giờ tôi ở ngoài tiệm mà thầy, làm sao tôi giết nó được...

- Mày không kê súng vào đầu nó bóp cò nhưng nó tự tử vì mày làm hỗn với vợ nó. Mày có hiểu không? Mày đã giết nó đấy.

Rồi Gary Malone đột nhiên đưa hai tay chụp cứng thằng Eddie, kéo nó tới gần ngay mặt mình. Lần này thì thầy đội cất giọng lạnh lùng, cái lạnh lùng của một ông quan tòa hỏi kẻ tử tội, hay của một tay đao phủ sắp sửa hạ con dao chặt đầu người ta:

- Bây giờ thì mày trả lời cho tao biết, mà phải trả lời cho đúng, trả lời trệt thì tao vụn một cái là gãy cổ liền. Mày hiếp dâm vợ người ta, để cho người ta đau khổ phần uất đến phải kê súng vào đầu tự tử chết. Vậy để tao hỏi mày, ai là người chịu trách nhiệm về cái chết đó? Nói một cách bình dân hơn, ai là người đã gián tiếp giết chết thằng Ben? Tao muốn nghe chính miệng mày thú tội.

Eddie hãi quá. Hai bàn tay thô bạo chuyên môn trị du đang nổi tiếng này chỉ cần vụn một cái là cần cổ nó sẽ gãy lìa làm mấy khúc. Eddie biết tính thầy đội. Thầy không bao giờ thêm dọa già dọa non. Nói cũng chết mà không nói thì càng chết sớm, chi bằng cứ nói đại. Eddie vụn cố gắng hết sức, lắp bắp mãi mới nói được:

- Dạ... thưa thầy... tôi.

- Lặp lại tao nghe coi. Tôi làm sao?

- Thưa thầy tôi giết thằng Eddie.

- Tốt, vậy tội mày là tội gì?

Còn tội gì nữa, Eddie lẹ làng nói luôn:

- Thưa thầy tội chết.

Thầy đội lại rít lên qua hai hàm răng:

- Tốt, vậy mày muốn chết cách nào và lúc nào, chết ngay bây giờ được không?

Eddie nghe tới đó thì kinh hãi rụng rời. Ôi thôi, đời mình đến đây là hết rồi.

Ngay lúc ấy, bỗng dưng ngay phía sau lưng thầy đội, có một giọng

nói đàn bà phát ra lạnh lạnh, chát chúa:

- Thầy đội Gary Malone, xin thầy buông anh Eddie ra...

Gary Malone nghe vậy thì nhận ra giọng nói của Collen liền. Và thầy giật mình đánh thót, hai bàn tay đang ôm cổ Eddie liền buông ra liền cái rụp. Đây là lần đầu tiên trong đời, vì xúc động và tức giận quá, thầy đội đã để cho người thứ ba đến sau lưng mình lúc nào mà thầy không hề hay biết. Chuyện này đối với những người vào sinh ra tử như thầy là tối kỵ. Một người có bản lãnh không bao giờ để cho bất kỳ ai đứng sau lưng mình mà mình không hay biết. Và thầy liền nghĩ ra thêm một chuyện nữa. Không biết nàng đứng sau lưng mình từ lúc nào. Có thể Collen đã nghe hết câu chuyện của hai người rồi.

Thầy đội Gary Malone xoay người, suy nghĩ thật mau cố tìm một câu để an ủi nàng về cái chết của Ben. Thầy đội biết, cái chết này là một mất mát, một biến cố rất lớn trong cuộc đời nàng. Gary Malone thò tay tính giờ cái mũ kết ra khỏi đầu trước khi nói cho phải phép lịch sự nhưng chưa kịp gì cả thì đã nghe nàng nói luôn:

- Tôi tới đây lâu rồi và đã nghe hết mọi chuyện. Tôi xin cảm ơn thầy đã có lòng quý mến chồng tôi...

Gary Malone bỏ mũ ra khỏi đầu, cúi đầu ôm Collen hôn nhẹ vào má nàng, cất giọng nghẹn ngào cảm động:

- Đại diện thành phố Chicago, tôi xin thành thực chia buồn với bà. Nguyên xin Thiên chúa cứu vớt linh hồn anh Ben về nơi yên nghỉ ngàn thu.

Collen lau vội vàng hai giòng lệ trên má mình:

- Anh đi lúc nào?

- Tôi nghe tiếng súng khoảng 11 giờ hơn một chút.

Collen liền sức nhớ đến ngay lúc nàng làm rớt cái ly xuống nền nhà. Lúc ấy cũng vào khoảng 11 giờ hơn một chút.

Gary Malone vỗ vỗ vào tay nàng, nói nhẹ nhàng:

- Nếu tôi có thể làm được gì, xin bà cứ cho tôi biết, tôi sẽ cố gắng hết sức mình và trong khả năng mình.

Collen bí mật đưa tay ra nắm nhẹ vào tay thầy đội một cái, cốt ý không cho Eddie nhìn thấy rồi nhìn thầy đội cất giọng run run hỏi:

- Thầy, thầy có hứa là sẽ cố gắng hết sức để giúp tôi không?

Cú nắm tay hồi nãy của Collen đã làm thầy đội chú ý. Gary Malone nhủ thầm trong lòng mình rằng khỏi cần nài phải nhắc nhở làm gì, thằng Eddie nhất định phải chết.

- Thưa bà, tôi đã nói, lẽ nào lại chẳng giữ lời? Trong hoàn cảnh tang thương đau buồn này, bà muốn gì tôi cũng xin chiều ý hết...

Collen cúi đầu dùng khăn lau khô hai hàng nước mắt rồi ngừng mặt lên, giọng nói rất cương quyết:

- Nếu thầy muốn giúp tôi, xin thầy.... thầy để yên anh Eddie.

Gary Malone có cảm giác như ai vừa tát vào mặt mình một gáo nước lạnh. Trái lại, Eddie nghe vậy thì biết là mình có hy vọng được sống sót rồi.

Gary Malone lặp lại câu hỏi. Lần này chính giọng nói của thầy đội có vẻ run run:

- Thưa bà, bà muốn tôi tha chết cho cái thằng đâm tặc...

Giọng của Collen trở nên cương quyết rõ ràng hơn nữa:

- Thưa thầy đúng. Xin thầy để cho anh ấy yên.

Nghe nói vậy là mắt thầy đội toé lửa ra:

- Một thằng đâm tặc phạm tội nặng như vậy mà bà muốn tôi tha. Bà có biết là chính nó đã giết chồng bà không?

Giọng nói của Collen vẫn nhẹ nhàng nhưng cương quyết:

- Thưa thầy, hồi nãy thầy chưa nghe anh Eddie nói hết. Anh chả có làm gì tôi cả. Tôi đang tắm rồi anh xông vào... nhà chứ không phải xông vào phòng tắm...

Nói đến đó, nàng quay nhìn Eddie, mỉm cười nói luôn:

- Có phải thế không anh Eddie?

Malone muốn té ngựa xuống đường. Suốt đời thầy đội, thầy đội có

còn chút rong rêu

*Xuân đây rồi nhưng hương xuân đâu
Sao với ta chỉ là mùa đông sâu
Sao môi xuân chỉ là tim khô nứt
Sao tình xuân là thao thức canh thâu!*

*Có phải hương xuân chìm trong mắt em?
Hay tan về đâu ngày xuân tơ mềm
Sao trong ta còn hoài cơn đông bão
Mây xám giăng trời vẫn đợi nắng lên!*

*Ta làm gì đây những ngày rong rêu
Thương tích trong ta như cơn mưa chiều
Đã xóa sông trăng ươm vàng tuổi mộng
Có nhạt phai dần yêu dấu đem theo?*

*Có phải xuân về trong đáy ly
Thoáng hiện đâu đây lãng, dền, miếu cũ
Gợn thanh ba... chiêm trống gọi nhau về
Vó ngựa dập dồn mai vàng lại nở*

*Nếu hạnh phúc đang hiển hiện trên đời
Ôi, sao ta chưa bao giờ biết tới!
Chỉ còn mình ta với màu nắng xưa
Đang lấp dần hồn tương tư mở ngõ*

*Còn mong gì đâu, có được gì đâu
Vẫn ngóng trông nhau đôi bờ xa lạ
Lớp lớp dồn thêm sóng đã bạc đầu
Mây nước mênh mông... bóng chiều dần ứa...*

t.t. mây trên ngàn

thể ngờ được nhiều chuyện nhưng không thể ngờ được chuyện này. Tại sao một người đàn bà thủy mị dễ thương, lại vừa mới bị hiếp dâm, vừa mất chồng cũng vì vậy lại có thể có một thái độ như thế được?

Thầy đội lắc lắc cái đầu mình mấy cái, cố gắng tập trung tư tưởng để suy nghĩ. Nhất định đằng sau cái vụ này phải có điều gì khó hiểu mà mình chưa nghĩ ra được.

Đang còn phân vân chưa biết đối đáp như thế nào thì Collen lại tiếp luôn:

- Thưa thầy, thầy nghĩ thế nào? Thầy có thể giữ được lời hứa với người đàn bà bất hạnh này một lần được không? Một lần thôi, một lần thôi thưa thầy.

Collen nói câu đó rất chân tình khiến thầy đội phải xoay người nhìn thẳng vào mắt nàng. Và trong ánh mắt đấy, thầy đội bất chợt nhận ra rằng nàng còn có một điều gì bí ẩn mà chưa thể nói cho thầy đội biết được.

Chỉ cần có vậy là Gary Malone liền mau mắn gật đầu:

- Thưa bà, bà nói vậy thì tôi cũng xin vui lòng. Tôi xin bà nhận nơi đây những lời chia buồn chân thành và tha thiết nhất của tôi.

Quay sang Eddie, thầy đội nói luôn:

- Phần ông bạn Eddie, nếu ông có rảnh lát nữa xin ông ghé về nhà. Tôi sẽ gọi người của sở cảnh sát tới để thụ lý và lo việc tố tụng...



Eddie vui mừng quá, thiếu điều muốn nhào tới ôm cổ... thầy đội mà hun một phát. Xưa nay ở Chicago này, có ai bị thầy đội nắm cổ đòi giết mà cuối cùng còn sống được. Trường hợp này chỉ có nó là một. Chẳng những được tha chết, Eddie lại thấy mình sung sướng gấp bội lần vì người cứu nó thoát chết chính là Collen. Tại sao nó làm vậy kia, Eddie tự hỏi. Câu trả lời duy nhất có thể chấp nhận được là nó chịu đền mình rồi. Eddie bật lên nụ cười tự đại khi nghĩ đến đó. Đàn bà quả thật là khó hiểu. Khi chưa đụng được tới người nó thì nó dấy nẩy nó phản đối tùm lum nhưng khi đã gần gũi rồi thì chồng nó có chết nó cũng coi chẳng ra gì...

Mãi đứng suy nghĩ, Eddie không biết thầy đội đã bỏ lên ngựa đi không biết lúc nào. Collen kẹp tay thẳng

anh vợ, nói nhỏ:

- Mình đi anh. Còn nhiều chuyện phải làm.

Eddie mỉm cười vui vẻ cất bước. Nếu được con nhỏ này làm nhân tình thì kể từ nay, mình chẳng cần đến ai nữa....

CHƯƠNG NĂM MƯƠI HAI

Khi hai người bước vào tiệm trở lại, Eddie gọi vợ ra sau nhà. Trước mặt Collen, nó thông báo chuyện Ben tự tử cho vợ nghe, giọng làm ra vẻ cảm động nghẹn ngào. Karen nghe xong thì ôm chầm lấy cô em Collen, khóc lên rung rức:

- Ôi em yêu dấu, chị hối hận vô cùng. Chị nghĩ không ít thì nhiều mình có trách nhiệm về cái chết của chồng em. Chị xin chia buồn với em.

Collen cũng ôm lấy bà chị, thầm nghĩ rằng bà chị mình nói rất đúng. Bà có rất nhiều trách nhiệm về cái chết của chồng mình. Nếu tối hôm qua, lúc mình bước ra khỏi phòng để tìm một đồng minh mà bà đừng có coi rẻ con em, đủ dòn với thằng chồng đâm tặc ngay trước mặt mình thì Ben chưa chắc đã chết. Tuy nhiên, Collen giữ kín những chuyện đó vào trong đáy lòng. Nàng an ủi... ngược lại bà chị:

- Chị đừng có lo buồn làm gì. Em xin cảm ơn chị về lời chia buồn. Chị đừng nói vậy, chuyện này hoàn toàn không có dính dáng gì đến chị cả.

Karen buông đứa em ra, lấy khăn thấm nước mắt, nói qua con thỏn thức:

- Ôi Chúa ơi, mà tại sao vậy, tại sao Ben lại tự tử, có ai biết vì lý do gì không?

Eddie nhìn Collen mỉm cười bí mật, rất là đều cáng. Nàng cũng lén đáp lễ cái nhìn của Eddie và biểu diễn một nụ cười đồng tình. Eddie nhún vai lắc đầu trả lời vợ:

- Đất thành phố nhiều khó khăn và thử thách, một người nhà quê mới lên nếu không được hướng dẫn đúng mức dễ bị cuồng trí bất ngờ.

Karen vẫn nói qua tiếng khóc:

- Nhưng em có đâu có thấy nơi Ben một triệu chứng gì là chán đời hay là phản uất đâu? Ben là một con người vui tính, dễ dãi và khoái ăn nhậu mà. Ngày hôm qua, trước khi bỏ đi chơi, hấn còn pha trò đùa với em mà.

Eddie móc cái đồng quả quít trong túi mở nắp ra xem rồi nhìn vợ nói:

- Bây giờ chúng ta phải tạm thời đóng cửa tiệm ngày hôm nay để còn về lo việc tắm liệm Ben. Em đi thông báo cho khách hàng và cho người làm biết. Anh cần phải đi liền vì cảnh sát chắc đang đợi anh ở nhà.

Karen gật đầu, quay người toan bước đi thì Collen đột ngột xen vào:

- Tại sao lại phải đóng cửa tiệm. Em không muốn vì gia đình em mà anh chị phải mất một ngày làm ăn. Hay là chị cứ ở đây coi tiệm, để anh Eddie và em về nhà được rồi.

ngàn sau

*Tôi sẽ chết, trong âm thầm lặng lẽ
Tiếng thơ buồn, dòng huyết lệ cưu mang
Gió nghìn trang ru giấc ngủ cơ hàn
Không gian húp, hoà bóng đêm quần quai*

*Tôi sẽ chết, cơ hồ bờ quan tái
Một đời người ngái ngủ giữa cơn mê
Thuyền không neo, bến thuộc chẳng quay về
Xa hun hút bóng trùng dương vẫy gọi*

*Tôi sẽ chết, chẳng còn gì phải nói
Gió thăm thì, thánh thót giọt mưa khuya.
Bước chân đời còn vang vọng ngoài kia,
Ai nỡ cảm tịch liêu, gom tiếng lại?*

*Tay từng ngón, giờ móng dài ma quái
Khăn liệm thơm hơi hướm tuổi dậy thì
Gọi em về đốt ngọn lửa tình si
Tôi leo lét vào nửa đêm thanh vắng*

*Tôi sẽ chết, ngậm trên môi trái đắng
Giữa đôi bờ thình lặng, kẻ thừa sai
Độc vang lên lời phán quyết hình hài
Bằng tiếng búa nện đỉnh giờ vĩnh biệt!*

phạm quang ngọc



Eddie cũng vừa cất bước nghe nói vậy thì dừng chân lại. Và đầu nó bỗng nghĩ ra một chuyện. Coi, con nhỏ này lý luận nghe cũng đúng đó chứ. Tại sao phải đóng cửa tiệm làm gì kia? Mình cứ để vợ ở đây coi tiệm, dắt con nhỏ Collen về nhà để lo tắm liệm. Khi nào công việc xong xuôi rồi thì dắt nó về nhà mà phen cho nó một quả thì thật là tuyệt vời. Hoặc, biết đâu chừng, vừa tắm liệm xác chết vừa phen nó vẫn còn được kia mà. Đời mình đã làm tình nhiều lần bằng nhiều cách, ở nhiều nơi nhưng chưa có bao giờ làm tình bên cạnh một... xác chết. Mà xác chết của thằng chồng con tình nhân mới là ly kỳ.

Tiếng nói của mẹ vợ bay tới cắt đứt luồng suy nghĩ của Eddie:

- Anh nghĩ thế nào về lời đề nghị của Collen?

Eddie nhú mày làm ra vẻ suy nghĩ. Nó liếc nhìn Collen và nhìn thấy được một cái nháy mắt làm hiệu. Eddie cảm thấy sướng đến điên người. A, con tiện nữ dâm dục này muốn được phen thì tao sẽ phen cho. Đâu có gì khó khăn đâu. Nó liền gạt cái đầu:

- Collen nói vậy cũng đúng, anh thấy em ở lại để coi tiệm cũng được, có điều hồi nãy thầy đội Gary Malone bảo em phải nửa tiếng nữa mới được về mà. Không biết em làm trái ý thầy đội, thầy có phiền hà gì không?

Collen nhìn Eddie:

- Anh chỉ sợ bóng sợ gió thầy đội Gary chứ em thì em có coi hấn ra gì.

Rồi mấy anh chị em nói chuyện với nhau, tỉnh bơ làm y như ở nhà không hề có một cái xác chết của thằng em nằm một đống trên sàn nhà...

Lát sau, Eddie cùng Collen leo lên xe, trực chỉ về nhà. Vừa mới ngồi lên xe, máy chưa nổ, giữa ban ngày ban nhật mà bàn tay thằng anh vợ đã thò ra luồng dưới váy Collen rồi:

- Em biết không, đã bao nhiêu lâu, kể từ khi gặp em, anh chỉ mong ước được có một ngày như ngày hôm nay.

Collen không hề có một phản

ứng nào cả. Được thế, thằng dâm dục lại cho bàn tay làm việc sâu hơn, bạo hơn nữa. Collen chỉ nhìn nó cười cười. Cuối cùng, Eddie chỉ chịu rút bàn tay đó ra khi nó phải sang số cho xe chạy.

Trong khi đó, ở trong nhà, bà chị của Collen tru tréo gắt nhặng lên với mấy con nhỏ phụ bếp:

- Ủa, con dao nhỏ gọt hành mới đây mà sao đi đâu mất tiêu rồi. Con dao này chắc phải có cánh nên mới biến mất mau như vậy. Tụi bay làm ăn không ý tứ gì hết, đồ đạc cứ để bừa bãi ra, đến chừng cần thì không biết đường nào mà tìm...

Bà chị Karen đang tru tréo mấy con nhỏ giúp việc thì bỗng nhìn thấy thầy đội Gary Malone bước vào quán liền im bật, miệng nở một nụ cười để chào khách...

Về tới nhà, Eddie tưởng cảnh sát đã đợi sẵn ở đó nhưng hơi ngạc nhiên khi chẳng nhìn thấy ai cả. Bọn cảnh sát luôn luôn làm việc trề tràng như vậy. Dù mẹ chúng nó chỉ được cái thu thuế và bắt người là mau, còn mọi chuyện khác thì cái gì cũng chậm như rùa. Nhưng mà không sao cả, chúng nó tới càng chậm thì mình càng có nhiều thì giờ để du hí với em Collen đây chứ sao.

Hai người bước vào nhà. Cánh cửa vừa đóng đằng sau lưng, khỏi cần để ý đến cái xác của thằng chồng làm chi, Eddie nhào tới ôm cứng lấy con vợ của... xác chết, môi nó hút chặt lấy môi nàng. Hai bàn tay thô bạo bắt tung hàng nút của chiếc áo, mò mẫm xuống...

Collen để yên một lúc cho đến lúc Eddie chuẩn bị cởi chiếc nút cuối cùng thì nàng liền dùng hết sức đẩy bắn Eddie vào tường. Nàng đưa tay lên sửa lại quần áo, gài hết mấy cái nút lại và nói qua hơi thở hỗn hển:

- Anh chờ, chờ chút đi... Mình xuống nhà coi xác anh Ben rồi muốn làm gì thì cũng còn kịp mà.

Eddie bị đẩy bắn vào tường, cũng giật mình nhớ ra là trong nhà này còn cái xác chết của thằng chồng con em vợ mà chưa coi được. Thôi thì chồng nó đã chết, nó thuộc về mình rồi, đi

đâu mà vội mà vàng. Nghĩ vậy Eddie đưa tay quẹt nơi miệng một cái rồi theo Collen bước xuống nhà.

Collen đi trước, bước từng bước một trong hành lang và rón giũ một bộ mặt lạnh lùng để đóng cho tròn vở kịch. Khi cần phải đi đâu xa, chỉ cần bước vài bước là nàng nhìn thấy ngay cái xác của Ben nằm sóng xoài trên sàn nhà, máu me và óc phọt tùm lum đầy trên sàn.

Đến lúc này thì không thể đóng kịch được nữa, Collen chạy như bay tới bên xác chồng, quì xuống, quăng cái bóp sang bên cạnh, nâng cái đầu chỉ còn... một nửa sát vào ngực mình và nước mắt tuôn ra như suối.

Eddie đứng đằng sau khó chịu nhìn Collen. Con em vợ khóc ngất lên thiếu điều muốn té xỉu như vậy mà thằng Eddie có thèm coi ra gì đâu? Nó chỉ để ý nhìn cái lưng dài khêu gợi cùng hai cái mông dít tròn trịa của nàng. Eddie nuốt nước miếng, chặc lưỡi. Dù mẹ dù sao thì nó cũng đã chết rồi, khóc chi dữ vậy không biết. Coi, thằng chồng nó chết máu me từng vũng coi thấy gớm như vậy mà nó cứ ôm cứng cái đầu của chồng sát vào ngực mà khóc lên từng hồi. Dù sao thì Eddie cũng biết thông cảm. Trong hoàn cảnh này, nó muốn ôm hay muốn khóc gì cũng được hết, nó chỉ ngại máu me dính đầy sang người con nhỏ thì chắc là mình khó mà làm tình với nó được.

Đứng đằng sau ngó một hồi, Eddie bỗng tự hỏi lòng mình rằng không biết con nhỏ này khóc thật hay nó lại đóng kịch như ngày nào? Muốn biết chỉ cần thử một cái là tìm ra ngay chứ gì? Nghĩ vậy là Eddie từ phía sau từ từ tiến tới...

Dù đau khổ lắm, nhưng thông minh và quyết liệt như Collen thì khỏi cần khóc lâu nàng cũng nhận ra một điều là mình có khóc tới chết cũng không khóc sống người chồng được. Cái mình có thể làm được bây giờ là làm sao cho anh ở dưới suối vàng nhắm mắt được. Đã theo được thằng khốn nạn này về tới đây, giờ chỉ còn ra tay mà thôi.

Tâm thần bình tĩnh lại, tiếng khóc của nàng lần lần dịu đi. Đúng

vào lúc Collen nhìn xuống và nhận ra mình mảy mĩnh đây những máu thì từ phía sau, hai bàn tay thô bạo của Eddie bay tới, chụp cứng bộ vú của nàng. Đồng thời, hơi thở dồn dập nóng hổi của Eddie cũng phả vào gáy nàng.

Collen xoay đầu rên lên nho nhỏ...

Eddie thấy vậy thì khoái chí, hai bàn tay thô bạo còn làm việc mạnh hơn nữa. Cuối cùng, nó đè ngửa Collen xuống sàn nhà, sát ngay bên cạnh cái xác chết của Ben. Bàn tay Eddie bắt đầu tiếp tục cởi hàng nút áo của Collen ra. Collen nhắm mắt lại, rên rỉ nho nhỏ trong miệng.

Eddie nuốt nước miếng. Khi hàng nút thứ ba vừa bật tung, để lộ hai quả đào tiên tuyệt mỹ thì Collen bỗng nắm tay nó, rên lên khe khẽ: "Yêu em đi, yêu em đi... rồi chết..."

Trong cơn động tình, Eddie chẳng thể nào hiểu được câu nói của người đàn bà nằm dưới. Không để cho nàng nói tiếp, Eddie cúi đầu, gấn chặt đôi môi mình lên đôi môi nàng. Collen để yên một lúc rồi trườn người sang một bên, thò tay với lấy cái bóp, miệng vẫn gấn chặt vào đôi môi thằng anh dâm dục.

Lúc Collen mở được cái ví xách tay của mình thì Eddie cũng cởi được hàng nút cuối cùng của chiếc áo. Eddie thò tay nắm bộ xú-chiêng của nàng kéo mạnh ra rồi rúc đầu vào đó.

Collen thọc tay vào trong ví mò mẫm và nắm được con dao. Nàng nhắm mắt lại, quyết định kết liễu cuộc đời thằng khốn nạn.

Collen đang từ từ kéo con dao ra thì bỗng dừng, thằng khốn nạn ngưng ngay cái trò dâm dục lại, ngẩng đầu lên. Ngay cả Eddie cũng không hiểu tại sao mình lại bất ngờ chê khúc thịt mỡ ngon lành nằm ngay trước miệng như vậy. Hình như con người có một cái linh tính lạ lùng trời cho để bảo vệ cuộc đời mình.

Collen thấy nó như vậy thì hoảng hồn, buông con dao rồi rút tay ra. Nàng ưỡn người, dùng tay ghệt đầu nó xuống. Lần này, chính nàng chủ động, để môi nàng gấn chặt lấy môi thằng dâm dục.

Nhưng chính hành động bất ngờ của nàng đã rung lên một tiếng chuông báo động trong đầu thằng đàn ông từng trải. Tại sao con nhỏ này lại tự dừng bỗng trở nên vồn vã như vậy kia? Những chuyện xảy ra suốt từ sáng đến giờ bỗng trở về trong trí nó. Eddie giật mình nghĩ ra một chuyện.

Nếu con nhỏ này muốn lừa mình thì nó quả đóng kịch quá khéo. Lừa mình thì dễ rồi nhưng lại lừa được luôn cả thầy đội Malone thì thiên hạ mới chỉ có nó là một. Bây giờ biết được vẫn còn chưa muộn mà. Minh cứ giả đồ coi thử nó làm được cái trò gì?

Eddie nghiêng người, cũng trả lời cái hôn đắm đuối của Collen. Bàn tay nó mò mẫm xuống bộ ngực trần sần chác của nàng.

Chỉ chờ có vậy là bàn tay Collen lại thọc sâu và trong cái ví da của mình...

Collen nắm chặt cán con dao ngắn có cái lưỡi nhọn hoắc và từ từ rút nó ra. Lần này nàng cần được con dao nơi tay, nới tay ra lấy đà để chuẩn bị cho một nhát đâm trí mạng. Con dao này tuy không dài lắm nhưng cắm ngập vào nách thì cộp cũng chết, nói gì người.

Vĩnh biệt mày Eddie, thằng khốn nạn.", Collen vận hết sức, nhắm vào phía dưới nách trái thằng khốn mà đâm tới một phát thật mạnh.

Con dao trong tay Collen lao tới thật mau, thật mạnh.

Collen đang chờ một tiếng rú kinh hoàng của nó thì thì bỗng thấy bàn tay mình đau nhói. Thì ra thằng Eddie đã chuẩn bị không biết từ lúc nào và nắm được cườm tay của nàng cứng ngắt khi con dao chỉ còn cách nó chừng vài phân.

Eddie dùng một tay còn lại tát lia lia vào mặt nàng và găm lên như cộp rống:

- Tiên sư cha con đi khốn nạn. Cờ như mày mà dám giết tao sao? Mày muốn giết tao thì mày phải chết...

Collen thất kinh đến rụng rời. Hoá ra thằng khốn nạn này nguy hiểm hơn mình tưởng. Đây là lần thứ hai mình bị nó lừa. Nàng tức quá, bật

khóc lên và vùng vẫy cố thoát khỏi bàn tay thằng khốn.

Nhưng thằng Eddie mạnh quá, nó bây giờ như một con cộp bị thương, làm sao mà Collen vùng vẫy cho nổi. Nó tát mạnh quá, môi miệng Collen ứa máu ra. Eddie thấy vậy thì máu càng sôi lên, tiếp tục tát lia lia vào mặt nàng. "Con đi ngựa thối tha khốn nạn này, tao sẽ giết mày chết. Để cho mày biết chết như thế nào..."

Nhưng Collen cũng chẳng phải là hạng người bỏ cuộc dễ dàng. Bàn tay cầm dao dù bị vụn tréo đau đến muốn gãy xương ra nhưng nàng nhút quyết không buông tay. Lại cố hết sức vùng vẫy. Cuộc làm tình bên cạnh xác chết bất ngờ đã trở thành một cuộc... vật lộn chí tử ngay trên sàn nhà.

Không lấy được con dao, Eddie càng trở nên điên tiết. Bây giờ nó không tát nữa mà vùng tay đâm lia lia vào mặt Collen. Một lúc, thấy mặt mày con nhỏ máu me tùm lum mà con dao trong tay nó vẫn không chịu nhả, Eddie đổi chiến thuật. Mày đã thế thì tao cho mày chết luôn. Nó thò tay bóp cổ nàng.

Phải, chỉ có bóp cổ nó cho nó hết thở để coi thử nó có chịu buông dao ra không cho biết.

Quả đúng như Eddie nghĩ, chiêu bóp cổ có vẻ hiệu nghiệm. Mặt Collen từ từ trở nên trắng bệch ra, và sức kháng cự bỗng trở nên yếu dần, yếu dần.

Có thể chứ. Tao bóp cổ cho mày chết luôn...

Eddie gia tăng sức mạnh. Năm ngón tay to lớn của thằng Eddie từ từ lún sâu vô trong cái cổ trắng tinh và nõn nà của Collen. Eddie khoan khoái nhìn cái khuôn mặt diêm kiều của Collen đang từ từ mất sức sống. Nó chỉ lạ một điều là con nhỏ này sắp chết và cật mấp vẫn long lên sòng sọc, không hề có chút sợ hãi nào cả.

Chỉ một lúc sau, Collen trợn trắng mắt lên, cả thân thể, cả con người trở nên xuội lơ.

Eddie biết là con em vợ mình đã chết. Con nhỏ này lì thật, nó hết thở chết ngắt rồi, tứ chi cái gì cũng mềm

nhũn ra như bún mà bàn tay cầm con dao vẫn không chịu buông ra. Lúc ấy, nó chợt nhớ ra một điều là mình chưa làm tình được với nó như ý định lúc bước vào nhà này. Eddie liền buông cần cổ Collen ra, thò tay xuống dưới mở dây thắt lưng quần của mình. Nó nhất định phải vót vát một cú làm tình cuối cùng với con em vợ, bất kể rằng nó còn sống hay đã chết.

Vấn đề sống hay chết không làm Eddie bận tâm trong lúc này. Biên giới giữa sự sống và cái chết, lúc đó, đối với nó quả thật rất mơ hồ. Sống cũng là một khối thịt mà chết cũng vậy, cũng chỉ là một khối thịt hấp dẫn thôi, có gì khác đâu mà phải phân biệt?

Eddie vừa kéo được cái quần xuống khỏi đầu gối thì bỗng nghe đến rầm tiếng kinh thiên động địa và thấy đau nhói nơi bên hông. Eddie bị sức mạnh của một cú đá bất ngờ từ phía sau đẩy hẳn nó sang một bên.

Eddie lăn lông lốc mấy vòng trước khi nhìn thấy đôi ủng bằng da đen bóng loáng của... thầy đội Gary Malone đã đứng ở đó không biết từ lúc nào... Nó kinh hoảng đến độ không dám đưa mắt nhìn lên thầy đội, chỉ ôm đầu nhăn nhó, biết rằng cuộc đời nó đến lúc này là bế mạc.

Sáng nay, sau khi từ giã hai người, Gary Malone leo lên ngựa bỏ đi, trong đầu đầy dẫy thắc mắc về thái độ cùng cách đối xử lạ lùng của Collen. Quái lạ, Collen đâu phải là loại gái lăng loạn mà mình vẫn thường gặp xưa nay. Là người, cặp mắt nhận xét của mình cũng có thể trật như thường nhưng không thể trật xa như vậy được. Tại sao một người vừa bị hãm hiếp, chồng vừa tự tử chết lại có thể thay đổi thái độ mau đến như vậy. Nếu Collen là thứ đàn bà ngoại tình đi nữa, nàng cũng chẳng cần phải vồn vã đổi thái độ mau như vậy. Thái độ và lời nói thì như vậy nhưng ánh mắt thì không. Người ta bảo con mắt là cửa sổ của linh hồn và mình thì rất thành thạo trong việc... chui vào cửa sổ linh hồn của người ta.

Cái giả thuyết duy nhất mà thầy

tình xa dặm nhớ

*Anh gọi em qua trùng dương thăm thăm
gửi lời yêu trong nhịp sóng ngân xa
em biết đấy tình anh tươi sáng lắm
như ngàn sao rạng chiếu giải ngân hà*

*Em biết đấy trong mịt mù đông tố
cánh chim trời phiêu bạc ở muôn phương
lòng vẫn nặng với quê cha đất tổ
thì làm sao quên mái ấm thiên đường!*

*Quê hương vẫn ở trong tim anh đó
dù anh đi nơi cuối biển chân trời
tha thiết qua bao niềm thương nỗi nhớ
trong lời ru trong điệu hát hò ơi.*

*Quê hương vẫn ở trong tim anh đó
với em yêu từng năm tháng dãi dầu
hồn anh mãi tươi xanh như thảm cỏ
nơi chiều quê bên bãi bắp nương dâu*

*Không cần phải có nhịp cầu Ô-thước
anh gần em qua vạn nẻo tâm tình
dòng sông nào chia Ngưu lang Chức nữ
không thể nào ngăn cách được tình anh.*

*Máu còn đỏ cho tim hồng rạo rực
hương còn thơm cho môi má diễm kiều
hoa còn nở đón xuân về nao nức
thì trong anh còn mãi một tình yêu.*

tô giang

đội có thể chấp nhận được là con nhỏ đang đóng kịch để âm mưu trả thù cho chồng và cho vụ làm nhục. Chuyện này rất tốt, nhưng thầy đội không biết nàng sẽ ra tay vào lúc nào. Nếu nàng ra tay làm chuyện đó, thầy đội sẽ vui lòng giúp một tay. Nghĩ vậy là Gary Malone cho ngựa đi ngược trở lại quán. Muốn biết Collen âm mưu gì cũng chẳng có gì khó, chỉ cần hỏi bà chị Karen là biết liền.

Thế là Gary Malone đứng yên ở một góc đường, chờ cho Eddie cùng Collen ra khỏi quán rồi bước trở vào. Sau vài câu trao đổi với bà chị, thầy

đội hấp tấp lên ngựa phóng về đây liền. Lúc hai người ôm nhau dưới sàn thì thầy đội Gary Malone đã đứng lù lù một góc phía sau. Thầy bình thần quan sát mọi việc xảy ra và thầm khen cho tài đóng kịch của Collen. Đúng vào lúc thầy tưởng Collen sẽ lượm được con dao vào nách thằng anh chồng bà chị thì thầy mới khám phá ra thằng Eddie cũng không phải là hạng tầm thường. Tuy nhiên, Gary Malone vẫn đứng yên không can thiệp. Thầy đội muốn chờ cho đến phút cuối của trò chơi coi thử nó sẽ diễn tiến như thế nào. Đến lúc thấy Collen xuôi lơ và thằng Eddie bắt



đầu tuột quần mình ra để làm tình với xác chết thì Gary Malone biết đã đến lúc phải nhảy vào vòng chiến.

Đá tung thẳng đâm dục sang một bên, Gary Malone quỵ xuống sàn nhà, nâng Collen lên. Thầy đội kê miệng vào miệng nàng, thổi vài cái thì Collen cục cựa được ngay. Gary Malone gật gù cái đầu rồi tiếp tục thổi thêm vài cái nữa. Collen từ từ tỉnh lại. Vừa tỉnh lại là nàng lại quắc mắt lên, con tay cầm con dao lại đâm mạnh vào một cái vào ngang hông thầy đội.

Đòn này bất ngờ quá, Gary Malone có là thánh cũng đâu ngờ là Collen còn cầm sẵn con dao tay. Chỉ nghe phụp một tiếng là thầy đội biết ngay nàng đã đâm con dao vào hông mình gần lút cán. Gary Malone ướn người lên một cái, thấy đau nhức tận tim gan.

Dù tài giỏi đến đâu Malone cũng không thể đỡ được ngón đòn độc địa đó. Suốt đời thầy đội Gary Malone từng đi giữa hòn tên mũi đạn, nhiều khi tay không đấu với bao nhiêu đứa đầu trộm đuôi cướp có súng đạn và chưa bao giờ có ai đụng đến được một sợi lông của thầy nhưng chưa bao giờ thầy ngờ mình sẽ lâm vào

một tình trạng bi đát như vậy: Kẻ đâm mình lại là kẻ vừa được mình cứu sống.

Đâm được một nhát như vậy mà Collen vẫn chưa tỉnh người nên đâu có chịu dừng tay. Nàng thét lên "Thằng đâm dục khốn nạn, tao phải giết mày chết." Miệng nói là tay nàng rút con dao ra, dùng hết sức lụi vào lần nữa. Lần này, nhờ lấy thêm được chút sức lực, con dao trong tay nàng lại thọc vào hông thầy đội sâu hơn nữa.

Đâm được hai nhát dao vào bụng người ta thì Collen trở thành con thú điên. Nàng rít lên "Eddie... mày phải chết, mày phải chết" con dao lại được rút ra để lụi vào.

Bất ngờ quá, đột ngột quá, bản lĩnh đây mình như vậy mà lãnh hai nhát dao liên tiếp vào hông rồi thầy đội mới thò tay xuống dưới kịp để chuẩn bị đón con dao trên tay nàng "Collen yêu dấu" đang hết sức lao tới lần thứ ba. Đồng thời thầy đội hét to lên: "Em, anh đây, dừng tay lại, dừng tay lại."

Đến lúc đó, nghe giọng nói thì Collen mới tỉnh ngộ. Nàng khựng người lại khi nhận ra người mình đâm không phải là thằng anh họ đâm

dục mà chính là ông thầy đội cảnh sát đẹp trai mà mình hằng quý mến. Sao mà lạ vậy kìa? Lúc này chính là thằng Eddie đang bóp cổ mình mà.

Chỉ nói được tới đó là Gary Malone lăn người sang sang bên cạnh, đưa hai tay xuống ôm lấy hai vết thương nơi hông, rên rỉ đau đớn. Mới đó mà máu đã loang lổ một vùng bụng của thầy đội.

Collen chớp mắt nhìn quanh. Nàng nhìn thấy xa xa trong góc nhà, thằng Eddie đang lồm cồm bò dậy. Bên trái nàng là xác chết của Ben và bên phải là thầy đội Gary Malone đang lăn lộn dẫy dựa vì vết thương. Điều nàng để ý là từ chông nàng cho tới Eddie cho đến thầy đội và ngay cả mình, áo quần ai cũng dính máu me đầy người. Sau một giây phút bối rối, Collen liền hiểu hết mọi chuyện. Nàng nhớ lần cuối cùng mình còn suy nghĩ được là lúc bị thằng Eddie bóp cổ. Collen nhớ mình ngộp thở quá, thấy trời đất càng ngày càng trở nên đen dần. Và đầu thì bị đau nhức kinh khủng như có ai thọc vào đó một ngàn cây kim. Sau đó thì mình chẳng còn biết gì nữa. Vậy ra mình đã ngất đi và chính thầy đội là người đã cứu mình thoát chết.

Vậy mà... vậy mà, vừa tỉnh dậy, chưa biết át giáp gì đã hồ đồ mà lụi con dao mấy lần vào hông người đã cứu từ mình. Sao đời mình lại có nhiều chuyện oái ăm và đau đớn như vậy nhỉ?

Nàng quăng con dao, nhào người tới ôm lấy thầy đội Gary Malone, nâng mặt chàng lên và nức nở khóc, gào lên đau đớn: "Anh Gary, anh Gary, em xin lỗi anh, em hối hận vô cùng!..."

Thấy mặt thầy đội Gary Malone đã trở nên tái nhợt, Collen càng hết hoảng. Nàng cúi xuống nhìn vết thương nơi hông thầy đội và nhìn thấy máu đang chảy ra như suối. Collen lại khóc rống lên thảm thiết.

Nhưng Gary Malone bình tĩnh lắm. Kìa em, có gì đâu mà lỗi với phải và phải khóc lên như vậy hở em? Nghề nào lại chẳng có cái gọi là "nguy hiểm nghề nghiệp". Anh làm nghề cảnh sát, chuyên môn đi

tủ phận

Thời gian còn lại hỏi bao lâu?

Phủi tay làm kẻ bước qua cầu

Trăm năm đổ xuống dòng hư huyền

Bèo bọt thoáng qua: một kiếp sầu

Tình nghĩa xem ra chẳng bấy nhiêu

Tàn dư một bóng, sớm hay chiều

Mong gì ai xót phần đen bạc

Ai nhớ cài hoa mộ hắt hiu?

Tiếng khóc chào đời vẫn chưa quên

Thì ra nhân thế cõi buồn tênh

Vừa hay chân vướng vòng sinh tử

Vội khóc xin đời miễn đặt tên.

Tiếng khóc im dần với tháng năm

Hồn đau đã biết khổ âm thầm

Đến nay sự sống ngàn cân nặng

Vai mỗi mớ sương một chỗ nằm!

b.h.t.



bắt cướp, sống giữa chốn gươm đao, cho nên, lâu lâu đi hành nghề thì cũng phải lãnh vài dao như vậy cho nó biết... bị dao đâm nó như thế nào. Đối với anh, chuyện quan trọng không phải là bị đâm mà người đâm có chủ đích hay không. Đây chỉ là một tai nạn, đơn giản như thế thôi. Nếu có chết đi nữa thì cũng đành chịu.

Collen nhìn thấy mặt mũi thầy đội càng ngày càng xanh dờn và đôi môi lại mấp máy một cách bình thản dịu dàng thì càng hoảng vía lên nữa. Nàng nâng đầu chàng lên sát vào mặt mình, nhìn thật sâu vào đôi mắt xanh đẹp tuyệt trần, nước mắt tuôn ra như suối: "Anh Gary, em rất tiếc, em rất tiếc... Em ngu dại quá, em xin lỗi anh..." và nâng đầu thầy đội lên, đặt lên trán một cái hôn.

Đang bị mất máu và mất sức, thầy đội tính ngồi dậy để tìm cách băng bó vết thương. Collen thì ân hận và lúng túng. Cả hai quên mất, không để ý là thằng Eddie đã trở dậy được sau cú đá. Nó đang từ từ tiến tới sau hai người. Khốn nạn nhất là trên tay nó đang cầm một cây búa bừa cùi to tướng.

Lúc này, đang hùng hục tự cời quần để chuẩn bị làm tình với xác chết con em vợ thì bỗng bị một người thứ ba bất ngờ đá văng sang một bên, nhìn thấy đôi ủng da của thầy đội Gary Malone, Eddie biết người đá mình là ai và biết ngay rằng đời nó đến đây là hết. Người ta đồn Gary Malone có tài xuất quỷ nhập thần, bây giờ nó mới thấy đúng. Sợ uy của thầy đội quá, sau cú đá, Eddie cứ nằm chết dí trên sàn nhà để chờ chết.

Nhưng, có sống đến một ngàn năm nữa, Eddie cũng không thể ngờ được những việc xảy ra tiếp theo đó lại hoàn toàn khác với những gì nó nghĩ trong đầu. Trước hết, nó không biết là con nhỏ Collen chỉ bị ngất đi, sắp chết thôi chứ chưa chết được. Thầy đội chỉ cần thổi vài cái là nó cử động lại ngay. Chuyện thứ hai, một bất ngờ lý thú cho Eddie, vừa tỉnh dậy là con nhỏ kia lại lia lịa con dao vào hông thầy đội. Gớm thật, nó tưởng mình vẫn còn bóp cổ nó mà.

Và người cảnh sát lầy lùng nhất Chicago, người mang danh "Bàn tay sắt Malone" không đỡ được mấy nhát dao trí mạng bất ngờ này. Đây là lần đầu tiên Eddie nhìn thấy thầy đội Gary Malone bị một người khác tấn công mà hoàn toàn bất lực.

Nhìn thấy người Malone máu me tùm lum nơi bụng, Eddie bỗng nảy ra một ý kiến hay. Nếu thầy đội mà chết thì nó sẽ không chết. Đúng, chỉ có thầy đội chết thì nó mới sống được. Tuy nghĩ vậy, nhưng Eddie vẫn nằm im không hề dám cựa cựa. Xưa nay nó vốn sợ bóng sợ gió thầy. Thầy đội chỉ cần trườn người một cái, bàn tay kia vỗ mạnh xuống một cái thì cái sợ của nó sẽ nát ra như cám.

Nhưng, đến khi nhìn thấy hai người lo lắng, săn sóc cho nhau trước mặt mình thì Eddie bỗng nổi cơn ghen lên, trở nên căm phẫn. Nó không sợ sệt gì nữa, lẹ làng đứng lên, chạy lẹ vô phòng chụp lấy cây búa bừa cùi trở ra. Nó nhìn xuống hai người ôm nhau trên sàn nhà, máu hận sôi lên, từ từ tiến tới, suy nghĩ để chọn một thế chặt cho chính xác. Trước khi mở tiệm ăn với vợ, Eddie sống bằng nghề làm cùi trên rừng mà. Nhát búa của nó chặt xuống, thân cây to bằng mấy người ôm còn bẻ ra làm mấy khúc, huống gì thân người?

Eddie nhìn cái lưng trần trắng nõn của Collen phủ lên người thầy đội và suy nghĩ. Với sức mạnh của mình, nếu mình để một búa xuống ngay chỗ cái lưng trần đó thì chắc chắn lưỡi búa sẽ xuyên quá thấu cả hai đứa một lần rồi cắm phập xuống sàn nhà. Chúng nó sẽ chết chắc.

Nghĩ là làm liền. Eddie tới gần, giơ búa lên cao, nghiêng răng tính bổ xuống nhưng bỗng dừng tay lại, hạ búa xuống ngăn ngừa suy nghĩ. Thằng cảnh sát khốn nạn đã ăn hiếp mình bao nhiêu lâu nay chết là phải rồi nhưng còn con nhỏ Collen nếu giết nó chết thì uổng quá. Nhưng nếu không bổ xuống lưng thì biết bổ vào đâu bây giờ, vì con Collen nằm chồng lên nó.

Eddie liếc nhìn xuống đắn đo

một lúc và nhìn thấy cặp giò của thầy đội nằm tênh hênh ngay giữa nhà. Hay là mình tiện đứt mẹ nó cặp giò của thằng cảnh sát trước rồi tính sau? Phải, nó có tài giỏi tới đâu mà chẳng còn cặp giò để đứng thì cũng đành bó tay chịu chết mà thôi.

Nghĩ như vậy là Eddie nhắm vào chỗ phần dưới của đầu gối thầy đội, nghiêng răng giơ búa lên cao chặt mạnh xuống một phát. Cây búa từ tay tên vũ phu vốn ngày xưa là dân thợ rừng chuyên nghiệp bay xuống mau như một lần điện chớp.

Chẳng ngờ, thầy đội Gary chưa có số bị cụt giò nên nhát búa vừa xuống gần đến nơi thì thầy đội Gary Malone lại bất ngờ co chân lại để sửa thế nằm. Đường búa tiện đứt ngọt sớt một mảnh... da giày của thầy đội rồi cắm xuống nền xi măng nghe đến xoảng một tiếng kinh hồn, lửa toé ra khắp nơi.

Eddie thấy hai bàn tay mình trở nên tê dại, đau thốn tới tận óc, buông cây búa ra.

Dù bị thương rất nặng và dù đang mê mẩn với nụ hôn nồng cháy của Collen, thầy đội Gary Malone cũng nhận ra ngay ra rằng mình xém tí nữa thì mình bị mất mẹ nó một giò bởi thằng Eddie. Thằng khốn nạn này, mày dám đánh lên tao thì tao phải cho mày chết.

Thầy đội lẹ làng đẩy Collen ra, vận hết sức tàn, thò tay chụp được ống chân của thằng khốn nạn, bóp mạnh một cái.

Bàn tay sắt lừng danh của Gary Malone mà đã bóp thì ai mà chịu cho nổi? Eddie kêu rú lên, cảm thấy như xương chân bị như bị gãy vụn ra như cám. Đau quá, nó đâm khùng, co giò bên kia đập mạnh vào tay thầy đội. Và Eddie ngạc nhiên đến sững sờ khi thấy bàn tay sắt nổi tiếng mấy chục năm trong giới giang hồ liền bị nổi lỏng ra ngay chỉ sau một cú đập của nó. Có thể nào bàn tay sắt lại yếu đến như vậy, chuyện này chưa hề xảy ra.

Eddie chưa kịp suy nghĩ lâu thì bàn tay ấy lại bay tới, chụp cứng lấy ống quyển nó một lần nữa. Nhưng lần này, Eddie chẳng cảm thấy đau đớn gì cả. Eddie lại co giò lên đập

một phát nữa. Và cũng như lần trước, bàn tay sắt của thầy đội bung ra liền. Bung ra liền và bung ra một cách dễ dàng.

Eddie ngạc nhiên quá đổi nhưng liền nghĩ ra một chuyện: Vậy là thầy đội đã hết sức rồi. Nếu vậy thì mình phải giết nó chết. Giết cộp thì phải giết liền tay, để nó vùng dậy được thì chỉ có chết.

Quả thật Eddie đã nghĩ đúng. Bàn tay của thầy đội Gary Malone xưa này nổi tiếng là tay không bẻ đinh cũng gãy, đã từng bóp nát tay chân của bao nhiêu thằng du đảng, có đâu lại bị bung ra dễ dàng bởi một cú đập của thằng Eddie. Chẳng qua là thầy đã hết sức rồi. Thầy hết sức rồi và thầy cũng biết vậy vì mắt thầy bây giờ nhìn cái gì cũng thấy hai ba cái.

Thầy nhìn thấy... hai ba thằng Eddie lồm cồm cúi người xuống nhặt hai ba cái búa lên. Bỗng khi, nhìn thấy một lần hai ba thằng mập mờ như vậy thì khi nó chặt búa xuống, biết thằng nào thật thằng nào giả mà né đây. Chết chắc.

Trong giây phút thập phần nguy hiểm đó, Malone bỗng nhớ tới cây súng của Ben. Gary nói mau vào tai Collen: "Cây súng, cây súng của Ben..." Nói xong thì thầy chẳng còn sức lực nào nữa, nằm vật ra sau.

Eddie đã lượm cây búa lên từ từ tiến lại phía hai người. Collen nằm phủ lên người thầy đội Gary Malone, người đã cứu mạng nàng, người lừng danh chốn giang hồ là chưa ai có thể đụng đến một sợi lông mà giờ đây chỉ còn thoi thóp thở.

Eddie lăm lè tiến tới, miệng điểm nụ cười nham hiểm. A, con đi này, mày muốn che chở cho nó à? Hà hà, tưởng bàn tay sắt dữ dằn ra sao, hoá ra cũng chết như mọi người.

Eddie tiến tới gần thêm chút nữa. Khi vừa tầm chém của cây búa, nó dừng lại, nhìn xuống hai kẻ thất thế phía dưới, cười hề hề đều cảng:

- Con đi thôi tha này, mày tưởng mày lừa được tao sao? Mày tưởng thằng cảnh sát chó đẻ kia có thể che chở được mày hả. Bây giờ, để tao chặt nó ra làm mấy khúc trước mặt

mày cho mày thấy...

Nói tới đó, Eddie vung búa lên:
- Nếu không muốn chết, mày nhích qua một bên để tao chặt nó trước...

Collen vẫn nằm im trên người Malone không thêm nhúc nhích, lại đưa cặp mắt thách thức nhìn lên:

- Thằng đàn ông hèn mạt, mày có giỏi thì cứ chặt đi, tao thách mày đấy...

- A con này muốn chết, để tao coi thử mày còn gan lì tới mức nào sau nhát búa này...

- Trước khi chặt, mày coi thử cái này là cái gì...

Eddie mím môi tính hạ cây búa xuống bỗng khựng người lại. Nó vừa nhìn thấy nàng rút cây Colt nãy giờ giấu dưới lớp váy đầm lên. Đúng là cây súng của thằng chồng nó, cây súng đặc biệt của dân chân bò có cái nòng dài thông lòng. Cái nòng dài này lại chĩa ngay vào trán nó. Cách cầm súng và chĩa súng một cách chính xác chứng tỏ con nhỏ này phải là dân biết sử dụng đồ nghề một cách thành thạo.

Eddie tái mặt đi, không ngờ tình thế thay đổi nhanh quá. Giọng nói của Collen bây giờ trở nên lạnh lùng:

- Mày chắc chưa muốn chết, tao đề nghị mày bỏ cây búa xuống. Bỏ xuống và xoay người lại.

Eddie lưỡng lự suy nghĩ. Mình có nên liều với nó một trận không? Dù sao thì nó cũng chỉ là một con đàn bà, còn mình là đàn ông mà, mình đâu có bỏ cuộc dễ dàng như vậy được.

Hình như Collen biết thằng khốn đang suy nghĩ gì trong đầu. Nàng nâng nòng cây súng lên cao một chút, chĩa ngay bàn tay thằng khốn bóp cò oành một phát.

Viên đạn từ họng súng bay lên đục thủng một lỗ hổng nơi cườm tay thằng khốn, thối bay ra ngoài một miếng thịt và một khúc xương nhỏ. Lạ lùng thay, miếng thịt của thằng Eddie cũng bay tuốt lên trần nhà, dính lủng lẳng trên đó, gần ngay chỗ máu và óc của Ben đã dính lủng lẳng lúc sáng.

Eddie buông cây búa, ngã bặt

ngược ra sau. Ngay lập tức, dường như có một sức mạnh vô hình, Collen ngồi ngay dậy. Lúc Eddie còn đang lảo nhão, nàng lạnh lùng thò tay rút cái còng sắt của thầy đội Malone đeo ở thắt lưng rồi thả xuống trước mặt thằng chồng bà chị, đứng xa xa trên sàn nhà chĩa súng xuống ra lệnh:

- Còng tay mày lại. Còng cái bàn tay còn lành lặn đó với cái chân của mày lại. Mày biết tài bắn của tao rồi, đừng có đại mà giở trò.

Eddie cầm cái còng sắt lên, đang lưỡng lự thì Collen đã kéo con cò mỏ của cây súng ra đằng sau nghe đến các một tiếng. Eddie nghe vậy thì hoảng quá, làm y lời. Bàn tay bị bắn đau quá, nó hì hục mãi mới còng được một tay và một chân của mình với nhau.

Bị còng một tay và một chân lại với nhau, Eddie bây giờ trông chẳng khác nào như con heo bị trói ngược. Lúc ấy Collen mới từ từ ngồi xuống, lựa một thế ngồi vững chãi rồi một tay chụp lấy tóc thằng khốn nạn, tay kia kê nòng súng vào trán nó, hỏi:

- Mày muốn chết không?

- Thưa không.

- Vậy thì năn nỉ đi, tao cho mày năn nỉ...

- Thưa thưa... xin tha cho tôi.

- Đời mày, mày đã hiếp dâm bao nhiêu người rồi?

- Thưa... thưa tôi không nhớ.

Collen thọc mạnh cây súng vào mắt thằng Eddie. Nó túng thế nhắm mắt lại, xoay đầu sang một bên. Collen hỏi tiếp:

- Mày phải nói. Nói đi, nói thật thì tao tha. Mày đã hiếp dâm bao nhiêu đàn bà rồi?

- Thưa.. thưa... ái chà đau quá, xin tha cho tôi.

Collen gầm lên:

- Bao nhiêu đứa?

- Thưa... khoảng vài chục...

Collen mỉm cười:

- Tốt. Đùa mày vậy thôi chứ tao làm sao giết mày được. Giết mày thì tao ăn nói làm sao với sở cảnh đây. Bây giờ tao muốn mày làm cái này cho tao, nếu được thì tao tha.

- Thưa... thưa... xin em cứ dạy.

- Tao muốn mày... tuột quần mày

ra...

Eddie nghe vậy thì thất kinh rụng rời. Nó không biết nằng âm mưu gì trong đầu, muốn làm gì nó, nhưng trong hoàn cảnh này, chỉ có vâng lời là thượng sách. Nhưng vì bàn tay bị thương, nó lúng túng mãi không cởi xong.

Collen vẫn lạnh lùng ra lệnh:

- Tuột quần ra, tao đã bảo mày tuột quần ra mà.

- Đau quá, đau quá. Nếu muốn giết, xin em xuống tay đi, đừng hành hạ anh nữa...

Collen đưa mắt tìm bàn tay nó, tính thọc nòng cây súng vào vết

thương thì thằng Eddie hốt hoảng rú lên:

- Khoan, khoan, để anh, để anh... Nếu em không nghĩ tình bà con, thì nên nghĩ rằng chúng ta cũng còn là con người với nhau mà... nỡ nào hành hạ nhau như vậy?

- Thế lúc mày hiệp dâm con người ta, mày có nghĩ tình con người không? Tuột quần ra ngay, không thì tao lại cho một mũi súng vào bàn tay đó nữa bây giờ...

Eddie nghe vậy thì hốt hoảng liền thò tay xuống phần dưới. Vì một tay và một chân bị còng với nhau nên chặt vất lắm, mò mãi mãi nó mới tháo được hàng nút ra.

- Rồi, kéo quần mày xuống.

Eddie rướn người, nhích... mong đít qua lại để làm y lời dạy.

- Cởi luôn quần xì líp của mày ra.

Khó khăn lắm nhưng cuối cùng Eddie cũng tuột được cái quần xì líp của mình xuống. Bây giờ thì nó nhắm mắt lại, không dám nhìn Collen nữa.

Collen nghiêng răng, thọc nòng cây súng vào chính giữa hạ bộ thằng khốn, bình thản hỏi:

- Mày có muốn nói gì trước khi chết không?

- Vì tình nhân đạo, xin em cứ giết anh đi, giết càng sớm càng tốt.

- Muốn chết thì đây này, tao cho mày chết...

Collen hơi nâng nòng súng lên một chút, chĩa ngay giữa bộ phận dương vật lông lá tùm lum của thằng đàn ông rồi bóp cò cây súng. Một tiếng oành chát chúa vang lên. Đạn bắn bò rừng mà kê gần vậy, nổ chính xác như vậy thì còn gì là... dái diếc của con người.

Eddie khựng người lên một cái. Phát đạn đục một lỗ thủng lớn nơi hạ bộ thằng khốn, xuyên tuốt qua xương chậu, trở ra sau lưng. Nguyên cả bộ đùm của Eddie bị thổi đi mất tiêu, lông lá bị thuốc súng đốt cháy kêu xèo xèo khét nghẹt.

Bị phát đạn nổ gần vậy mà hình như trời muốn phạt thằng Eddie, đau có cho cho nó chết liền. Nó lăn lộn co quắp, giựt người lên từng hồi mà vẫn không chết được.

Chợ lăm trong trại giam Lăng Ngọc, huyện Cẩm Thủy,
Thanh Hóa, mùa xuân năm 1978.

Hoa Cúc Vàng

Nguyễn Xuân Nhật
chép tặng

Chị Em đừng chờ Anh ra

Bây giờ

Thiên hạ trong

Hoa Cúc Vàng

Mỗi lần có dịp đi ngang
Nhớ Em Anh tưởng có trăng lụa bay

Ngồi hoài / Sóng mũi cay cay /
nay năm tháng trôi một ngày gần nhau

Mạnh phúc thường hay qua mau

Vắng nhau thì thấy ở đâu cũng buồn

Tự nhiên thương ghê, thương buồn

Nói Anh đã bung máu tan thuốc, rồi...

Anh muốn kêu lên:

Nhớ gì? Nhớ đến...

Chết người

Như không

Quy về Hoa Cúc nát lòng

Vắng phai hay ý chờ mong

nhật dần?

May, 05 tháng 3 năm 1993

Nguyễn Xuân Nhật

Collen đứng lên, để mặc cho nó lăn lộn, nằng ngồi xuống bên cạnh thầy đội Gary Malone, xem xét vết thương. Thầy đội nắm lấy tay nàng, nụ cười héo hắt nở trên đôi môi khô tím. Thầy đội thều thào: "Đẹp lắm, đẹp lắm..."

Có biết chút ít về luật cứu thương, Collen áp tai và lắng nghe tiếng tim đập của thầy đội. Nàng hốt hoảng khi nghe thấy tiếng tim đập không đều của thầy đội, lúc chậm lúc nhanh loạn cả lên. Collen ngừng mặt lên, nói:

- Để em băng bó cho anh rồi đưa anh vào nhà thương..."

Thầy đội thều thào:

- Khỏi cần, khỏi cần. Ngoài yên ngựa của anh có một hộp hình vuông có mấy hàng chữ Tàu, em ra lấy vào cho anh, gấp...

Collen không hiểu nhưng cũng chạy như bay ra ngoài làm y lời. Theo lời chỉ dẫn của thầy đội, nàng mở hộp sắt ra, lấy một viên thuốc bọc sáp nhét vào miệng thầy. Gary Malone cắn bẻ lớp sáp, nhai viên thuốc rồi nuốt chửng. Sau đó, thầy đội nhắm mắt, nằm im không nói gì nữa. Hoảng sợ, Collen cúi sát xuống, cố lay chàng dậy.

- Anh Gary, anh Gary, nói gì đi anh... nói gì đi anh.

Nhưng Gary hình như đang chìm vào một giấc ngủ. Nàng kê tai sát ngực Gary và cảm thấy an tâm hơn khi nghe nhịp tim chàng đã đập gần trở lại bình thường. Thầy đội đang từ từ lấy lại sức.

hồng

em về
hoa nở ngát hương
em đi
hoa rụng đầy vườn tả tơi
mỗi chiều tôi nhặt hoa rơi
để
đêm nằm ủ
nhớ hơi em hoài.
lâm nam triều

Sau những chuyện vừa xảy ra, Collen biết từ nay, cuộc đời nàng sẽ chẳng còn như xưa nữa. Xong vụ này, nàng phải tập để sống một cách khác. Cách nào nàng chưa biết nhưng nàng biết sở trường và sở đoản của mình. Sở trường của nàng là sắc đẹp, là tài ăn nói, là sự quyết liệt. Còn sở đoản của nàng, nàng biết nàng dù là một người dễ yêu, dễ sống, nhưng khi đã hận thù ai, nàng không hề từ nan làm bất cứ việc gì để trả thù, kể cả những việc tàn nhẫn và ghê gớm nhất...

*

* *

Thế là chuyện tình của thầy đội cảnh sát đẹp trai cùng nàng Collen bắt đầu từ đó, bằng cái chết của người chồng. Chuyện tình này cũng đẹp thôi nếu không có một điều kệt: Thầy đội Gary Malone đã có vợ.

Chuyện tình này của hai người đã bắt đầu bằng một cái chết và cũng chấm dứt bằng một cái chết bi thảm không kém, đó là cái chết của vợ thầy đội.

Cũng một buổi sáng, thầy đội Gary Malone không có nhà, vợ thầy đội cũng kê cây súng vào miệng mình rồi bóp cò oành một phát. Thầy đội trở về chỉ kịp nhìn thấy một mảnh giấy nhỏ viết nguệch ngoạc mấy chữ như sau: "*Anh Gary, vì em yêu anh quá nên em không thể nào sống thiếu tình yêu của anh được. Vĩnh biệt anh và xin tha thứ cho em, cũng như em đã, đang, và sẽ tha thứ cho anh. Yêu anh mãi mãi.*"

Chôn cất vợ xong, thầy đội hối hận quá, quyết định dứt tình với nàng Collen. Nhưng dứt tình rồi mà niềm nhớ thương vợ vẫn không nguôi, Malone vẫn không tha thứ cho mình được. Thế là thầy đội quyết định sẽ kê súng vào đầu mình làm đẹp một phát như hai người kia đã làm. Hình như ở Chicago hồi đó, cái dịch "kê súng vào đầu mình rồi bóp cò" lan tràn đi khắp nơi, xảy ra rất thường.

Xưa nay, thầy đội nổi danh là con người cương quyết, nên khi đã quyết định làm gì rồi thì trời cũng không cản được. Thầy chuẩn bị xong và chọn cho mình một ngày để chết thì một buổi sáng, thầy tình cờ gặp được

cố Hill ở quán cà phê. Đã lâu không gặp Malone, và biết những gì xảy ra cho gia đình thầy đội, bây giờ nhìn thấy mặt thầy đội là cố biết ngay là thầy đang... muốn chết.

Cố Hill, tuy là một nhà tu hành nhưng tâm tính lại khác mấy ông cố đạo khác, nhất là về những vấn đề cá nhân. Cố có thể bạt tai một thằng vào nhà thờ làm ồn ào và phá phách nhưng nếu có một kẻ chán đời muốn tự tử mà còn làm bộ muốn đến gặp cố để xin ý kiến thì cố chẳng ngần ngại mà nói rằng: "Chúa cho con có quyền tự do tuyệt đối. Nếu còn nghĩ rằng cõi đời này không đáng sống nữa thì cứ việc thông thả mà... ra đi. Khi cuộc sống của mình là địa ngục thì chẳng ai có quyền cản mình đi tìm nước thiên đàng, miễn là đừng làm phiền những người khác..." Lạ lùng thay, chưa có một thằng chán đời đến nói chuyện với cố mà trở về còn muốn chết. Hôm nay, cố gặp Malone cũng vậy. Tuy rất quý mến Malone nhưng cố không tìm cách ngăn cản. Cố nói với Malone:

- Cha biết ý định của con và rất tôn trọng những quyết định ấy. Cha chúc con được... thành công trong việc mình làm.

Hai người ngồi im lặng một lúc rồi cố Hill rủ Malone đi ra ngoài đi dạo một vòng để nói chuyện tâm tình lần cuối.

Dưới bầu trời mùa thu hơi hơi lạnh, lá ngoài đường rụng đầy, một người... sắp chết và một ông cố đạo đi bên nhau không nói một lời nào. Cuối cùng, cả hai ngồi xuống trên một chiếc ghế đá. Cố Hill nói:

- Chúa sinh ra chúng ta, ngài cho chúng ta một sự tự do tuyệt đối.

Malone cười, tiếp luôn:

- Nhưng chúng ta phải chịu trách nhiệm về những hành động của mình.

- Đúng vậy.

Cố Hill mời một điều thuốc, nhìn ra xa xa:

- Cố có câu chuyện này muốn kể cho thầy đội nghe. Chuyện xưa rồi, xảy ra ở bên Ái Nhĩ Lan, quê hương của cố. Hồi đó, ở một cái làng nọ gần ven biển, có một người nổi tiếng là

thông thái và khôn ngoan. Một ngày, có một thằng bé con muốn thử tài nhà hiền triết. Nó đến gặp nhà thông thái, giữ kín con chim se sẻ trong hai lòng bàn tay.

Nó hỏi nhà thông thái: "Ngài tự nhận là thông thái và biết hết mọi chuyện, xin cho biết con se sẻ trong tay tôi còn sống hay là chết." Khi hỏi vậy, thằng bé dự tính rằng, nếu người ấy nói con chim còn sống, nó sẽ bóp cho con se sẻ chết đi rồi mở tay ra, hoặc ngược lại, nếu được trả lời là còn sống, nó sẽ buông tay ra cho con se sẻ bay đi...

Cố Hill ngừng một lúc, rồi nhìn Malone tiếp tục:

- Nhà thông thái vỗ đầu thằng bé, cười và nói: "Con se sẻ ở trong tay chú bé đấy..."

Cố Hill đứng lên. Malone đứng lên theo chuẩn bị lời từ giả. Cố Hill ngửa mặt nhìn lên trời, nơi có những đám mây bàng bạc, vỗ vỗ chiếc nón của mình vào bên đùi phui bụi. Rồi cố đứng yên, buông hai tay xuống, mắt vẫn ngược lên nhìn trời, nói thật chậm, giọng thật là nghẹn ngào như một lời cầu kinh:

- Ở Cecilia này, Malone có thể không cần Malone. Nhưng, dưới bầu trời của thành phố Cecilia này, những người khác ở đây không thể sống thiếu Malone được. Con chim se sẻ ở trong tay con đấy, Gary Malone.

Hai người chia tay, mỗi người một ý nghĩ trong đầu, không nói gì thêm nữa.

Từ sau buổi gặp gỡ đó, Malone không còn có ý định muốn tự tử nữa. Thầy đội bán nhà, xin đổi sang một khu vực khác. Dân chúng ở Cecilia chẳng còn ai nghe tiếng thầy nữa...

Cố Hill cũng chẳng gặp lại thầy cho đến ngày hôm nay, khi nói chuyện với Collen thì hình ảnh của Gary Malone lại trở về trong đầu óc cố...

Ngồi suy nghĩ một lúc rồi cố nắm tay Collen nói:

- Cố phải tìm thằng Malone. Chỉ có nó mới giúp được cố trong trường hợp này...

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

"TRONG SÁNG VÀ U-MẶC"

Hỏi: Trên Làng Văn số 105, trang 5, cột ba, dòng 5, trong phần tin trong làng viết về cuốn *Miền đất hứa* của Trà Lũ, nhà báo nhận-xét rằng, văn-phong của ông Trà Lũ "trong sáng và u-mặc."

Thật tình cháu không hiểu rõ nghĩa chữ "u-mặc" này. Nếu "u" là "u tối" và "mặc" là "trầm-mặc", thì văn-phong của ông Trà Lũ không thể vừa *trong sáng* lại vừa *u-mặc* được; nghĩa là không thể vừa *sáng* lại vừa *tối* được.

Nếu cháu hiểu sai, xin bác vui lòng cắt nghĩa hộ cho. Kính.

Trương Văn Thọ
Québec

Đáp: Chữ "u" 𠂔 này đứng một mình, hoặc đi với một số chữ như u-ám, u-ẩn, u-cư, u-huyền, u-mê, u-minh, u-muội, u-sầu, u-tịch, u-tĩnh, u-tư hay u-u, có nghĩa là tâm-tối.

"Mặc" 𠂔 đứng một mình, có nghĩa là lặng-lẽ, nín lặng. *Mặc hứa* là lặng-lẽ bằng lòng; *mặc-mặc* là tịch-mịch; *mặc-niệm* là âm-thầm tưởng-niệm; *mặc-tưởng* là yên-lặng nghĩ-

ngợi; *mặc-ước* là giao hẹn ngầm.

Riêng hai chữ "u" và "mặc" đi với nhau trong đoạn tin trên lại có nghĩa khác, là "có tính hài-hước, châm-biểu".

Xét về nguyên-ngữ, hai chữ "u-mặc" này được dùng để phiên-âm chữ "humour" trong Anh-văn (có nghĩa là hài-hước, hoạt-kê). Một số học-giả Trung-hoa thế-kỷ 19 chủ-trương không nên dịch một số từ-ngữ Tây-phương ra Hoa-văn, mà dùng lối phiên-âm và hiểu theo nguyên nghĩa của nó.

Cùng hội cùng thuyền với u-mặc (humour), còn có yên-sĩ-phi-lý-thuần (inspiration: cảm hứng).

EM CỦA AI?

Hỏi: Xin trả lời cho: Hồ Trường An là em của Nhã Ca hay Nguyễn Thị Hoàng. Thành thật cảm ơn Bút Chì.

Phan Anh Tú
Oakland

Đáp: Ông Hồ Trường An là bào đệ của nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ.

VIỆT-NAM CHÍNH SỬ

Hỏi: Xin cho biết cơ-sở Làng Văn có phát-hành cuốn *Việt-nam chính-sử* của LS Nguyễn Văn Chức không? Tôi tìm trong Thư-mục 1991 không thấy. Nếu *Làng Văn* không có, xin cho biết tôi có thể mua cuốn ấy ở đâu, và giá tiền.

Đinh Huỳnh
Chico, CA

Đáp: Xin ông xem Thư-mục 1993, đóng cặp vào số 105 vừa rồi. Ngoài *Việt-nam chính sử*, ông có thể đọc thêm *Việt-nam mất lối tại ai* của Nguyễn Đức Chiêu, cũng Thư-mục *Làng Văn* 1993.

LONG DIÊN HƯƠNG VÀ NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỚN GIỮA TRUNG-HOA VÀ VN

Hỏi: 1. Cháu nghe nói về Long

diên hương đã lâu, xin bác nói sơ qua về xuất xứ và công-dụng.

2. Xin bác kể những trận đánh lớn giữa ta và Trung-hoa.

Thiên Kim
Virginia Beach

Đáp: 1. Long diên có nghĩa là “nước bọt của con rồng”, là một thứ hương-liệu dẻo như sáp trong nội-tạng cá voi (có sách nói là óc cá voi). Cá thải ra, chất này nổi trên mặt biển, thuyền chài vớt được, gọi là “nước miếng rồng.”

Long diên hương có hai công-dụng: biến-chế thành nước hoa, và làm vị thuốc bắc (tính nhiệt, giúp tiêu đàm).

2. Đừng lười quá thế, cô bé! Mua cuốn *Việt sử toàn thư* (của Phạm Văn Sơn) hay *Việt-nam sử lược* (của Trần Trọng Kim) mà đọc. BC chỉ trả lời những câu ngắn, gọn và khó tra cứu trong sách vở thông thường. Sách sử Việt-nam không thiếu tại các tiệm sách, mỗi gia-đình Việt-nam ít nhất nên có một cuốn.

KHẢ-NĂNG CỦA THÂN-THỂ CON NGƯỜI

Hỏi: Nhiều người bảo rằng thân-thể con người hoàn chỉnh hơn *computer* nhiều, đúng không bác? Ở điều kiện tốt, mắt người nhìn được một cuốn sách xa tới 20 cây số, nhưng tại sao mũi người lại kém mũi chó? Về trí nhớ con người so với máy móc ra sao?

David Nguyễn
Alberta

Đáp: Trước hết, so với một con người nhân-tạo hiện-đại, con người người thực phức-tạp và cao hơn gấp một tỉ lần.

Về thị giác, từ ngoài sáng vào bóng tối, chỉ chờ trong một phút, mắt người sáng hơn gấp mười lần; trong 30 phút, sáng hơn 10.000 lần, và trong 40 phút, sáng hơn 25.000 lần. Trong bóng tối, một cặp mắt tốt bình-thường có thể trông thấy một ngọn đèn 1 watt cách xa 20 cây số.

Não-bộ con người là một bộ-

phận cực-kỳ tinh-vi. Trong mỗi giây đồng hồ, có tới 100.000 phản-ứng hóa-học diễn ra trong óc. Tốc-độ tín-hiệu truyền đi trong óc nhanh tới 400 cây số giờ. Một bộ óc trung-bình có 20 tỉ tế-bào thần-kinh. Mỗi ngày, óc ghi-nhận được 86 triệu *bit*.

Về khứu-giác, người thua chó. Con người chỉ có 5 cm vuông thụ thể khứu giác, trong khi loài chó có tới 65 cm vuông, tức 13 lần hơn. Do đó chó đánh hơi giỏi hơn người. Nhưng chó vẫn thua cá mập. Loài cá này đánh hơi giỏi gấp ba loài chó.

CHÔN MỘT KHỐI TÌNH

Hỏi: 1. Câu thơ: *Lòng ta chôn một khối tình, Tình trong giấy lát mà thành thiên-thu* là của Xuân Diệu hay Huy Cận?

2. Câu “*thừa giấy vẽ voi*” là tục-ngữ hay thành-ngữ? Vùng nào có câu này?

3. Lâu rồi tôi nghe thầy đồ giảng sách, kể chuyện trong sách có câu văn gì đọc ra nghe như tiếng chim kêu, người Tàu dùng để giễu tiếng Việt miền Bắc hồi xưa nghe riu-ra riu-rít như tiếng chim kêu. Lại có câu thơ gì người Việt dùng để giễu lại tiếng Tàu miền Nam (Quảng-đông, Quảng-tây) đọc lên nghe ồm-ộp, oang-oạc như tiếng ễnh-ương, ếch nhái kêu, nếu bác nhớ xin kể lại đây cho vui.

Lê Ngọc Rững
Paris

Đáp: 1. Đó là thơ Khái Hưng, bài *Tình tuyệt-vọng*, dịch từ *Sonnet d'Arvers* của Félix Arvers: “*Ma vie a son secret, mon âme a son mystère. Un amour éternel en un monment conçu.*”

2. Câu ấy được dùng như thành-ngữ, xuất-xứ từ thơ Cống Quỳnh, người Thanh-hóa.

Cống Quỳnh tên thật là Nguyễn Quỳnh, sinh năm 1700 (không rõ năm mất), người làng Bột-tượng, nay thuộc huyện Hoàng-hóa, Thanh-hóa. Ông giỏi văn-chương nhưng tính-tình khinh-bạc, ưa nhạo-báng quan trường nên chỉ đỗ hương cống (cử-

nhân).

Giai-thoại “vẽ voi” như sau:

Khi đi thi, ông làm bài xong xuôi thấy còn thừa một khoảng giấy trống khá lớn, liền vẽ một con voi vào đấy rồi đề mấy câu thơ:

“*Văn-chương phú-lục đã xong rồi*

Thừa giấy làm chi chẳng vẽ voi
Tớ có điều này xin bảo thật:

Đứa nào cười tớ, nó ăn bòi.”

Dĩ-nhiên dù tài ông vào bạc thánh cũng bị đánh rớt!

3. Đó là đối-đáp giữa sứ thần Mạc Đĩnh Chi (chữ *đĩnh* này dấu ngã, nghĩa là trội hơn, rộng, thẳng, sửa-trị) và một viên quan văn Trung-hoa.

Trong thời-gian đi sứ, Mạc Đĩnh Chi bị một quan văn Trung-hoa dùng một câu trong thiên *Vi chính*, sách *Luận-ngữ*, đọc lên nghe như tiếng chim kêu, để đùa-cợt rằng tiếng Việt nghe ra như tiếng chim kêu. Câu này là:

Quích tập chi đầu đàm Lỗ luận:
tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri.

Nghĩa là: Chim chích-choè đầu cành bàn sách *Luận-ngữ*, biết thì bảo là biết, không biết cứ bảo là không biết, ấy là biết vậy.

Mạc Đĩnh Chi không giận, điềm-tĩnh dùng một câu trong đoạn *Lương Huệ vương hạ*, sách *Mạnh tử*, đối lại liền. Câu này là:

Oa minh tri-thượng độc Châu-thư:
lạc dữ độc lạc nhạc, lạc dữ chúng lạc nhạc, thực lạc?

Nghĩa là: con châu chuộc (ễnh-ương) trên ao đọc sách *Mạnh tử*: nghe nhạc cùng ít người làm vui, nghe nhạc cùng nhiều người làm vui, chẳng nào vui hơn?

Câu này đọc lên nghe lạc nhạc như tiếng châu-chuộc, với ý trả đũa rằng tiếng Trung-hoa đọc lên nghe cũng buồn cười không kém. Thế là hai ông quan một Tàu một Việt cùng thấm ý cười ha hả, hòa cả làng.

BẠN NHƯ ONG

Hỏi: Bác Bút Chì ơi, Mỹ bên này chúng nó nói “bạn như ong” (*as busy*

as a bee), tại sao vậy bác?

Jefferson Đinh
San Jose

Đáp: Loài ong phải làm việc rất vất-vả mới sinh ra mật, bảo *bạn như ong*, quả đúng! Muốn làm ra 385g mật, loài ong phải lấy chất ngọt từ 2 triệu bông hoa, tính ta tổng cộng đường bay lên tới 88.500 cây số!

Có khoảng 50.000 con ong mật trong một tổ ong lý-tưởng. Mỗi lần bay ra bay vào, một con ong lấy phấn từ 50 tới 100 bông hoa.

Trung-bình trong một đời ong, nó chỉ góp sức làm được 1/12 thìa mật (thìa cà-phê).

ĐÀI ĐIỆN-THOẠI CHỈ-DẪN NÓI TIẾNG VIỆT

Hỏi: Tôi mới sang tới Gia-nã-đại được hai tháng nay. Trong bước đầu bỡ-ngỡ, lạ người lạ xứ, nghe nói có đài điện-thoại ở Toronto có băng từ chỉ-dẫn căn-kế bằng tiếng Việt về pháp-luật, y-tế, v.v. Xin bác cho xin số điện-thoại ấy để giúp tôi, và các đồng-bào mới đến. Kính bác.

Nguyễn Trọng Phùng
Ajax

Đáp: Đài điện-thoại chỉ-dẫn này do nhật-báo *Toronto Star* thiết-lập, nói 7 thứ tiếng: Anh, Ý-đại-lợi, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha, Punjabi (tiếng Punjab, một tỉnh ở đông-bộ Hô-i-quốc), Trung-hoa và Việt-nam.

Ông gọi số (416) 350-3000, chờ hết phần tiếng Anh, nghe âm-hiệu (tiếng *bíp dài*) xong gọi tiếp 4 số nữa, tùy loại chủ-đề muốn nghe, gồm:

Bảo-lãnh thân-nhân: 7086; Giấy phép làm việc: 7087; Số bảo-hiểm xã-hội (SIN): 7088; Đơn xin tị-nạn: 7089; Du-khách đến thăm: 7090; Xin tái thường-trú: 7091; Nhập-tịch Gia-nã-đại: 7092; Hưu bổng: 7094; Bảo-hiểm y-tế của tỉnh Ontario (OHIP): 7095; Điều-kiện làm việc: 7096; Đổi tên họ: 7097; Quyền của người thuê nhà phố: 6002; Quyền của chủ nhà phố: 6003; Nhà cho thuê với giá rẻ của chính-phủ: 6004; Cư-xá cao-niên: 6005; Bằng lái xe: 6006; Bảo-

hiểm thất-nghiệp: 6007; Gọi điện-thoại viễn-liên ra nước ngoài: 6008; Học Anh-ngữ: 6009; Giữ trẻ: 6010; Hôn-thú: 6011; Trợ cấp: 6012; Miễn thuế: 6013; Trợ giúp pháp-lý: 6014; Điện-thoại công-cộng: 6015; trường Chuyên-nghiệp Cộng-đồng George Brown: 6016.

Lưu-ý: gọi từ xa về, người gọi sẽ phải trả chi-phí viễn-liên cho hãng điện-thoại như khi dùng điện-thoại thường.

GO CUA, NGÔ ĐỒNG

Hỏi: 1. Trong thân cua hay ghe, có một phần màu trắng ngà, xốp xốp giống như ngòai viết, dính nhau khoảng bốn, năm miếng, ông bà thường bảo con nít ăn sẽ hết đái dầm. Phần đó gọi là gì?

2. Có bài hát nói chim phượng hoàng đậu cây ngô cành bích. Cây ngô ở đây có phải là cây ngô-đồng không? Hình-dạng ra sao?

Phùng Kim Oanh
Montréal

Đáp: 1. Phần này gọi là *go cua*.
2. Người xưa thường nói, chim phượng (trống) và hoàng (mái) thường đậu trên cây ngô-đồng.

Ngô-đồng là một trong 12 giống thuộc loài *Sterculiaceae*, lớp *Firmiana*, là một loại cây gỗ xốp rất nhẹ, dùng để làm đàn.

Các ông Lê Ngọc Trụ và Lê Văn Đức gọi cây ngô đồng là cây sắn.

Theo Phạm Hoàng Hộ, ngô-đồng (tơ đồng, trôm đơn) là *Firmannia Simplex*, đại mộc, lá to, hoa vàng.

gôm

BA NÀNG DÂU TRÉ Hồ Trường An

Vì lầm-lỗi của tòa-s soạn, truyện ngắn "*Ba nàng dâu trẻ*" của Hồ Trường An (*Làng Vần* 105) bị in sai nhiều đoạn. Xin quý độc-giả vui lòng bỏ từ đoạn "*Con Hưng Lộc-ninh...*" (bốn dòng cuối cột 2

trang 27) cho tới hết câu "*...họa thơ văn cho ra vẻ phong-lưu*" (dòng 17, cột 3 trang 28) và thay bằng đoạn văn sau đây:

"Con Hưng Lộc Ninh lúc cụp với chồng tui đã ngoài ba mươi tuổi. Nó mang thai ba lần, lần đầu hữu sanh vô dưỡng, lần sau bị sáo thai. Tới lần thứ ba nó mang thai ngoài tử cung nên phải vong mạng. Thề có đất trời cùng hai bên vai vác chứng giám, nó chết là hết, tui đau thêm thù dai oán ghét nó nữa làm chi! Ông nhà tui đau khổ quá, cạy cục lo lốt trong ngoài ngành giáo dục để được đổi về quê quán. Ông muốn tìm lại bóng mát vợ nhà để quên chuyện đau lòng ở Lộc Ninh đó thím Ba.

Ông trở về với tui khi tuổi đã năm mươi, nhưng thân hình nguyên vẹn, chỉ có cái bụng hơi phệ, đôi chum hơi yếu và mái tóc bạc hoa râm. Tui cũng mừng, đem hết sức tận tụy săn sóc ông, giúp ông tìm lại hạnh phúc gia đình. Nhưng đôi lúc nhìn nụ cười hí hờn, cặp mắt khi cười lúc híp lúc nheo của ông là tui ngứa gan ngứa phổi, lộn tiết. Đây là nụ cười dè, cặp mắt ưa chuyện phong tình nguyệt trái, chẳng biết ở tuổi trung niên ông đã chịu chừa bỏ hay chưa. Bởi vậy tui phải lo o bế dung nhan, săn sóc tóc tai, quần áo.

Chồng tui trở về với tui thì ba thằng con tui đã trưởng thành. Thằng trưởng nam coi bộ giống bà nội nó, mặt mày đê đạm, hiền lành, ăn nói nhu mì, nhỏ nhẹ. Thằng thứ hai thì giống hệt ông ngoại nó, hơi lăm lì nhưng tư cách nghiêm chỉnh, cười đúng lúc, ăn nói phải chỗ. Được hai thằng con như vậy, tui sao khỏi mừng thầm, há thím Ba? Nhưng thằng con út ít của tui coi bộ không êm rồi đó thím. Nó giống ông nhà tui như khuôn đúc. Nụ cười của nó hí hờn gấp đôi ông, còn cái nheo cái liếc của nó thì khỏi nói, lằng lờ nhúc nhối... Nhìn nó mà tui bần thần lo lắng!

Dầu sao đi nữa cảnh nhà tui giờ đây cũng đằm ám. Chồng tui coi bộ cũng cảm khái thân phận thiết thòi của tui từ bấy lâu nay nên hết sức nồng mặn, ngọt bùi với tui, cốt để chuộc lỗi. Nhưng mà, nằm đêm vắt tay lên trán, tui thấy rõ ràng là ông còn bị cái chết của con Hưng Lộc Ninh ám ảnh nên ông bám lấy tui để quên chuyện cũ. Thôi thay kệ, miễn là ông trở về cho chồng vợ đủ đôi, tía con tròng phùng là tui mừng. Ông thương yêu tui chút nào tui nhờ chút nấy, có còn hơn không, có phải không thím?

Giờ thì lúa má đã cấy xong. Mưa

tháng tám tháng chín như cầm tín mà đổ. Năm nay mưa coi bộ nhiều, lúa bị tiếm thì nguy! Mà cũng kỳ, năm ngoái tuy không đến nỗi hạn hán nhưng nắng sao mà chói chan đổ lửa. Mấy sở ruộng của tui cấy lúa Nàng Rùm, bị hấp cũng bộn, may mà không tới nỗi thất mùa. Số tui hơi lặn dạn trong chuyện trồng tĩa, ruộng nương, nhưng việc buôn bán của tui thì chạy vo vo nên cảnh nhà cũng dư giả. Ông nhà tui yêu nghề dạy học, chuyện đất cát, bán buôn ông đương thêm biết tới. Hễ rảnh rang, ông pha ấm trà rồi đem cây đèn kim ra gảy vài bản để tiêu sầu giải muộn. Thỉnh thoảng tui cũng sửa soạn vài mâm rượu thịt để ông mời bè bạn xướng họa thơ văn cho ra vẻ phong lưu."

CHÉN TRƯỞNG CHI Ngô Nguyên Dũng

Xin quý độc-giả bỏ đoạn văn từ "*Tôi thấy lại mình là một...*" (Làng Văn 104, trang 69, cột 2, đoạn cuối) tới hết câu "...mảnh tâm-hồn mất cảm của tôi" (trang 71, cột 1, dòng 10 từ dưới đếm lên), và thay bằng đoạn văn sau đây:

"Tôi thấy lại mình là một thanh niên được may mắn sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, với tâm hồn nhiều mơ mộng và đam mê, giữa khuya thức dậy, rón rén vặn máy phát thanh theo dõi chương trình xếp hạng của đài quân đội Hoa kỳ. Tôi chấp chờn đắm đuối rơi vào tiếng đàn điện, tiếng kèn đồng, tiếng trống bập bùng. *Sounds of silence* của Simon and Garfunkel đẹp như một vệt nắng chiều. *Mondays and rainy days* của The Carpenters là tiếng nấc đầu đời nào nuốt. *Just a little bit better* của Herman's Hermits tươi trẻ như viên sỏi ném lướt trên mặt nước tĩnh. *California dreamin'* của Mama's and Papa's ghi thêm trong giấc viễn mộng tôi một chuyến du hành xa. *I've got you babe* của Sonny and Cher là chuỗi cười rộn ràng vô tư... như tâm trạng tôi thuở ấy là đón nhận không chọn lựa. Tấm lòng tôi chưa có những khung cửa khép. Tôi là mặt đất tham lam hứng lấy trận mưa âm thanh tuổi trẻ dữ dội, ngấm no nê, chưa một lần lũ lụt.

Một hôm, không biết mượn được của ai, chị tôi mang về một cuộn băng nhạc Trịnh Công Sơn và Khánh Ly. Kỹ thuật thu băng kém, nhạc đệm thô sơ, chỉ đơn thuần một giọng hát và tiếng đàn tây ban cầm. Khánh Ly ca những bản nhạc tình,

Trịnh Công Sơn hát những bài phản chiến. Giọng ông không điêu luyện, nhưng ấm và truyền cảm. Khi lắng nghe tiếng đàn thùng đều đặn, buồn bã đệm theo lời ca kể lể: "*Đại bác đêm đêm dội về thành phố, người phu quét đường dừng chổi đứng nghe...*", tôi đã xúc động, một nỗi xúc động không thể giải thích. Nghe thêm Khánh Ly rên van: "*Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ...*", lại thêm lần nữa, tôi nhận ra tính tuyệt diệu của âm nhạc Việt Nam. Lúc ấy tôi chưa biết con người chính trị thật của họ Trịnh, cũng không rành rẽ kỹ thuật ký âm, tôi chỉ thường thức âm nhạc bằng trọn vẹn trái tim rung cảm.

Sau một khoảng thời gian lắng đọng, tân nhạc Việt Nam chuyển mình rầm rộ với một loạt ca sĩ thời danh như Thái Thanh, Khánh Ly, Lệ Thu, Thanh Lan, Julie Quang, Duy Trác, Jo Marcel, Elvis Phương... Giọng ca Thanh Lan không khoẻ, không vượt nhưng được cảm tình của giới sinh viên học sinh vì cách ngân luyến nỉu, gợi cảm. Sau lần vừa hát vừa khóc bài *Chiều tường nhớ* trong chương trình nhạc Phạm Mạnh Cương trên truyền hình, Thanh Lan càng lúc càng gây nhiều tiếng vang. Cô hát *Gọi người yêu dấu* thật tuyệt vời, vì đó là một ca khúc dễ trình bày, không có những điểm đối điểm nghịch lên xuống lắt léo, chỉ cần giọng hát ru lòng là đủ. Các ca khúc của Cung Tiến đòi hỏi nhiều kỹ thuật và tài năng hơn. Ca sĩ Lệ Thu hội đủ tài năng để diễn tả tính lênh đênh, u hoài, chịu nhiều ảnh hưởng của các ca khúc cổ điển Tây phương trong *Hoài cảm*, *Hương xưa*, *Nguyệt cầm*. Tiếng hát Lệ Thu có tính nồng của quế, tính ngọt của cam thảo, và một chút man dại của than non ẩn trong hạt kim cương, không như giọng ca Khánh Ly là chất nhựa hoan lạc đọng lại trong dọc tẩu. Khánh Ly sinh ra để hát nhạc Trịnh Công Sơn, cũng như tiếng hát Thái Thanh chỉ để kết duyên cùng âm nhạc Phạm Duy. Tuy nhiên, thời ấy tôi chưa thực sự phải lòng các giọng hát trên. Tôi đặc biệt mến thích các ca sĩ chuyên trình diễn nhạc ngoại quốc đang bắt đầu hát tân nhạc Việt Nam. Có hai giọng hát đẹp là Julie Quang và Cathy Huệ. Đường như không ai ca *Mùa thu chết* đạt hơn hai ca sĩ này. Cái chết đã được đề cập nhiều trong âm nhạc Việt Nam, cổ cũng như tân, nhưng chưa lần nào cái chết được gào van, tuyên dương đến thế. Muốn gây chấn động, phải có giọng ca khoẻ, vững, cộng thêm một chút nhục cảm mới có thể

chuốt nắn cái tàn tạ trong *Mùa thu chết* một cách hoàn chỉnh. Julie Quang có khả năng đó. Cathy Huệ còn đạt hơn một bậc với giọng khàn mạnh mẽ như lưỡi bào cứa lên thanh kim loại bật đường sáng loé.

Mỗi giọng ca tôi lên trí tôi một âm sắc. Tiếng hát Thái Thanh có màu ma non. Tiếng hát Quỳnh Giao là màu nắng sáng tinh khiết. Tiếng hát Thanh Lan là màu sữa dây tây. Tiếng hát Lệ Thu có sắc cà phê nâu. Tiếng hát Khánh Ly là những đường xám kỷ hà ngoằn ngoèo. Còn giọng ca của Julie Quang và Cathy Huệ là những vệt huyết dụ tươi rói.

Cho tới cuối năm 1970, rồi quê hương sang Tây Đức du học, hành trang của tôi chỉ vốn vẹn gồm mảnh bằng tú tài, một tâm hồn chưa vương bụi và một trái tim đã biết thổn thức cùng âm nhạc, điện ảnh, hội họa và văn chương. Giấc viễn mộng của tôi đã thành. Nhưng không phải là Cựu Kim Sơn với cầu treo Kim Môn lênh đênh trong sương sớm, cũng không phải là vườn Lục Xâm Bảo với mùa thu lẻ loi hàng tượng đá khỏa thân, mà là cơn mưa tuyết cuối năm và màu trời chì lạnh ám. Mùi không khí của thành phố đầu tiên tôi đặt chân lên nước Đức vẫn còn lung linh trong khướu giác. Như hương bếp nồng nàn chiều hè Đà Lạt năm nào ngậy mùi thịt bò xào bông cải và hơi thuốc đắng ngất choáng vảng đêm mưa Sài Gòn cũ đã bám chết vào ký ức tôi. Tôi bầu lấy âm nhạc như một cứu rỗi. Bấy giờ tôi mới thực sự cảm thấu cái nào lòng trong *Tombe la neige* mà Adamo đã than van, cũng như rộn người bài hoài thấy ra nỗi mất mát lớn khi nghe Peter, Paul and Mary thầm thì *Leaving on a jetplane*. Tới một nơi không hề mơ tưởng, xa một chốn lúc còn quá trẻ, tôi bối rối với nhiều nghi vấn về bản mệnh mình. Âm nhạc xoa dịu tâm hồn tôi nhiều lắm, lúc lòng bi lụy. Sở thích của tôi vẫn chỉ quanh quẩn trong loại nhạc thời thịnh. Có những ban nhạc, ca sĩ, bài hát đột ngột xuất hiện trên bảng xếp hạng hàng tuần, gây tiếng vang dăm ba tháng, nửa năm rồi biến mất... Thỉnh thoảng tôi nhận được một cuộn băng nhạc từ bên nhà gởi qua. Lúc ấy là thời của Julie Quang với *Phượng yêu*, Thái Thanh với *Kỷ vật cho em*, Lê Uyên Phương với *Vùng lầy của chúng ta*, Ngọc Minh với *Cho người tình lỡ*... Vẫn những giọng hát mà tôi đã từng nghe qua và những bài ca phối hợp giữa kỹ thuật ký âm Tây phương và tâm hồn Đông phương, nhưng nghe tại xứ lạ, nhất là

vào những đêm đông giá, một mình, tôi càng thấy thấm thía. Mảnh đất quê hương khốn khổ lại hiện ra trong trí, bật thành nỗi buồn xót cam, không biết tỏ bày cùng ai.

Một dịp nọ, tôi đi thăm bạn cũ ở tỉnh xa, được bạn mở nhạc cho nghe. Tôi ngỡ ngàng. Đó là loại nhạc *boléro* dễ tính của tuổi ngây thơ, chưa biết chọn lựa. Những giọng ca ấy đâu có xa lạ gì đối với tôi. Là Hoàng Oanh, Thanh Tuyền, Phương Hoài Tâm, Phương Hồng Quế, Phương Dung, Nhật Trường... mà tôi vẫn nghe hằng ngày trong máy phát thanh, hằng đêm trên vô tuyến truyền hình lúc còn ở quê nhà. Và bỗng dưng tôi xúc động, bàng hoàng nhận ra đó chính là loại nhạc đã đi vào niềm xúc cảm của đám đông. Tôi để tâm nghe Hoàng Oanh ca *Ai ra xứ Huế*, Hương Lan hát *Chuyện một chiếc cầu đã gãy* hay Nhật Trường chuốt giọng trong *Hành trang già từ*, để rồi nhận ra cái thông điệp của âm nhạc: tính rung động. Một giọng ca, một khúc hát, dấu vương lối kỹ thuật phát và ký âm, nếu tạo được rung cảm trong lòng thính giả, đều là những tài năng và nhạc phẩm có giá trị. Suy cho cùng, tôi vẫn yêu nét thô sơ sần sượng của một hạt sỏi hơn là vẻ hào nhoáng rực rỡ của một viên kim cương đã được gọt dũa. Vì trong hạt sỏi đó là cả thiên nhiên còn nguyên vẹn những đối tính, tượng trưng cho đa số bình dân chân chất, hiền lành của xứ sở.

Chợt tôi rung rung thấy lại mình là đứa trẻ bình dị dễ tính ngồi nơi thềm nhà cạnh cây ổi lão trong mảnh vườn năm xưa, cất giọng say mê hát bài *Ai ra xứ Huế*. Nếu tôi có nhiều năng khiếu hơn nữa, nếu văn chương không níu tôi vào ngã rẽ khác, chắc chắn tôi đã trở thành một nghệ sĩ trình diễn... Mà không, tôi chỉ xem âm nhạc như một chiếc bóng thân cận, một người bạn không bao giờ thắc mắc hay trách cứ những chuyện tôi làm, mà chỉ biết vuốt ve an ủi mảnh tâm hồn mất cảm của tôi."

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Xin quý độc-giả có tên sau đây liên-lạc gấp với tòa-soạn, báo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả về:

Lê Minh, London (Gia-nã-đại); Mai Ngọc Lan, Vancouver, BC; Nguyễn Minh Tú, Carmichael, CA; Cô Soi, Vancouver, BC (Anh Học tặng); Ms. Võ, Mississauga;

thư đi tin lại

● Nguyễn Hương phụ-trách

Ông lang Trần, Đức – Cảm ơn ông lang về bản tin. Đang nghiên cứu đề nghị của ông lang về một tập san văn học VN, viết bằng ngoại văn. Kính.

Em Bé Bay – Chào mừng Em Bé bay sang Hoa Kỳ. Ngao du bên đó ba tuần mà không đáp xuống Toronto phút nào, tội lớn lắm đó! Sẽ nhờ Em Bé điều tra số bưu chính mới của độc giả bên đó để cập nhật. Thống nhất thì hay cho nước Đức, nhưng mỗi lần "thống nhất" lại thêm một lần làm bận lòng các cụ và... Em Bé! Chờ đọc *Âm bản* (chắc mệt mắt dữ vì toàn chữ ...ngược!)

Kỳ này đã "gôm sửa" các truyện ngắn bị đảo lộn thứ tự. Thân.

Em gái Sikiew, Thái Lan – Sẽ lưu ý và làm theo lời dặn của em. Đừng lo cho trường hợp ông A. Đó là "bí danh" do tòa soạn đặt để che mắt an ninh Thái. Thực ra, trong số nhân viên an ninh Thái cũng có những người thiện tâm, hằng tháng vẫn ngầm chuyển mấy mươi tờ *Làng Văn* và *Tự Do* cùng sách báo của tòa soạn vào trại. Chỉ hơi tiếc là họ không thể trao tận tay người nhận, mà chỉ dám đưa cho một số người tin cậy để chuyển đi. Chúc em may mắn hơn trong đợt tái xét. Thân.

Thị sĩ Hồ Ông, Úc – Anh bảo đừng gửi báo cho anh mà hãy để dành số tem đó gửi báo sang trại tị nạn cho đồng bào đọc; phần anh, chỉ cần nhin hai gói thuốc lá là đủ tiền mua một tờ *Làng Văn* rồi.

NH muốn nói lại: nhin thuốc thì nên lắm, để dành... phổi mà sống, làm thơ và viết lách. Riêng báo, NH vẫn gửi cho anh, cũng như tiếp-tục



gửi sang các trại, anh đừng lo. Có thêm anh chăm sóc bài vở, tin tức, cổ động, giới thiệu tài năng mới... báo sẽ ngày càng thịnh thêm, điều đó quý hơn chút tem thư tưởng thưởng lẫn nhau.

NH sẽ để ý trường hợp NMT. Về việc in sách, nên in bên này. Tác giả bỏ vốn, *Làng Văn* in và phát hành giúp, tầm phổ biến sẽ rộng hơn mà chi phí cũng thấp hơn in bên Úc. Sẽ gửi sách tặng anh. Sách gửi bằng đường thủy, tới hơi chậm, xin đừng sốt ruột, hại... bao tử. Thân.

Ông John Linh Trần, MA-NH nhận được phiếu tái hạn và tên sách tặng, nhưng không thấy chi phiếu kèm theo. Xin ông soát lại hộ xem. Kính.

Anh Phạm Gia Hùng, St. Paul Cảm ơn anh đã giúp phổ biến bài *Bán rẻ lương tâm* ở mục *Diễn đàn*, bằng cách in thành nhiều bản, phân phát cho bạn bè và sinh viên. NH tin rằng tác giả bài báo ấy cũng cảm kích trước sự tán đồng và ủng hộ của anh.

Cũng cảm ơn anh về tài liệu gửi kèm. Vị doanh nhân trẻ tuổi ấy cùng các bạn Hoa kỳ của anh ta, nếu làm ăn lương thiện, chưa chắc sẽ lấy lại được đồng vốn đầu tư nào sau khi ném tiền vào guồng máy tham nhũng ngoại hạng tại Việt nam. Kính.

Hồng Hoang, BC – Đã nhận được *Con trầu lông đỏ* cùng *Xóm cầu tiêu* (ghê quá!), cảm ơn Hồng Hoang.

Về cuốn sách, *Làng Văn* có thể tái bản và phát hành hộ bằng vốn của

tác giả, nếu Hồng Hoang muốn. Nên nghĩ kỹ, sách lúc này bán chậm hơn trước nhiều. Nếu điều kiện tài chánh có hạn chế, nên để dành tiền ấy cho tác phẩm thứ nhì, lợi hơn. Mong tin.

Anh Phạm Bá Quát, Hương Cảng- Cảm ơn anh về sự tin cậy và khích lệ. Mặt trận đấu tranh cho tự do dân chủ tại Việt nam không hạn chế một ai, càng đông càng vững tin ở lẽ thắng cuối cùng. Hân hoan mừng đón anh! Kính.

Phạm Thị Lang, Vancouver-Hi vọng tới hôm nay em đã nhận được gói sách báo. Chúc em vui, khỏe. Thân.

Nhà văn Diệu Tàn, Monterey Lễ nào trường Monterey lại đóng cửa

để ông phải theo học trò sang tận Arizona? Nếu quả phải lặn lội như vậy, xin nhân cái khổ xa “nhà” ấy mà viết một loạt truyện ngắn xã hội nữa cho làng được nhờ! Đang đọc các bài thơ của ông lang họ Dương. Kính.

Anh K. An, Sungei Besi-Theo Bếp Mập, bài *Sungei Besi tự-do* có nét lắm, nhạc hùng, lời vững, nhịp điệu thôi-thức, chỉ tiếc có một vài chỗ hơi khó hát cộng đồng. NH đề nghị anh mang ra tập hát cho đám đông, và sửa những chỗ khó để bài hát dễ phổ biến hơn.

Bích Thủy, Na Uy- Cảm ơn BT giới thiệu thêm độc giả mới, đó cũng là cách giúp tờ báo phát triển.

Hoa *krokus*? NH nhớ trong tiếng Anh và Pháp không có tên này? Chắc

là tiếng “Nọt”? BT gửi cho một cái ảnh, xem dung nhan của nàng, kèm theo tên “đằm” nữa càng hay, rồi NH mới dám nói. Thân.

Nguyễn Thị Mỹ, Philadelphia Cảm ơn cô về cuốn băng thu tiếng hát của đoàn Hưng Ca Sungei Besi. Đã chuyển lại cho anh em Hưng Ca. Có tin tức mới như vừa rồi, xin cô thông báo ngay, cần lắm. Kính.

Anh Phạm Thanh An, Highis Island-Đã nhận được *Con lốc cuộc đời* và *Con sư tử than*, cảm ơn anh. Xin tiếp tục. Về báo, ngoài cửa ngõ mà anh đã biết, hiện làng chưa có cách nào chuyển vào trại nhiều hơn. Do việc các “a Xề” ở Hương Cảng cấm ngặt, người mang báo vào trại sẽ bị truy tố và có thể bị phạt tới 3 năm tù.

Nhà văn Nguyễn Quốc Trụ, Panat Nikhom - Chào mừng anh sang tái định cư tại Gia Nã Đại. Đã biết tới vùng nào chưa? Sẽ lưu ý trường hợp của Nguyễn Anh Dũng và Doãn Thanh Hùng. Kính.

Ông Mai Thanh Xuân, Calgary Đã gửi các cuốn sách ông đặt mua. Mong đã tới. Kính.

Họa sĩ Vũ Thái Hòa, Troyes Đã nhận được các bức biếm họa, được lắm, xin anh tiếp tục. Thân.

Ông Tạ Quốc Tuấn, Cali -Sẽ chuyển báo về địa chỉ mới cho ông, cùng bản sao thứ hai các “nan đề khảo hạch”. Kính.

BS Lương Thế Nam, Cali-Ban Múa Rối VN đã nghiên cứu kỹ băng hình chỉ dẫn của ông. Họ thích và đánh giá cao lắm, nhưng than là “khó học quá” vì thầy ở xa, có thắc mắc gì cũng không biết hỏi ai. Chắc lại phải xin ông một loạt bài về việc làm con rối, chia ra thành nhiều phần nhỏ, từ dễ đến khó, từ đại cương tới chi tiết, thỉnh thoảng nhắc lại những kỷ niệm vui buồn liên quan vấn đề đang nói tới. Được vậy sẽ giúp những

TIN BUỒN

Được tin buồn,

Thi-hữu PHƯƠNG HỒ HỒ ĐẮC PHÚ

đã từ-trần ngày 11 tháng 4 năm 1993 tại Oakland, California, Hoa-kỳ, hưởng thọ 67 tuổi,

Gia-đình Quỳnh Dao vô cùng thương tiếc. Xin thành-thực chia-sẻ nỗi đau buồn cùng Tuệ Nga và các cháu. Xin cầu chúc hương linh thi-hữu Phương Hồ sớm phiêu-diêu miền cực lạc.

Anh chị Đan Quế & Hương Khuê, Chung Anh, Mộng Tuyết, Trùng Quang, anh chị Võ Toàn, Việt Liên, Quỳ Hương, Uyển Hương, Ngân Hà, Thục Oanh, Vân Nương, Thu Nga, anh chị Thanh Vân, Như Hiền, chú cô Tùng Linh, Việt Nữ, chú cô Bá Thùy, Hỷ Khương và Cao Mỹ Nhân

CHIA BUỒN

Được tin buồn,

Thi-sĩ Phương Hồ HỒ ĐẮC PHÚ

đã từ-trần ngày 11 tháng 4 năm 1993 tại Oakland, California, Hoa-kỳ, hưởng thọ 67 tuổi,

Xin thành-kính phân-ưu cùng chị Tuệ Nga, tang quyến và gia-đình Quỳnh Dao.

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

bạn đọc say mê ngành này rất nhiều. Kính.

Ông Anh Tâm, Cali – Cảm ơn ông đã chụp lại và chuyển các bài viết của *Làng Văn* về quê nhà, chuyển tay “các nhà trí thức trong *Câu Lạc Bộ*” (CLB của “những người kháng chiến cũ?”)

Dù sao báo về tới Việt Nam là quý rồi, dù bằng cách nào, dù bằng đường nào và tới tay ai. Tòa soạn lúc gần đây bắt đầu nhận được nhiều thư và bài từ trong nước gửi ra, từ những người phản kháng không có giấy phép, không có đăng tịch, không có diễn đàn, và dĩ nhiên không có “ô dù” che chở.

Cảm ơn ông về mọi sự ủng hộ, khích lệ và tiếp sức. Kính.

Anh Lê Xuân Mùi, Nam Dương
NH đã xem kỹ hồ sơ của anh, chứng thư của LM Đình Xuân Huỳnh và các giấy tờ liên hệ, và không thể làm gì khác hơn là gửi một thỉnh nguyện thư cho bà Tổng ủy trưởng UNHCR tại Thụy Sĩ, thỉnh cầu tái duyệt hồ sơ của anh. Cầu nguyện ơn trên gia hộ đặc biệt gia đình anh.

Ông bà Hoài Châu, Luân Đôn
Đã nhận được xấp tranh ông chuyển hộ qua bưu điện. Xin đa tạ. Cảm ơn ông bà đã ghé thăm và trao đổi được nhiều điều lý thú. Kính.

Hồ Phở Lại – Cảm ơn bà đã thương mến mà dành biệt nhãn cho NH. Đã định về làng từ lâu mà nay gần mười năm mới tới cổng, mới nghe qua tường đầu rằng chậm, thực ra, không chậm. Khi nghĩ là đã tới rồi. Trong mười năm, bà há chẳng sống với làng đấy sao! Kính.

Ông Nguyễn Minh Tâm, Pháp
Theo thủ-tục gửi bưu phiếu từ Pháp và các nước Âu-châu về làng, ông trả tiền cho sở Bưu chính, yêu cầu họ chuyển về cho người nhận là “*Revue Làng Văn*”, theo địa chỉ tòa soạn. Sở Bưu chính sẽ trao cho người gửi một biên lai (chứ không trao bưu phiếu). Hàng ngày, bưu điện các nước trao

đổi cho nhau một bản danh sách chuyển tiền. Bưu điện Gia Nã Đại sẽ theo danh sách đó mà gửi chi phiếu cho *Làng Văn*, trên chi phiếu ghi rõ theo lệnh của người gửi là ai.

Phần ông, sau khi trả tiền cho sở Bưu chính xong, xin ông gửi một bản sao (*copy*) tấm biên lai về tòa soạn,

nói rõ là dùng tiền ấy vào mục đích gì (mua sách, tái hạn báo, góp tem gửi báo tị nạn, chuyển lửa, v.v.)

Thường thì thư của ông sẽ tới trước chi phiếu Bưu điện khoảng mười ngày. NH nhận được, chờ chi phiếu tới, “ráp nối” các con số lại rồi theo thư yêu cầu của ông mà làm.

PHÂN ƯU

Được tin:

Ông Phê-rô PHẠM ĐÌNH TÂN

đã qua đời hồi 12 giờ ngày 29.3.1993 tại Paris-Créteil.

Xin thành thật chia buồn cùng tang-quyển; cầu nguyện cho linh-hồn Phê-rô sớm hưởng nhan thánh Chúa

Ông bà Hoài Châu, Luân-đôn

CHIA BUỒN

Được tin buồn,

Ông ĐÀO VĂN KHÁNH

nhạc-phụ của nhà văn, họa-sĩ Phạm Thăng đã qua đời ngày 16 tháng 4 năm 1993 tại Việt-nam, hưởng thọ 93 tuổi,

Xin thành-kính phân-ưu cùng anh chị Phạm Thăng cùng quý tang-quyển; kính chúc hương hồn cụ ông sớm về cõi lạc.

Gia-đình An Khê Nguyễn Bính Thịnh

Hồ Trường An

Gia-đình Nguyễn Đức Tùng

Gia-đình Lê Quang Xuân

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

CHIA BUỒN

Được tin buồn,

Ông ĐOÀN XUÂN QUAN

nhạc-phụ của nhà văn Sơn Tùng Nguyễn Minh Ngọc đã tạ-thế ngày 27 tháng 3 năm 1993 tại Falls Church, Virginia, Hoa-kỳ, hưởng thọ 85 tuổi.

Xin thành-kính phân-ưu cùng anh chị Sơn Tùng cùng quý tang-quyển; kính chúc hương hồn cụ ông sớm về nơi an-lạc đời đời

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Trong tương lai, khi cộng đồng Âu châu đã tháo gỡ hoàn toàn hàng rào quan thuế và có đơn vị tiền tệ thống nhất, *Làng Văn* sẽ thực hiện ấn bản Âu châu, in và gửi thẳng từ Âu châu. Khi ấy giá báo sẽ thấp hơn, gửi nhanh hơn và mọi độc giả sống trong cộng đồng Âu châu đều có thể trả tiền cho tòa soạn bằng chỉ phiếu (*chèque*), tiện lợi hơn. Kính.

Anh Võ Quý T., đoàn T4 – Cảm ơn sự hậu thuẫn của anh và đoàn T4. *Làng Văn* sẽ làm hết sức mình để phụng sự lý tưởng tự do và hạnh phúc của toàn dân. Sự trợ lực của quý anh dưới bất cứ hình thức nào cũng đều đáng quý. Kính.

Bà Già Trầu, Troyes – *Ba nàng dâu trẻ* sẽ xếp hàng lại ngay ngắn, rồi vào "*Gả thiệp về vườn*" luôn. Bản chữ in ra không sai, chỉ có ông bếp làm khuya mệt mỏi cắt dán nháo nhào như cái "hột vịt lộn". Bếp Mập kỳ rồi đã bị hét một trận ra gì, kỳ này bắt đầu làm trang trên máy luôn, xong đâu đó rồi mới in ra. Lão thái thái yên tâm, đừng cho mấy nàng dâu chạy lộn xộn. Thân.

Trần Hồng Dũng, Manila – Sẽ gửi báo và sách cho em, đọc xong nhớ chuyển tay cho đồng bào trong trại.

Anh Lê Văn Chính, Vancouver Chào mừng anh đã thực-sự tự-do sau 4 năm giam thân ở trại. Giữa bao nhiêu khó khăn, bỡ ngỡ lúc làm lại từ đầu với hai bàn tay trắng, NH rất cảm động khi biết anh vẫn không quên đi tìm cho bằng được *Làng Văn*, "*một người bạn chí thân, cảm động, quyến-luyến, từng san-sẻ bao nhiêu điều lúc ở trại...*"

NH cũng từng nghe nhiều cán-sự xã-hội cho biết rằng đồng bào mới đến, được tặng một tờ báo thì mừng và cảm động lắm, "như gặp lại một người thân sau bao năm xa cách."

NH trân trọng những tình cảm ấy, mừng vì thấy thấy việc làm của người làng có ý nghĩa, và tự cảm thấy gần bó hơn nữa với những đồng bào

lánh nạn nhưng chưa thoát nạn. Cảm ơn anh.

Thi-sĩ Nguyễn Hoài Nam, VA Ai bảo anh, "*Làng Văn kỳ thị ma mới*" vậy? Chỉ hiếm đất hẹp, người đông. NH giống như chủ nhân một gian nhà nhỏ, bất thành linh khách quý kéo đến quá đông, chân tay không khỏi luống cuống. Xin tạ tội, tạ tội!...

Anh Đông Phương, MA – Không phải ông ĐV "làm dở" ông PD đâu, mà ngược lại, ông PD "làm dở" ông ĐV. Người hiểu chuyện kể lại rằng, ông PD soạn sẵn các câu hỏi, yêu cầu người phỏng vấn theo đó mà hỏi. Nhà BBC nề bạn nên lúng ta lúng túng. Thật tội nghiệp!

Nếu anh chị sang được trong khoảng 12.7 tới 20.7 thì hay nhất. Sẽ gặp lại một người, có thể là bạn cùng chung viện với anh. Nhớ cho số điện thoại để tiện liên lạc. Thân.

Mỹ Hạnh, Montréal – Em "chê" báo biểu ở Gia Nã Đại, chứ NH xem kỹ lại, báo biểu ở đây hay hơn một số báo bán ở Cali, và dĩ nhiên, so với báo biểu thì hơn xa. Nói điều này ra e nhiều vị đồng nghiệp không bằng lòng, nhưng đó là sự thực.

Năm nay em 30, gọi NH bằng chị được rồi. Nhiều độc giả trên 30, gọi NH bằng "cô" hay "bác", nghe... tui lảm. Về chuyện "Vô thượng sư", chuyện "ông Tám", chuyện các ông đạo Jim Jones, David Koresh... mỗi người phải chịu trách nhiệm về mọi hành động, nhận định, phán xét của mình. Kết quả của vụ ở Waco, Texas đã là một bài học. Thân.

Lý Thanh, Ba Lan – NH đã chuyển bức biếm họa của anh cho tờ *Tự Do*. In xong sẽ gửi một tờ biếu anh làm kỷ niệm. Kính.

Trần Ngọc Bích Lan, Đức – Báo gửi đi thỉnh thoảng vẫn bị thất lạc, nhưng tỉ lệ rất thấp: một hai tờ mỗi kỳ trong mấy nghìn số báo. Nếu lạc, tòa soạn sẽ gửi bù. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Tạ Quốc Tuấn, Hồng Huy, Hoàng Chính, Hồ Phổ Lại, Ngô Nguyên Dũng, Thanh An, Nguyễn Anh Quang, Nguyễn Mạnh Tiến (2), Nguyễn Thị Hồng, Hiếu Đệ (2), Lưu Hải Sơn, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Hoà Trinh, Cao Xuân Lý, Hồng Hoang (2), Lê Văn Lân (2), Nguyễn Văn Thảo, Bạch Dương.

Thơ: Minh Tuấn (2), Hồ Ông (2), Nguyễn Mạnh Tiến, Ngân Năm Mây Bay (4), Nguyễn thị Đông Ba, Nguyễn Khanh (2), Đông Vũ, Anh Tâm (8), Văn Nương (2), T.T. Mây Trên Ngàn (3), Vạn Giả, Trần Trung Đạo, Dương Huệ Anh (2), Trần Duy Lân, Trần Hồng Ngọc, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Công Chính (3), Nguyễn Quang Minh (7), Ngô Anh Giao (6), Nguyễn Bá Tùng (5), Trần Hoài Ngọc (8), Đàm Thị Duyên, Nguyễn Dũng (4), Bạch Dương (2), Đỗ Mạnh Tuấn (2), Vũ Chí Hùng (2), Lê Văn Xấy (2), Phạm Văn Thanh, ĐVN Ngọc (2), Thanh Hữu Huyền (2), Phạm Bá Quát (2).

Tranh: Vũ Thái Hoà, Vi Vi.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Cây tre và quê hương (NVB), Hàng cây bên đường (CXL), Chuyện ông già đá (LHS), Tứ quý trong gia đình tôi (NTH), Kẽ và chạ (TQT), Vàng son một thuở (LVL), Cái đẹp của chữ nho (LVL), Mộng (NND), Từ đỉnh trời tròn (HPL).

Thơ: Vành trăng khuyết (VN), Vỡ kịch đời (ĐV), Ước mơ (THN), Cũng một ngày (DHA), Yêu (MTN), Giữa đời tang thương (HO), Ngủ quên mười năm (NMT), Ở đây (MT), Quê hương đầu mùa hạ (THN), Ngỡ (ND), Không còn gì để nhớ (VG).

Tranh: Vũ Thái Hoà, Vi Vi.

Đào Tuấn Anh, 34 tuổi, kỹ-sư ngành Thủy-tinh, con bà Nguyễn Thị Việt ở số 11 Hàng Bút, Hà-nội, Việt-nam, năm 1992 sang công-tác tại Hoà-lan rồi ở lại, nay ở đâu, xin liên-lạc gấp với: **Tô Tiến Chức**, 540 Emily Lane, Piedmond, SC 29643, USA.



đầu làng cuối xóm

Mỗ (Làng Văn)

● Báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 5.5 loan tin trên trang nhất: “*Sự-nghiệp đổi mới ở nước ta được tiến hành theo đường lối của Đại-hội VI và Đại-hội VII đảng CSVN, lấy chủ-nghĩa Mác-Lênin và tư-tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư-tưởng và kim chỉ nam hành-động.*”

Để chứng-tỏ có đổi mới, nhà nước đã cho tái-bản toàn bộ kinh-diễn của... Karl Marx và Lenine, là những thứ mà xe rác tại Liên-xô phải xúc đổ đi hàng ngày.

Tư-tưởng chính-trị chứ đâu phải *fashion* đàn bà, cứ lâu lâu một cũ soạn lại là thành... mới, mấy chú cán này quỳnh quá!

● Quốc-sách mại dâm tại Công-ty du-lịch CSVN vẫn tiếp-tục được “phát-triển có chiều sâu”, “đổi mới” không ngừng để thu hút khách phương xa. Trong thời-gian gần đây, để câu cự chiến-binh Mỹ sang thăm lại Việt-nam, móc hầu bao ra... trả thù chiến bại, Công-ty du-lịch đã tung ra

món hàng mới: gái Củ Chi.

Theo kế-hoạch này, Công-ty bố-trí cho các nữ cán-bộ chiêu-đãi hơ-hớ xuân xanh mặc bà ba đen theo kiểu nông-dân, dóc tóc (thắt bím) theo Trung-quốc, quần khăn rằn theo kiểu Cao-miên, và gọi đó là “*Củ Chi Girl*”.

Giá biểu “gái Củ Chi” cao hơn “gái Sài-gòn” và “gái Hà-nội” mấy bạc.

Các tay yêng-hùng Yankee ngày nào từng có kinh-nghiệm đau-thương dưới làn đạn pháo-kích xuất-phát từ vùng huyền-thoại “thành đồng đất thép”, nay chỉ cần xoè ra một tờ giấy bạc là tha-hồ thám-hiểm địa-đạo của các nữ đồng-chí!

Kể ra đảng ta cũng sành tâm-lý khách làng chơi, nhất là khách Mỹ, vốn vẫn chưa tiêu-hóa nổi mối hận lòng 1975. Chỉ hiềm một nỗi là chiến-cuộc đã khép lại hơn 18 năm; khi ấy, các “*Củ Chi Girl*” hoặc hãy còn ẵm ngửa, hoặc hãy còn nằm yên trong lòng mẹ! Các em chẳng có nợ

nần gì để trả, trừ cái nợ làm dân trong một nước nghèo, suốt đời bị ám-ảnh bởi *bác nhìn thẳng* với *bác nhìn nghiêng*!...

● Thông-tấn-xã CSVN loan tin, nhà xuất-bản Sự thật của đảng vừa ấn-hành cuốn *Tư-tưởng Hồ Chí Minh, quá-trình hình-thành và phát-triển*, ký tên Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Bản tin 3 cột trang nhất của tờ *Quân-đội nhân-dân* nói thêm: “*Tư-tưởng Hồ Chí Minh là nền-tảng tư-tưởng và kim chỉ nam cho hành-động của chúng ta.*”

Đây là cuốn sách đầu-tiên nói về “tư-tưởng” của Hồ Chí Minh, ra đời 24 năm sau khi họ Hồ phơi thây tại lăng Ba-đình. Kể ra họ Hồ cũng thiêng, ngum củ tỏi rồi mà vẫn tiếp-tục sản-xuất ...tư-tưởng, để Võ đại tướng sao lục thành sách dạy đời, làm “*nền tảng tư-tưởng*” và “*kim chỉ nam*” cho mấy triệu đảng viên.

Vậy là từ nay đảng ta tha-hồ mà yên tâm nhé, khỏi lo tư-tưởng thiếu “*nền tảng*”, chả sợ hành-động mất hướng vì từ nay đã có “*kim chỉ nam*”! Chỉ thương cho bác Hồ hồi còn sinh tiền, giết lầm hàng trăm ngàn người trong thời kỳ cải-cách ruộng đất, rồi thúc-đẩy chiến-tranh xâm lăng miền Nam, vùi mấy chục triệu dân đen vào trong lửa đỏ, chôn sống 3.000 dân Huế trong Tết Mậu Thân, cũng chỉ vì chưa có nền tảng tư-tưởng soi sáng và chưa tìm ra kim chỉ nam để định hướng hành-động!

Lại thương cả cho các đồng-chí Liên-xô, Đông Âu, Đông Đức vĩ-đại. Phải chi họ cố cầm-cự thêm vài năm nữa, chờ Võ đại-tướng đưa “tư-tưởng Hồ Chí Minh” ra làm nền tảng tư-tưởng, định hướng hành-động thì đâu đến nỗi bị “*diễn biến hoà-bình*” làm sụp đổ. Bậy thật!

● Tạp-chí *Ngôn-ngữ*, cơ-quan của Viện Ngôn-ngữ-học, viện Khoa-học xã-hội Việt-nam, số 1.1993, trang 61 đăng một bài viết mang tựa đề như sau: “*Thử tìm hiểu phát-ngôn hỏi và phát-ngôn trả lời trong sự tương-tác lẫn nhau giữa chúng trên bình-diện giao-tiếp.*”

Bài báo phân-tích về cách nhấn giọng trong tiếng Việt khi hỏi và đáp, không đưa nhận-xét nào mới lạ, nhưng riêng tựa đề bài viết đã cho thấy sự lung-cùng văn-chương rất... ngưu trâu mã ngựa: "tương tác lẫn nhau giữa chúng."

Ài có chút vốn hán học cỡ... *Mình tâm bửu giám* hay *Nhất thiên tự* cũng biết rằng "tương" là "lẫn nhau", là "giữa chúng". Nói "tương-tác lẫn nhau giữa chúng" chẳng khác nào một bà nhà quê nói chữ: nhà tôi có nuôi một con *cấu chó* cây.

Thứ văn-chương này xuất-hiện nhan-nhân trên báo VC cỡ *Tuổi trẻ*, *Quân-đội nhân-dân*, *Tuần tin-tức*, *Lao-động*, vốn chuyện thường tình. Tuy-nhiên đối với một tạp-chí mang tên *Ngôn-ngữ* của viện Ngôn-ngữ học thì phải coi lại. Chả lẽ các nhà ngôn-ngữ-học xã-hội chủ-nghĩa uốn lưỡi ca-tụng bác đảng mãi dăm ra... nói lấp cả!

nhấn tin tị-nạn

Giá biểu: 15 mỹ-kim (20 gia-kim) mỗi mẫu nhấn tin không quá 50 chữ; có ảnh giá gấp đôi.

Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Bà **Nguyễn Thị Lễ**, sinh-quán Bình-đại, Bến Tre, chồng là đại-tá Lê Văn Năm, tỉnh-trưởng Long-an, có 5 đứa con qua Gia-nã-đại năm 1980, có quen với thiếu-tá Không-quân Gordon Westby, người Gia-nã-đại trong Ủy-ban Kiểm-soát đình-chiến; bà Lễ hiện ở đâu xin liên-lạc với bà **Vũ Xuân Dũng** (khuê-danh Lê Thị Đào, người Cần-giוע) theo địa-chỉ: 92 Box Footscray, Vic 3011, Australia; D5T: (03) 311-9470.

Tìm chị **Lữ Thị Mỹ Hạnh**, đi tàu MC:126 tới Pulau Bidong, Mã-lai, định-cư tại Gia-nã-đại khoảng tháng 6 hay 7.1989, xin liên-lạc: **Phạm Hồng Tính**, 82 E. Ave. Jules Valles, 38100 Grenoble, France.



tin việt nam

Ngồi buồn đọc *Mỡ* (Làng Văn)
Thấy tin quốc nội cũng căng quá chừng

Tin thứ nhất văn gừng văn nghệ
Ngón đạo văn, dẫu xệ can gì!
Thơ *Mộng Tú*, thơ *Huyền Chi*
Đặc San lỡ mượn tí ti thôi mà
Nhưng vô phúc quan tha ma bắt
Người lặng im kẻ đặt vấn đề
Họ Hà chẳng chịu ô-kê
Lên đài viết báo văng tê um sùm
Hội Nhà Văn tùm lum chữ nghĩa
Sao giờ trò chôm chĩa thơ người?
Mưu thâm họa cũng tày trời
Ấu là để một trận cười vô duyên!

Tin thứ hai, lệnh truyền nóng sốt
Ba trăm nghìn hài cốt quan quân
Trên đường "giải phóng" miền Nam
Thân phơi bờ bụi phải tìm cho ra
Ồi áp-phe sao mà quá lớn!
Nô nức lòng quan nhón, quân con
Trên lệnh xuống, dưới chơi lòn
Đông Hà mạo hoá chẵn tròn bảy trăm
Ấm bạc triệu lăm lăm hưởng lạc
Ngõ phen này gỡ gạc chút chơi
Nào ngờ nạn nước vạ trời
Hai chàng bị bắn vài mươi tu huyền!
Tin tuyệt cấm tuyên truyền quảng bá
Nhưng truyền thông xỏ lá *Cảng Thơm*
Đăng trên *Kinh Tế Viễn Đông*
Tung ra thế giới cho đồng bào xem.

Ồi tin tức lem nhem thấy mẹ
Mượn làm thơ cho nhẹ nỗi buồn
Tin càng đọc trí càng cuồng
Thôi thì chuốc cạn hồ trường qua đêm!

nam chi thượng nhân

thơ tình thơ gai

gửi Hồ Công Tử và Trần Ngân Tiêu

Người ta đi chép thơ tình
Tréo ngoe căng ngỗng
chúng mình thơ gai
Người yêu mình hạc xương mai
Ta yêu quê mẹ sông dài núi cao
Thất tình thiên hạ khóc gào
Hận đời cuồng si thơ trào phúng chơi
Lỡ duyên trách đất than trời
Tô hồ thì cái "sự đời" giống nhau
Ái tình như kếp nhớ đào
Xa nhau thương nhớ, gần thời đôi co
Than thân trách phận nhỏ to
Chết đi cái xác thành tro bụi rồi
Không chôn thì nó cũng hôi
Lời thơ bạc mệnh nổi trôi dạt dờ
Ngóng trông gió lộng ngọn cờ
Cứu dân giúp nước đợi chờ thân trai
Góp đời lục bát thơ gai
Trừ quân đón gió, diệt loài lưu manh
Xưa ta chiến địa tung hoành
Súng gươm đã trả, ta đành dùng thơ
Lời thề năm cũ dưới cờ
Đoàn quân phục quốc,
đón chờ anh em.

trung nhân

mộng đời đã vỡ

Sang đây tớ mắc bệnh cười,
Cười thân vô dụng,
cười đời nhiều nhưong
Cùng chung nỗi giống da vàng
Tạm dung đất khách,
không thương nhau cùng.
Đoàn này, đảng nợ lung tung
Tìm đâu chính nghĩa
để cùng dựng xây?
Nhìn về quê mẹ hôm nay
Tang thương nghèo đói,
đọa đây làm than!
Trẻ thơ mặt búng, da vàng
Triền miên bệnh tật,
thuốc thang có gì?
Không tiền, bệnh viện đuổi đi,
Kiếm giấy chứng nhận,
nhiều khi thác rồi!
Qua đây tớ mắc bệnh cười
Cười mình, cười bạn, cười đời lố lằng
Rờm đời có biết bao thẳng,
Khua chuông, giống trống
kiếm ăn rất hèn!

hoài nam

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, chi hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check).

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu (postal money-order/mandat) mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu (money-order) mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu, theo giá tiền địa-phương, cho đại-diện của *Làng Văn* tại quốc-gia bạn đang cư-trú (xem danh-sách và giá tiền bên dưới).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(1 năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại:..... 50 gia-kim (cả thuế)

Gửi đi Hoa-kỳ:..... đường bộ: 50 mỹ-kim (65 GK)

đường hàng không: 70 mỹ-kim (91 GK)

Các nước khác:..... đường thủy: 50 mỹ-kim (65 GK)

đường hàng-không: 80 mỹ-kim (104 GK)

Ghi-chú:

- Gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$: (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:
- tại Đức: đường thủy 95 đức mã / hàng không 150 đức mã.
- Hòa-lan: đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.
- Na-uy: đường thủy 400 krone / hàng-không 620 krone.
- Anh: đường thủy 40 anh-kim / hàng-không 65 anh-kim.
- Pháp: đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.
- Úc: đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.
- Nhật-bản: đường thủy 7500 yen / hàng-không 12000 yen
- Chi-phiếu đề và gửi về đại-diện *Làng Văn* địa-phương:

Pháp:

Hội *Làng Văn*
(Bách Thái Hà)
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil
(Điện-thoại: 34-10-26-46)

Đức:

Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
4600 Dortmund I
(ĐT: 656-949)

Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến
Lijster 77
1628 Am-Hoorn-NH
(ĐT: 290-31666)

Anh:

Hoài Châu
19 Abdale Rd., London W12 7ER

Na-uy:

Dương Kim
Kalbakkn 17
0953 Oslo 9

(ĐT: 216-5607)

Úc-đại-lợi:

P.O. Box 198, Lakemba, NSW 2195
(ĐT: 758-2331)

Nhật-bản:

Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115
(ĐT: 799-1763)

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 10 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa-chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station "W", Toronto, Ontario M6M 5B9, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

PHIẾU ĐỔI ĐỊA-CHỈ:

Họ tên và mã-số độc-giả:.....

Địa-chỉ cũ:.....

Địa-chỉ mới:.....

Nếu không muốn cắt trang báo, xin chụp lại mẫu này, hoặc cắt nhãn địa-chỉ cũ, gửi kèm theo địa-chỉ mới về tòa-soạn

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, CHIA BUỒN, CHÚC MỪNG, BỐ-CÁO VIỆC RIÊNG,..

● *Chỉ đăng trên ấn-bản Toronto:*

bìa sau (2 màu):	300 gia-kim
bìa trong, (trước hoặc sau).....	250 gia-kim
trang trong:	160 gia-kim
nửa trang:	90 gia-kim
1/4 trang:	50 gia-kim
1/8 trang:	35 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN TỪ 3 KỶ TRỞ LÊN, ĐƯỢC HƯỞNG GIÁ ĐẶC-BIỆT

● *Ấn-bản toàn quốc Gia-nã-đại và quốc-tế:*

Nguyên trang trong:	200 mỹ-kim (260 gia-kim)
Nửa trang:	110 mỹ-kim (143 gia-kim)
1/4 trang:	60 mỹ-kim (78 gia-kim)
1/8 trang:	40 mỹ-kim (52 gia-kim)

độc-giả dài hạn được bớt 10% khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC!

- ❑ ĐỂ CÓ HÌNH-ẢNH TUYỆT-MỸ, ÂM-THANH TUYỆT-HẢO
- ❑ ĐỂ HỖ-TRỢ TRUNG-TÂM SẢN-XUẤT CÓ PHƯƠNG-TIÊN TIẾP-TỤC PHỤC-VỤ NGHỆ-THUẬT

*Những nhạc phẩm TUYỆT VỜI nhất để ca ngợi TÌNH YÊU
Những cung đàn, câu hát HAY NHẤT để diễn tả TÌNH YÊU*

PARIS BY NIGHT 21

tình ca NGÔ THUY MIÊN

Điều khiển chương trình:
Nhà Văn NGUYỄN NGỌC NGẠN

Tham dự chương trình:
Nhạc Sĩ
NGÔ THUY MIÊN

*Diễn tả bởi các ca sĩ thượng thặng
nền tân nhạc Việt Nam:*

KHÁNH HÀ •
ÁI VÂN •
Ý LAN •
HƯƠNG LAN •
DALENA •
PHI KHANH •
THÁI HIỀN •
THÁI THẢO •
NHƯ MAI •

xin liên lạc: **THÚY NGÀ**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673

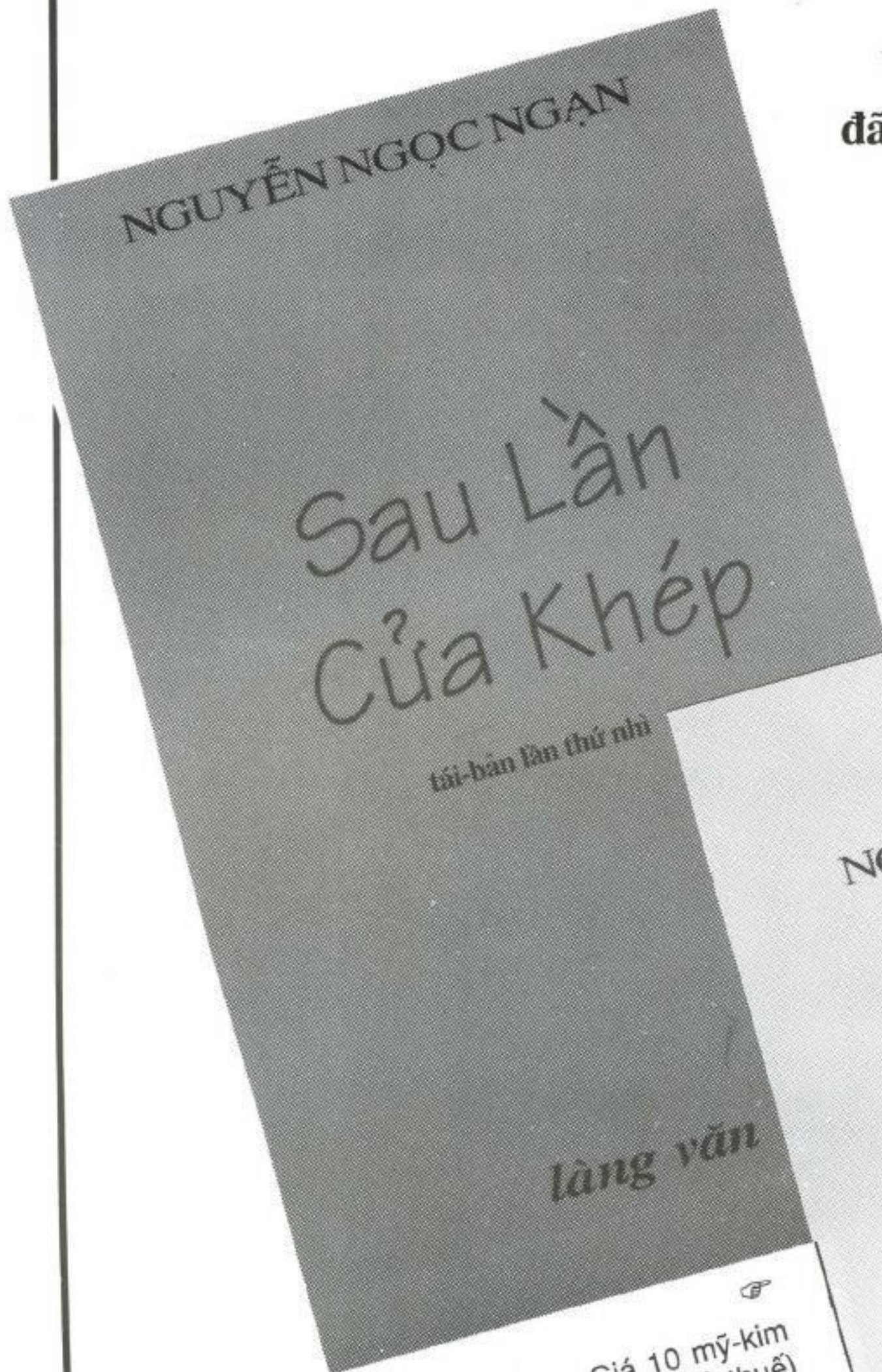
Âu Châu:
44 Ave D'Ivry
75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd.
Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA
Tel. (02) 796-7227

• **DUY TRÁC**
• **DUY QUANG**
• **TUẤN NGỌC**
• **THÁI CHÂU**
• **ANH KHOA**
• **DON HỒ**
• **MAGIC BAND**

Giá 22\$ / 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí

**Đã xem Nguyễn Ngọc Ngạn
trên các băng hình ca-nhạc Việt-nam,
đã đọc Nguyễn Ngọc Ngạn trên các báo,
không thể bỏ qua hai tác-phẩm này**



Giá 12 mỹ-kim
(16 gia-kim cả thuế)

làng văn

Giá 10 mỹ-kim
(13,50 gia-kim cả thuế)

**Truyện dài gay cấn nhất, và
Tập truyện ngắn khởi đầu văn-nghệ của
nhà văn có tác-phẩm bán chạy nhất
tại hải-ngoại trong suốt mười năm nay**

Hỏi tại các nhà sách Việt-nam trong vùng
hoặc gửi chi-phiếu về:

làng văn

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

NGUYỄN NGỌC NGẠN

TRUYỆN NGẮN

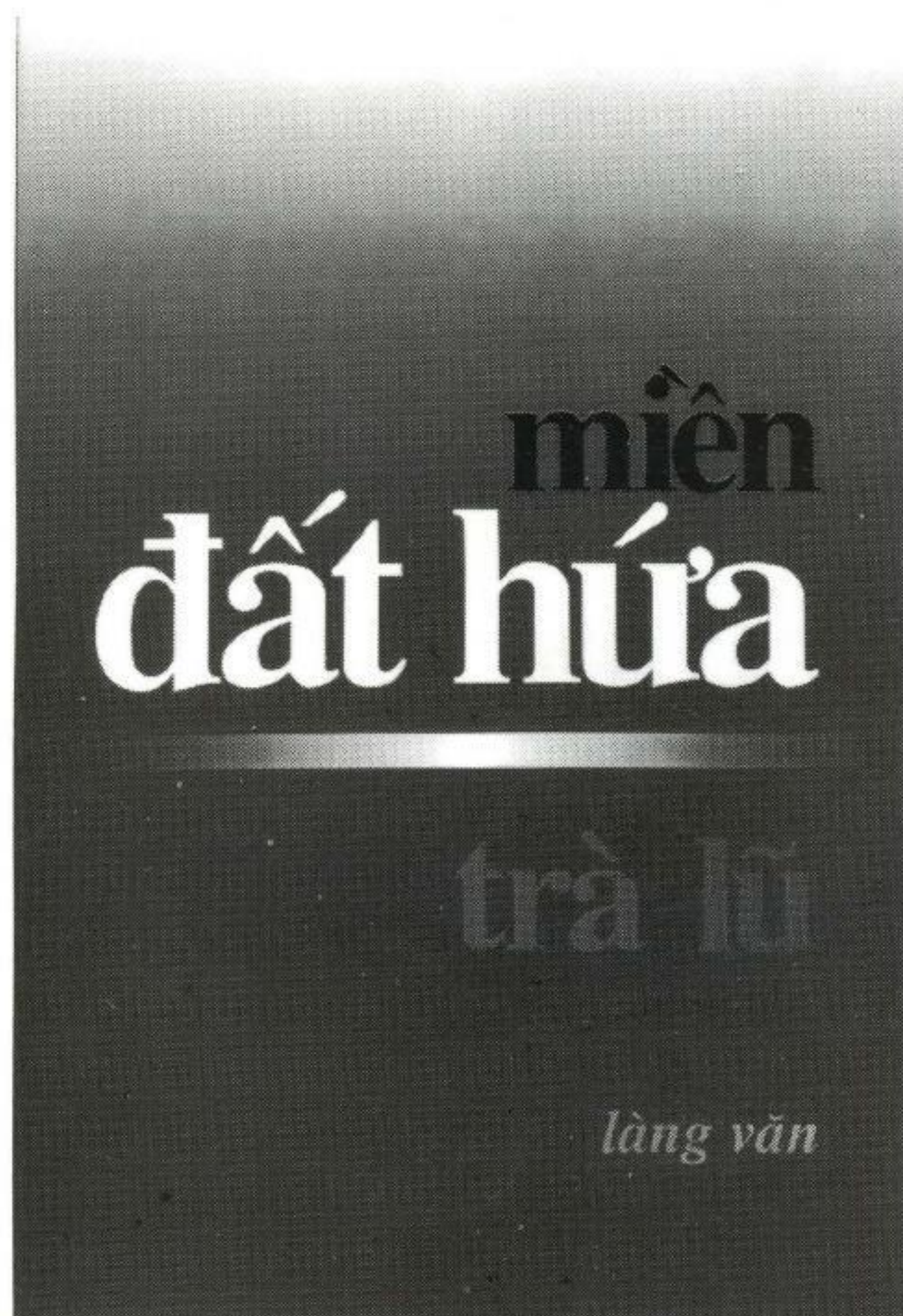
Tuyển-tập truyện ngắn đầu tay
của nhà văn có tác-phẩm bán chạy nhất hải-ngoại

làng văn

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP NƠI

Tập tùy-bút thứ ba của Trà Lữ

Nhẹ-nhàng, dí-dỏm, vui-tươi và nhiều ý-nghĩa...



Giá 10 mỹ-kim (13,50 gia-kim cả thuế)

XIN HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

làng văn

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada